

Mục lục

| | |
|--|----|
| Tiền chồng của Vương Trọng | 3 |
| Anh vịn vào màu Huế để yêu em... .. | 7 |
| "Chút chút" của Lương Trọng Minh..... | 9 |
| “Trăng khuyết” của Phi Tuyết Ba | 12 |
| Một anh chàng yêu một cô nàng | 15 |
| Đêm sông Cầu | 17 |
| Bờ sông vẫn gió của Trúc Thông | 20 |
| Bài thơ tặng vợ | 21 |
| Mẹ qua những vần thơ Haiku..... | 23 |
| Khoảng cách giữa lời của Bằng Việt | 27 |
| “Tiếng thu” của Lưu Trọng Lư | 29 |
| Gửi cô gái đồng đánh của tôi Nguyễn Quang Hà | 31 |
| “Dạ thưa thầy” Võ Thanh An..... | 34 |
| Diêm của Nguyễn Kim Anh | 36 |
| Người đàn bà trong thơ Ý Nhi | 39 |
| Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa | 42 |
| ”Độc thức” của E. Bagriana..... | 44 |

| | |
|--|-----|
| Mẹ | 50 |
| ”Vói anh” của Phạm Thu Yến | 53 |
| “Vô lý” của Giáng Vân | 58 |
| XIN..... | 59 |
| Điều có thật | 63 |
| ”Cho một người” của Anh Ngọc..... | 65 |
| “Không đề” của Văn Cao | 69 |
| “Hoa cỏ may” của Xuân Quỳnh..... | 71 |
| Thi sĩ Hàn Mặc Tử và trăng..... | 72 |
| HỒ DZÉNH "Tình yêu tôn thờ..... | 75 |
| Thơ Tế Hanh | 82 |
| Thơ tình Xuân Diệu | 86 |
| Lưu Trọng Lư với bài thơ "Tiếng thu" | 90 |
| Tiếng cuộc..... | 94 |
| "Tú Xương –khi cười, khi khóc, khi than thở" | 99 |
| Xuân về..... | 103 |
| Thơ xuân Nguyễn Bính | 106 |
| Đọc Viếng lăng Bác của Viễn Phương | 111 |
| Đọc lại bài thơ Nguyên tiêu của Bác Hồ..... | 113 |
| Yến Lan –Bến sông và phố huyện | 116 |
| Diêm | 121 |

Tiền chồng của Vương Trọng

*Gửi con sang hàng xóm
Mang ba lô tiền chồng
Đến ga tàu chưa đến
Đòng nga chiều sau lưng
Có gì mà gửi gắm
Ngoài gói cơm thắm vùng
Dấu bàn tay chị nắm
Sẽ theo anh ngược rùng
Có gì mà cản dận
Chị chịu đựng, lo toan
Qua bao mùa lụt hạn
Cấy cà và nuôi con
Đứng bên nhau phút chốc
Đổi mặt để mui lòng
Chị nhìn lên hướng bắc*

Anh ngoái trông về làng.

– Đã mình em xa chồng

– Đùng để con đọi mẹ!

Anh nói, lòng rung rung

Chị gật đầu lặng lẽ

Rồi quay đi chậm rãi

Bóng đổ dài xiêu xiêu

Ngang đồng ngoanh đầu lại

Còn thấy anh nhìn theo

(1987)

Đọc bài thơ, ta biết người vợ trẻ này ở nông thôn một mình nuôi con, chồng đang ở trong quân ngũ. Anh nghỉ phép về thăm vợ con mấy hôm, hôm nay lên đường, chị đưa tiễn anh ra ga.

Nếu như người phụ nữ nông thôn tiễn chồng những năm đầu chống Pháp trong "Thăm lúa" của nhà thơ Trần Hữu Thung còn ngược ngùng, e ấp khi đi sau chồng thì người con gái nông thôn này đã được hai cuộc chiến tranh làm cho dày dặn:

Gửi con sang hàng xóm

Mang ba lô tiễn chồng

Việc chồng ra đi, vợ đưa tiễn, với người Việt Nam mình đã trở thành quá quen thuộc, bình thường, không có gì phải xúc động, hồi hộp nữa. Chiến tranh đã làm cho con người quen với chia ly. Hai vợ chồng hiểu lòng nhau quá nên không phải "gửi gắm", "căn dặn" gì nhau:

Có gì mà gửi gắm

Ngoài gói com thám vùng

Dấu bàn tay chị nắm

Sẽ theo anh ngược rùng

Có gì mà cản dạn

Chị chịu đựng, lo toan

Qua bao mùa lụt hạn

Cấy cà và nuôi con

Hai khổ thơ như lời nói thường mà lại rung động, thấm thía. Đó là thứ ngôn ngữ của cõi lòng, của tình yêu. Con người của hậu phương và con người của tiền tuyến hòa với nhau làm một, yêu thương, cảm thông và đầy trách nhiệm.

Nói như thế, không có nghĩa là họ hoàn toàn vô cảm trong giây phút sắp phải xa nhau. Không, lòng hai người đều đang xúc động:

Đứng bên nhau phút chốc

Đối mặt dễ mui lòng

Chị nhìn lên hướng bắc

Anh ngoái trông về làng.

Hai người nhìn về hai nơi nhưng hai nơi có dụng ý: vợ "nhìn lên hướng bắc" nơi chồng đóng quân, còn chồng thì "ngoái trông về làng", nơi họ mạc, vợ con, xóm làng anh sinh sống.

Dù hiểu nhau đến mấy, tin nhau đến mấy, người chồng vẫn nói với vợ một câu, một câu thật nặng tình:

– ***Đã mình em xa chồng***

– ***Đừng để con đợi mẹ!***

Anh nói, lòng rung rung

Chị gật đầu lặng lẽ

Rồi người vợ "quay đi chậm rãi/ bóng đổ dài xiêu xiêu". Quay đi, lòng còn ngoảnh lại, gặp chồng mình cũng đang ngoảnh lại nhìn mình:

Ngang đồng ngoanh đầu lại***Còn thấy anh nhìn theo***

Bài thơ "Tiễn chồng" của nhà thơ quân đội–đại tá Vương Trọng không có gì đặc biệt về ý tưởng, về ngôn từ hay thi pháp, nhưng từng câu, từng khổ đều tự nhiên, đều thấm thía. Nỗi nọ, niềm kia của hai nhân vật trữ tình trong bài thơ cũng chính là nỗi niềm người lính mà anh đã sống, đã cảm nhận, rung động trong những năm chống Mỹ cứu nước. Bài thơ tự nhiên như không có sự... làm thơ vậy.

Lời bình của Nguyễn Bùi Vợi

Anh vịn vào màu Huế để yêu em...

Với Huế, nhà thơ Trương Nam Hương không phải là người xa lạ. Đã rất nhiều lần nhà thơ dành cho Huế những vần thơ rất đẹp. Tôi nhớ mình đã được đọc bài thơ "Màu Huế" trên báo Văn nghệ vào mùa xuân năm 2001, lúc đó tôi là một sinh viên văn khoa thích tìm hiểu thơ về Huế. Trong thơ Trương Nam Hương, tình yêu quê hương cũng giống tình yêu đôi lứa, bởi nếu không có quê hương, không có những đêm hao gầy thề hẹn thì không có anh và em, không có những vần thơ run rẩy.

Anh vịn vào màu Huế để yêu em

Trước thành quách bao đời em cứ tre

Sông Hương chạy thon mình qua dâu bể

Anh mượn vành nón Huế buổi về thăm.

Nhẹ nhàng mà sâu lắng. Trách khéo thôi mà làm người đọc trăn trở. Tại sao nhà thơ lại mượn một thứ vô hình để thể hiện tình yêu? Có gì thấm sâu trong màu rêu Huế? Nhà thơ đã hoán đổi thời gian bằng lời thơ bình dị của mình. Thời gian đang ngưng đọng trên những thành quách rêu phong cổ kính của Huế. Cũng có thể nhà thơ chỉ lấy "em" làm ví dụ, làm đối tượng thơ để diễn đạt ý thơ. Nhưng ở đây, nhân vật "em" lại là nhân vật chính trong câu chuyện tình đầy lãng mạn này. Có em trong từng hơi thở ở Huế, có em trong hình dáng mẹ, có em để anh thao thức về Huế đêm ngày. Giờ về Huế chỉ thấy dòng Hương ngơ ngẩn chảy, như muốn níu kéo điều gì rất thực mà lại mờ ảo.. "Anh

mượn râu Huế để yêu em.." rồi "Anh mượn vành nón Huế buổi về thăm". Không gian như chững lại giữa câu thơ cho nỗi nhớ niềm thương lan tỏa. Tình yêu trong bài thơ cũng chính là mối tình sâu nặng của tác giả đối với Huế—quê hương mình. Tình yêu đó có trong tâm thức anh, em và Huế. Trương Nam Hương đã viết rất thật, điều này đã làm cho bài thơ có độ bền, sức nén:

Anh vịn vào màu mắt những ngày xa

Những uẩn khúc trong điệu hò mẹ hát

Những đèo dốc trong đời cha bất trắc

Mắt Huế nhìn thăm thẳm tới ngày xưa.

Quá khứ được tái hiện bằng "Mắt Huế". "Mắt Huế" chính là em. Câu thơ buồn lắng như nước mắt, lại cồn cào như chính trái tim anh. Đó là thông điệp mà nhà thơ muốn gửi lại cho người đọc, để sẻ chia cho vơi bớt nỗi buồn. Vành nón Huế, tà áo trắng nữ sinh, những con đường thơ mộng... Tất cả là kỷ niệm đối với nhà thơ.

Điệp khúc "Anh vịn" được lặp lại những bốn lần. Một sự khẳng định, biến cái không thể thành cái có thể. Làm sao con người có thể vịn vào những cái phi vật thể? Vậy mà lại có thể, bởi tình yêu. Trương Nam Hương đã đúng khi cầm, nắm, nhớ, thương những gì chỉ hiện hữu trong một trái tim với tình yêu tha thiết. Tình yêu đã là vĩnh hằng muôn thuở. Đó chính là "mắt nhớ" trong chuỗi ký ức ngọt ngào của mỗi người về quê hương. Trương Nam Hương đã yêu từ những câu hò mái nhì, mái đẩy của mẹ, đến những dốc đèo người cha đã đi qua. Đó là cái tài của một ngòi bút không biết mệt mỏi khi đi tìm và lý giải cặn kẽ những thắc mắc về tình đời, tình người. Tất cả là sự dồn nén đến cháy bỏng đầu ngòi bút. Ý thơ được trải rộng và như đang đập cùng một nhịp với trái tim, với hình bóng em trong màu Huế.

Anh vịn lên trăng khuyết tuổi em chờ

Đỡ chống chèo câu thơ buồn xa Huế..

Thời gian như hao gầy bên cánh cửa. Em đã đợi anh, chờ anh hết trăng khuyết đến trăng tròn. Vòng xoay của thời gian không đổi. Cỏ vẫn non tơ, sương vẫn đậu đầy từng ngọn cỏ nhưng em thì khác. Tuổi già chẳng? Nỗi buồn đang tỏa ra trong từng câu chữ, Huế gọi anh về lại bên em, để được giải bày tâm

sự. Trương Nam Hương trút xúc cảm của mình xuống trang thơ như lời tình tự. Tình yêu đôi lứa đã biến thành tình yêu quê hương. Tác giả đã gửi vào bài thơ tâm trạng của những người con xứ Huế đang ở xa bằng một tình cảm chân thành sâu lắng. Ta nghe trong giai điệu thơ Trương Nam Hương một nỗi nhớ vô bờ:

Anh mượn màu nắng Huế để thương em

Từ màu rêu đến màu nắng có bao nhiêu khoảng cách? Sao tôi thấy tất cả cứ lung linh, mờ mờ, ảo ảo... gần mà lại xa? Bởi nắng, mưa xứ Huế không giống bất cứ nơi nào

Lời bình của Nguyễn thị Anh Đào

"Chút chút" của Lương Trọng Minh

Hôn em chút chút lấy tình

Em hôn chút chút một mình anh thôi

Thế rồi chút chút lên ngôi

Lâu ngày chút chút thành đôi vợ chồng.

Tôi có rất nhiều bạn thơ, nhờ vậy mà tôi được đọc, được nghe rất nhiều bài thơ viết về nhiều góc nhỏ của cuộc sống. Chính những góc nhỏ ấy của cuộc sống đã cho tôi rất nhiều nghị lực, để những hoài bão của mình trở thành hiện thực. Tôi đọc bài thơ "Chút chút" của nhà thơ Lương Trọng Minh (Hội viên Hội VHNT Đà Nẵng) từ cách đây đã hơn mười năm, có lẽ như vậy tôi thuộc lòng bài thơ này đến từng chữ. Được vậy là nhờ bài thơ viết chân thực, gần gũi với tâm lý con người. Tôi nghĩ nhà thơ Lương Trọng Minh quá giỏi, ông đã khắc họa hết sức cô đọng về sự thủy chung của tình yêu chỉ vắn vẹn bốn câu thơ lục bát với 28 ký tự, trong đó đã có tới 8 ký tự của từ láy "chút chút". Đáng nói hơn cả là điệp ngữ "chút chút" có mặt trong cả bốn câu thơ không hề làm cho người đọc nhàm chán. Ngược lại, nó lại ánh lên rất nhiều sắc màu của cuộc sống, thậm chí còn người lên sự đa dạng của ngữ pháp trong tiếng Việt. "Chút chút" có thể là động từ, có thể là tính từ. Nếu là động từ sẽ cho chúng ta sự tha thiết, nếu là tính từ sẽ cho chúng ta sự dịu êm. Tất cả trạng thái tâm lý đó đã làm đẹp hơn tình yêu chân chính.

Bài thơ được tác giả đặt tên là "Chút chút", cũng là từ láy chút chút xuất hiện trong cả bốn câu thơ như đã nói. Như vậy, chúng ta dễ dàng hiểu rõ

hơn ý định của tác giả là muốn nêu bật nét đẹp của tình yêu bằng sự chất chiu, chăm chút của con người nói chung, giữa người con trai và người con gái nói riêng. Thật vậy, để có tình yêu cao đẹp không gì hơn là sự vun đắp của đôi bên.

"Hôn em chút chút lấy tình", phải chăng tác giả muốn đề cập đến cá tính của người con trai. Có thể giây phút đầu tiên người con trai còn dò tính, tìm hiểu. Thế nhưng, khi biết rằng bạn gái của mình nhất quyết yêu mình—"Em hôn chút chút một mình anh thôi" thì người con trai cảm thấy yên lòng. Mỗi ngày thêm một chút yêu, mỗi ngày thêm một chút thương, cứ thế... tình yêu lớn dần trong trái tim, tâm hồn hai người, "Lâu ngày chút chút thành *đôi vợ chồng*". Đó là *đỉnh cao của tình yêu*.

Những lúc trà dư tửu hậu, tôi thường đọc bài thơ này cho bạn bè nghe. Bài thơ "Chút chút" đã để lại nhiều bất ngờ cho họ. Họ không nghĩ nhà thơ Lương Trọng Minh có tài viết tình sử hay như thế. Từ giây phút gặp gỡ ban đầu, để ý nhau, rồi yêu nhau, sau đó là sự nuôi dưỡng tình yêu cho tới ngày thành vợ thành chồng. Kết quả cuộc hôn nhân ấy có được là nhờ biết vun đắp tình yêu mỗi ngày một chút. Nếu như viết bằng văn xuôi thì chắc có lẽ phải tốn khá nhiều giấy mực. Thế mới biết làm thơ hay không phải dễ. Có lần nhà thơ Đông Trình nói với tôi rằng: "Cả đời làm thơ, chỉ cần ai đó nhớ thơ của *mình* *dầu chỉ một câu, một chữ thôi, cũng hạnh phúc lắm rồi...*"

Hạnh phúc của người làm thơ khi được mọi người nhớ thơ của mình, cũng là hạnh phúc của người yêu thơ khi gặp những ý thơ hay để đồng cảm với tình yêu. Chỉ cần chút chút thôi cũng đủ để chúng ta hiểu nhau hơn, cùng vượt qua gian nan, thử thách của quy luật cuộc sống.

Xin gửi đến các bạn và nhà thơ Lương Trọng Minh chút chút tâm tình này của tôi—người yêu thơ đất Quảng.

Lời bình của Huỳnh Trương Phát

“Trăng khuyết” của Phi Tuyết Ba

Anh ngo lời yêu em

Vào một đêm trăng khuyết

Bơi tình yêu tha thiết

Biết tròn trước đêm rằm.

Em vui lúc trăng tròn

Chạnh lòng khi trăng khuyết

Anh ơi anh có biết

Trăng hay tình lúa đôi

Sao anh lại ngo lời

Vào một đêm trăng khuyết

Để bây giờ thâm tiếc

Một vầng trăng không tròn

Nhiều người tìm đến bài thơ "Trăng khuyết" của Phi Tuyết Ba như là một niềm an ủi bởi gặp tình yêu không thành. Câu chuyện trăng khuyết vắn vít cùng chuyện khuyết vẹn của tình yêu thì có gì lạ đâu. Nguyễn Du cách đây hơn 200 năm đã viết:

Vầng trăng ai, xe làm đôi

Nua in gổi chiếc, nua soi dậm trường

Thế nên, sức hấp dẫn của bài thơ này hẳn là đặc biệt lắm. Nếu không, làm sao người ta đọc, người ta hát nó nhiều đến thế được.

Lại vẫn là tình yêu. Tình yêu không có một kết thúc trọn vẹn. Và giữa trăm ngàn nguyên cớ chia tay, người con gái vin vào một cái cớ tưởng như chẳng có gì, ấy là vầng trăng khuyết.

Anh ngo lời yêu em***Vào một đêm trăng khuyết******Boi tình yêu tha thiết******Biết tròn trước đêm rằm***

Chỉ có trái tim nhạy cảm và đa cảm thì mới có những câu thơ thật trong sáng, đáng yêu. Lời tỏ tình đầu tiên lại rơi vào một đêm trăng khuyết. Người con trai có lẽ chẳng bao giờ để ý tới chuyện này đâu. Nhưng là một cô gái, chuyện tự nhiên trời đất thôi cũng trở thành tâm sự của lòng mình. Điều đó là dễ hiểu.

Hạnh phúc vì đón nhận tình yêu, cô muốn bộc bạch những ngổn ngang trăm mối, lại vẫn chuyện vầng trăng tròn khuyết, và hình như, cài vào bao nhập nhằng, hư ảo khuyết–tròn ấy là những dự cảm, âu lo không thể nào nói hết được:

Em vui lúc trăng tròn***Chạnh lòng khi trăng khuyết******Anh ơi anh có biết******Trăng hay tình lúa đôi***

Vầng trăng lúc này không chỉ là một thực tế của vũ trụ nữa. Vầng trăng là chứng nhân cho lời tỏ tình đêm trước. Thật xót xa, đó lại là một đêm trăng không tròn:

Sao anh lại ngo lời***Vào một đêm trăng khuyết***

Để bây giờ thâm tiếc***Một vầng trăng không tròn***

Cô muốn trách móc. Mà câu thơ buông ra lửng lơ, chẳng biết trách ai. Trách anh? Không! Trách đêm trăng khuyết? Có lẽ chỉ trách sự vô tình, không may mắn. Dẫu rằng vầng trăng cứ khuyết tròn theo quy luật muôn đời vẫn thế nhưng cái tròn trặn của vầng trăng, cái tròn trặn của tình yêu thì không vĩnh hằng, mãi mãi.

Tôi thích cái "đổ lỗi" này. Nó khiến cho tình yêu, dù không trọn vẹn, dù đứt gánh nhưng vẫn đẹp và nhân văn. Đọc bài thơ, cứ mong lời ngỏ yêu kia diễn ra vào một trăng tròn vành vạnh. Để cô gái, để chàng trai, để vầng trăng không phải thâm tiếc cho sự dang dở của một mối tình.

Bài thơ làm người ta chạnh lòng, buồn nỗi buồn man mác. Ba khổ thơ là sự hồi tưởng liên mạch về tình yêu, từ buổi đầu đến ngày kết thúc. Dẫu tình yêu vui vẻ đi nhưng trên hết, ta bắt gặp tâm hồn của một cô gái rất thiết tha và nhân hậu khi nghĩ về mối tình lỡ dở của mình, nghĩ về lời tỏ tình vào một đêm có vầng trăng khuyết nửa. Là lời tâm sự nên câu chữ bài thơ cũng miên man theo dòng cảm xúc và rất mực tự nhiên. Mà những gì chân thành, tự nhiên thì rất dễ hấp dẫn được nhiều người.

Lời bình của Nguyễn thị Thanh Hiếu

”Một anh chàng yêu một cô nàng”
Haindrich Hainơ

Một anh chàng yêu một cô nàng
Nhưng cô nàng lại yêu người khác
Và người khác lại yêu cô khác
Cùng cô này kết mối tơ duyên
Và cô nàng uất ức, ưu phiền
Cưới luôn kẻ đầu tiên, tốt nhất
Trên đường đời mình vừa bắt gặp;
Còn anh chàng đau khổ triền miên.
Đấy là câu chuyện cũ, xưa rồi
Nhưng nghe ra còn luôn mới mẻ;
Ai gặp phải cảnh đời như thế,
Trái tim mình cũng vỡ mà thôi.
(Bản tình ca 1822 – 1823)

Tình yêu là gì? Với nhiều người, tình yêu là có thật song cũng có biết bao người cả đời loay hoay kiếm tìm mà chẳng ra. Haindrich Hainơ, chàng ca sĩ của ái tình nằm trong số đó. Khi 25 tuổi, nhà thơ đã tự lự đặt bút viết: Một anh

chàng... cô khác. *Phải chăng đó là sự sắp xếp của vị thần ái tình trong trò chơi Tình yêu? Hối hả và gấp gáp làm sao trong cuộc kiếm tìm sợi dây đồng điệu, để rồi lại thường xuyên đón nhận những tình huống trở trêu: Và cô nàng uất ức... triền miên. Một kết cục xiết bao cay đắng và tàn nhẫn, cắt đứt hoàn toàn sự chờ đợi mơ hồ, bẻ gãy niềm hy vọng mong manh đang nhen nhúm. Hainơ viết cho người con trai ấy hay cho chính mình: Ai gặp phải... vỡ mà thôi.*

Cảm nhận tình yêu của gần 200 năm về trước nay còn nguyên giá trị nên càng thôi thúc người yêu thơ tiếp tục tìm đến với Hainơ.

Haindrich Hainơ (1797 – 1856) là một nhà thơ cách mạng dân chủ, bạn của Các Mác và là một cây bút trữ tình của nền văn học Đức. Ông được mệnh danh là ca sĩ của ái tình với gần 10.000 tác phẩm, trong đó có niềm hân hoan của hạnh phúc và muôn nỗi khổ đau của một trái tim tràn trề khát vọng.

Huỳnh Mai Liên

Đêm sông Cầu

Anh qua sông Hồng, sông Đuống
Mùa mưa bọt nước đỏ ngầu
Không biết ở nơi em ở
Êm êm một khúc sông Cầu
Tiếng một con tôm búng nước
Vó bè ai cất sau lưng
Sao trời lọt qua mắt lưới
Rơi đầy xuống cả mặt sông
Con sông của người quan họ
Suốt đời nước chảy lơ thơ
Em ơi! Em là cô gái
Từ lâu anh đợi anh chờ
Em là cô Tấm thảo hiền
Đến giữa đời anh trẩy hội
Tình đã trao nhau êm đềm

Mà vẫn mắt nhìn bối rối
Sông Cầu khi đầy khi vơi
Chảy ngang qua cầu quan họ
Uớt đầm vạt áo bao người
Vạt thương uớt cùng vạt nhớ
Em nói nhẹ như hơi thở
Anh nghe để nhớ suốt đời:
Giữ tình yêu như giữ lửa,
Đừng quên, đừng tàn, đừng nguôi!
Tình yêu có từ phương em
Đi qua tháng năm chờ đợi
Tình yêu cũng từ phương anh
Lửa rừng bồn chồn góc núi
Tình yêu có từ hai ta
Chẳng đủ gần mà giận dỗi
Nhà xa, mặt trận càng xa
Gặp nhau lần nào cũng vội
Ngày mai chắc là nhiều nắng
Nên sao giăng khắp trên đầu
Ngày mai chặng miền ải Bắc
Tựa lưng vào đêm sông Cầu
(Đỗ Trung Lai)

Cái duyên của bài thơ này là duyên thâm. Với 9 khổ thơ vừa kín đáo, vừa gợi mở, tác giả giống như người lái đò trong đêm, lặng lẽ đưa bạn đọc trôi

như mơ trên con sông của người quan họ. Ngay vào đầu bài thơ, thi sĩ đã thú nhận sự vô tâm của mình: "Anh qua sông Hồng, sông Đuống; Mùa mưa bọt nước đỏ ngầu–Không biết ở nơi em ở–Êm êm một khúc sông Cầu". Tác giả thú nhận "không biết" cũng chính là để lười vào vị trí bạn đọc mà cùng nhau "khám phá" đó thôi. Dám thú nhận sự "vô tâm" là chính bởi "nội tâm" của thi nhân mạnh lắm. Nội tâm không mạnh, làm sao mà nghe được: Tiếng một con tôm búng nước–Vó bè ai cất sau lưng. Và còn nhìn thấy được: Sao trời lọt qua mắt lưới–Roi đầy xuống cả mặt sông. Có lẽ không phải sao trời, mà là cảm xúc của Đỗ Trung Lai rơi đầy xuống mặt sông thì đúng hơn. Rồi cuối cùng, điều muốn đã được nói:

Em ơi! Em là cô gái

Từ lâu anh đợi anh chờ

Sau khi thốt ra được hai câu thơ khó khăn ấy, "người lái đò" hình như "bỏ roi" bạn đọc để quay sang tâm sự riêng với cô Tấm thảo hiền. Bạn đọc cũng đành nín thở ngồi nghe, chứ biết làm sao nữa:

Em nói nhẹ như hơi thở

Anh nghe để nhớ suốt đời

Giữ tình yêu như giữ lửa

Đừng quên, đừng tàn, đừng nguôi!

Hóa ra tác giả không quên bạn đọc, không quên ngọn lửa rừng bôn chôn góc núi–bởi trái tim của anh là trái tim đập cạnh chiếc ba lô: Tình yêu có từ hai ta–Chẳng đủ gần mà giận dỗi–Nhà xa, mặt trận càng xa–Gặp nhau lần nào cũng vội. Lời thơ buông ra như không, mà sao đọc đến đây, lòng ta thấy nhói cả lên. Có thể người lính ấy không trở về lắm chứ? Nhưng dù muốn dù không, tôi vẫn tin tình yêu chảy ngang qua cầu quan họ là tình yêu bất tử.

Những ngọn lửa trận mạc đã tắt và nếu điều tôi tin là có thật–thì ước ao một ngày nào đó, tôi và người lính ấy sẽ mở "đôi lối" về Hà Bắc–để cùng nhau: Tựa lưng vào đêm sông Cầu.

Lời bình của Hoàng Nhuận Cầm

”Bờ sông vẫn gió” của Trúc Thông

Lá ngô lay ở bờ sông
Bờ sông vẫn gió
Người không thấy về
Xin người hãy trở về quê
Một lần cuối... một lần về cuối thời
Về thương lại bến sông trôi
Về buồn lại đã một thời tóc xanh
Lệ xin giọt cuối để dành
Trên phần mộ mẹ, vương hình bóng cha
Cây cau cũ, giải hiên nhà
Còn nghe gió thổi sông xa một lần.
Con xin ngăn lại đường gần
Một lần... rồi mẹ hãy dần dần đi.

Theo tôi, đây là bài thơ hay nhất của Trúc Thông. Bài thơ là tiếng khóc thầm thầm của người con mất mẹ, biết là mẹ không bao giờ còn nữa mà vẫn cầu xin một lần mẹ trở về: "Con xin ngăn lại đường gần / Một lần... rồi mẹ hãy dần dần đi..." Bài thơ tự nhiên và chân thành đến nỗi khiến tôi không nghĩ anh đã

làm ra thơ, mà chính "thơ đã làm ra anh". Tôi thuộc ngay bài thơ đó khi đọc lần đầu tiên.

Nhà thơ Nguyễn Trọng Tạo

Bài thơ tặng vợ

Mình vừa là chị là em
Tấm lòng người mẹ, trái tim bạn đời
Mai này tới phút chia đôi
Hai ta ai sẽ là người tiễn nhau?
Xót mình đã lắm thương đau
Tôi xin làm kẻ đi sau đỡ mình
Cuộc đời đâu phải phù sinh
Nước non chan chứa nghĩa tình mình ơi.
(Hồ Dzếnh)

Hồ Dzếnh được các nhà nghiên cứu văn hóa ghi nhận là một trong các nhà thơ có chân tài. "Bài thơ tặng vợ" in trong Tuyển tập thơ Việt Nam 1975–2000, không ghi năm tháng sáng tác, nhưng cũng có thể đoán là ông viết vào những năm cuối đời (từ 1985 đến 1990) ở cái tuổi con người đã phải tính đến chuyện... 'đi, ở'. Chỉ có 4 câu lục bát với tám dòng thơ, ai yêu thơ chỉ đọc hai lần là thuộc, Hồ Dzếnh đã thể hiện thanh thoát lòng yêu thương, quý trọng người bạn đời của mình rất đậm thắm, da diết.

Nhà thơ Nguyễn Bùi Vợi

Mẹ qua những vần thơ Haiku

Mẹ là thơ . Mẹ và thơ mãi khấn khít nhau như hình với bóng. Hình ảnh mẹ càng cần cù, mộc mạc bao nhiêu lại càng nên thơ bấy nhiêu Trong ngôn ngữ thi ca của thế giới, dân tộc nào cũng có những vần thơ chứa chan tình mẹ. Mẹ hiện hiện trên đường về, trên từng ngõ hẻm sâu kín. Mẹ là chất liệu kết tinh của tất cả những thiên anh hùng ca, những đại sử thi, những trường thiên tình sử và cả trong những vần thơ Haiku đơn sơ, thâm thúy

Với dân tộc Nhật Bản, Haiku được xem như tinh hoa của văn hóa dân tộc. Dưới góc nhìn của Thiên tông, Haiku là thể thơ đặc biệt có thể hàm chứa được thực tại nhiệm mầu trong vỏn vẹn 17 âm tiết, vừa sâu lắng uyên thâm, lại vừa đơn sơ giản dị . Nghe qua, người ta khó tưởng tượng được rằng một thứ tình cảm dạt dào, mơn man bất tận như tình mẹ lại có thể ẩn mình trong những vần thơ gãy gọn này Không ! Hoàn toàn ngược lại : Hình ảnh mẹ trong thơ Haiku lại càng bất ngát, phiêu diêu hơn bao giờ hết.

Haiku (Hài cú) là thể thơ đặc biệt của Nhật Bản, kế thừa từ các dạng liên ca truyền thống. Từ Haiku được rút gọn từ Haikai và Hokku Người có công đầu lập nên con đường "Tiêu phong" (Shofu) này, và đưa đến đỉnh cao nghệ thuật thi ca thế giới là Thiên sư Matsuo Basho

Sau Basho, có ba nhà thơ lớn của Haiku lần lượt xuất hiện, hợp cùng Basho thành tứ trụ của Haiku Nhật Bản :

Basho 1644 – 1694.

Buson 1716 – 1784.

Issa 1762 – 1826.

Shiki 1867 – 1902.

Ngoài bốn vì sao đó, còn có vô số người đi theo con đường này, họ đưa Haiku lên bình diện niềm vui nghệ thuật và lấy làm lẽ sống đời mình, cũng như trà đạo, hoa đạo, nhu đạo... với một triết lý sâu thẳm hơn, có thể gọi là Hải cú đạo (Haiku đô).

Ngoài những mảng đề tài về thiên nhiên, Haiku còn có đề tài về mẹ. Hình ảnh Mẹ hiện lên với tất cả xúc cảm của khổ đau và vẻ đẹp nhẹ nhàng của sự giải thoát, chúng ta sẽ tìm thấy ở thơ Issa và thơ Basho

Những hình ảnh vừa nhỏ nhoi vừa mong manh như hạt sương, giọt lệ đến với thế giới thơ Haiku trở nên lung linh, vĩ đại, như ẩn chứa một linh hồn.

Issa là người bất hạnh, năm lên 3 mất mẹ. Hơn ai hết, Issa hiểu Mẹ quan trọng biết dường nào

Một ngày hội, trẻ nhỏ nô đùa với bạn bè, tung tăng trong vòng tay mẹ, Issa thấy mình lạc lõng cô đơn, nỗi buồn ập đến, và Issa tìm về với bầy chim để được chia sẻ :

Ore to kite asobe yo oya no nai suzume

Đến đây nào, với tôi cùng chơi đùa chim sẻ không còn mẹ trên đời []*

Mất mẹ là mất đi một phần quan trọng tạo thành sự sống. Cuộc đời Issa trở nên lang thang, lang thang khắp nước Nhật, kiếm sống đủ mọi nghề, những vẻ đẹp trên đời dường như vô nghĩa đối với Issa, thậm chí còn như địa ngục ám ảnh suốt cuộc hành trình :

Aki no kaze Gió ware wa nairu wa dono jigo ku

Gió mùa thu địa ngục nào đây cùng tôi giang hồ

Khi Issa có dịp trở về với biển, do ngoại dáng mênh mông và mùi hương đậm đà vị mặn của biển, nhà thơ đã tìm thấy hơi ấm và tình thương của mẹ :

Naki haha ya umi miru tabi na miru tabi ni

Mẹ yêu ơi ! mỗi khi nhìn thấy biển khi thấy biển khơi

Một khám phá mới làm thăng hoa tâm hồn Issa Mẹ được hóa thân về biển, một cảm giác vừa bao la của tình mẹ, vừa mặn mà ấm áp của vòng tay Về với biển, Issa và Mẹ không còn ranh giới nữa, cùng hòa vào bản thể nhiệm mầu Giờ đây, trước mắt Issa, một Thiền sư, tất cả đều có cuộc sống, có Phật tính, có sự bình đẳng trong ánh sáng và trong cát bụi Nơi hạt bụi chứa tam thiên đại thiên thể giốn Mỗi hình ảnh pháp trần là hiện thân của Mẹ :

Tsuyu no tama hitotsu hitosu ni furusato ari

Ôi những hạt sương trên châu tùng hạt hiện hình cố hương

Mẹ là tất cả, tất cả đều là hiện thân của Mẹ. Issa đã châm dứt nỗi cô đơn ! Bên cạnh những bài thơ về mẹ của Issa, Basho cũng có một bài thơ về mẹ rất xúc động :

Te ni toraba kien namida zo atsuki aki no shimo

Tóc mẹ còn đây tan trong lệ nóng sương mù thu bay

Một đoạn Basho viết trong cuốn nhật ký năm 1684 như sau :

"Cuối cùng tôi về đến quê nhà vào đầu tháng 9, cây hoa hiên mà mẹ thường trồng trước phòng bây giờ không còn nữa, có lẽ đã chết vì sương giá. Tất cả mọi thứ khác cũng đã đổi thay –Gương mặt anh tôi đã hiện nếp nhăn trên trán và tóc bạc nơi thái dương.

Chúng ta vẫn còn sống, anh chỉ nói thế. Rồi, không lời nào nữa, anh mở một chiếc túi kỷ niệm mà nói : Hãy nhìn mớ tóc sương của Mẹ đây này Đây là chiếc hộp linh thiêng của Urashima đấy, ta cũng sẽ bạc đầu".

Urashima là chàng ngư phủ huyền thoại, đã cưới công chúa thủy cung mà còn nhớ nhà. Chàng về quê, mang theo chiếc hộp của công chúa tặng, dặn đừng mở ra, nhưng chàng đã mở, và tuổi già đã ập xuống, tức thì tóc bạc và da nhăn.

Mỗi chúng ta là một Urashima, nghĩa là một kẻ nhớ cố hương, muốn ngược thời gian để tìm lại mẹ. Nhà thơ, Urashima và chúng ta không thể không mở chiếc hộp này

Tóc mẹ còn đây tan trong lệ nóng sương mùa thu bay

Basho đã khóc khi nhìn thấy tóc sương của mẹ, lệ nóng của nhà thơ nhỏ xuống, và nhà thơ không dám nâng tóc mẹ lên vì sợ tóc ấy sẽ tan đi như sương mùa thu Tóc sương của mẹ và sương mùa thu lẫn vào nhau, chúng ta khó lòng phân biệt được tóc mẹ tan hay sương mùa thu tan vì lệ nóng, có lẽ cả hai !

Mẹ không còn nữa ! Nỗi dần vặt giữa mắt và còn làm những giọt lệ hiếm hoi của Thiền sư rơi Để chuyển hóa nỗi đau, Thiền sư thi sĩ đưa mẹ về với thiên nhiên, tóc mẹ trở về với sương mùa thu, tất cả hòa vào vũ trụ bao la Ở thế giới vô ngã. Để rồi, nơi những cánh hoa đào, những bông tuyết trắng, những cỏ cây... đều có phần của mẹ.

Mẹ không còn, nhưng bài thơ bất hủ của Basho, của Issa vẫn còn đó. Nó tỏa những vàng sáng dịu hiền trên nền trời thi ca thế giới

Mẹ trở thành vĩ đại !

Ghi chú

(*) Những vần thơ Haiku trong bài này đều do Phan Nhật Chiêu dịch

(Theo Internet)

Khoảng cách giữa lời của Bằng Việt

*Biết làm sao chúng quá nhiều lời
Ở những chỗ lẽ ra cần nói ngắn
Bao lần em phảng lảng
Đu khiến tôi bàng hoàng
Khi phân nói lán hết phân được sống
Lán hết mọi điều tiềm ẩn giữa câu
Thì vụn câu thơ cũng thành, re rúng
Liệu còn gì vang vọng ở trong nhau
Lời nói chẳng mất tiền mua
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau*

Bài học người xưa dạy càng chiêm nghiệm càng thấy thâm thúy. Đó là cách đối nhân xử thế giữa con người với con người trong xã hội. Trong tình yêu và cuộc sống gia đình, lời nói là một trong những cách để gắn kết hơn tình cảm. Trái lại, những ngôn từ mà người ta nghĩ rằng "lời nói gió bay" lại khiến cho biết bao người phải suy ngẫm, trăn trở:

*Biết làm sao chúng ta quá nhiều lời
Ở những chỗ lẽ ra cần nói ngắn*

Trong cuộc sống đầy rẫy những phức tạp, những bộn bề, lo toan, con người sao tránh khỏi phút buồn bực. Nỗi căm giận đó lại chỉ có thể trút vào lời nói, giải tỏa bằng lời nói. Thế mới gây ra nghịch lý "nhiều lời" "ở những chỗ lẽ ra cần nói nói ngắn". Nghịch cảnh thay, có khi lại là:

Bao lần em lắng lặng

Đu khiến tôi bàng hoàng

Sự thay đổi nhanh đến không ngờ như thế khiến "tôi bàng hoàng". Làm sao có thể lý giải hết được là vì sao! Cuộc sống và lòng người thật quá phức tạp. Trong tình yêu và cuộc sống gia đình, dù có yêu nhau đến mấy, hiểu nhau đến mấy cũng không thể tránh khỏi những tình huống như vậy. Sự mâu thuẫn trong một con người, một lời nói khiến người bạn đời của mình sững sờ, ngạc nhiên và rồi băn khoăn khó hiểu tự hỏi lòng "biết làm sao". Những lúc như thế người ta cần phải có cách ứng xử thật khéo léo, thật mềm dẻo để không làm tổn thương đến tình yêu, tình cảm gia đình. Ngược lại, coi đó là một cách để cùng hiểu nhau, xây dựng tình yêu bền vững.

Những chiêm nghiệm của "tôi" càng thêm sâu sắc và có phần chua xót:

Khi phần nói lán hết phần được sống

Lán hết mọi điều tiềm ẩn giữa câu

Thì vạn câu thơ cũng thành re rúng

"Khoảng cách giữa lời" mà Bằng Việt chỉ ra không gì khác là "điều tiềm ẩn giữa câu". Những gì chất chứa, lắng đọng, ẩn sâu mới là ý nghĩa thực và sâu xa của lời nói. Phần lắng sâu đó cũng như "hạt ngọc minh châu ẩn giấu trong tâm hồn con người" (Nguyễn Minh Châu) có phải ai cũng dễ dàng nhận ra! Nhất là trong những giây phút lòng người không bình yên như thế thì thật khó. Bằng Việt có cách biểu đạt thật độc đáo: "Thì vạn câu thơ cũng thành re rúng". *Thơ ca vốn được coi là mật ngọt của cuộc sống, nơi hội tụ những tình cảm, cảm xúc chân thành trong những lời ngắn gọn, hàm súc. Thực tế chua xót như thế thì những gì còn lại liệu có ý nghĩa gì? Những băn khoăn của người trong cuộc mãi không thôi, lòng người đầy day dứt, trở trăn:*

Liệu còn gì vang vọng trong nhau

Câu thơ đượm buồn và nỗi niềm lo lắng. Chút "vang vọng ở trong nhau" hay là sự tôn trọng, niềm tin yêu còn lại? Có thể lắm khi những vang vọng không còn thì những lời lẽ kia trở thành kẻ thù của hạnh phúc, tình yêu. Vì thế mà khoảng cách giữa lời cần phải có. Đôi khi khoảng lặng đó lại giúp cho đôi lứa hiểu nhau nhiều hơn bởi "Lá thư của trái tim *được đọc trong đôi mắt*" (Tục ngữ Ai Len)

Tình yêu có muôn hình vạn trạng và ngôn ngữ tình yêu cũng muôn màu muôn vẻ. "*Khoảng cách giữa lời*" của Bằng Việt khiến ta phải suy ngẫm, nhìn nhận lại cách cư xử của mình đâu chỉ đối với người mình yêu, với gia đình mà với con người trong toàn xã hội.

Lời bình của Lê Thùy Linh

“Tiếng thu” của Lưu Trọng Lư

Em không nghe mùa thu
Dưới trăng mờ thôn thức?
Em không nghe rạo rục
Hình ảnh kẻ chinh phu
Trong lòng người cô phụ?
Em không nghe rùng thu,
Lá thu kêu xào xạc,
Con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên lá vàng khô?
(1939)

* Bằng kết cấu cú pháp: điệp ngữ phủ định và câu hỏi tu từ, "Tiếng thu" đã được Lưu Trọng Lư thể hiện tới toàn bích hơi thở của văn học lãng mạn. Điệp ngữ phủ định "Em không nghe" được sử dụng làm mô típ chính để phát triển toàn bộ cảm xúc của tác giả, gọi ra không khí quạnh vắng cổ điển của Chinh phụ ngâm... Câu hỏi tu từ đã được tác giả sử dụng để gợi ý, định hướng cho độc giả lắng về phía cô đơn ấy mà tác giả không muốn trực tiếp trả lời. "Tiếng thu", tiếng của nỗi cô đơn, bơ vơ của con người thời không phương

hương trong cảnh nước mất nhà tan, còn ẩn giấu một dự báo về sự "cùng tắc biên" của xã hội ta thời ấy. Hãy lắng nghe "Tiếng thu" mà thấy...

Nhà thơ Nguyễn Thụy Kha

“Gửi cô gái đồng đánh của tôi” Nguyễn Quang Hà

Em đừng tưởng chỉ mình em là thiếu nữ
Chỉ mình em mắt biếc với môi hồng
Cho em tha hồ tô son điểm phấn
Không có anh thì đẹp mấy cũng bằng không
Không có anh đam mê em làm gì bằng kiêu diễm
Không có anh đắm say em đâu thắm men đời
Nói thật nhé, không có anh đối tác
Em sẽ vô tình như lá rơi.
Bỗng đâu anh biến mất giữa đời
Em sẽ thấy giường chiếu gối chăn là vô nghĩa
Em sẽ thấy thừa tay thừa chân thừa môi thừa má
Thấy đời vạt vờ như hạt mưa bụi mờ cõi
Em yêu ơi anh nói cho oách thôi
Anh sẽ chẳng là cái đĩnh gì nếu thiếu em đồng đánh
Và anh sẽ là một thằng trời đánh

Nếu bắt đồ để em lọt khỏi tay
Nào hai đứa mình cứ bắt ngát trời mây
Em như bán cầu Nam, anh như bán cầu Bắc
Khi chồng khít lên nhau thành trái đất
Một hành tinh xanh vi vu giữa vũ trụ, sinh thành

Bài thơ quen mà lạ. Trong đời, thiếu gì những cô gái đỏng đảnh. Nguyễn Quang Hà "chơi" trực diện, thẳng thừng, không cần ý tứ, vòng vo: Em đừng tưởng chỉ mình em là *thiếu nữ/ Chỉ mình em mất biếc với môi hồng/ Cho em tha hồ tô son điểm phấn. Hôn vía* của bài thơ đã bộc lộ đầy đủ trong khổ thơ này. Tác giả nêu lên một định đề về quan hệ xã hội. Cái định đề ấy chắc như đinh đóng cột: Không có anh thì đẹp mấy cũng *bằng không. Ừ nhỉ. Rồi chữ "đối tác" mới cao thủ làm sao! Ngon xốt mà hợp tình, hợp cảnh, hợp lý.* Và tiếng "thừa" được lặp lại một cách cố ý, mỗi chữ đọc lên như nhói vào tim cô gái một lần. Sự cô đơn mới thấm thía làm sao.

Hết khổ thơ thứ ba, nhà thơ có vẻ... run. Những từ "oách", "cái đĩnh", "thăng trời đánh" là ngôn ngữ đường phố được đặt vào đúng văn cảnh nên dễ chịu. Khổ thơ thứ tư thật xuất thần, mê đắm. Sự tưởng tượng, so sánh rất khéo. Người viết có bản lĩnh mới dám dùng những từ "nguy hiểm" là "chồng khít" ấy thoải mái. Đây là bài thơ bất được của nhà văn Nguyễn Quang Hà.

Nguyễn Bùi Vợi

“Dạ thừa thầy” Võ Thanh An

Dẫu biết rằng: "Một sự nhịn là chín sự lành"

Dạ thừa thầy, con đã nhịn đến quên mình

Sao sự lành hiểm thế?

Vâng! Thì cõi luân hồi là bể dâu, dâu bể

Con vẫn nhớ lời thầy diệt oán bằng ân

Dạ thừa thầy, viên phấn trắng đã đổi màu

Ngày nay bảng đen có nơi thay tấm foóc –mi –ca màu trắng

Buộc lòng viên phấn là bút dạ màu đen

Dạ thừa thầy, con vẫn là đứa bé y nguyên

Run lên trước cuộc đời như đã từng run lên khi thầy kêu lên bảng

Dạ thừa thầy, con tin sự nhịn là cứu cánh

Bao giờ cuộc đời lành hơn?

Dạ thừa thầy...

Từ ngàn xưa Nhất tự vi sư, bán tự vi sư đã là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Và biểu hiện cao nhất của lòng kính trọng, biết ơn thầy là luôn lắng nghe và làm theo lời thầy dạy. Không biết trong một hoàn cảnh cụ thể nào mà người học trò nhỏ (sau này trở thành nhà thơ Võ Thanh An) được nghe lời

khuyên Một sự nhịn là chín sự lành của thầy nhưng chỉ biết lời khuyên ấy đã đi theo nhà thơ suốt cuộc đời và anh đã cố gắng thực hiện lời khuyên ấy để mong có một cuộc sống bình yên. Nhưng cuộc đời vốn đầy nghịch lý. Ngỡ rằng một nhịn –chín lành, hoá ra nhiều lúc chín nhịn không được một lành. Thấm nhuần quan điểm của Phật giáo: Kiếp người là cõi lưu ân hồi đầy bể dâu, cần phải diệt oán bằng ân, anh đã nhịn đến quên mình mà sự lành vẫn ít đến với anh. Phải chăng cuộc đời đã đổi thay: viên phấn trắng được thay bằng bút dạ đen cho phù hợp với *tám bảng foc –mi –ca màu trắng, mà những quan điểm xử thế thầy dạy ngày xưa* không còn phù hợp nữa? Nhưng những gì đã được gieo vào tâm hồn anh từ thuở ấu thơ, anh không thể nào nhỏ lên và vút bỏ đi được. Quá nửa đời người bươn chải, anh phải chịu phần thiệt thòi về mình, chỉ còn biết nuôi một niềm tin: sự nhịn là cứu cánh, nuôi một hy vọng: cuộc đời sẽ lành hơn.

Giọng thơ chân thành như lời tâm sự của người học trò với thầy giáo sau bao nhiêu năm xa cách, sao lại xao động lòng người đến thế. Sau bốn lần Dạ thừa thầy để giải bày tâm sự, đến lần thứ năm ngỡ như tác giả không còn cảm lòng được nữa... May thay, bài thơ buồn mà không lụy, bởi tác giả đã biết nhen lên ngọn lửa niềm tin: Bao giờ cuộc đời sẽ lành hơn?

Lê Quốc Hán

“Diêm” của Nguyễn Kim Anh

*Có người ví tình yêu như, vo với que diêm
Nhưng em không nghĩ thế
Boi que diêm chỉ một lần sáng lóe
Còn, vo bao cháy đến trăm lần.
Em không thể là phân sấm nơi, vo kia
Nơi hết lần này đến lần sau lấp lánh
Rất đa tình rồi phụ bạc như không.
Nhưng em sẵn sàng làm chiếc que
Dám đốt, ca trái tim diêm sinh bé xíu
Cháy đến tận cùng, cua thân tằm trắng, treo
Dù kiếp tàn nhưng hiểu: Đã được yêu!
Dẫu cho anh có tham đến bao nhiêu
Và sau những cuộc tình chỉ dăm ba vết xước
Không oán hờn đâu vì em tin mình được
Chứ yêu nhiều, bạc phách có gì đâu.
Nếu muốn suốt đời ở mãi bên nhau*

Thì câu ví kia xin người rút lại

Bơi cái ngấn ngui khác xa cái còn mãi mãi

Mà tình yêu cần đi suốt cuộc đời.

Khi viết bài thơ này, tác giả chắc còn rất trẻ và chưa phải đã quen thuộc với thơ ca.

Bài thơ có chỗ còn hơi vụng về, câu chữ chưa thật nhuần nhuyễn, nhưng toát lên một sức sống mãnh liệt, một tình cảm cháy bỏng, trẻ trung, nguyên sơ, thô nháp.

Tác giả không đồng ý với so sánh tình yêu như vỏ và que diêm:

Bơi que diêm chỉ một lần sáng lóe

Còn, vỏ bao cháy đến trăm lần.

Và cũng thêm lý do này nữa:.

Bơi cái ngấn ngui khác xa cái còn mãi mãi

Mà tình yêu cần đi suốt cuộc đời.

Như thế, bắt nguồn từ một nhận thức về tình yêu, tác giả đã biết xoáy vào hình tượng que diêm và vỏ diêm để bày tỏ nỗi lòng mình. Và đó là một nỗi lòng đầy trách nhiệm, đầy đam mê. Dám yêu và dám đốt cháy hết một lần cho tình yêu đích thực:

Nhung em sẵn sàng làm chiếc que

Dám đốt, ca trái tim diêm sinh bé xíu

Hình ảnh chiếc đầu que diêm được nhìn nhận như trái tim bé xíu quả là một sáng tạo đáng trân trọng. Nó làm cho que diêm sống động hẳn lên. Cách nhìn được như thế hẳn không phải nhìn bằng mắt!

Yêu mến, trân trọng que diêm "sáng lóe một lần" bao nhiêu thì tác giả khinh ghét, rẻ rúng sự "lấp lánh" "đến trăm lần" ở "phần sẫm nơi vỏ kia"!

Nơi hết lần này đến lần sau lấp lánh

Rất đa tình rồi phụ bạc như không.

Cái được và mất không tính theo thời gian. Một giây—là cả cuộc đời.
Tham lam nhiều hóa ra nhạt nhẽo cả thôi!

Chứ yêu nhiều, bạc phách có gì đâu!

Một nhận xét, hay là lời chê trách? Thật thảm hại cái hình ảnh và màu sắc vô diêm sau bao lần "lấp lánh"!

Với tình cảm chân thật và đam mê cháy bỏng, tác giả dường như đã hóa thân thành que diêm. Và que diêm đó sáng chói chân lý của tình yêu đích thực: Đó là sự hết mình.

Hóa ra, vấn đề "bàn thêm" của bài thơ lại trở thành chủ đề chính. Phủ nhận so sánh diêm và vô diêm với tình yêu hóa ra lại làm cho tình yêu được nhìn nhận sáng rõ hơn qua chiếc que diêm nhỏ bé mà có trái tim với những vết xước sau một cuộc tình nơi vô diêm trăm lần lấp lánh...

Cái "đắt", "độc" của bài thơ cũng còn là ở đó nữa.

Lời bình của Phạm Đức

Người đàn bà trong thơ Ý Nhi

Có lẽ chẳng cần thiết viết đôi dòng giới thiệu, bởi nhà thơ Ý Nhi đã có hẳn một bài Tiểu dẫn về người đàn bà trong thơ của chị. Tôi chỉ xin lược ghi những điểm chính: người đàn bà không ưa đồ trang sức *kẻ cả nhẫn vàng và các chức năng; không coi tất cả đều quan trọng cũng không xem thường mọi thứ, rất ít bạn bè và không thường giao du với các đồng nghiệp; ngại các tiệc vui, nhiều khi khóc vì chính cái khiến mọi người chung quanh vui sướng và lại muốn hét lên khi mọi người yên lặng; yêu thơ Nguyễn Du và Nguyễn Gia Thiều. Và là người đã bị lừa dối, phản trắc, đã được tin cậy yêu thương, đã lội qua bùn, đã đi trên cát, đã tới những ngõ cụt và cũng đã tới biển.*

Vâng! Đó là người đàn bà mà ta gặp trong các tập thơ: Trái tim và nỗi nhớ (in chung), Đến với dòng sông, *Người đàn bà ngồi đan, Ngày thường... của nhà thơ Ý Nhi—người con của mảnh đất "chưa mưa đà thấm..."*

Mang trong mình trái tim phụ nữ, người đàn bà của chị cũng chịu thương, chịu khó như bao người mẹ, người vợ, người chị mà ta đã gặp ngoài đời. Ngày thường cũng loay hoay với bao công việc của gia đình, xã hội:

***Loay hoay trang sách cũ lời bình từ năm xưa thơ cộng tác viên dày
cộp đọc từ mùa nắng sang mùa mưa quần ,cua con cần xuống gấu
gạo hết lo xếp hàng***

(Ngày thường)

Và cũng giữ lấy sự thăng bằng trong cuộc sống để làm tròn thiên chức của người vợ, người mẹ. Thế nhưng người đàn bà đó đã có một thời trai trẻ

"chân đi qua gai góc những dặm đường", đi qua cuộc chiến đẫm máu và nước mắt, đi qua ranh giới mong manh của sự sống và cái chết:

Nơi bom nổ trơ vơ thành Đồng Hới em đắp đường, vá áo tóc vàng hoe

(Quảng Bình)

Để rồi "sau xa cách lặng im, không hò hẹn" của thời bình, ngày trở về sững sờ và "chợt hiểu giữa cuộc đời ta sống, có những điều chưa thể nhận ra đâu"

Tùng trải và ý thức rất rõ về cuộc đời mình, người đàn bà trong thơ ý Nhi giống như một vận động viên "trong những cuộc thi của đời mình" mà cơn khát và tiếng súng lệnh hầu như bao giờ cũng đến cùng một lúc, để rồi:

giữa hàng vạn người riêng mình chị biết không phai chỉ vượt qua thời gian vượt qua những đối thủ chị phai vượt qua cơn khát luôn dày vò như một chứng bệnh một nỗi đau tinh thần

(Vận động viên)

Phải chăng khi "mỉm cười đáp lại niềm hân hoan của hàng vạn người xem" chị đã giấu vào bên trong "nỗi đau của chị, sự dày vò của chị"?

Khát khao đi tìm vẻ đẹp đích thực, chân giá trị của cuộc sống, nhà thơ ý Nhi đã thực sự nhẫn nại tạo dựng trong thơ mình hình tượng người đàn bà sống chân thật, không giả dối, nửa vời...; "chấp nhận cái nghèo, chấp nhận đơn độc như người ta chấp nhận cái khuôn mặt vốn có của mình" (*Gửi bạn*). Sống thâm trầm, lặng lẽ nhưng lại rất tinh táo nhận biết những mâu thuẫn, những đối lập trong từng số phận. Chị đã tìm thấy vẻ đẹp của người nghệ sĩ khi cố thu mình lại "tránh hết mọi chào mừng đưa đón, xa lạ với những khen chê báo chí, những tranh luận dài dòng, xa lạ chúc tước, tiếng tăm" để có thể:

đến gần cái đẹp đến gần các nguyên mẫu không ràng buộc không tô vẽ

(Họa sĩ)

Biết sống và chiêm nghiệm những được–mất, hơn–thua của đời người, người đàn bà đó có được sự cảm thông và biết chia sẻ những cay đắng và bất hạnh của con người:

Chợt đằng sau ánh nhìn gay gắt tôi nhận thấy nỗi u buồn. Đằng sau những lời lẽ ồn ào, cay nghiệt tôi nhận biết nỗi cô đơn

(Cái chết của nhà thơ)

"Cầm giữ lẽ phải trong đôi tay của mình và đưa cao lên mãi mãi", chị đã đi đến cùng của sự tương phản, cái đối chọi của cuộc sống mà phân biệt trắng–đen, thật–giả... để có một lần "đứng nghiêm trang trước cát bạt ngàn" phát biểu quan điểm nghệ thuật của mình:

Dù chỉ có một lần bước đi trên cát nóng chỉ một lần hiểu thấu khúc ca kia suốt đời tôi chẳng thể bao giờ đặt bút viết những điều dối trá

(Cát)

Dường như người đàn bà mà ta gặp trong thơ của ý Nhi là bóng dáng của con người chị– Cái hình hài được tái sinh cùng với ước muốn tận hiến, dâng tặng cả niềm vui, nỗi buồn cho cái đẹp của cuộc sống.

Biết có ai trong chúng ta–những bạn đọc yêu quý của chị–cảm, hiểu và có tiếng nói tri âm khi đọc thơ chị? Giá mà có thể "đọc" được những nỗi niềm giấu đằng sau "vẻ vừa vội vã vừa nhẫn nại" của Người đàn bà ngồi đan:

Giữa chiều lạnh

Người đàn bà ngồi đan bên cửa sổ

Dưới chân chị

Cuộn len như qua cầu xanh

Đang lăn những vòng chậm rãi.

(Người đàn bà ngồi đan)

Lời bình của Nguyễn Mậu Hùng Kiệt

Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa

*Bàn thân hương huệ thơm đêm khói nhang vẽ neo đường lên niết
bàn chân nhang lấm láp tro tàn xăm xăm bóng mẹ trên gian thụa nào*

*Mẹ ta không có yếm đào nón mê thay nón quai thao đội đầu rói ren
tay bí tay bầu váy nhuộm bùn áo nhuộm nâu bốn mùa...*

*Cái cò ... sung chát đào chua câu ca mẹ hát gió đưa về trời
ta đi trọn kiếp con người cũng không đi hết những lời mẹ ru*

*Bao giờ cho đến mùa thu trái hồng trái bưởi đánh đu giữa rằm
bao giờ cho tới tháng năm mẹ ta trai chiếu ta nằm đếm sao*

*Ngân hà chày ngược lên cao quạt mo võ khúc nghêu ngao thẳng bờm
bờ ao đom đóm chập chờn trong leo leo những vui buồn xa xôi*

*Mẹ ru cái lẹ ơ đòi sữa nuôi phần xác hát nuôi phần hồn bà ru mẹ...
mẹ ru con liệ mai sau các con còn nhớ chăng*

*Nhìn về quê mẹ xa xăm lòng ta- chỗ ướt mẹ nằm đêm mưa
ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa miệng nhai cơm búng lưỡi lừa cá xương...*

(Nguyễn Duy)

Trông ra bờ ruộng

Trông ra bờ ruộng năm nào

Mưa bay trắng co, cào cào cánh sen

Mẹ tôi nón lá bước lên

Mạ non đầu hạ, trăng liềm cuối thu
Quanh quanh vẫn một mảnh bờ
Bao nhiêu toan tính đến giờ chưa yên
Mẹ tôi gạt co bước lên
Co dày, cây lúa phai chen nhọc nhằn
Xòe tay tính tháng tính năm
Tính người, nào biết xa xăm cõi người
Gié thom ai đã gạt rồi
Đông quang, bóng mẹ nắng nôi một mình
 (Hữu Thỉnh)

Trong các bài thơ lục bát thời hiện tại, tôi đặc biệt cảm động và cảm phục hai bài thơ của hai tác giả: Bài "Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa" của Nguyễn Duy và bài "Trông ra bờ ruộng" của Hữu Thỉnh. Quả thực, tôi không biết bài thơ nào hay hơn bài thơ nào. Nguyễn Duy thì Nhìn về *quê mẹ xa xăm qua những chòm vườn của Khói nhang vẽ nẻo đường lên niết bàn*; còn Hữu Thỉnh lại Trông ra bờ ruộng năm nào với đôi mắt đau đáu dáng Mẹ tôi nón lá bước lên. Giữa một người mẹ đã lên niết bàn và một người mẹ đang bước lên bờ ruộng—đành lòng, tôi không thể xếp bài thơ nào hay hơn.

Mẹ của Nguyễn Duy đội nón mê, còn mẹ của Hữu Thỉnh thì đội nón lá, từ bao đời nay vẫn thế—các bà mẹ Việt Nam vẫn chỉ lấy cây lá trong vườn để che nắng che sương. Bà mẹ nón mê nhắc các con:

Mẹ ru cái lẹ ở đời sữa nuôi phần xác hát nuôi phần hồn

Bà mẹ nón lá xòe hai bàn tay nhọc nhằn của mình ra và đếm:

Quanh quanh vẫn một mảnh bờ

Bấy nhiêu toan tính đến giờ chưa yên

Một mẹ yên nghỉ trong cõi vĩnh hằng và một mẹ nữa vẫn chưa yên trước mạ non đầu hạ, trăng liềm cuối thu. Cùng dùng hai tiếng xa xăm, Nguyễn Duy thì viết:

Nhìn về quê mẹ xa xăm lòng ta—chỗ ướt mẹ nằm đêm mưa

Còn đây là Hữu Thỉnh:

Xòe tay tính tháng tính năm

Tính người, nào biết xa xăm cõi người

Một đấng là xa xăm của đất đai quê hương, một đấng là xa xăm của biên biệt cõi người—Quả thực tôi nào rõ, nào hay cái xa xăm nào là xa xăm hơn....

Lời bình của Hoàng Nhuận Cầm

”Độc thức” của E. Bagriana

*Khi em hôn tui, ốm đau
Xin anh đừng đến... lụy sầu sang anh
Một mình chịu khổ, cũng đành!
Thú kia giấu vết thương mình hang sâu
Một mình liếm lám niêm đau
Một mình gồng sức phía sau gian phòng
Lệ ngưng chảy thấm vào lòng
Bao nhiêu máu độc lại hồng qua tim
Gieo thành ngôn ngữ lặng im
Nơi xa anh có nghe em tự tình?
Đã quen đau khổ một mình
Sầu em trĩu xuống vai anh làm gì
Trán đừng nhăn nếp nghĩ suy
Thôi đừng tóc rũ hàng mi muộn phiền
Một mình chịu khổ đã quen
Nhưng khi vui sướng lại thèm có anh*

Rót vui từ trái tim mình

Sang tim anh để vện tình lúa đôi

Tràn đầy giếng mắt em vui

Mắt anh phan chiếu, với lời hát em

Từ đôi môi mộng dịu mềm

Câu ca đậu xuống êm đêm môi anh

(Lữ Huy Nguyên dịch)

Giới mày râu thường phàn nàn rằng: phụ nữ lắm lúc thật là khó hiểu, khi mình quan tâm tới họ thì họ tránh né, khi không quan tâm thì họ lại tỏ ra không vừa ý. Thật chẳng biết đâu mà lường! Vậy phải làm thế nào đây? Có lẽ bài thơ "Đối thúc" của E. Bagriana sẽ phần nào giúp phái mạnh hiểu được tâm tư, tình cảm của chị em phụ nữ.

Xét về cấu trúc, bài thơ được chia làm hai phần tương ứng với hai nửa tâm trạng của người con gái: khi đau buồn, cô cố gắng chịu đựng một mình; còn khi vui, cô lại muốn san sẻ niềm vui với người yêu. Hai tâm trạng ấy thoạt liên tưởng chừng như trái ngược nhau, đối lập nhau nhưng thực chất chúng là hai nửa bổ sung cho nhau, hoà vào nhau trong trái tim cô gái. Mở đầu bài thơ, cô đã lên tiếng với một giọng thiết tha, gần như là van lơn:

Khi em hờn tui, ốm đau

Xin anh đừng đến... luy sâu sang anh

Một mình chịu khô, cũng đành!

Thường thường, đối với phụ nữ, những khi buồn bã, đau ốm, họ không muốn người yêu của mình phải nhìn thấy mình trong bộ dạng sầu não, tiều tụy. Nhưng hơn thế là họ không muốn người yêu cũng phải sầu não, phiền muộn thay mình. Bởi vậy, họ thường ép lòng, nín nhịn, chịu đựng một mình. Ở đây nhà thơ Bagriana đã cụ thể hoá sức chịu đựng của cô gái thông qua hình ảnh so sánh "Thú kia giấu vết thương mình hang sâu". Nếu như loài thú kia khi bị thương thường đơn độc tìm tới một cái hang thật sâu, ẩn mình ở đó, liếm láp vết thương cho đến khi nào khỏi mới thôi, thì cô gái trong bài thơ cũng vậy.

Những lúc như thế, ai dám bảo phụ nữ là yếu đuối? Không! Có những lúc họ yếu đuối như người ta vẫn hằng nghĩ về họ. Có chăng chỉ là một chút yếu mềm thoáng qua trong lòng (yếu mềm chứ không phải là yếu đuối). Người ta thường nói những lúc cô đơn, yếu mềm, mà cảm thấy sợ hãi thì hay nói thật to, thật nhiều để xoá đi nỗi sợ. Có lẽ bởi vậy mà ta chỉ nhận ra một chút yếu mềm ấy trong lòng cô gái thông qua việc tác giả sử dụng điệp ngữ "một mình" hay "một mình chịu khổ, cũng đành!", "Đã quen đau khổ một mình", "Một mình chịu khổ đã quen". Dường như cô đang muốn khẳng định lại sức chịu đựng của mình đồng thời để trấn an lòng mình. Nhưng nhìn chung, ta vẫn không thể phủ nhận được một sức mạnh phi thường đang ẩn chứa trong lòng cô. Chúng ta cũng đã từng được biết chính sức mạnh ấy đã đem lại cuộc sống tự do và hạnh phúc đến cho My trong truyện ngắn "Vợ chồng A Phủ" của Tô Hoài. Và giờ đây cũng chính là cái sức mạnh tiềm tàng ấy đã giúp cho cô gái của Bagriana vượt qua được mọi đòn đau về thể xác:

Một mình liếm lám niềm đau

Một mình gồng sức phía sau gian phòng

Điều gì đã mang lại cho cô sức mạnh phi thường ấy? Phải chăng là tình yêu? Chỉ có tình yêu chân thành, không vị kỷ mới là sức mạnh giúp cô chiến thắng mọi nỗi đau. Ngược lại, mọi nỗi đòn đau được cô dồn nén lại rồi chuyển hoá thành thứ ngôn ngữ của tình yêu, để bồi đắp cho cây tình yêu thêm xanh tốt:

Bao nhiêu máu độc lại hồng qua tim

Gieo thành ngôn ngữ lặng im

Nơi xa anh có nghe em tự tình?

Nhờ vậy mà mặc dù ở xa, cô vẫn có thể trò chuyện, tâm sự cùng người mình yêu. Nếu biết cô đang ốm đau, buồn tủi, liệu chàng có yên lòng không?... Chắc là chàng sẽ lo nỗi lo của cô! Chàng sẽ đau với nỗi đau của cô! Vậy thì vì cớ gì cô lại gieo vào lòng chàng bồi bận tâm ấy?

Biết là khi mình tránh né có thể người yêu sẽ giận dữ, hoặc lo âu, phiền muộn, cô đã nhẹ nhàng lên tiếng:

Đã quen đau khổ một mình

Sầu em trĩu xuống vai anh làm gì

Trán dùng nhăn nếp nghĩ suy

Thôi dùng tóc rũ hàng mi muộn phiền

Nghe được những lời nói chứa đầy tình cảm này liệu người yêu cô còn có thể phiền muộn được nữa không?

Nếu như nhịp thơ đều, chậm ở đoạn thơ đầu rất phù hợp với tâm trạng buồn bã, trầm lắng thì sang đến đoạn thơ thứ hai nhịp thơ nhanh, không đều lại phù hợp với tâm trạng vui tươi của cô gái. Những khi ốm đau, buồn tủi, cô cố gắng nín nhịn, chịu đựng một mình, ấy vậy mà khi có chuyện gì đó vui vẻ thì cô lại không thể giấu, không thể vui vẻ một mình được. Vậy mới nói phụ nữ quả thật là lạ!

Một mình chịu khổ đã quen

Nhưng khi vui sướng lại thèm có anh

Rót vui từ trái tim mình

Sang tim anh để vẹn tình lứa đôi

Khi đem niềm vui cùng chia sẻ với người yêu, niềm vui trong cô như được nhân lên gấp bội. Tràn ngập trong niềm vui, tràn ngập trong ánh mắt thương yêu của người bạn trai, tâm hồn cô như được chấp thêm đôi cánh để bay lên giữa không gian rộng lớn của niềm hạnh phúc:

Tràn đầy giếng mắt em vui

Mắt anh phan chiếu, với lời hát em

Và rồi lời ca tiếng hát càng góp phần làm cho hạnh phúc của họ được trọn vẹn hơn, dịu êm hơn:

Từ đôi môi mộng dịu mềm

Câu ca đậu xuống êm đêm môi anh

Đọc thơ của Bagriana, ta thấy ở hồn thơ của bà có một chút gì đó tương đồng với hồn thơ của Xuân Quỳnh mặc dù họ là hai người phụ nữ ở hai đất nước khác nhau và đặc biệt là họ sống cách xa nhau cả thế kỷ. Phải chăng đó là

những tâm hồn phụ nữ yêu thương nồng nhiệt, lúc nào cũng dành trọn tâm sức để chi chuốt cho cái hạnh phúc bình dị của đời thường?

Tóm lại, tình yêu luôn có quy luật riêng của nó. Nếu ta chỉ biết lý giải những vấn đề của tình yêu như những vấn đề thông thường khác trong cuộc sống thì quả là rất khó khăn. Nhưng nếu ta biết dùng ngôn ngữ của tình yêu, biết lắng nghe tiếng nói từ chính trái tim yêu thương chân thành thì ta sẽ dễ dàng có được lời giải đáp xác đáng.

(Mai Dịch, tháng 5/2002)

Mẹ

Con về thăm mẹ chiều mưa

Mới hay nhà dột gió lùa bốn bên

Hạt mưa sơi thẳng sơi xiên

Cứ nhằm vào mẹ những đêm trắng trời

Con đi đánh giặc một đời

Mà không che nổi một nơi mẹ nằm

(Tô Hoàn – Tuyển tập thơ lục bát Việt Nam tái bản–2000)

Bài thơ này vừa được tuyển chọn vào "Tuyển tập thơ lục bát Việt Nam" tái bản tháng 7 năm 2000, Nhà xuất bản Văn hoá Thông tin ấn hành.

Chúng tôi có bài thơ này nhờ một lần nhà thơ quân đội Trần Đăng Khoa chép và gửi cho báo Giáo dục và Thời đại. Khoa bảo: "Bài thơ in ở báo Quân khu 3, Khoa nhớ và chép cho anh". Tôi sống người vì tiếc. Giá bài thơ được in vào trang thơ dự thi của báo chí thì giải là cầm chắc. Hôm Trần Đăng Khoa đưa bài "Mẹ", cuộc thi đã khép lại rồi! (cuộc thi thơ lục bát, báo Giáo dục và Thời đại).

Đây là một bài thơ hay với mọi người đọc dù người đó thích thơ truyền thống hay thơ hiện đại, dù người đó thích thơ Việt vẫn điệu mượt mà ngân lên

như hát hay theo thứ thơ "lai Tây" lũng ca lũng củng, lục cục lao cào! Bài thơ hay vì nó giản dị, ít lời và truyền cảm.

Con về thăm mẹ chiều mưa

Mới hay nhà dột gió lùa bốn bên

Cái "chiều mưa" đúng là cái kíp nổ của bài thơ. Nếu hôm anh về thăm mẹ mà trời nắng thì tình ý một chút anh cũng có thể biết là nhà dột nhưng không cảm được tận đáy lòng cái nỗi.... dột này!

Câu thơ có một chút thảng thốt ở hai từ "mới hay". Thì ra trước đây, anh không biết gì, anh cứ tưởng...

Cái sự "gió lùa bốn bên" là anh viết thật. Mái dột nhưng cả phen cũng rách thì gió mới "lùa bốn bên" được, nghĩa là cái nhà của mẹ thật tồi tàn.

Hai câu tiếp theo thật rát:

Hạt mưa sơi thẳng sơi xiên

Cứ nhằm vào mẹ những đêm trắng trời

Hình như có bản đầu đó in "Hạt mưa sơi đứng, sơi xiên", cũng không sao vì sắc thái biểu cảm của câu thơ không thay đổi. Người đọc cảm thấy những hạt mưa ấy cũng đang làm buốt lòng mình. Đời người ta có khi ăn mặc đói rách nhưng trời còn cho ngủ ngon lấy sức, đằng này mưa dột, giọt mưa hắt, bắn vào người làm cho mẹ không ngủ được mà ác nghiệt thay, đây là những "đêm trắng trời" mẹ nằm nhớ đứa con đi đánh giặc ở chiến trường xa!

Câu kết như một niềm ân hận và cao hơn nữa là một sự phản tỉnh của lương tri:

Con đi đánh giặc một đời

Mà không che nổi một nơi mẹ nằm

Người con thương mẹ, giạt mình mà nói vậy chứ đâu chỉ có lỗi của anh? Câu thơ ghim vào lòng người đọc, vào mỗi chúng ta, nhắc chúng ta rằng hạnh phúc của con người thiết thực, cụ thể, có khi tưởng là nhỏ bé nhưng thật ra lớn lao vô cùng. Có khi ai đó mơ ước những cái cao xa trên chín tầng mây mà quên đi mái nhà còn dột của người mẹ chiến sĩ.

Tác giả bài thơ này—nhà thơ Tô Hoàn là một sĩ quan cấp tá về hưu ở Bắc Giang. Tôi chưa gặp anh lần nào nhưng cũng đã hơn một lần đồng cảm với những nỗi niềm nhân bản trong thơ anh.

Bài thơ đi cheo leo trên một sợi dây mỏng mảnh, một bên là thơ lục bát và một bên là một bài ca dao mới. Nó là bài thơ lục bát vì cái tứ thơ rất rõ. Chỉ có ba cặp lục bát không hơn không kém mà nó nói được với chúng ta bao nhiêu điều về tình mẹ con, về hậu phương và tiền tuyến.

Ấm ảnh và day trở, bài thơ hay vì được viết ra bằng một phút xuất thần của tác giả. Đọc xong, người đọc có thể nghĩ: hay quá nhưng cũng ... dễ quá, có gì cao siêu đâu nhỉ mà sao mình lại không nghĩ ra?

Lời bình của Nguyễn Bùi Vợi

”Với anh” của Phạm Thu Yên

Dẫu biết rằng anh rất yêu em
Vẫn có lúc lòng em trống trải
Yêu em đấy nhưng lòng anh e ngại
Trái tim đa cảm nơi em
Biết làm sao em vẫn dễ vui buồn
Rung rung mãi trước một bài hát cũ
Một câu thơ hay trái tim nức nở
Khát khao bao nhiêu trước một buổi bình minh
Em sẽ ra sao nếu chẳng là mình
Quên lãng hết ước mơ thời thiếu nữ
Chỉ làm ăn, nuôi con, giặt giũ
Chắc chẳng còn đáng được anh yêu
Nếu cho em làm lại từ đầu
Người em chọn vẫn chỉ là anh đấy
Anh là cuộc đời em, giản đơn sâu sắc vậy

Đừng ghen hờn với trái tim em

Bài thơ bình ở đây nếu kỹ tính chắc chưa thể ụng ý để gọi là một bài thơ hay theo nghĩa toàn bích. Bài thơ còn ở dạng khá đơn giản (không phải là giản dị), các ý tưởng được trình bày trực tiếp bằng ngôn ngữ của tác giả chủ yếu lại là thứ ngôn ngữ khái niệm, ít hình tượng và các thủ pháp nghệ thuật. Bài thơ “Vội anh” của Phạm Thu Yến không tràn ngập cảm xúc, cũng không nói lên một điều gì mới mẻ, tuy nhiên phải công nhận rằng đây là một ý tưởng hay, ý thú và bổ ích nhân tiên trong đời sống tình cảm gia đình. Và với vẻ thành thực, dịu dàng rất phụ nữ, bài thơ đã đặt ra và giải quyết được một trong những tình huống, hay đúng hơn là một tâm thế rất thường gặp trong quan hệ vợ chồng, người yêu. Xét trên phương diện ấy, có thể nói tác giả đã thành công và như thế cũng đã là đủ cho một bài thơ.

Bài thơ không những nhắc ta phải biết quý trọng thế giới riêng cũng như bản sắc tâm hồn của người mình yêu mà còn khuyên cáo ta phải biết giữ lấy những nét riêng và bản sắc ấy trong suốt cuộc sống chung đôi, vì một trong những bản chất làm nên sức kỳ diệu không cùng của tình yêu chính là sự bí ẩn của cả thế xác lẫn tâm hồn

Tô Hoàn

Khi lấy anh, chị mười tám tuổi

Hai mươi năm cài then cửa chờ chồng

Hai mươi năm nước mắt đầm áo gối

Đêm mùa nào với chị cũng mùa đông

Mỗi ngày nhớ mỗi mòn đôi mắt chị

Hai mươi năm mong một lá thư về

Hai mươi năm chờ tay anh gõ cửa

Ngọn đèn đùa lừa chị những canh khuya

Người vợ xưa chờ chồng hoá đá

Nước mắt rơi núi trắng sương mù

Chị chờ anh buồn đau hơn kiếp đá

Ôi cuộc đời đâu cần lắm Vọng Phu

Dường như đối với các văn nghệ sĩ, người mẹ, người chị là cả một niềm thơ. Nếu như khi hướng về mẹ, ngòi bút của họ thường rung rung, cung kính, thì khi đối với chị, đó là cả một niềm trân trọng, thiết tha. Ngay cả trong một bài thơ đầy bi phẫn và quyết liệt như "Tống Biệt hành", người li khách ấy khi nhắc về chị cũng ngậm ngùi thương cảm, xót xa. Ta đã từng có một người chị giàu đức hy sinh như "Chị tôi" của Trọng Đài, của Ngọc Châu, nay lại gặp một "chị tôi" rất đỗi phiền ưu của Tô Hoàn. Người chị ấy không đau nỗi đau muộn mằn, mà người chị ấy đau vì nỗi phải làm người chinh phụ trông chờ một khách chinh phụ đàng đẵng, biền biệt... Bên cạnh đó, hình ảnh người chinh phụ khắc khoải bóng kẻ chinh phu không biết tự lúc nào đã trở thành nguồn cảm tác của bao thế hệ thi nhân, nổi tiếng là "Chinh phụ ngâm" của Đoàn Thị Điểm, hay một nét cảnh trong "Tiếng thu":

Em không nghe rạo rục

Hình ảnh kẻ chinh phụ

Trong lòng người cô phụ

(Lưu Trọng Lư)

Và đặc biệt, nhà thơ Hữu Loan đã từng cảm thán:

Ôi lấy chồng chiến binh

Lấy chồng thời chiến chinh

Mấy người đi trở lại?

Sợ khi mình đi mãi

Sợ khi mình không về

Thì thương người vợ bé nhỏ

(Chuyện hoa sim)

Thế nhưng, "người em nhỏ hậu phương" trong "Chuyện hoa sim" đã ngã xuống, thể hiện sự tàn bạo của chiến tranh, để lại bao đau đớn, xót xa cho

"người trai khói lửa". Người con gái ấy đã ngã xuống, thanh thản, nhưng còn người chinh phụ trong "Mong chờ" không được sự thanh yên đó, chị đã phải sống, sống lay lắt, sống mòn trong một niềm hy vọng, một niềm tin vô bờ với người viễn phu.

Tuy gọi người cô phụ ấy bằng "chị", nhưng chắc gì người phụ nữ ấy thực sự là chị của nhà thơ? hay đó chỉ là một thủ pháp nghệ thuật tăng niềm xúc cảm cho bài thơ? hoặc là nhà thơ đã cảm kích trước tấm lòng son sắt của người chinh phụ để rồi trân trọng gọi bằng "chị" với một niềm kính thương tha thiết?

Khi lấy anh, chị mười tám tuổi

Hai mươi năm cài then cửa chờ chồng

Hai mươi năm nước mắt đầm áo gối

Đêm mùa nào với chị cũng mùa đông

Ngày lấy chồng, chị vừa trong xuân sắc. Thế nhưng, trong thời binh loạn, hạnh phúc chung đã mất thì hạnh phúc riêng đâu còn. Anh bỗng súng đi gìn giữ hạnh phúc lớn của đất nước, và cũng để bảo toàn hạnh phúc con của mình. Thời chinh chiến, người ta không đo thời gian bằng ngày nữa, người ta cũng chẳng đo bằng năm, mà là chục năm. Và chị, ngót 20 năm trời, búi tóc chờ chồng. 20 năm, đó là một khoảng thời gian không dài nếu so với thời gian trường kỳ kháng chiến, nhưng cũng chẳng phải là ít đối với một đời người, nhất là đối với tuổi xuân. Đối với phụ nữ bây giờ, thời gian quả là kẻ thù của sắc diện, nhưng vào cái thời ấy, thời gian chính là kẻ thù của lòng tin. 20 năm đằng đẵng trôi qua, mà bóng anh vẫn mịt mù nơi góc biển. Thương thay người cô phụ quạnh quẽ phòng không, lạnh lẽo một mình. Thế cho nên:

Hai mươi năm cài then cửa chờ chồng

Hai mươi năm nước mắt đầm áo gối

Đêm mùa nào với chị cũng mùa đông

"Hai mươi năm cài then cửa chờ chồng", câu thơ ấy không thuần chỉ thông tin về chị, không chỉ là một câu thơ "vật liệu" để xây dựng bài thơ. Câu thơ ấy sâu sắc biết bao, nó ca ngợi lòng thủy chung, son sắt, một lòng một dạ

của người chinh phụ. câu thơ ấy là hàm súc, và hay hơn cả trong tất cả các câu thơ "thông tin" về 20 năm của chị:

Hai mươi năm cài then cửa chờ chồng

Hai mươi năm nước mắt đầm áo gối

Hai mươi năm mong một lá thư về

Hai mươi năm chờ tay anh gõ cửa

Sự cô đơn, lạnh lẽo hằng đêm lại xéo quặn trái tim chị, nỗi mong chờ khắc khoải ngày ngày lại đoạ đầy đôi mắt chị. Dường như trong mắt chị, người ta chỉ thấy một màn thương nhớ bao phủ, ngự trị; tuyệt nhiên không có điều gì khác có thể đục thủng màn nhớ thương ấy, vương đọng nơi mắt chị nữa.

Đêm mùa nào với chị cũng mùa đông

Mỗi ngày nhớ mỗi mòn đôi mắt chị

Thế rồi, trông chuyện nay mà nghĩ đến chuyện xưa. Câu chuyện ngàn đời "chờ chồng hoá đá" sao quá thực? quá đớn đau? Thế nhưng người vợ xưa còn có thể hoá đá Vọng Phu bỗng con ngày ngày vọng dõi trông chồng, người vợ nay không thể trở thành đá, mà chị cứ vẫn phải sống, sống mòn trong nỗi khắc khoải, nhớ thương, cô lẻ, lủi thủi đi về tuyệt một mình. Hoá ra, thành đá đôi khi lại giúp người ta bớt sầu muộn hơn?

"Ôi cuộc đời đâu cần lắm Vọng Phu". Câu thơ cuối bài kêu lên như một tiếng cảm thương đầy đau xót cho số phận của những người phụ nữ chờ chồng. Câu thơ ngân lên một niềm cảm xót, tiếng ngân ấy như đập vào vách thành núi đá Vọng Phu sừng sững giữa bài thơ, âm vang, đồng vọng tạo nên một dư ba trong lòng người.

Yến Vi

“Vô lý” của Giáng Vân

Cũng chẳng biết vì đâu mà khóc
Khi anh đi qua không kịp thấy mình
Bước vội vã, có điều gì phía trước
Có điều gì mà không phải vì em?
Nỗi tủi lòng cứ thế ngập trong tim
Không biết gió cứ ào lên từng đợt
Cũng chẳng hiểu vì sao mình không tan thành nước
Chảy ngược chiều đường anh.

Tôi mạnh dạn gọi đây là một bài thơ hay, tuy có vẻ như từ ngày ra đời nó chưa thực sự gây ấn tượng gì đặc biệt cho công chúng yêu thơ, vì nó không tung ra được một chất liệu hay thủ pháp thơ nào thật mới mẻ, độc đáo, ngay cả nguồn cảm xúc ở đây cũng dịu dịu, nhẹ nhẹ với những từ ngữ hiền lành... rất dễ bị chuội đi trong lòng người đọc vào cái buổi thơ tuôn ra như thác lũ hiện nay. Ấy vậy mà xin bạn cứ nhẫn nha đọc kỹ, nghĩ kỹ một chút, bạn sẽ thấy trong cái vóc dáng bé nhỏ vẹn vẹn có tám câu thơ, bài thơ vẫn động đến không biết bao nhiêu điều về thế giới tâm hồn của con người trong tình yêu cũng như trong cuộc sống nói chung.

Anh Ngọc

XIN.....

Em đem thân hành khát

Khát thực thươ sớ sinh

Em xin gì thế nhỉ ???

Chút sữa cho ấm lòng

Hay xin tình mẫu tử

Đừng bỏ bé bơ vơ

Lạc lõng giữa sương mờ

Em nằm đây má hồng phơn phớt thắm

Chiếc nôi xinh là nón lá, ke ăn mỳ

Môi chúm chím tái cùng sương tuyết lạnh

Trơ trọi lắm ,thế đời bao bất hạnh

Em bé quá dễ biết đời đau khổ

Em ăn xin trong nỗi niềm bất tận

Trái tim non em nào biết đời đau**Đôi môi thơ thỉnh thoảng chúm chím cười****Em mỉm cười cho nhân gian khóc ,bơi vì em****Em thơ quá dễ cho trời ứa lệ****Khúc dạo lòng ai rao bán nữa... tình thương**

(Nhân Phong)

Trẻ con luôn là niềm thương, niềm hạnh phúc của tất cả mọi người. Trẻ con là biểu tượng của sự vui tươi, hoà bình. Trẻ con là "mầm", là "búp" mà mọi người đều nâng niu, chăm chút. Thơ ca nói về trẻ em, cũng đều đề cập đến những đặc điểm ấy của các em:

Trẻ em là búp trên cành

Được ăn, được ngủ, được học hành là ngoan

Thế nhưng, có phải tất cả trẻ em đều có thể "được ăn, được ngủ, được học hành" như thế không? Một lần rong ruổi trên phố, Phong đã bắt gặp một cảnh tượng hết sức đau lòng về một "búp măng" sớm bị vùi dập; đấy là một đứa bé hành khất nằm trơ trọi bên hiên vắng. Thương cho em sớm phải "mang thân hành khất, khát thực thuở sơ sinh", anh băn khoăn mãi một nỗi niềm "Em bé ấy xin gì?", và nỗi ray rứt ấy cứ khắc khoải, quặn thắt, trở thành đầu đề của bài thơ "Xin...". Tiêu đề còn bỏ lửng như mong mỗi một sự hoài đáp, thể hiện sự cùng cực bế tắc trong việc tìm kiếm lời giải đáp.

Phải, anh hoang mang là phải. Bởi lẽ, khi con người ta thiếu thốn, vô phương mới bắt đắ dĩ đi con đường mạt vận, tủ nhục nhất là đi xin mà thôi. Thế mà ... em bé ơi, em thiếu thôn gì? em mong mỗi gì? Tiền ư? Em đâu cần. Vậy em cần chi? "Em xin gì thế nhỉ???" Một câu hỏi đi kèm ba dấu hỏi chấm thể hiện sự cùng cực của nỗi thảng thốt, hoang mang. Anh liên tiếp đưa ra những phỏng đoán

Chút sữa cho ấm lòng**Hay xin tình mẫu tử**

Đùng bo bé bơ vơ**Lạc lõng giữa sương mờ**

Dường như những phỏng đoán ấy, cái nào cũng hợp lý cả, cũng làm cho người ta thất lòng cả. Nhưng nếu em xin sữa, điều ấy thật không khó, cái khó là bé không xin sữa, bé xin chút tình thương của người mẹ đã để bé cù bắt cù bơ vơ nơi vỉa hè, dưới trời sương giá. Chẳng biết em có chịu đựng được cái rét ẩm của "sương mờ" đang từ từ thấm thấu qua lớp da mỏng manh, lan toả khắp thân thể nhỏ bé, yếu đuối không? Chẳng biết mẹ của em có chạnh lòng khi để em cô độc giữa trời sương gió thế này không? Chẳng biết ... Sao mà nhiều điều ta "chẳng biết" thế nhỉ? Đối diện với em, ta chỉ thấy em thật thiên thần. Một thiên thần lạc lõng giữa chốn phù không.

Kiếp hành khát không tàn ác đến nỗi đoạt mất của em sự ngây thơ, hồn nhiên, vô tư

Em nằm đây má hồng phơn phớt thắm**Chiếc nôi xinh là nón lá, ke ăn mày****Môi chúm chím tái cùng sương tuyết lạnh****Tơ trời lấm ,thế đời bao bất hạnh****Em bé quá để biết đời đau khổ****Em ăn xin trong nỗi niềm bất tận****Trái tim non em nào biết đời đau****Đôi môi thơ thỉnh thoảng chúm chím cười****Em mỉm cười cho nhân gian khóc Ợ vì em****Em thơ quá để cho trời ứa lệ****Khúc dạo lòng ai rao bán nữa... tình thương**

Giữa dòng đời cuộn trôi, em vẫn bình thản nằm đây, dấu yên bình trên gương mặt em còn đọng, một nụ cười màu tím của em đã mang đến cho em một

giấc mộng dịu êm trong "chiếc nôi xinh", nơi giang sơn riêng mà em ngự trị; một nụ cười màu tím của em đã làm chùn bước chân kẻ lữ khách, đã làm rơi lệ cả nhân gian. Em không phù hợp với nơi này, sự trái khoáy ấy em nào biết, bởi lẽ "em bé quá", "em thơ quá"; chỉ có những người "biết đời đau khổ" mới vì "đôi môi thơ thỉnh thoảng chúm chím cười" của em mà "ứa lệ" "khóc bởi vì em" mà thôi.

Câu thơ cuối cùng chốt lại bài, nhưng không chốt lại cảm xúc lòng người. Khúc hát rong của người hành khất đã trở thành "khúc dạo lòng" những kẻ vị nhân, cay đắng ở chỗ, "khúc dạo" ấy lại là lời "rao bán tình thương". Lời hỏi rao bán ấy là của ai phát ra? Không thể là em, thiên thần bên lề, hay là của người đã dùng em làm món hàng để bán tình lấy tiền? Không, đấy là của người vừa chứng kiến đôi môi em nhoẻn nụ cười trong mơ. Dường như anh sợ tình thương của mình chưa đủ trả đáp cho em giữa đêm sương, anh cầu mong tình thương của bao người qua lại rủ chút cho em. Thế nhưng, có ai đoái hoài, có ai cho không em? Đành phải mua mà thôi, dùng lòng mà mua lòng. Thật xót xa!

Yen_Vy

Điều có thật

Em cứ nghĩ đó là trong cổ tích
Chuyện hai người thời trẻ yêu nhau
Rồi xa cách bởi cuộc tình ngang trái
Để nhớ thương đi bạc mái đầu

Em vẫn nghĩ đó là huyền thoại
Chuyện nàng Tô hóa đá trông chồng
Đôi trai gái thương cuộc tình dang dở
Mà hóa thành núi Cốc sông Công
Nhưng khi đã xa anh ngàn ngày lẻ
Dửng dưng qua bao khuôn mặt trong đời
Em mới hiểu đó là điều có thật
Trong mỗi người chỉ có một người thôi.

*** Chuyện kể rằng: ngày xưa có một đôi trai gái yêu nhau thắm thiết, nhưng tạo hoá trớ trêu đã chia duyên rẽ thuy, đôi người đôi ngã. Thế nhưng khoảng cách không là rào cản tình yêu. Dù mỗi phương một phương, nhưng họ

vẫn luôn hướng về nhau, dẫu thời gian phủ sương lên tóc, nhưng tình yêu vẫn trinh nguyên thuở ban đầu. Lại có chuyện người chinh phụ chờ khách chinh phu mòn mỏi thành đá,... Những câu chuyện ấy bước ra từ huyền thoại, từ cổ tích đi vào lời kể, truyền miệng qua bao đời, thế nhưng đã ai từng chứng kiến bao giờ? Thê là truyền thuyết vẫn là truyền thuyết, thêm ý vị cho đời, cho cuộc sống, nhưng chẳng ai hề mục kích sở thị bao giờ, nên những câu chuyện ấy đối với "em" đơn thuần chỉ là "truyện" mà thôi. Ai mà ngờ sự tích thành sự thật, những "văn nghĩ" của "em" đã hoàn toàn đổi khác khi mà "đã xa anh ngàn ngày lẻ".

Có người nào đó đã nói rằng: "thời gian là thuốc thử của tình yêu". "Ngàn ngày lẻ" mà cô gái thốt lên thật nhiều ý nghĩa: hoặc là một thời lượng không xác định, chỉ một thời gian rất dài, dài đằng đẵng, hoặc là cô gái đã ngồi đếm từng ngày trôi qua kể từ khi chàng trai cất bước. Hiểu theo cách nào đi chăng nữa, cũng rõ ràng hiển hiện một tấm chân tình đáng trân trọng: "dừng dung qua bao khuôn mặt trong đời". Dường như tâm trí cô, trái tim cô đã ăm ắp một bóng hình, không thể thay thế, không thể chất chứa thêm. Từ đó, cô mới ngỡ ngàng nhận ra: "Trong mỗi người chỉ có một người thôi"; thì ra những câu chuyện thuỷ chung, thắm thiết trong truyền thuyết, cổ tích thuở nào là điều có thật, thật, rất thật. Và nó đang xảy ra với cô đây, mà thế gian này đâu chỉ mình cô yêu, biết yêu? Vậy là bao câu chuyện nồng hậu xa xưa thuở nào, qua bao trải nghiệm tháng năm vẫn hoàn nguyên giá trị và mãi sáng tươi.

Yen_Vy

Cho một người” của Anh Ngọc

*Tiền người ra, cua rồi
Tôi quay vào lặng lẽ
Chợt thấy mình cô đơn
Giữa ngổn ngang bàn ghế.
Khi người không yêu ta
Buồn đã đành một nhẽ
Khi ta không yêu người
Sao cũng buồn đến thế?
Như đánh mất điều gì
Lòng bâng khuâng khó ta
Như thế mắc nợ ai
Món nợ không thể trả.
Có lẽ ta thương người
Giờ này đang lụi thui
Hay là ta thương ta*

Từng chịu nhiều hắt hui

Ngỡ chẳng có gì đâu

Mà sao thành rắc rối

Tất cả chỉ một lời

Nói hay là không nói?

Đọc thơ Anh Ngọc như chợt được một lần bắt gặp cảm xúc của chính mình, mà đâu phải của riêng mình:

Khi người không yêu ta

Buồn đã đành một nhẽ

Khi ta không yêu người

Sao cũng buồn đến thế?

Khổ thơ như trải ra trước mắt chính trái tim và những điều còn ẩn giấu. Ai lại không biết nữa: Yêu mà không được yêu thì đau khổ là chuyện của muôn đời. Yêu đơn phương một người mà chuốc lấy nỗi đau cho riêng mình rõ ràng là chuyện của không ít người. Còn:

Khi ta không yêu người

Sao cũng buồn đến thế?

là của riêng ai?

Xin đừng giấu cảm xúc của mình nữa. Xin đừng cố tỏ vẻ thờ ơ trước những lời yêu dành cho mình dấu mình "Không yêu người". Có tiếc nuối, có băng khuâng, có hụt hẫng như vừa đánh mất cái gì đó của mình, dấu mình còn chưa nhận. Nghĩ thật hay người ta trao tặng mình không muốn nhận nhưng trả đi rồi lại thấy băng khuâng, liệu không muốn nhận hay không thể nhận? Để nhắm mắt tiếc nuối:

Như đánh mất điều gì

Lòng băng khuâng khó ta

Như thế mắc nợ ai

Món nợ không thể trả

Mắc nợ? Nợ ân tình người trao tặng cho ta, nợ một tình yêu. "Không yêu người" mà như thể mình mắc nợ, cái món nợ có nguyên do. Ai đủ can đảm để cắt xử rạch rời cái món nợ kia, món nợ của riêng mình hiểu và tự mình nhắc mình. Câu thơ như một sự day dứt, dằn vặt. Chỉ "như thế" thôi nhưng rõ ràng không thể là sự buông xuôi hờ hững trước món quà được tặng.

Từ trong sâu thẳm những tiếc nuối day dứt băng khuâng ta bắt gặp một sự so sánh quả hơi lạ ẩn sau chút màu sắc vị kỷ:

Có lẽ ta thương người***Giờ này đang lụi thui******Hay là ta thương ta******Tùng chịu nhiều hắt hui***

Có lẽ phải thế, nghĩ mình rồi ắt sẽ nghĩ đến người cái vị kỷ của Anh Ngọc dắt người đọc đến sự đồng vọng cảm xúc của con tim. Thế mới hiểu, ta thương kẻ ăn mày bởi ta sợ một ngày kia ta cũng lâm vào cảnh ăn mày như họ (ý của một nhà thơ dạn con). Còn Anh Ngọc thương người bởi ta từng chịu chứ không phải sẽ chịu. Câu thơ nhờ đó toát lên một tâm sự kín đáo nhưng không kém phần chân thật. Thì ra "cho một người" nhưng cũng là để cho mình. "Hay là ta thương ta" câu thơ chọt buốt đau một câu tự hỏi dành cho mình, một sự hiểu mình đến thương người sâu sắc.

Cái làm cho cả bài thơ chọt khó hiểu và trở nên như bài toán đố, là ở khổ thơ cuối cùng, khổ thơ khép lại bài thơ, dẫn người đọc về với cái nơi bắt đầu của nó. Cứ tưởng hiểu hết phần nào chọt trở nên mông lung không tài nào đi sâu hơn được nữa là thế này đây:

Ngỡ chẳng có gì đâu***Mà sao thành rắc rối******Tất cả chỉ một lời******Nói hay là không nói?***

Nói gì? Không nói gì? Nói những băng khuâng khó tả, nói những tiếc nuối day dứt, nói cái ngổn ngang khi "chợt thấy mình cô đơn", hay sẽ nói về "ta thương ta từng chịu nhiều hắt hủi?". Chỉ có thể thôi mà trở thành rắc rối, chỉ có thể thôi mà làm thơ tặng "cho một người", nhưng cũng chỉ dừng lại được ở đó.

Khi tôi nhìn bóng người ấy khuất xa, mới biết mình thương đến tột cùng câu thơ và những điều Anh Ngọc muốn "nói hay không nói". Không, không thể nhận món quà người ấy tặng cho ta, cả trái tim và tình yêu chân thành nhất nhưng nói lời chối từ đâu để phải không ai? Để mãi còn day dứt:

Tất cả chỉ một lời

Nói hay là không nói?

Lời bình của Nguyễn thi Thu Hai

“Không đề” của Văn Cao

Con thuyền đi qua để lại sóng đoàn tàu đi qua để lại tiếng, đoàn người đi qua để lại bóng, tôi không đi qua tôi để lại gì?

(Tuyển tập thơ Việt Nam 1975–2000)

Thơ cũng như gương mặt người con gái. Có vẻ đẹp trời cho, có vẻ đẹp cha mẹ cho. Có cái đẹp sắc sảo, có cái đẹp thủy mị. Một cái nốt ruồi xinh xinh đặt ở đâu đấy trên mặt tạo nên một sự hài hoà, nhưng nếu đặt không đúng chỗ sẽ tạo nên sự phản cảm....

Thơ hay cũng có nhiều cách: hay vì lời đẹp, hay vì tình nồng, hay vì ý sâu, hay vì ý tưởng mới. Có bài thơ tác giả viết, chữ trào ra đầu bút, bụng dạ như sắp phát cuồng. Có bài thơ đến nhanh như một bài thuộc lòng chép sẵn. Có bài thơ như tự nhiên nhật được. Có bài thơ là sự chiêm nghiệm một đời, sự đau đớn trần trở một đời, sự ám ảnh một đời. "Không đề" của nhạc sĩ Văn Cao thuộc loại đó chăng?

Nghe ra thì thật dễ và tưởng như không có gì:

Con thuyền đi qua để lại sóng đoàn tàu đi qua để lại tiếng đoàn người đi qua để lại bóng

Có khả năng quan sát đời sống là có thể có được những ý thơ này—ba câu thơ cùng một cách diễn đạt, một mô típ. Đây là sự quan sát bằng mắt, bằng tai nhưng đến câu cuối "Tôi ***không đi qua tôi/ để lại gì?***". Chữ "***tôi***", ở đầu dòng ***xác định tác gia là chủ thể, chữ "tôi"*** cuối dòng là bản thể. Chữ "***tôi***" cuối câu

là "nhãn tư", "thần tư" của cả câu và cả bài. Không có chữ "tôi" ấy, bài thơ không có lý do tồn tại.

Theo cách lý giải đơn giản ở trên "Con thuyền đi qua để lại sóng/ đoàn tàu đi qua để lại **tiếng/ đoàn người đi qua để lại bóng...**" **người đọc sẽ hơi khựng lại một chút khi đọc câu cuối "tôi không đi qua tôi/ để lại gì?" rồi tâm tượng oà vỡ trong niềm thú vị**, cảm thông, gật gù tán thưởng: Văn Cao muốn nói đến đời sống tâm hồn, tình cảm, tư tưởng của người nghệ sĩ mà từ cá nhân mình ngẫm ra, ông đã thấy. Người nghệ sĩ không thể chỉ "đi qua" cuộc đời như con thuyền (cũng đủ để lại sóng!) như con tàu (cũng đủ để lại tiếng) như đoàn người (cũng đủ để lại bóng) mà phải đi qua mình nghĩa là lắng nghe, cảm nhận, sàng lọc, đánh giá, rung cảm, kiểm nghiệm, vật vã với chính lòng mình, tâm can mình mới mong để lại cho đời một chút tinh chất của tài hoa sáng tạo.

Đây không phải loại thơ dùng trí thông minh, ngồi một lúc nghĩ ra mà là đã trăn trở, day dứt, ngẫm nghĩ một đời đến một lúc nào đó, câu thơ vọt ra, có lúc người để ra nó, cũng còn thấy bất ngờ, hướng chi người đọc!

Phàm bài thơ hay, câu thơ hay, đọc xong, mình lại thấy không có gì ghê gớm cả, sao mình lại không nghĩ, không cảm, không viết được như thế nhỉ? Bài thơ hay là bài thơ ai cũng thấy là... của mình.

Lời bình của Nguyễn Bùi Vợi

“*Hoa cỏ may*” của Xuân Quỳnh

Cát vắng, sông đầy cây ngẩn ngơ
Không gian xao xuyến chuyển sang mùa
Tên mình ai gọi sau vòm lá
Lối cũ em về nay đã thu
Mây trắng bay đi cùng với gió
Lòng như trời biếc lúc nguyên sơ
Đắng cay gửi lại bao mùa cũ
Thơ viết đôi dòng theo gió xa
Khấp nẻo dăng đầy hoa cỏ may
Áo em sơ ý cỏ găm đây
Lời yêu mỏng mảnh như màu khói
Ai biết lòng anh có đổi thay?

Bài thơ mang tên một loài hoa cỏ không nhằm vào đối tượng hoa để miêu tả hay nhân đó mà đàm đạo một điều gì. Cái bình thường đến mức tầm thường của chất liệu sống ở đây là để gọi về một ý tưởng khác, một cảm xúc khác: Đó là sự xúc động băng quơ trước những tác động vu vơ và không đâu của ngoại cảnh, nó chỉ rõ ràng hơn một chút cái mà Xuân Diệu từng nói: "Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn".

Bài thơ không định nói một điều gì thật rõ ràng, mạnh mẽ, một ý tưởng sâu sắc hay một cảm xúc to tát, dâng trào... Nó chỉ là một câu hỏi băng quơ, hay đúng hơn là một tiếng thở dài nhẹ nhẹ. Tất cả chỉ có thế thôi.

(suu tâm)

Thi sĩ Hàn Mặc Tử và trăng

Năm hai mươi bốn tuổi, Hàn Mặc Tử cho ra mắt tập thơ đầu tiên với cái tên hết sức bình dị "Gái quê". Âm điệu chung của tập thơ êm đềm, nhẹ nhàng, du dương, man mác. Giữa cái âm điệu chung ấy đột ngột xuất hiện đôi câu, đôi hình ảnh khác lạ gây ấn tượng mạnh như là điềm báo một hồn thơ dị biệt. "Bên lèn" được nhiều người nhắc nhở một phần do cách nói khác lạ ấy:

Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu

Đợi gió đông về để lả lơi

Lần đầu tiên trong thi ca Việt Nam xuất hiện hình ảnh: "Trăng nằm sóng soãi...". Xưa nay ta chỉ thấy trăng treo, trăng đậu, trăng lấp ló... chưa từng ai thấy "trăng nằm" cả. Nhìn thấy "trăng nằm" quả là khác thường. Dấu hiệu của sự khác thường đó đã có mầm mống từ bài thơ đường luật "Thức khuya" với hình ảnh "Bóng nguyệt leo song sờ sẫm gối" của Tử. Từ "bóng nguyệt leo..." đến "trăng nằm sóng soãi...", đã hé mở một cách nói về trăng không giống ai. Thực ra Hàn Mặc Tử không phải là người đầu tiên nhân cách hoá trăng... Nhưng nhìn thấy "trăng nằm", "trăng leo" thì chỉ có Hàn Mặc Tử.

Cách nói của Tử lạ nhưng không kỳ bí. Một đôi nhà thơ muốn làm lạ thơ mình bằng cách đưa vào những cách thể hiện bí hiểm. Tử không hề bí hiểm. Cái dáng "nằm sóng soãi" của trăng rất gần gũi, quen thuộc. "Nằm sóng soãi" là một kiểu nằm hết sức thoải mái, tự nhiên. Trăng không chỉ "nằm sóng soãi" mà còn: "Đợi gió đông về để lả lơi". Trăng cũng thèm khát như người, cũng đa tình như người. Phải chăng từ cách thể hiện này của Hàn Mặc Tử mà Hoài Thanh,

Hoài Chân trong cuốn "Thi nhân Việt Nam" cho rằng "Gái quê" của Hàn Mạc Tử "không có vẻ mơ màng, thanh sạch"? Còn Vũ Ngọc Phan thì so sánh: "Cái quan niệm về tình yêu của Hàn Mạc Tử không được thanh cao như Thế Lữ". Một đằng tả tình yêu ở chốn bồng lai tiên cảnh, ở cõi mộng; một đằng tả tình yêu nơi cõi trần khác nhau là chuyện bình thường. Có thể cái quan niệm về tình yêu của Hàn Mạc Tử không thanh sạch như Thế Lữ nhưng đổi lại tình yêu của Tử đời thường hơn, gần gũi hơn, chân thật hơn. Tử không hề giấu giếm khát vọng trần tục của mình. Điều đáng nói là Hàn Mạc Tử trần tục nhưng không dung tục. Tử không dung tục ngay cả khi tả trăng trong tư thế "trần trường":

Ô kia, bóng nguyệt trần trường tắm,

Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe

Nếu thay từ "trần trường" bằng cái từ mà người ta hay dùng "khoả thân" thì ý có thể không đổi nhưng sắc thái biểu cảm đã giảm đi đáng kể. "Khoả thân" nghe có vẻ chữ nghĩa quá không hợp với cách nói tự nhiên nhưng rất ấn tượng của Hàn Mạc Tử. Phải "trần trường" mới hợp với "sóng soài" với "lộ" để làm nổi bật "cái khuôn vàng dưới đáy khe".

Nguyễn Du từng tả Kiều tám:

"Rõ ràng trong ngọc, trắng ngà

Dày dày sẵn đúc một toà thiên nhiên"

Hồ Xuân Hương cũng đã từng hoạ bức tranh thiếu nữ ngủ ngày:

"Đôi gò bồng đảo sương còn ngậm

Một lạch đào nguyên suối chứa thông"

Tất cả đều nhằm tôn vinh cái vẻ đẹp mà tạo hoá đã ban tặng cho người phụ nữ. Trong bài viết: "Hàn Mạc Tử, anh là ai?". Nhà thơ Chế Lan Viên đã lên tiếng bênh vực cho Hàn Mạc Tử: "Khi ta thích" dày dày sẵn đúc một toà thiên nhiên" của Nguyễn Du, ta phải thích "bóng nguyệt trần trường tắm" của anh. Và chả lẽ cô Hồ Xuân Hương có quyền mà "bóng trăng anh thì bị cấm?". Công bằng mà nói ít ai trên thế gian này tôn vinh vẻ đẹp trời ban cho "bóng trăng" như Hàn Mạc Tử. Hàn Mạc Tử đã không ngần ngại gọi đó là cái "khuôn vàng"

cái khuôn được đúc bằng vàng ròng. Thế thì có gì là dung tục, là không thanh cao?

Trong "Gái quê" cách nói, cách thể hiện của Tử đang còn chân chất, hiền lành "lời thơ dễ dàng, tứ thơ bình dị", "Bẽn lẽn" chính là khởi đầu cho thiên tài thơ ca Hàn Mạc Tử. Đến "Hương thơm", "Mặt đấng" và đặc biệt là "Máu cuồng và hồn điên" ta bắt gặp "nguồn sáng lạ toả ra từ một linh hồn vô cùng khổ não". Ta như lạc bước vào một thế giới của trăng. ở đó không chỉ trăng leo, trăng nằm, trăng còn bị cắn, trăng tự tử... Hàn Mạc Tử say trăng, uống trăng, ngủ với trăng, chơi trăng, tắm cùng trăng... Trăng của Hàn Mạc Tử là "trăng vàng, trăng ngọc". Có những câu thơ toàn trăng: "trăng, trăng trăng là trăng, trăng, trăng..." Hiếm thi sĩ nào trên thế giới từ xưa đến nay nói nhiều đến trăng như Tử. Người ta lý giải vì trăng liên quan đến căn bệnh mà Tử mắc phải nhưng ít ai thấu hiểu sự cô đơn của Tử. Bị đẩy vào hoàn cảnh cô độc, Tử chỉ còn biết lấy trăng làm bạn. Hình tượng trăng trong thơ Hàn Mạc Tử đã góp phần tạo nên một hồn thơ dị biệt mà "Bẽn lẽn" có vị trí hết sức quan trọng trên con đường phát triển tài năng thi ca của Hàn Mạc Tử.

Theo Vov.news

HỒ DZÊNH "Tình yêu tôn thờ"

Đêm qua ta gục đầu lên sách
Mộng thấy hồn đau thổn thức buồn
Ta chợt nhớ ra ngày viễn cách
Là ngày em sẽ xa ta luôn.

Mai một mây thu lạc cuối trời
Tình thu khôn chết, nhớ khôn nguôi
Quì lên chồng giấy chưa thành sách
Ta sẽ kêu thầm: "Em gái ôi!..."

Ngực nghe đau nhói buổi chia ly
Ta khóc đòi ta chẳng nghĩa gì!
Một thoáng hoa bay, vài dai nắng
Đã tàn chậm chậm kiếp thơ đi.

Từ xưa, ta đã hẹn ta rồi:
Xuân sắc, xa nhìn lưu luyến thôi,
Mà bạn, chỉ nên là bạn mãi
Đừng vương hoa bướm, lụy cho đời.

Vấn tượng em là bạn của ta
Xuân về lạnh lẽo giống xuân qua
Vui chân theo rồi đường mong ước,
Ta giật mình hay: lệ đã nhòa!

Em sẽ đi và ta sẽ đi.
Mai này, ta chết giữa chia li...
-Mây Nam nếu lạc về phương Bắc,
Xin nhớ, đời thơ chẳng nghĩa gì!

Tiêu đề của bài thơ là "Tặng", vậy, Hồ Dzếnh tặng ai? Cho mình hay cho người? Nếu cho người, ắt Hồ Dzếnh đã đề tên người mình muốn tặng; còn ở đây, đối tượng trữ tình sáng tạo đã ẩn đi, chỉ trơ lại mỗi chữ "tặng", đơn độc, vô phương, vô vọng như chính tâm trạng của Hồ Dzếch trong bài thơ. Như vậy, có thể hiểu Hồ Dzếnh đã viết bài thơ này để tặng cho mình, cho mỗi "duyên ý" (1) của mình.

Đêm qua ta gục đầu lên sách
Mộng thấy hồn đau thổn thức buồn
Ta chợt nhớ ra ngày viễn cách
Là ngày em sẽ xa ta luôn.

Khi màn đêm buông xuống: là lúc mọi xúc cảm con người trở nên lắng đọng, một thời điểm dành riêng để con người tự vấn lòng mình, trần trở với bao nỗi niềm, bao nghĩ suy. Và vào chính ngay thời lúc ấy, nhà thơ đã miên man nghĩ đến một "ngày viễn cách" sắp xảy tới

Duy Sơn, một nhà thơ hiện đại, đã từng bộc bạch:

Khi trầm tư trước trang giấy trắng

Là cảm xúc anh sâu lắng chín dần

Như người thợ trộn từng mẻ vữa

Xây những công trình bằng các vần thơ

Thế nên, khi "gục đầu lên sách", miên man "mộng thấy hồn đau thốn thức buồn", Hồ Dzếch đã "quỳ lên chồng giấy chưa thành sách" mà kêu lên: "Em gái ôi!..." Bao nhung nhớ, nghẹn ngào, bao cảm xúc quay quắt về "em" dâng trào, bật lên thành tiếng gọi thê thiết ấy!

Chẳng biết từ bao giờ mùa thu đi vào thơ ca với một hình ảnh ước lệ cho nỗi buồn, sự hiu hắt, tàn tạ. Xuân Diệu, một nhà thơ rói rít, cuồng si tình yêu, cuộc sống đã phải có lúc dừng bước chân hối hả của mình nơi vườn thu ảo não

Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang

Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng

Đây mùa thu tới! Mùa thu tới!

Với áo mơ phai dệt lá vàng

Thu mang buồn gieo rắc nơi nơi, từ vườn thu đến bến đò (2), từ mặt hồ đến chiếc lá (3). Vạn vật đậm buồn thu, thu phủ buồn lên vạn vật. Chủ thể và khách thể, một tạo buồn, một hứng chịu nỗi buồn, gắn kết với nhau, càng làm cho sự sầu u càng tốt bậc. Một trong những khách thể của sầu thu ấy là: "mây thu". Ở đây, "mây thu" chẳng những trĩu sầu mà còn rơi vào trạng thái cô độc, "lạc loài cuối trời", càng thê thiết, càng tội nghiệp biết bao nhiêu! Như mây thu trợ trợ cuối trời xa, "tình thu" càng khắc khoải với nỗi "khôn chết", "khôn nguôi", đau đớn biết dường nào! Tựa như vết cổ thương thỉnh thoảng lại nhức nhối, ảo tưởng về mối tình viễn cách lại nhói lên đôi khi; mà vết thương cũng

có lúc lành, còn kỷ niệm thì làm sao chối bỏ? làm sao chôn chết? Không quên được, không phai được, cứ phải quặn đau với mỗi tình chôn kín, "khôn chết", "khôn nguôi" chính là sự đoạ đầy cao nhất của con tim.

Bao đau thương ùa đến ngập tràn trong tâm tưởng, khiến cho nhà thơ:

Ngực nghe đau nhói buổi chia ly

Ta khóc đời ta chẳng nghĩa gì

Cái cuộc đời "chẳng nghĩa gì" mà Hồ Dzếch khóc ấy chỉ là:

Một thoáng hương bay, vài dải nắng

Đã tàn chầm chậm kiếp thơ đi

"Hoa", "nắng" là những sự vật rất đổi mộc mạc trong đời thường. Cuộc đời của Hồ Dzếch là tập hợp những sự vật bình dị ấy. Như thế, tưởng đã sơ sài, xoàng xĩnh lắm rồi, mà còn "một thoáng", "vài dải" thừa thớt ít ỏi, lại còn "đã tàn" héo úa, phai pha khiến cho cuộc đời Hồ Dzếch đã yên ắng, cảm lặng lại hiu hắt, chán chường "chầm chậm kiếp thơ đi".

Thêm vào đó, Hồ Dzếch đã dụng công nghệ thuật bề đôi ý thơ, rải tràn ra hai câu : " một thoáng hương bay, vài dải nắng đã tàn/ chầm chậm kiếp thơ đi", cùng với vần "i" với âm điệu buồn thương có sức lan tỏa, có độ âm vang làm cho trạng thái "chầm chậm" của kiếp thơ càng lê thê, kéo dài, thấm sâu vào tâm tưởng người đọc.

Thật ra, sự xa cách ấy chưa xảy ra, mà chỉ là "viễn cách", "mai một", "sẽ xa ta lưu ôn", "sẽ kêu thầm", vậy mà nhà thơ đã da diết, đã trăn trở, đã đau đớn. Dường như Hồ Dzếch đã nhận ra cái ngày đau buồn ấy đã không xa, là cái kết quả tất yếu của cuộc tình mình. Như vậy, ta thấy được bao tình cảm của Hồ Dzếch đã dành trọn cho mối tình này bởi lẽ không yêu tha thiết, không thể có những tư tưởng âu lo, khiếp hãi sự mất mát của "một mai", không yêu tha thiết, sẽ không vật vã nghẹn ngào khi buổi chia ly dần tiến tới.

Sự bồn chồn, âu lo ấy bắt nguồn từ lời hẹn ước xa xưa giữa "ta" và "ta"

Từ xưa, ta đã hẹn ta rồi:

Xuân sắc, xa nhìn lưu luyến thôi,

Mà bạn, chỉ nên là bạn mãi

Đùng vương hoa bướm, luy cho đời.

Hoá ra, đây chỉ là mối tình đơn phương của Hồ Dzếnh mà thôi! Nhà thơ không muốn làm vẩn đi mối tình thơ trong sáng mà "ta" và "em" đã gìn giữ bao lâu cho nên đã dạn lòng như thế. Câu thơ ắp đầy những hư từ "đã", "rồi", "thôi", "mà" như một tiếng thở dài đành đoạn.....

Thế nhưng, làm sao đối được lòng mình, cho nên có đôi khi nhà thơ vẫn ngỡ ngàng với tình cảm của mình:

Vẫn tưởng em là bạn của ta

"Tưởng" là thế, còn sự thật ra sao? Cố tỏ ra vô ý lại thể hiện rõ ý tình của mình muốn che giấu, với nhà thơ, thời gian đã trở nên vô cảm, mặc dù vẫn "vui chân theo rồi đường mong ước" thế nhưng khi sự bưng bít, lại thẳng thốt:

"Ta giật mình hay: lệ đã nhoà!"

Câu thơ tận cùng bằng vần "oa" như tiếng vỡ của bao dưng dung nơi vỏ bọc, nhạt nhoà cả thực và ảo, nơi lý trí và tình cảm.

Cho đến lời chia phối cuối bài, mặc cảm dở dang, chia lìa vẫn còn in đậm trong từng câu từng chữ:

Em sẽ đi và ta sẽ đi.

Mai này, ta chết giữa chia li...

–Mây Nam nếu lạc về phương Bắc,

Xin nhớ, đời thơ chẳng nghĩa gì!

"Tặng" là một khúc hát biệt ly, đầy ắp hoa, nắng, tiếng thở dài nỗi xót xa, cay đắng. Và "Tặng" cũng chính là một trong những bài thơ tiêu biểu cho hồn thơ, cho quan niệm tình yêu của Hồ Dzếnh: "Tình yêu là thứ để tôn thờ chứ không để hưởng thụ (...), không tin rằng mình có thể gìn giữ mãi một tình yêu tuyệt diệu sau khi chiếm hữu được nó" (4):

"Tình mất vui lúc vẹn câu thề

Đời chỉ đẹp khi hã còn dang dở"

cho nên mặc cảm chia phôi luôn in đậm trong thơ ông.

Yen_Vy

(1): tên một bài thơ của Hồ Dzếnh

(2): lấy ý từ trong bài thơ "Đây mùa thu tới" của Xuân Diệu

(3): lấy ý từ trong bài thơ "Thu điếu" của Nguyễn Khuyến

(4): Kiều Vãn

Thơ Tế Hanh

Tế Hanh (sinh 1921), chàng thi sĩ nhập cuộc cùng một lượt với nhiều thi sĩ khác vào phong trào Thơ Mới. Như chúng ta đã biết, đó là một thời kì thơ ca bùng bật bùng nở, như một rừng hoa muôn sắc màu. Những thời kì như vậy chính là đột biến sau một quá trình dài những ngưng đọng, dồn nén, và bế tắc của lịch sử. Nó chính là thời của những "con sốt vỡ da" của tuổi "dậy thì" ở con gái, thời "vỡ tiếng" ở con trai.

Một đặc trưng nổi bật của phong trào Thơ Mới là mỗi thi sĩ đều hoàn toàn tự do tìm kiếm và thể hiện cá tính của mình trong sáng tác. Những cá tính ấy là điều đặc biệt quý báu trong thế giới thơ ca và nghệ thuật. Ở Tế Hanh, cá tính ấy được thể hiện một cách rõ nét ngay trong bài thơ đầu tiên. Và vì vậy, thơ Tế Hanh tỏ ra có một sức quyến rũ riêng đối với đông đảo bạn đọc, nhất là những thanh niên học sinh thành thị. Tập thơ: "Nghẹn ngào" của Tế Hanh được giải thưởng của Tự Lực Văn Đoàn, và được các nhân vật lừng danh trong làng văn chương đương thời đánh giá cao.

Tế Hanh sinh ra đời chỉ để làm thơ trữ tình. Bởi chất trữ tình vừa là điểm mạnh nhất vừa là điều duy nhất có của nhà thơ. Tế Hanh hầu như không làm thơ tự sự, cũng không ham hố "ôm" những đề tài to tát.

Thơ Tế Hanh – đúng như tên nhà thơ – đặc biệt tế nhị, giản dị, có nét trong trẻo, non tơ hệt như tính cách một cậu học trò nhà quê cực kì đa cảm lên tình tự học.

*Mẹ ơi chiếc áo con đã rách
Con biết làm sao trở lại nhà
Đề mẹ vá giùm? Con thấy lạnh
Gió lùa nổi nhớ thấm vào da
(Chiếc rổ may)*

Thơ Tế Hanh bao giờ cũng biết "gãi" tuy nhẹ nhưng mà trúng vào những sợi dây đàn mảnh dễ nhất mắc sẵn trong lòng người. Nói cách khác, thơ Tế Hanh đã "đụng" được tới những khía cạnh nhân bản thâm kín nhất, nhỏ nhất nhất nhưng "thực" nhất ở con người:

*Không có khi nào gặp gỡ em
Mà anh giữ được vẻ điềm nhiên
Dáng anh bẽn lẽn, lòi anh ngượng;
Em thử đôi lần nhớ lại xem!
(Hờ hững)*

Hoặc:

*Người ta mạnh mẽ biết bao nhiêu
Lo lắng cho nhau thật đủ điều
Anh chỉ đem tấm lòng yếu ớt
Như nhờ như dựa ở tình yêu ...
(Kẻ lẻ)*

Bất cứ độc giả nào cũng dễ dàng cảm thấy Tế Hanh là một nhà thơ, một con người rất mực dịu dàng. Thậm chí nhà thơ có vẻ ... "lây nữ tính" như V.Hugo đã phát hiện ở không ít đàn ông. Đó là những đàn ông. Đó là những con người "không táo tợn giằng giật, mà rụt rè lấy lên những đặc ân của mình" (Rousseau):

Vui không giám vui nhiều

Miệng cười như thể mếu!

Lo lắng nổi đầu hiu

Vấn vương người yếu điệu.

(Đáng cay)

Trải qua thời "tiền chiến" dòng thơ Tế Hanh tiếp tục chảy trong giai đoạn lịch sử mới với hai cuộc kháng chiến và một giai đoạn đất nước ta trở lại hoà bình. Theo thời gian, thơ Tế Hanh trưởng thành hơn, già dặn hơn. Ý thơ và đề tài thơ không chỉ là những chuyện nhỏ, mà đậm đặc hơn ở nhân vật, sự việc, ở chất đời và ở tính triết lí nhẹ nhàng:

Em là một biển đầy

Anh đứng trên bờ rợn ngợp

Em là một pho sách

Anh mới đọc mấy trang đầu

Anh gửi nơi em những mối tình ngày qua mà anh không còn nữa

Anh gửi nơi em những mối tình ngày mai mà không thể có.

Em là nghìn trận gió

Anh là một làn mây

(Văn xuôi cho em)

Tuy nhiên so với thời kì, phong cách thơ của Tế Hanh căn bản không thay đổi. Chúng ta nhận thấy, trước sau chỉ có một Tế Hanh. Thiết tưởng đó cũng là một điều đáng ghi nhận ở nhà thơ. Vào những năm 50-60, Tế Hanh có những câu thơ nổi tiếng.

Cơn bão nghiêng đêm

Cây gãy cành bay lá ...

... em đã xa xôi

Và cơn bão lòng ta thổi mãi ...

(Bão)

Và:

Trăng Tây Hồ vời vọi thâu đêm

Trời Hàng Châu bốn bề êm ái

Mùa thu đã đi qua còn gửi lại

Một ít vàng trong nắng trong cây

Một ít buồn trong gió trong mây

Một ít vui trên môi người thiếu nữ.

(Bài thơ tình ở Hàng Châu)

Những câu thơ "thơ" hết chỗ nói! Tế Hanh quả là người "hiểu mình", bởi thế nhà thơ đã không đánh mất hoặc bóp méo mình. Tế Hanh thuộc mẫu người như ca dao đã khuyên:

Hãy cho bên chí câu cua

Dù ai câu chạch câu rùa mặc ai!

Suốt hơn nửa thế kỉ, thơ Tế Hanh như mưa dầm, mưa tuy nhỏ, như bão rớt, cứ rong hiu hiu mãi, không mấy ồn ào, nhưng mưa lâu thì ướt áo, và rồi thì ... ướt sũng hết cả lúc nào không biết.

Và lòng mến mộ của độc giả bốn phương với Tế Hanh cũng xanh mơn như câu thơ đầy "tiên tri" của ông:

Ngàn năm sau, chỗ đôi ta.

Yêu nhau có lẽ lá hoa mọc đầy ...

Kiều Văn

Thơ tình Xuân Diệu

Ngay từ buổi đầu bước chân vào làng thơ, Xuân Diệu dường như đã tự chọn cho mình một tôn chỉ: sống để yêu và phụng sự cho Tình yêu! Phụng sự bằng trái tim yêu nồng cháy, bằng cuộc sống say mê và bằng việc hăm hở làm thơ tình! Xuân Diệu ví mình như một con chim bay hay hát.

Tôi réo rắt, chẳng qua Trời bắt vậy.

Trước kia Nguyễn Công Trứ nói:

Trời ban ta, đất trở ta

Trời đất sinh ta, nguyên có ý.

Thì quả vậy. Trời đất sinh ra thi sĩ Xuân Diệu trên xứ sở hữu tình này để ca hát về tình yêu – cái đề tài mà từ ngàn xưa người Việt Nam chúng ta đã say mê, giống như nhà sư nọ mê một cô nàng đội gạo:

Sư về sư ồm tương tư

ồm lăn ồm lóc cho sư chọc đầu

Vì Xuân Diệu sống hết mình cho tình yêu cộng với tài thơ thiên phú, lại gặp buổi "gió Âu mưa Mỹ", những khát vọng yêu đương của trai gái được tháo cũi sổ lồng, cho nên trong thơ tình của Xuân Diệu có tiếng máu dồn mạnh trong huyết quản, có dòng nhựa sống tràn trề mãnh liệt của cả thế hệ đang vươn dậy. Có những vần thơ được viết ra cách đây hơn nửa thế kỷ mà đến nay vẫn còn khiến chúng ta bàng hoàng vì sự mới mẻ và táo bạo của nó:

Với trăm ma, tôi hẹn những mười ngàn

Những Tây Thi, Lộng Ngọc, những Điêu Thuyền.

...

Hồn đông thế, tôi sợ gì cô độc?

Ma với nhau thì ôm ấp cùng nhau...

Cái "nhân bản yêu đương" trong thơ tình Xuân Diệu thật là nồng cháy và bền bỉ cho đến tận lúc nhà thơ của chúng ta nhắm mắt xuôi tay! Nửa thế kỉ thơ tình Xuân Diệu là một quá trình khám phá không ngừng vào cái thế giới kì diệu của tình yêu.

Thuở ban đầu thường chỉ là thứ tình yêu thực ít mộng nhiều:

Chúng tôi lặng lẽ bước trong thơ

Lạc giữa niềm êm chẳng bến bờ...

Thế rồi, mộng như sương sớm, tan dần dưới ánh nắng ban ngày, và khoảng giữa trưa thì chỉ còn lại cuộc đời thực! Xuân Diệu, với trái tim yêu như điên dại, tiếp tục khám phá cái thế giới tình yêu "thực" ấy. Té ra chẳng cần phải là thứ tình yêu đầy bão táp, đầy kịch tính hoặc đầy nước mắt, mà thứ tình yêu chồng vợ rất mực "đời thường" nhưng son sắt, đạt tới sự hoà hợp vô cùng du dương. Xuân Diệu chứng minh cho chúng ta thấy rằng đó chính là một thế giới vô cùng đẹp đẽ, vô cùng thánh thiện, vô cùng mê li nếu ta biết nhìn nhận và thưởng thức nó!

Trên thế giới hiếm có một nhà thơ nào mô tả tình cảm vợ chồng, mô tả người vợ yêu của mình một cách tinh tế và sâu sắc như Xuân Diệu. Có thể nói: Cái tình yêu có thì thơ Xuân Diệu có. Từ khát khao cuồng nhiệt đặc trưng của tình yêu trai gái:

Ôi mắt của người yêu, ôi vực thăm!

Ôi trời xa: vùng trán của người yêu!

Ta thấy gì đâu sau sắc yêu kiều

Mà ta riết giữa đôi tay thất vọng

Những ghi xiết say sưa:

Hãy sát đôi đầu! Hãy kê đôi ngực!
Hãy trộn nhau đôi mái tóc ngắn dài
Những cánh tay! hãy quấn riết đôi vai!
Hãy dâng cả tình yêu lên đôi mắt!
Hãy khăng khít những cặp môi gắn chặt.

Những thương yêu trù mến:

Anh quạt cho đôi tay
Anh hăng ngày yêu mến
Anh quạt đôi lông mày
Sáu năm nay quyến luyến.

Rồi những tôn thờ sùng bái:

Từ lúc yêu em ngay sau buổi gặp đầu tiên
Anh đã tạc hình ảnh của em trên nền thương nhớ
ở đâu có nhớ thương, anh đã đặt tượng em vào đó.

Những lo âu mất mát:

Nếu ngày nào em hết ở cùng anh
Nếu đến khi anh không còn em nữa
Anh biết tạc đâu ra một người như thế?

Và bất chợt, một cơn đau khủng khiếp:

Tại em cố chấp,
Tại anh đã mất
Con đường đi tới trái tim em!
Anh đã giết em rồi, anh vẫn ngày đêm yêu mến
Em đã giết anh rồi, em vút xác anh đâu?

Phát hiện đắt nhất của Xuân Diệu chính là sự khẳng định rằng: cây tình yêu giữa cuộc đời thực, sẽ mãi mãi xanh tươi, còn những thứ "tình" được nặn ra từ lí trí khô cứng hoặc từ mộng mị sẽ tàn lụi, xám xịt.

Và quả là như vậy. Xuân Diệu không còn nữa nhưng cây tình yêu trên mảnh đất này có hư hao đi chút nào màu xanh muôn thuở? Trong khi nhà thơ, ở một cõi khác, có thể đang ôm ấp những hồn ma xinh đẹp nào đó, thì ở trên thế giới này, những chàng trai, những cô gái, những cặp tình nhân, những cặp vợ chồng vẫn đang sống, đang cảm xúc, và hưởng thụ tình yêu sống động và bất tuyệt!

Kiều Văn

Lưu Trọng Lư với bài thơ "Tiếng thu"

Lưu Trọng Lư là nhà thơ tiên phong của phong trào Thơ mới. Nhận định về nghệ thuật thơ ông, nhà phê bình thiên tài Hoài Thanh đã có những nhận xét thật chuẩn xác: "Tôi biết có kẻ trách Lư cầu thả, lười biếng, không biết chọn chữ, không chịu khó gọt giũa câu thơ. Nhưng Lư có làm thơ đâu, Lư chỉ để lòng mình tràn lan trên mặt giấy". Nhận định này dường như đã thành nỗi ám ảnh. Và rồi suốt đời, Lưu Trọng Lư cứ loạng choạng, cứ bập bõm bước trong cái vòng kim cô mà Hoài Thanh đã tiên đoán và vạch ra ngay từ khi ông mới xuất hiện trên thi đàn. Còn về con người Lưu Trọng Lư, thiết tưởng cũng chẳng có ai hiểu ông hơn Hoài Thanh: "Cả đời Lư cũng là một bài thơ. Nếu quả như người ta vẫn nói, thi sĩ là một kẻ ngơ ngác ngác, chân bước chập chững trên đường đời, thì có lẽ Lư thi sĩ hơn ai hết".

Quả đúng vậy. Và nếu chọn một bài thơ thơ nhất của Việt Nam, nghĩa là ngoài thơ ra, nó không có gì bầu víu, thì đó chính là Tiếng thu. Đây là bài hay nhất trong đời thơ Lưu Trọng Lư, cũng là bài thơ thơ nhất của thi ca Việt Nam hiện đại:

Em không nghe mùa thu

Dưới trăng mờ thôn thức"

Em không nghe rạo rục

Hình ảnh kẻ chinh phu

Trong lòng người cô phụ

Em không nghe rừng thu

Lá thu kêu xào xạc

Con nai vàng ngơ ngác

Đạo trên lá vàng khô...

Bài thơ vền vẹn có 9 câu, chia làm ba đoạn, mỗi đoạn lại so le, các ý trong bài thơ rời rạc, khắp khênh, chẳng ý nào ăn nhập với ý nào. Nếu cứ theo cách hiểu máy móc của những nhà phê bình quen thói bắt bẻ, cứ đề thơ ra mà tìm tư tưởng, tìm ý nghĩa thì đây là bài thơ "Đầu Ngô mình Sở". Đã thế, tác giả còn tỏ ra vụng về. Tỳ vết của sự thô vụng ấy nằm trong hai câu chẵn thơ tý nào, nó như câu văn xuôi bình giảng văn học của học sinh phổ thông:

Hình ảnh kẻ chinh phu

Trong lòng người cô phụ

Ấy vậy mà khi gộp tất cả lại, nằm trong một tổng thể, bài thơ hay đến lạ lùng. Người ta không còn thấy dấu vết thô vụng đâu nữa. Đây là điều duy nhất xảy ra ở văn học Việt Nam và chỉ xảy ra có một lần. Cái hay của bài thơ này không nằm ở câu chữ. Nó hoàn toàn siêu thoát, là cái hồn phảng phất đâu đó đằng sau những con chữ rất sáng tỏ mà lại vời vợi mông lung kia. Người ta chỉ cảm thấy được, chứ không thể nói ra được một cách rạch ròi. Đây là bức tranh thiên nhiên được vẽ bằng hồn, bằng cả điệu nhạc rất riêng của tâm hồn thi sĩ. Bởi nó, chứ không thể nắm nó bằng lý trí tỉnh táo. Đã không ít nhà phê bình nghiên cứu mang lý trí ra để làm con dao cùn mổ xẻ những con chữ rất ngơ ngác này. Có người còn viện đến cả thi pháp học để cố hiểu cho bằng được bài thơ, lấy thi pháp làm chìa khoá mở cánh cửa thực dụng, đi vào cõi mù mờ tâm linh này. Bằng cách vận dụng thi pháp, có người cho đây là bài thơ nói về nỗi cô đơn không có sự chia sẻ. Không phải ngẫu nhiên bài thơ có 9 câu mà đã có đến 3 câu điệp "Em không nghe":

Em không nghe mùa thu

...

Em không nghe rạo rục

...

Em không nghe rừng thu...

Em không nghe, còn anh thì nghe thấy hết. Nghe thấy hết mà không nói ra được. Đây là cuộc đối thoại mà kẻ đối thoại lại ẩn sau sự câm lặng. Hoặc giả em cũng đã nghe thấy, nhưng anh vẫn hỏi như vậy, nghĩa là anh không hiểu em. Đằng nào thì cũng vẫn cứ là thiếu niềm đồng cảm. Một bên thì thổn thức, rạo rục, kêu xào xác, một bên thì không nghe, không nghe, không nghe, cả con nai ngơ ngác, đập trên lá vàng khô, nghĩa là nó cũng không nghe nốt.

Hiểu một cách sống sít như thế thì thật thô thiển. Nhà phê bình đã kéo những đám mây ngũ sắc đang bay bồng lảng trong không trung, rồi rải xuống đường làm rom rạ lót chân, và như thế còn đâu cánh rừng thu, tâm hồn thu cho con nai vàng trú ngụ. Mấy câu điệp khúc ấy thực chất chỉ để tạo giai điệu rất đặc biệt cho bài thơ này. Ở đây, nhạc điệu cũng là một phần nội dung chính làm nên hồn vía bài thơ còn ở góc độ khác, cũng nhìn bằng com mắt lý trí, có người còn cho rằng đây là bài thơ Lưu Trọng Lư thâm cớ của nước ngoài. Thực tế trong bếp núc sáng tác, có thể có sự trùng hợp ngẫu nhiên. Người bình luận còn việc cố rằng: "Thực tế Việt Nam làm gì có khu rừng vàng. Đây là rừng châu Âu. Rừng Việt Nam là rừng lưuộm nhuộm.

Mùa thu Việt Nam đúng như Nguyễn Du mô tả trong Kiều: "Rừng thu từng biếc chen hồng". Và con nai Việt Nam cũng nhanh nhẹn lắm, tinh ranh lắm, nó đâu có ngơ ngác "đập trên lá vàng khô"! Ờ hay, Lưu Trọng Lư có nhìn thiên nhiên bằng con mắt thật đâu! Lại phải mời Hoài Thanh về làm luật sư bào chữa cho ông thôi: "Trong thơ Lư, nếu có cả chim kêu, hoa nở, ta cũng chớ tin. Hay ta hãy tin rằng tiếng ấy, màu kia chỉ có ở trong mộng. Mộng! Đó mới là quê hương của Lư. Thế giới thực của ta với bao nhiêu thanh sắc huy hoàng, Lư không nghe thấy gì đâu. Sống ở thế kỷ 20, ngày ngày nện gót trên các con đường Hà Nội mà người cứ mơ màng thấy mình gò ngựa ở những chốn xa xăm nào".

Tương truyền khi viết bài thơ này, Lưu Trọng Lư đến thăm nhà một người bạn. Rồi nhân cơ hội thấy cái bình gốm cổ có vẽ con nai đứng giữa núi non, Lưu Trọng Lư bèn vịnh ngay bài thơ này.

Thực chất, nếu chuyện đó là thật, thì con nai trên bình gốm chỉ là cái có rất nhỏ, là tiếng động rất nhỏ đánh thức con nai vàng và khu rừng vàng trong tâm hồn đánh thức con nai vàng và khu rừng vàng trong tâm hồn Lưu Trọng Lư

thức dậy và toả hương. Nhờ thế, thi ca Việt Nam đã có một kiệt tác thật hiếm có, ngỡ như đó là khúc nhạc huyền bí của thần linh, chứ quyết không phải là tiếng ca phàm tục của người đời...

Trần Đăng Khoa

Tiếng cuốc

Không dễ nhìn thấy con cuốc, nhưng dường như ai cũng từng nghe tiếng gọi hè khắc khoải của loại chim này. Xưa nay, tiếng cuốc không chỉ ám ảnh nhiều văn nhân thi sĩ, mà còn trở thành tiếng lòng nhớ nước của những người xa quê.

Tuy không dễ gặp con cuốc nhưng ta thường nghe tiếng cuốc kêu khắc khoải như từ cõi xa xăm nào đó vọng về. Loài chim này có ở nhiều vùng nông thôn Việt Nam. Nó thường lặn lội ở ven sông, rạch, bờ ao, bờ ruộng, bìa rừng. Bước đi của chim cuốc dài và nhanh, tất bật và hối hả. Khi có bóng người hoặc tiếng động, cuốc sải bước thật nhanh, lủi vào bụi rậm mất tăm. Cuốc lủi là để tự vệ, khác với cử chỉ lăm la lăm lét chui lủi của kẻ buôn gian bán lận trốn tránh pháp luật, mà dân gian ta quen gọi "lủi như cuốc".

Ngoài cái tên "cuốc" nôm na, trong văn cổ loài chim này còn có các tên "đỗ quyên", "đỗ vũ"...

Xưa chim cuốc gắn với câu chuyện huyền thoại về Thục Đế mất nước khi chết hóa thành chim cuốc kêu hoài nỗi đau mất nước. Hình ảnh con chim cuốc và tiếng kêu "cuốc cuốc" là hồn nước lúc ẩn, lúc hiện thăng tủa với thời gian, không gian đời đời:

Khúc đầu êm ái xuân tình

Ấy hồn Thục Đế hay mình đỗ quyên

(Nguyễn Du)

(Nhân đây nói thêm: ở làng quê ta, cùng với tiếng "cuốc cuốc" còn nghe tiếng "da da" của loài chim khác mà tiếng Hán gọi là "gia gia", nhắc về điển Bá Di, Thúc Tề –bề tôi nhà Thương thà chết chứ không chịu sống với nhà Chu (triều đại đã diệt nhà Thương) và không ăn thóc nhà Chu. Nó là loài chim hiện thân hai vị ấy, luôn luôn kêu "bất thực cốc Chu gia" (dân gian gọi là "bất tếp kho cà") tức là "không ăn thóc nhà Chu"; nhưng "gia gia" thường dùng để nhắc đến nhà).

Lọt lòng thuở nằm nôi, lời ru của mẹ, của bà rót vào cõi tâm linh và đưa ta vào giấc ngủ trưa hè dưới bóng tre:

Cuốc kêu tiếng nhỏ tiếng to

Nửa thương phận nước nửa lo phận nhà

Hay:

Đêm khuya dưới đất trên trời,

Một mình cô đứng cô ngồi cô nghe

Cô nghe hết giọng con ve

Đến lời con cuốc gọi hè tiếc xuân!

Chung quanh điển tích về chùa Giải Oan, suối Giải Oan ở Hương Sơn có nỗi đau của con người dĩ vãng lưu lại đây qua bốn câu thơ khuyết danh giải thích hiện thực thời ấy:

Giải Oan chùa suối nổi danh

Người đời mê mẩn loanh quanh nụ cười

Oan mà giải được ai ơi

Đêm đêm cuốc chẳng hoài hơi kêu sầu

Đau, sầu, khổ ải, oan khiên là bể trầm luân của kiếp người xưa:

Nắng mưa, sương tuyết bấy chầu

Cho đau lòng cuốc, cho sầu lòng ve

Tiếng cuốc vừa là tiếng đồng hồ thiên nhiên báo mùa – thời gian, không gian, vừa điểm nhịp tâm trạng con người:

Trong tiếng cuốc kêu xuân đã muộn

Đầy sân mưa bụi nở hoa xoan

(Nguyễn Trãi)

Cùng với sắc màu của trăng, của hoa, tiếng cuốc là âm thanh đặc sắc góp cho bức hội họa thiên nhiên của tiết hè thêm điểm lệ:

Dưới trăng quỳên đã gọi hè

Đầu tường lửa lựu lập lòe đâm bông

(Nguyễn Du)

Qua đèo Ngang nghe tiếng cuốc kêu, Bà Huyện Thanh Quan nghĩ về niềm chung và tình riêng:

Nhớ nước đau lòng con cuốc cuốc

Thương nhà mỗi miệng cái gia gia

"Cuốc cuốc" và "gia gia" là các âm thanh biểu tượng cho nước và nhà đều thân thiết và mật thiết như máu với thịt, vừa hiện hữu, vừa quá khứ – nó là lịch sử.

Nhiều người ở độ tuổi sáu mươi còn nhớ bài học thuộc lòng trong sách Quốc văn giáo khoa thư lớp đồng ấu của Nha học chính Đông Dương in năm 1948 và trong sách của Nhà xuất bản Trẻ tái bản sau đó có bài Vào hè giống từng câu từng chữ bài Vào hè ở sách giáo khoa Văn lớp 4:

Ai xui con cuốc gọi vào hè

Cái nóng nung người nóng nóng ghê

Ngõ trước vườn sau um những cỏ

Hồng rơi thắm rụng tiếc cho huê

Trên cành gọi bạn chim xào xạc

Trong tối đua bay đóm lập lòe

Nay được nồm nam cơn gió thổi

Đàn ta ta gảy khúc nam nghe

(Vào hè chính là bài thơ hay có lời thơ, điệu thơ giống một bài thơ của Dương Bá Trạc – vốn là một nhà thơ hồi đầu thế kỷ 20).

Nhà thơ Chế Lan Viên sinh thời đã kêu lên: Thế sao lại nhớ mày hỏ con chim cuốc – Cái cuốc gọi hè là ở trong sách giáo khoa thư?

Con cuốc và tiếng cuốc kêu là có thật. Còn đâu là nguyên nhân sâu thẳm về hoài niệm da diết ấy? Nguyên nhân tâm lý, tâm linh hay cảm hứng?

Tiếng cuốc không chỉ ám ảnh văn nhân thi sĩ, những người giàu cảm xúc. Tiếng cuốc còn gây xúc động tận đáy lòng mỗi người Việt Nam, nhất là người Việt xa xứ. Tiếng cuốc đêm đêm ngấm vào thịt xương thành một thứ tình yêu trên tất cả mọi thứ tình yêu, đó là tình yêu Tổ quốc:

Nhủ điều chi ơi tiếng cuốc đêm sương

Kêu da diết suốt một mùa nước nổi

Bông điên điển mở cánh vàng nóng hổi

Là nắng chiều dẫm lại giữa lòng tay

Đất nước ngấm vào ta đơn sơ

như Tháp Mười không diêm trang

đầy im lặng

trên tất cả tình yêu – tình yêu này đi thẳng

đến mỗi đời ta

bất chấp những ngôn từ

Từ xưa, tiếng cuốc ngoài đời vào sách vở, văn chương thành biểu tượng của lòng yêu nước, yêu nhà. Tiếng cuốc thời chiến là lời thúc giục mang về chiến thắng, tiếng cuốc thời bình khiến ta xúc động tự hào về những năm tháng

hào hùng của quá khứ, nhắc ta sỏi bước nhanh hơn trong hiện tại để dựng xây đất nước.

(Theo TT&VH)

"Tú Xương – khi cười, khi khóc, khi than thở"

Có thể gọi trong thơ, thần đồng của tiếng Việt là các bậc Nguyễn Du, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Tản Đà, Hồ Xuân Hương tới Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính... Trần Kế Xương, thường gọi là Tú Xương, dường như lại là một thần đồng đặc sắc, thêm một lần kỳ lạ.

Các nguyên tắc thi pháp cổ điển và dân gian của thơ Việt Nam, tất cả pháp thuật tu từ được sử dụng ở tần số đậm đặc, nhưng người đọc thấy Tú Xương như xuất khẩu thành thơ. Hết sức tự nhiên, thanh thoát đến mức như lời nói hàng ngày, như khẩu ngữ – dĩ nhiên vẫn là thơ, hơn thế, còn là thơ hay, thơ trác tuyệt. Thơ của Tú Xương không thể lặp lại, ngôi sao sáng trưng trên bầu trời Thành Nam, thấp lên vằng vặc tiếng Việt ta yêu dấu. Những động từ vang mãi trong thời gian; không gian tiếng Việt:

Đì đẹt ngoài sân tràng pháo chuột

Om sòm trên vách bức tranh gà

Những trạng từ đắt tới mức chỉ có thể trầm trồ, suýt soa:

Ơ bề ngậm ngùi khi tới lạch

Được voi ngóng nganh muốn đòi tiên

(Hai từ thuần Việt đã dựng lên hai khuôn hình diễn đạt chính xác và sống động hai trạng thái tâm lý đang diễn ra ở hai gam trầm và bổng, đặt mau thoát trong hai câu thơ sát nhau).

Những trạng từ được biến thành động từ mạnh như chất axit:

Đau quá đòn thù

Rát hơn lụa, bong

Tui bút, tui nghiên

Hổ lều hổ chông

Những từ láy hay tới mức muốn đọc đi đọc lại:

Có một cô lái

Nuôi một thầy đồ

áo quần rách rưới

ăn uống xô bồ

... Sao dám khinh mình, thầy đâu thầy vậy

Không biết trọng đạo, cô lóc cô lô...

"Cô lóc cô lô", Tú Xương đã làm nảy lên những con chữ ấy để biến nghĩa, gán nghĩa hài hước cho chúng, khiến chúng lăn đi mãi trong thưởng thức văn chương tiếng Việt.

Trong tổng số thơ, phú, câu đối chỉ ngót một trăm bài, ta có thể thống kê, mô tả, phẩm bình xiết bao vẻ sắc sảo âm vang, biến hiện, giản dị và huy hoàng... của tiếng Việt ta đã được tài năng kỳ lạ của Tú Xương "nấu nướng", "pha chế" thành những mâm cỗ vô giá truyền đời. Nhưng Tú Xương không phải một thợ khéo, còn cao hơn thợ cả nữa, ông là một bậc thầy, một nhà thơ bậc thầy – thần đồng của tiếng Việt.

Những người khéo, thậm chí giỏi chơi chữ, xuất khẩu thành chương không hề quá hiếm trong lịch sử văn học và cả trong đời thường ở nước ta. Nhưng những người có tài ấy không bao giờ đạt tới phẩm chất thần đồng – thi sĩ. Một bậc thi sĩ thần đồng, qua chữ, qua thơ, bao giờ cũng ghi được hồn vía của thời đại người ấy sống, cao hơn còn thấp thoáng tiên báo những điều gì... Tú Xương đã ghi lại không phải bằng những lời lớn lối, kỳ lạ là ông đã làm cho

cả một thế kỷ lẻ băng khuâng, bồn chồn, day dứt, chiêm nghiệm, nghĩ ngợi..., bằng những chữ, những lời, những âm điệu và hình ảnh không thể giản dị hơn.

Chúng ta đọc lại bài thơ ông giới thiệu, than thở cho quê hương Vị Hoàng của ông:

Nô nức qua chơi đất Vị Hoàng

Ấy nơi phong vận chốn nhiều quan

Trời xui khiến vậy, sông nên bãi

Ai khéo xoay ra phố ca làng

Khua võ trống, chuông, chùa vãn vắng

Xì xèo tôm tép chợ gần tan

Việc làng, quan lớn đi đâu ca

Chỉ thấy dăm ba bác xã bàn

Một không khí cứ đi xuống dần, từ "nô nức" đến "xì xèo tôm tép", rồi hạ xuống, xẹp xuống nữa chỉ còn "dăm ba bác xã bàn". Của cải và chất lượng người cứ vắng vẻ dần, tàn dần. Đó là toàn bộ quang cảnh xã hội đất nước ta cuối thế kỷ 19 khi thực dân Pháp đã xong cuộc bình định, làm rã dần giềng mối xã hội phong kiến. Vàng son chỉ còn lưu ánh lại trong có một câu "ấy nơi phong vận, chốn nhiều quan". Linh hồn thời đại đau thương ngơ ngác đã chọn nhập vào người thơ thần đồng nơi góc phố hàng Nâu gần ngã tư thành Nam Định. Và ông đã chiết xuất, thổi dài thành thi phẩm bảy tiếng tám câu tiếng Việt chẳng ai nhớ nó vốn gốc gác ở thi pháp Trung Hoa. Và người thuộc thơ Tú Xương lập tức nhớ đến những bổ sung thời thế cụ thể mà rất khái quát về sự đảo lộn, đổ vỡ nhà thơ ném tiếp ra:

Nhà kia lỗi phép con khinh bố

Mụ nọ chanh chua vợ chửi chồng

Keo cú người đâu như cú sất

Tham lam chuyện thợ những hơi đồng

Đạo lý Khổng – Mạnh, nền nếp ăn ở của dân tộc ta đã bị xé rách, chà đạp, mọc ra những tính cách mới, mẫu người mới dị tướng, dị hình để nở ra những dị cảnh. Hàng loạt chân dung tự họa và biếm họa các nhân vật Thành Nam của ông đã dựng nên một bức tranh xã hội và lịch sử sắc sảo, đau đớn. Trái tim thi sĩ của ông bị dồn đuổi chỉ còn xa vắng vọng lên trong một tiếng gọi ò đã thuộc về quá khứ.

... Đêm nghe tiếng ếch bên tai

Giật mình còn tượng tiếng ai gọi ò

Chỉ có ba mươi bảy năm nhập vào vai sĩ tử lận đận, vai nhà nghèo, vai người chồng, ông bố, thầy đồ, vai tay chơi lịch lãm và nghịch ngợm. Cốt để Tú Xương làm trọn một cách vinh quang vai trò nghệ sĩ, thi sĩ thân đồng của tiếng Việt.

Theo SGGP

Xuân về

Đã thấy xuân về với gió đông
Vội trên màu má gái chưa chồng
Bên hiên hàng xóm cô hàng xóm
Ngước mắt nhìn giời đôi mắt trong.
Tùng đàn con trẻ chạy xun xoe
Mưa tạnh giời quang nắng mới hoe
Lá nõn nhành non ai trắng bạc
Gió về từng trận gió bay đi.
Thong thả dân gian nghỉ việc đồng
Lúa thì con gái mượt như nhung
Đầy vườn hoa buổi hoa cam rụng
Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng.
Trên đường cát mịn một đôi cô
Yếm đỏ khăn thâm trảy hội chùa
Gậy trúc dắt bà già tóc bạc

Tay lần tràng hạt miệng nam mô.

(Nguyễn Bính)

Từ thuở còn đi học, nhất là khi rời thành phố về sống hẳn ở thôn quê, tuổi chớm lớn với chút tình cảm khác lạ le lói ở trong lòng, tôi bắt đầu biết đến Nguyễn Bính với đôi câu thơ tình của ông vợ vẫn trong đầu. ở vào thời ấy, những năm sáu mươi, thơ Nguyễn Bính không mấy phổ biến trong sách giáo khoa, còn sách in thì hiếm lắm, sở dĩ tôi biết được là qua miệng lớp anh chị lớn tuổi. Thế rồi, bầu không khí thời cuộc và sách học cho cả thế hệ chúng tôi tiếp cận với những bài thơ, câu thơ hào hùng, hoành tráng. Phải nói rằng, những năm tháng ấy, văn học nghệ thuật nói chung và thi ca nói riêng đã xốc cả thế hệ chúng tôi vào cuộc hoặc trên mặt trận chống xâm lược nơi tiền phương, hoặc trên mặt trận học tập, nghiên cứu và lao động sản xuất ở hậu phương, tuy trong sâu thẳm cõi lòng, với chút tình cảm riêng tư, tình yêu đôi lứa, không ít người vẫn bị ám ảnh bởi những câu thơ tài hoa của Nguyễn Bính.

Những năm gần đây, hàng loạt những tuyển tập của lớp các văn nghệ sĩ tiền chiến được các nhà làm sách, nhà xuất bản in tới tấp. Riêng thơ Nguyễn Bính đã có đến mấy tuyển tập khác nhau. Không hiểu thế hệ trẻ bây giờ – thế hệ của những vi tính, ngoại ngữ, có màng gì đến hồn thơ quê mùa Nguyễn Bính? Vào một chiều một chập trời trở gió mùa, mây xám ùn ùn kéo kín đặc cả bầu trời và gió bắc nổi ào ào, lá cây trên phố phường Hà Nội như trút bay rồi bời thình không. Mọi người đi trên đường như gấp gấp hơn, dáng vẻ họ tuy vội vã song tuyệt không mấy lo lắng gì, bởi ai cũng biết, chỉ ít ngày nữa thôi trời sẽ ấm lên, mưa xuân sẽ rơi nhẹ và lộc nơn sẽ ứa đầu cành. Tôi đi giữa dòng người hối hả như vậy và đầu chợt vang lên một câu thơ Nguyễn Bính "Lá nơn nhành non ai trắng bạc/Gió về từng trận gió bay đi...". ờ mà sao đến tận lúc này mình vẫn chưa hề có trong tay một tập thơ nào của Nguyễn Bính nhỉ? Bèn rẽ vào một hiệu sách ngay gần đấy...

Nguyễn Bính cảm và viết nhiều về mùa xuân. Với Mùa xuân, là hội chèo làng Đặng, là cô gái trong khung cử phôi phôi tình xuân, thế nhưng tình duyên cũng lỡ làng, để rồi mẹ già phán bảo "Mùa xuân đã cạn ngày". Với Mùa xuân xanh, thì mọi chuyện cũng mới chỉ gọi mở "... Bắt đầu là cái thất lung xanh". Trong *xế mùa xuân, chiều xế xuân...*. *Sang với Nhạc xuân, xuân là của vạn vật* và thi sĩ có reo lên đi chẳng nữa thì cũng chỉ là: "Mùa xuân, mùa xuân, mùa

rồi rồi/ Giờ đây chín vạn bông trời nở/ Riêng có tình ta khép lại thôi". ở Ruợu xuân, chỉ còn là xuân của sự phiền muộn nhớ nhưng "Uống đi! Em uống cho say/ Để trong mơ sống những ngày xuân qua". Đến Xuân tha hương thì cảnh ngộ thật thê lương, Nguyễn Bính đã hơn một lần rên rỉ: "Chao ôi! Tết đến mà không được/ Trông thấy quê hương thật nảo nùng" và "Chị ơi! Tết đến em mua ruợu/ Em uống cho say thật nảo nùng!", để rồi sau đó "Không than chắc hẳn hồn tươi lại/ Không khóc tha hồ đôi mắt trong/ Chị ơi! Em cười mùa xuân nhé...". Có chăng riêng với Thơ xuân, bầu không khí tươi vui hơn, tình xuân lai láng hơn, nhưng rồi với thi sĩ, riêng mình với mình chỉ còn mỗi "... Một áng thơ đề nét chẳng phai".

Vâng, chỉ riêng với Xuân về, Nguyễn Bính thật sự vui tươi với cảnh sắc thiên nhiên, làng xóm, con người... và có lẽ trước hết bởi tự trong lòng thi sĩ hân hoan, thơ thới tình xuân. Ngẫm toàn bộ bài thơ, từ đầu đến cuối cứ như là có sự hiện diện lần lượt của ba ông Phúc –Lộc –Thọ. Hãy xem, Phúc với màu hồng trên má cô gái chưa chồng, với đàn con trẻ ríu rít trong cảnh mưa tạnh, giời quang, nắng mới hoe. Lộc với lá nõn, lúa thì con gái, với đầy vườn hoa bưởi, hoa cam ngào ngạt hương... Và Thọ với đôi cô trẩy hội chùa và một viễn cảnh đối với các cô là bà già chống gậy trúc, miệng nam mô, tay lần tràng hạt...

Mỗi xuân về, mỗi lời cầu chúc Phúc, Lộc, Thọ đâu chỉ riêng niềm mong mỏi của Nguyễn Bính hơn nửa thế kỷ trước, mà từ cổ chí kim, ai còn mong muốn gì hơn thế?!./.

(Theo Vov.news)

Thơ xuân Nguyễn Bính

Nguyễn Bính (1918–1966) là một trong những người viết rất nhiều thơ xuân. Nhà nghiên cứu Nguyễn Hiến Lê từng đánh giá, "chưa có bài thơ nào tả cảnh xuân thôn quê và tình xuân thôn nữ Bắc Việt đúng và hay như bài Xuân về" của Nguyễn Bính. Nguyễn Bính trải qua nhiều cái Tết xa nhà, vì vậy thơ xuân của ông thường mang niềm hoài cảm và tâm trạng cô đơn.

Chắc là tôi không lầm, khi nói: So với các nhà thơ xưa nay của chúng ta, Nguyễn Bính (1918–1966) là người làm thơ về mùa xuân nhiều nhất.

Có thể giải thích bằng mấy lý do: nhà thơ yêu mùa xuân hơn các mùa khác trong năm; hơn nữa, miền quê Nam Định – nơi ông sinh trưởng – giàu cảnh sắc và thơ mộng, thi vị – nhất là trong những ngày xuân – đã hấp dẫn ông; lại nữa, trong nhiều năm trước Cách mạng Tháng Tám, Nguyễn Bính phải tha hương, trôi nổi từ bắc đến nam, phải sống nhiều cái Tết xa nhà – mà, hơn bao giờ hết, Tết lại là thời gian dành cho gặp gỡ, sum họp...

Đây là cảnh Xuân về (1937) ở một miền quê qua cái nhìn của Nguyễn Bính:

Tùng đàn con trẻ chạy xun xoe

Mưa lạnh, trời quang, nắng mới hoe

Lá nỡn nhành non, ai trắng bạc?

Gió về từng tạt, gió bay đi...

*Thong thả dân gian nghĩ việc đồng,
Lúa thì con gái mượt như nhung,
Đầy vườn hoa bưởi, hoa cam rụng,
Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng.
Trên đường cát mịn, một đôi cô
Yếm đỏ, khăn thâm, trẩy hội chùa
Gậy trúc dắt bà già tóc bạc
Tay lần tràng hạt, miệng nam mô.*

Cảnh xuân đẹp làm nhà thơ hồn nhiên tạo một câu thơ có cấu trúc lạ như là thơ viết cho trẻ con: Gậy trúc dắt bà già tóc bạc (chứ không phải cách nói thông thường: bà già tóc bạc chống gậy trúc). Nó gần như sự hồn nhiên trong cấu trúc một câu thơ Xuân Diệu thời bấy giờ, nói về tình yêu: Bữa nay lạnh, mặt trời đi ngủ sớm vậy. Cho dù còn có đôi câu xa với tình quê (không trích ở đây) và vài từ dùng chưa đắt, Xuân về vẫn là một bài thơ đẹp. Nhà nghiên cứu Nguyễn Hiến Lê (1912–1984) viết trong hồi ký của ông: "Tôi chưa thấy bài thơ nào tả cảnh xuân thôn quê và tình xuân thôn nữ Bắc Việt đúng và hay như bài Xuân về".

ở Mùa xuân xanh (1937) lại cũng vẫn cảnh quê êm ả, thanh bình, nhưng gắn với tình yêu trai gái và được choán ngập bởi một màu xanh: xanh của bầu trời, cây lá, đồng lúa, bãi cỏ, lũy tre, chiếc thắt lưng của cô thôn nữ cũng màu xanh:

*Mùa xuân là cả một mùa xanh,
Giò ở trên cao, lá ở cành;
Lúa ở đồng tôi và lúa ở
Đồng nàng và lúa ở đồng anh.
Cỏ nằm trên mộ đợi thanh minh,
Tôi đợi người yêu đến tự tình,*

Khởi lữ tre làng tôi nhận thấy

Bắt đầu là chiếc thắt lưng xanh.

Dấu sao, đó mới là dáng vẻ bên ngoài của tự nhiên, của con người vốn chưa phải là nét chủ đạo trong thơ Nguyễn Bính. Tâm tư, tình cảm của những người dân quê và của chính nhà thơ mới là dấu ấn đậm của thơ ông. Cô thôn nữ trong Mùa xuân (1936) xin phép mẹ sang thôn Đoài xem chèo, thật ra là để đi gặp người yêu, mà không gặp được! Lúc đi thì vui phơi phới với cả đất trời: Mưa bụi nên em không ướt áo và Thôn Đoài cách có một thời đề! Lúc về thì vì "người buồn" cho nên "cảnh" cũng buồn áo mỏng che đầu mưa nặng hạt và Có ngần gì đâu một dải đề! Cô lái đò (1940) trong tâm trạng Xuân đã đem mong nhớ trở về, mà "người khách tình" thì Đã mấy lần xuân trôi chảy mãi/Đi biệt không về với bến sông, cô đành "đi lấy chồng", và "từ đạo ấy" Để buồn cho những khách sang sông! Chén Rượu xuân (1940?) người con trai mười người con gái uống là một cách từ biệt, để cô đi "dệt mộng cùng người", để "Lẻ loi riêng một góc trời riêng anh"... (Câu thơ này, theo tôi, hay hơn hẳn câu ở bản cũ: "Lẻ loi xuân một góc trời riêng anh").

Tuy nhiên, những mùa xuân xa quê mới đem lại cho Nguyễn Bính một nỗi buồn ghê gớm. Ông có bài Xuân tha hương – 1941 viết ở Huế, đề "Gửi chị Trúc", nói cảnh một mình đón xuân:

Thiên hạ đua nhau mà sắm Tết,

Riêng mình em vẫn cứ tay không.

và nhất là đón xuân trong tâm trạng

Chao ôi, Tết đến, em không được

Trông thấy quê hương, thật nảo nùng!

cũng vì vậy mà

Chị ơi, Tết đến, em mua rượu,

Em uống cho say đến nảo nùng.

Uống say cười vỡ ba gian gác...

Cái tên bài thơ này – Xuân tha hương – đã được người ta lấy làm tên chung cho một tập thơ Nguyễn Bính viết về mùa xuân!

Một mùa "xuân tha hương" khác, nhà thơ ngồi trong Quán trọ (1942) mà than thở:

Dang dở một thân nơi đất khách

Tết này ta lại ngắm hoa sông!

Nguyễn Bính còn trải qua một cái Tết biên thùý – 1941 buồn bã, với tư thế Ngồi xếp bằng tròn trong ải lạnh ở một khung cảnh không còn gì nào nề hơn:

ải xa không pháo giao thừa nổ,

Mưa rét tươi bời, mưa rét thêm!

Tiêu biểu cho những mùa "xuân tha hương" của Nguyễn Bính chính là lời than này:

Chẳng đợi mà xuân vẫn cứ sang!

Đôi khi gặp lúc tâm hồn thư thái lắm, Nguyễn Bính mới có được một giọng điệu thanh thản, như trong bài Tết của mẹ tôi (1942?) Nhà thơ kể lại khá tỉ mỉ công việc của người mẹ từ mấy ngày cuối năm đến hết ba ngày Tết, với giọng thương cảm, và vẫn không thoát được nỗi buồn, có điều đây là một nỗi buồn có tính chất khác:

Xong ba ngày Tết, mẹ tôi lại

Đầu tắt mặt tối nuôi chồng con...

Chắc là bài thơ được viết vào một buổi nào của năm mới, nhà thơ bất giác nhớ đến mẹ mà hình dung ra, chứ như ta biết, Nguyễn Bính mồ côi mẹ từ lúc mới sinh được có mấy tháng!

Có lẽ, trước Cách mạng Tháng Tám, chỉ có một lần Nguyễn Bính thực sự vui khi Tết đến. Giọng thơ hồn nhiên và nghịch ngợm, trong bài Bướm đi chợ (1940), chưa bao giờ thấy trong thơ Nguyễn Bính viết về mùa xuân:

Có hai chị bướm đi chơi chợ,

Chị áo hồ lơ, chị áo điều.

Chị áo hồ lơ thăm hỏi bạn:

"-Mùa xuân, mày biết giá bao nhiêu?"

Chị áo điều nghe, cười ngặt nghẽo:

"-Mùa xuân đắt lắm, cô mình ơi!

Trăm quan hồ để mà mua được!

Cố áo mà mua, tớ chịu thôi!"

Sau Cách mạng, Nguyễn Bính vẫn làm nhiều thơ xuân, như Trở về quê cũ và bài thơ dài hơn hai nghìn câu Tiếng trống đêm xuân (1957), hay Bạch đào và Xuân mới gửi bạn cũ (1959)... ở đó, tình quê, cảnh quê ngày xưa, ngày nay quyện với nhau trong những kỷ niệm. Nguyễn Bính còn có những bài thơ gửi vào miền nam, nơi đó có vợ con ông, mà lại một lần ông phải cách xa, trong nỗi đau đất nước bị chia cắt: Thư Tết (1955), Xuân nhớ miền nam (1956)... Còn bài Mùa xuân (1958) thì thơ mộng như những gì thơ mộng Nguyễn Bính đã từng viết về đồng quê xứ bắc trước Cách mạng:

Bãi lạnh bờ dâu sẫm lá tơ

Làng bên ẩm ướt giọng chuông mờ

Chiều xuân lưu luyến không đành hết

Lơ lửng mù sương phảng phất mưa...

Đọc thơ xuân Nguyễn Bính –những bài thơ viết trong suốt một phần tư thế kỷ với tình cảm vui buồn của nhân tình thế thái, dù còn gặp những chỗ chưa được như ý về câu, về chữ, về tình, ta vẫn được sống lại khá đầy đủ với cảnh sắc và con người thôn quê mà đời sống thị thành thời hiện đại nhiều khi làm ta quên mất...

Hồng Diêu

Độc Viễn vọng Bắc của Viễn Phương

Trong những ngày đất nước đang tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam sắp đến thắng lợi hoàn toàn, nhà thơ Viễn Phương được ra Bắc viễn vọng Bắc. Trước khi chia tay, nhà thơ đã để lại một bài thơ bày tỏ niềm cảm xúc sâu xa, tình yêu thương vô hạn và lòng cảm phục, tôn kính của mình đối với Bác Hồ vĩ đại—người từng lái con thuyền cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác:

"Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác

Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát

Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam

Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng"

Đoạn thơ mở đầu gợi ra cảnh tượng thiêng liêng, thành kính. Tác giả xưng "con"—đứa con bao năm xa cách nay mới được trở về đứng trước lăng mộ của vị cha già dân tộc. Cách xưng hô đó còn gợi lên một tình cảm ấm áp gần gũi—tình cảm trong gia đình. Tình cảm gần gũi ấm áp đó còn được thể hiện qua hình ảnh "hàng tre bát ngát" trong sương. Hàng tre quen thuộc biết bao. Từ bao đời nay tre vẫn được xem là bản lĩnh, cốt cách con người Việt Nam. Một hình ảnh thật có ý nghĩa.

Tác giả tiếp tục mạch suy tưởng khi đứng trước lăng Người:

"Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng

Thấy một mặt trời trong lãng rất đo

Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ,

Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân..."

Mặt trời ngày ngày đi qua trên lãng là mặt trời của vũ trụ, của thiên nhiên. Mặt trời soi sáng tất cả thế gian. Mặt trời thượng tượng trưng cho chân lý. Dưới ánh mặt trời, mọi vật, mọi việc đều sáng rõ. Chỉ mặt trời đỏ mới nhìn và "thấy mặt trời trong lãng rất đỏ". "Mặt trời trong lãng" chính là hình ảnh Bác Hồ vĩ đại với trái tim rực đỏ. Trái tim ấy, mặt trời ấy mãi mãi soi sáng cho dân tộc Việt nam, mặt trời thiên nhiên, mặt trời vũ trụ được nhân hoá thể hiện niềm cảm phục của nhà thơ đối với sự nghiệp, con người, cuộc đời của Bác. Nhà thơ còn sáng tạo hình ảnh dòng người kết thành "tràng hoa" dâng bảy mươi chín mùa xuân để thể hiện tấm lòng nhân dân cả nước hướng về Bác.

Khi vào trong lãng tác giả lại tiếp tục suy tưởng:

"Bác nằm trong giấc ngủ bình yên

Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền

Vẫn biết trời xanh là mãi mãi

Mà sao nghe nhói ở trong tim"

Với dân tộc Việt Nam, Bác Hồ không bao giờ mất, Bác vẫn sống. Nằm trong lãng chỉ là giây phút nghỉ ngơi của Bác. Bác ngủ bình yên thanh thản bởi Bác đã cống hiến tất cả cuộc đời mình cho đất nước, cho dân tộc. Bác đang nằm "giữa một vầng trăng sáng dịu hiền. Đây cũng là hình ảnh ẩn dụ "vầng trăng sáng dịu hiền" chính là tấm lòng của nhân dân đối với Bác. Tác giả bày tỏ niềm tiếc thương vô hạn đối với Bác: "Vẫn biết trời xanh là mãi mãi". Vẫn biết Bác không bao giờ mất nhưng sự thật là sự thật! Bác đã vĩnh viễn ra đi. Cái "đau nhói trong tim" không chỉ là nỗi đau của riêng nhà thơ mà là nỗi đau của tất cả mọi người.

Tác giả chia tay Bác trong niềm cảm xúc dâng trào:

"Mai về miền Nam thương trào nước mắt

Muốn làm con chim hót quanh lãng.."

Viễn Phương bộc lộ một cách thành thực ý nghĩ, tình cảm của mình đối với Bác. Đó là phong cách của đồng bào Nam Bộ: rõ ràng, dứt khoát. Đó cũng là tình cảm của nhân dân miền Nam đối với Bác. ước nguyện của tác giả hết sức giản dị mà sâu lắng: muốn làm con chim, muốn làm đoá hoa, muốn làm cây tre.. ước nguyện ấy thật chân thành và cảm động. Đó là sự vắn vưng lưu luyến của tất cả những ai đã có dịp viếng lang Người.

Mở đầu bài thơ là hình ảnh hàng tre, kết thúc bài thơ là hình ảnh cây tre hiền lành, quen thuộc. Nhưng đây cũng là một lời hứa của tác giả trước an linh của Bác: luôn giữ mãi cốt cách, phẩm chất của người Việt Nam!

"Viếng lăng Bác" của Viễn Phương vừa giàu hình ảnh, vừa giàu trữ tình đầm thắm. Bài thơ đã thể hiện một cách chân thành sâu sắc tình cảm của tác giả, của đồng bào miền Nam đối với vị lãnh tụ kính yêu. "Viếng lăng Bác" đã được phổ nhạc trở thành một trong những bài hát được nhân dân cả nước yêu thích.

Đọc lại bài thơ Nguyên tiêu của Bác Hồ

Bài thơ này được Bác Hồ sáng tác vào đúng dịp Rằm tháng Giêng, năm Mậu Tý (1948), miêu tả cảnh đêm trăng, và buổi họp bàn việc quân của Bác bí mật trên sông nước ở chiến khu Việt Bắc, khởi đầu kế hoạch cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lúc đó đang bước sang năm thứ ba. Bài thơ "Rằm tháng Giêng" còn là một bài thơ tả cảnh để tả tình—bài thơ của một bậc thi nhân—bài thơ của một chiến sĩ cách mạng lỗi lạc.

Nguyên tác của Bác viết:

Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên

Xuân giang, xuân thủy, tiếp xuân thiên

Yên ba thâm xứ đàm quân sự

Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền

Ông Xuân Thủy dịch bài thơ trên của Bác như sau:

Rằm xuân lồng lộng trăng soi

Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân

Giữa dòng bàn bạc việc quân

Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền

Cảnh mùa xuân của Bác trong bài thơ "Rằm tháng Giêng" là một bức tranh, sao vô cùng khoáng đạt:

Rằm xuân lồng lộng trăng soi***Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân***

Chỉ trong hai câu thơ tả cảnh đó, Bác dùng tới ba từ xuân liên tiếp một cách ngẫu nhiên mà rất có dụng ý nghệ thuật. Mỗi từ xuân để tả một hình ảnh: Trăng–Sông–Bầu trời. Miêu tả ba hình ảnh đó, Bác dùng từ "lồng lộng" và "lẫn" chính xác và khéo léo thuần thục trong ngôn từ như một họa sĩ danh tiếng có tài pha màu, phác thảo cảnh vật... vẽ nên một bức tranh xuân hài hòa và trải rộng khắp mênh mông.

Mùa xuân đến không chỉ trên những chồi non lá biếc, mà tất cả vàng trắng đến dòng sông, bầu trời trong thơ Bác lúc này đều đầy sức sống của mùa xuân: "Rằm xuân lồng lộng trăng soi".

Rằm xuân cũng là ngày Rằm tháng Giêng–một đêm trăng rằm tuyệt đẹp–một vẻ đẹp đến ngỡ ngàng.

Trăng trở thành trung tâm kỳ vĩ của vũ trụ trong đêm rằm xuân–trăng trải rộng trên dòng sông–đem mùa xuân kỳ diệu đến cho dòng sông. Mùa xuân có chiều cao và chiều sâu tận cùng trong ánh trăng soi. Một mùa xuân bát ngát trong tầm mắt của Bác. Vượt ra khỏi khung cảnh Việt Bắc trở thành hình tượng đẹp đẽ của bầu trời tự do, của mùa xuân đất nước mà Bác cảm nhận thấy từ ánh trăng rằm trong những tháng ngày còn gian khổ. Có nghĩ đến điều ấy, ta mới càng thấy được phong thái ung dung và lạc quan cao đẹp của Bác. ẩn sau cảnh trăng xuân đó là hình ảnh của ngày mai tươi sáng đang đến gần. Ngày mai đó được bắt đầu bằng những kế hoạch và công việc rất cụ thể, rất thực tế của Đảng ta và của Bác:

Giữa dòng bàn bạc việc quân***Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền.***

Đêm trăng rằm vắng lặng, êm dịu như bức tranh thủy mặc, trở nên sống động và thơ mộng bởi có sự góp mặt của những con người bất tử, đang chèo lái con thuyền cách mạng đi đến thắng lợi hoàn toàn. ở đó, có Chủ tịch Hồ Chí Minh–nhà thơ và người chiến sĩ cách mạng kiên cường đang "bàn bạc việc quân". Bài thơ kết lại bằng một câu ngân vang cao vút và đầy thi vị: "Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền". Đêm khuya không hề có bóng tối, ánh trăng

toả sáng khắp cả không gian. Hình ảnh con thuyền trở thành một hình ảnh liên tưởng và lãng mạn tuyệt đẹp—con thuyền như chở đầy ánh trăng. Đó là hình ảnh của con thuyền cách mạng đang chở đầy chiến thắng, chở đầy niềm tin, đang đi tới tương lai rực rỡ huy hoàng.

Dường như bài thơ nào của Bác cũng kết thúc bằng những câu thơ bất ngờ và tuyệt đẹp như thế. Từ vẻ đẹp của nghệ thuật, vẻ đẹp của thiên nhiên đã toát lên sức mạnh tinh thần mãnh liệt của người chiến sĩ cách mạng.

Lời bình của Nguyễn Duy Cách

Yên Lan – Bến sông và phố huyện

Bến My Lăng của Yên Lan là cái bến sông huyền ảo vang bóng trên thi đàn, gắn liền với tên tuổi nhà thơ mỗi khi người ta nhắc đến. Đã hơn một lần Yên Lan giải thích rằng nó bắt nguồn từ một bến đò thật, bến Trường Thi, cách thị trấn Bình Định nơi ông ở khoảng mấy dặm đường. Mỗi lần qua bến sông này, nhìn đôi cát cong cong tựa bờ mi thiếu nữ, lòng khách văn chương không thể không thao thiết cùng những dòng thơ xa xăm:

" Bến My Lăng nằm không thuyền đợi khách

Rượu hết rồi ông lái chằng buông câu

Trăng thì đầy rơi vàng trên mặt sách

Ông lái buồn để gió lén mơn râu..."

Đó là một bến sông đẹp, đẹp đến náo lòng, nơi xưa kia người cha của Yên Lan đã lần theo tiếng hát để đến với mẹ ông, một thôn nữ quay xa, dệt lụa, thường gửi hồn bằng những khúc dân ca say đắm. Mối tơ duyên đậm đầy thi vị ấy đã sản sinh ra một người con, thi sĩ ngay thuở mới vừa lọt lòng:

"Quê ngoại bên kia bãi cát vàng

Mẹ tôi về lữ chuyển dò ngang

Con đau trơ dạ không giường chiếu

Tôi lọt lòng ra giữa bãi trắng..."

Năm Yến Lan lên sáu, mẹ ông ốm nặng, nằm liệt giường. Gần 3 năm Yến Lan được cha sai hàng ngày đưa cơm cho mẹ và thỉnh thoảng xé chiều lại thêm bình tích bánh canh. Cha Yến Lan làm nghề đập hoa trên vải. Một hôm, cha ông nhận được một mẫu hàng từ Thượng Hải, hoa văn rất phức tạp. Hai ngày liền, cha ông không đập được hoa. Mẹ ông từ buồng bệnh bước ra cửa hỏi và dùng tay ra hiệu cho chồng cách đập hoa. Quả nhiên cha ông hoàn tất được mẫu hàng. Như mọi hôm, Yến Lan đưa cơm vào cho mẹ. Nhưng hôm đó, mẹ ông không còn ăn được nữa. Máu bà ra từ mũi, miệng. Đến cuối chiều thì bà đã lạnh cứng chân, tay.

Đêm đó, Yến Lan đi cùng người láng giềng đưa tin về quê ngoại. Đến đoạn đường qua Gò Tập là nơi người ta đồn đại rất nhiều về chuyện ma đưa võng. Yến Lan quính chân. Người láng giềng cất tiếng gọi ò. Ông cậu của Yến Lan nằm ngủ trong thuyền giạt mình chống ò hốt hải sang. Ấn tượng về tiếng gọi ò nào ruột trong đêm trăng sương lạnh lẽo ấy ám ảnh Yến Lan đến suốt đời. Những năm vào tuổi bát tuần, ông vẫn còn thường nhắc đến chuyện này với đôi mắt rần lệ. Ông thú nhận rằng ngày xưa bài thơ Bến My Lăng của ông ra đời trong lúc xuất thần của ấn tượng tiếng gọi ò thuở bé. Mẹ Yến Lan mất ít lâu, cha ông lấy vợ kế, Yến Lan phải chịu đựng cảnh mẹ ghẻ con chồng. Ông chia buồn sẻ ngọt với cây thị chùa Ông, nơi ông trải qua tuổi thơ cay đắng. Cây thị ngọt trăm tuổi như người bạn lớn vỗ về, chở che và lòng ông rần rụa thương cảm:

"Đêm mưa tí tách nhà tranh giột

Thị nói mình che nua mái ngoài

Sáng dậy nghe chim run tiếng hót

Mới hay cây lạnh suốt đêm dài..."

Và cậu bé Yến Lan rách rưới thiếu thốn, nhờ cây thị mỗi mùa trái, hái bán dành dụm tiền may áo:

"Trái ra chợ bán lành thân áo

on thị thay phần mẹ dưỡng nuôi..."

Thị trấn Bình Định có thành cổ rêu phong, có vó ngựa rời rạc, có tiếng trống thu không, có những trái thị vàng đầy ân tình như thế là nơi Yến Lan tạo dựng nghiệp thơ.

*"Đây là chốn nương mây và cội nguyệt
Đàn chờ xe sông nước ước mong thuyền
Tịch dương liễu không biết mình đương biếc
Tương tư trời tương tư nhạc triền miên"*

Yến Lan đã mô tả về một Bình Định 1935 như thế. Một Bình Định có người con trai đơn lẻ:

*"áo chàng xanh lam lữ
Trời ơi trời đừng mưa"*

Trước cuộc tình rứt rứt không giám nói. Một Bình Định với không khí trầm buồn nhưng đầy quyến luyến, trần đi trở lại trong thơ Yến Lan ngày ông tập kết, sống trên miền Bắc:

*"Thương tuổi nhỏ ta nghèo
Thầy giáo già nghiêm khắc
Đời phố huyện đìu hiu
Trăng tình lên ngơ ngác
Những vần thơ ban đầu
Từ bóng cô hàng xén
Đến tiếng vọng còi tàu
Không một lời hứa hẹn"*

Bến sông cũ phố huyện xưa mở rộng vòng tay đón người thi sĩ sau cuộc chiến tranh trở về. Cuộc sống đã đổi khác nhưng khung trời kỷ niệm còn đó, những mùa bông gòn bay, những cánh chim mòng két thiên đi, chuyến xe ngựa mỗi hoàng hôn và sớm mai leng keng tiếng nhạc. Giống như nhà Quách Tấn bên chợ Đầm Nha Trang, nhà Yến Lan kề ngay chợ Bình Định, hai ông đều

thường nhắc câu "Thị nào cư di tịnh" của bậc tiền bối Đào Tấn như một phương pháp sống. Bởi vậy dù khi ốm đau thiếu thốn hay giữa huyên náo của quang cảnh ông vẫn tìm được chất thơ của đời:

"Nhà không vườn không gác không sân

Tôi nợ đời rau trái tôi ăn

Nợ hàng xóm trưa hè bóng mát

Nợ em cài bên cửa một vàng trăng"

Trên mảnh đất này, vàng trăng của Yến Lan, cái "vàng trăng vẫn thường ám ảnh các nhà thơ Bình Định" như Hoài Thanh đã nhận xét trong Thi nhân Việt Nam, lại khi hao khuyết, khi viên mãn theo từng cung bậc của hoài niệm và dự tưởng. Trong những vần thơ của ông, bóng trăng vừa lay động vừa an tĩnh trong từng hơi thở. Và bản thân nó toát lên linh hồn của con người, con người đa đảm và dầu dãi trong khung cảnh vừa thanh thoát vừa trần thế. Những tâm tình thật sâu thật nặng của trọn một kiếp người mặn nhạt chua cay ngọt bùi từng nếm trải, Yến Lan gọi là Chút lòng để lại:

... Đi còn ngoanh mặt ngủi trông

Cái qua đã khuất biệt dòng thời gian

Lòng thôi tròn khuyết theo trăng

Tình còn cắn Bến Mỹ Lăng gọi dò

Trăm năm làm một hện hò.

Nguyễn Thanh Mừng

DIÊM

Có người ví tình yêu như,vo với que diêm
Nhưng em không nghĩ thế
Boi que diêm chỉ một lần sáng loé
Còn,vo bao làm cháy đến trăm lần

Em không thể là phần sẫm nơi,vo bao kia
Để làm sáng
Rồi đốt lịm những que diêm mong manh
Nơi hết lần này đến lần sau lấp lánh
Rất đa tình rồi phụ bạc như không

Nhưng em vẫn sẵn sàng làm chiếc que
Dám đốt,ca trái tim diêm sinh bé xíu
Cháy đến tận cùng thân tâm trắng treo
Dù kiếp tàn nhưng hiểu đã được yêu

**Dẫu cho anh có tham đến bao nhiêu
Và sau những cuộc tình chỉ dăm ba vết xước
Không oán hờn đâu vì em tin mình được
Chứ yêu nhiều, bạc phách có gì đâu**

**Nếu muốn suốt đời ở mãi bên nhau
Thì câu ví kia xin người rút lại
Bơi cái ngắn ngui khác xa cái còn lại
Mà tình yêu cần đi suốt cuộc đời.**

(suru tầm)

"Đố ai định nghĩa được tình yêu"

(Xuân Diệu)

Tình yêu đủ mọi cung bậc thanh âm, biến hoá thâm trầm, và là một khái niệm trừu tượng nhất trong phạm trù nghệ thuật.

Thế mà tự cổ chí kim, từ Đông sang Tây, lại có bao người lặn lội cả cuộc đời để tìm cho mình một định nghĩa về tình yêu.

Không kể chiếc lá diêu bông của cậu bé 8 tuổi Hoàng Cầm, biết bao đôi lứa yêu nhau cũng tìm riêng cho mình một câu định nghĩa thật hay để rồi thì thào vào tay anh chàng (cô nàng): "Đố anh (em), tình yêu là gì?"

trong số vô vàn những lý giải tình yêu đó, "có người ví tình yêu như vở với que diêm", bởi lẽ hai vật ấy phải đi đôi với nhau, có cọ xát với nhau mới phát huy tác dụng; còn không chỉ là vật vô dụng => thể hiện cho sự gắn bó mật thiết với nhau.

"Nhưng em không nghĩ thế

Bơi que diêm chỉ một lần sáng loé

Còn,vo bao làm cháy,ca trăm lần"

"Em" suy nghĩ đến mặt khác của cái gọi là tình yêu kia: Khi hai người yêu nhau, có lẽ họ không đòi hỏi sự công bằng: anh phải yêu em nhiều như em đã yêu anh, hay ngược lại; nhưng sự bất bình đẳng chính là cái chám rạn cho tình yêu.

Em không thể là phần sẫm nơi,vo bao kia

Để làm sáng

Rồi đốt lịm những que diêm mong manh

Nơi hết lần này đến lần sau lấp lánh

Rất đa tình rồi phụ bạc như không

Nhưng em vẫn sẵn sàng làm chiếc que

Dám đốt,ca trái tim diêm sinh bé xíu

Cháy đến tận cùng thân tâm trắng treo

Dù kiếp tàn nhưng hiểu đã được yêu

Cô gái không bằng lòng làm một chiếc bao đa tình, mồi lửa cho bao que diêm cháy sáng, thế nhưng cô sẵn sàng làm chiếc que, thà một phút có anh rồi vĩnh viễn ra đi còn hơn không bao giờ có anh trong đời.Đức tin, đức hy sinh ấy đẹp quá, đó chính là bằng chứng cho tình yêu đích thực. Rõ ràng, không cần phải thề ước cao xa, một câu nói đơn giản thôi cũng đủ sáng tỏ cả tấm lòng cao rộng.

Khi đến với tình yêu, người con trai thường trông đợi những giây phút nồng nàn, còn người con gái lại khắc khoải một nỗi bình yên. Cô gái trong bài thơ này cũng vậy, cô khao khát được yêu, và đó phải là một tình yêu chắc chắn, bền vững.

Yen_Vy

Mục lục

| | |
|--|----|
| Một bài thơ xuân của Nguyễn Du | 3 |
| Nguyễn Bính –Nhà thơ mang hồn quê đất Việt | 6 |
| Đợi chờ | 9 |
| Nhấn nhủ của Vũ Đình Minh..... | 13 |
| ”Thề non nước” của Tản Đà | 16 |
| Tổng biệt hành của Thâm Tâm..... | 25 |
| Sóng..... | 34 |
| Lòng anh làm bến thu..... | 36 |
| Ngơ ngẩn trước “Buổi đầu... ngơ ngẩn” của Nguyễn Nhân Phong..... | 39 |
| Một lần đọc thơ của người bạn và cảm xúc..... | 43 |
| Cô Tấm đã vào cung vua của Nguyễn Hữu Quý | 45 |
| Đôi cảm nhận về bài thơ “Nắng mới” của Lưu Trọng Lư | 50 |
| Về đặc điểm nghệ thuật đăng đối trong thơ Kiều | 54 |
| Chất Huế trong “Màu thời gian” | 56 |
| “Tôi nhớ” của X.Êxênhin | 58 |

| | |
|---|-----|
| Em vẫn như ngày xưa..... | 63 |
| “Cứ phải là em” của Xuân Diệu..... | 66 |
| “Âm thầm” của Nguyễn Quang Hà..... | 70 |
| Số thực và số ảo trong thơ..... | 74 |
| Em về làm dâu... của Khánh Nguyên..... | 76 |
| Bài thơ Qua nhà của Nguyễn Bính..... | 79 |
| ”Bềnh bồng cho tới mai sau” – Bài thơ tình rất lạ của Hoàng Phủ Ngọc Tường..... | 83 |
| Viết cho con gái của Nguyễn Thị Hồng Ngát..... | 88 |
| Người Pháp đọc thơ Hồ Xuân Hương..... | 92 |
| Tâm sự nàng Thúy Vân..... | 95 |
| Đêm Hà Nội, nhớ..... | 100 |
| Thơ xuân Nguyễn Bính..... | 105 |
| Xa vắng quá..... | 110 |
| Bài thơ tặng vợ của Hồ Dzếnh..... | 112 |
| Tiếng cuốc..... | 115 |
| Về bài thơ "Không đề" của Ông Nguyễn Bính..... | 120 |

Một bài thơ xuân của Nguyễn Du

Nguyễn Du là người ít làm thơ xuân. Trong số 250 bài thơ chữ Hán của ông thì chỉ có ba, bốn bài viết về mùa xuân, chính xác hơn là nói nỗi lòng của ông khi mùa xuân đến. Hầu hết những bài này đều viết trong "mười năm gió bụi" ông sống ở quê vợ Thái Bình từ năm 1786 đến năm 1796, tức là từ khi ông 21 tuổi đến năm 31 tuổi. Nguyễn Du ít có thơ vui, thơ viết khi xuân về cũng thấm đẫm nỗi buồn. Ta hãy đọc một trong những bài thơ xuân đó:

Xuân dạ

Hắc dạ thiều quang hà xứ tâm?

Tiểu song khai xứ liễu âm âm

Giang hồ bệnh đảo kinh thời cũ

Phong vũ xuân tùy nhất dạ thâm

Ky lữ đa niên đặng hạ lệ

Gia hương thiên lý nguyệt trung tâm

Nam Đài thôn ngoại Long Giang thủy

Nhất phiến hàn thanh tống cổ cầm (kim)

Dịch nghĩa:

Đêm xuân

Trời tối đen, tìm đâu thấy cảnh xuân tươi sáng. Qua khuôn cửa sổ nhỏ, chỉ thấy bóng liễu âm u. Trong bước giang hồ, lại phải nằm bệnh lâu ngày, cuộc

đời có khác gì về xuân theo mưa gió chìm trong bóng đêm. Ở đất khách lâu năm, ngồi dưới bóng đèn mà rơi lệ. Quê hương xa nghìn dặm bóng trăng vẫn ở trong lòng. Ở quê, phía ngoài thôn Nam Đài, tiếng sóng dòng sông Long Giang vẫn lạnh lùng tiễn đưa kim cổ (Theo bản *phiên âm và dịch nghĩa của Nguyễn Thạch Giang và Trương Chính*).

Dịch thơ:

Đêm xuân

Đêm đen nào thấy ánh xuân

Trước song, bóng liễu âm âm một vùng

Giang hồ, bệnh tật hãi hùng

Xuân mang mưa gió về cùng đêm sâu

Dưới đèn lữ khách rơi châu

Trăng quê ngàn dặm nhói đau lòng này

Long Giang bên xóm Nam Đài

Tiếng con sóng lạnh tiễn hoài cổ kim.

Đọc bài thơ này ta liên tưởng đến nỗi buồn trong "Xuân tha hương" của Nguyễn Bính. Khác là Nguyễn Bính trang trải nỗi buồn nhớ lên 100 câu thơ, còn Nguyễn Du cô đúc lại trong tám câu, mà người đọc hiểu khá tường tận nỗi lòng tác giả. Mùa xuân đối với mọi người là đẹp và vui, thì với Nguyễn Du những năm sống nhờ ở quê vợ, đêm xuân mà chẳng thấy xuân đâu, chỉ thấy tăm tối, từ bóng đêm đen đến bóng liễu âm u, chỉ thấy mưa gió ập tới khi ông bệnh tật và nhớ nhà. Bài thơ tám câu được chia ra hai phần đều đặn: bốn câu đầu nói chuyện đêm xuân buồn trên quê người. Bốn câu tiếp theo nói cảnh nhớ quê. Bạn đọc có thể hỏi rằng: Tại sao ở quê vợ mà đại thi hào của chúng ta buồn đến vậy? Thứ nhất, vì cái tạng vốn dễ buồn, lòng thường "ngón ngang trăm mối" của ông. Thứ hai, ông về ở mười năm quê vợ trong một hoàn cảnh đặc biệt: Năm 1786, hai người anh của Nguyễn Du là Nguyễn Khản và Nguyễn Điều lần lượt qua đời, Nguyễn Huệ tiến vào Thăng Long (lần thứ nhất), Nguyễn Du về quê vợ ở Thái Bình là để lánh nạn.

Ta biết rằng, Nguyễn Du sinh ra và lớn lên ở Thăng Long, quê Tiên Điền, Nghi Xuân. Ông chỉ sống ở đây từ năm 1780 đến 1783; và từ năm 1796 đến 1802. Như vậy, trước mười năm sống ở Thái Bình, ông chỉ mới sống ở Tiên Điền ba năm mà thôi. Thế nhưng khi buồn nhớ, ông không nhớ về Thăng Long với sông Nhị Hà mà nhớ Tiên Điền với dòng Long Giang, hoặc Long Vĩ. Quê Giang là tên sông Lam chảy qua quê ông thời ấy. Đêm xuân ngồi ở Thái Bình mà mắt như thấy được vàng trắng quê nhà, tai như nghe được tiếng sóng lạnh của sông Long Giang tiến đưa kim cổ. Mà quê nhà ông những năm đó, anh em ly tán mỗi người một phương như ông đã viết: "Hồng Lĩnh vô gia huynh đệ tán", ông có muốn trở về cũng chẳng biết nương tựa vào đâu!

Nguyễn Du thân già trước tuổi, mái đầu bạc sớm, nỗi buồn thường trực trong lòng. Mùa xuân làm cho ông buồn hơn, nhớ nhà nhiều hơn nên thơ ông cũng buồn hơn. Đó cũng là điều khác nhau giữa thơ xuân của Đại thi hào ngày ấy với thơ xuân trên các trang báo của chúng ta bây giờ!.

Vương Trọng

Nguyễn Bính – Nhà thơ mang hồn quê đất Việt

Trên thi đàn Việt Nam, Nguyễn Bính như một vì sao sáng trong thời kỳ thơ mới 1932–1945. Ông làm thơ từ năm 13 tuổi. Bài thơ của ông được đăng báo đầu tiên là bài *Cô hái mơ*:

"Cô hái mơ ơi, cô gái ơi

Chẳng tra lời nhau lấy một lời

Cứ lặng rồi đi, rồi khuất bóng

Rừng mơ hiu hắt lá mơ rơi".

Năm 1937, Nguyễn Bính gửi tập thơ *Tâm hồn tôi* dự thi và đã được giải thưởng của Tự lực văn đoàn. Từ đó ông liên tiếp có thơ in trên nhiều báo chí. Có thể nói, ông là một trong những cây bút viết sung sức nhất thời bấy giờ. Chỉ trong 3 năm ông đã cho ra đời 7 tập thơ: *Tâm hồn tôi* (1940), *Hương cố nhân* (1941), *Người con gái ở lầu hoa* (1942), *Mười hai bến nước* (1942), *Mây tản* (1942), và tác phẩm được chú ý nhất là *Lỡ bước sang ngang*. Trở lại thời kỳ đầu tiên của thơ mới, nhiều nhà thơ Việt Nam khác đang mải mê tìm tòi để với tới cái hồn của thơ hiện đại và phong thái của thơ phương Tây thì Nguyễn Bính vẫn mơ mộng say mê với hồn quê, cảnh quê mộc mạc ở Việt Nam. Chính vì thế mà người ta thường gọi Nguyễn Bính là nhà thơ của tình quê, chân quê và hồn quê. Nhà phê bình văn học Phạm Xuân Nguyên nhận xét: Khi nói về Nguyễn Bính, đầu tiên phải khẳng định ông là một nhà thơ mới. Nhưng khi nói lời thân

thiết về ông, người ta thường thêm một định ngữ nữa vào đó là nhà thơ chân quê. Định ngữ đó là một đặc sắc, nét riêng của nhà thơ. Ông là một người đã ra sống ở thành thị mà còn ngoái lại về thôn quê, tiếc nuôi thôn quê như một sự gắn kết giữa hiện đại và quá khứ. Cái hồn quê ấy níu giữ trong ông như một ký ức, điều đó làm cho thơ Nguyễn Bính đạt đến mức phổ cập. Nếu nói về sự phổ cập thì thơ Nguyễn Bính đạt tới sự phổ cập nhất trong số những thi nhân Việt Nam.

Nhà văn Tô Hoài, bạn cùng thời Nguyễn Bính kể rằng: Nguyễn Bính là con người của các xứ đồng, của cái điều giấy, của đàn hoa lý, của mưa thưa, mưa bụi giữa mọi công việc làm ăn vất vả sương nắng. Bởi đó là cốt lõi cuộc đời và tâm hồn thơ Nguyễn Bính. Quê hương là tất cả và cũng là nơi in đậm dấu VẾT ĐỜI MÌNH. Ở Nguyễn Bính, quê hương là hình bóng đất nước, những nơi anh đã đặt chân với vô vàn kỷ niệm. Sức mạnh sáng tạo của Nguyễn Bính cũng từ nơi đồng chiêm trũng trắng trời, trắng nước này. Ông Tô Hoài còn kể: Nguyễn Bính biết làm thơ từ thuở bé. Vừa thuộc mặt chữ đã đọc ra thơ. Những bài thơ hay nhất cũng là những bài thơ đầu tiên ấy. Thật rõ ở Nguyễn Bính, khi năng khiếu trong thơ được khơi từ cuộc sống chân thực, lý trí và bản năng nhà thơ hoà một tấm lòng. Hầu như những ai là người Việt Nam đều thuộc nằm lòng đôi ba câu thơ của Nguyễn Bính trong các bài hát ru như Lỡ bước sang ngang, Người hàng xóm, Cô hái mơ, Chân quê... Riêng về mùa xuân, nhà thơ đã dành rất nhiều tứ thơ cho đề tài này như Mùa xuân xanh, Nhạc xuân, Rượu xuân, Thơ xuân, Mưa xuân, Xuân tha hương, Xuân về... Mùa xuân, ai cũng biết, cũng được thưởng thức và chứng kiến, song chỉ có Nguyễn Bính bằng cái nhìn tinh tế, say đắm, ông đã nhận ra cái hồn quê ẩn chứa trong thiên nhiên, ông đã viết về mùa xuân một cách tự nhiên như thể đó là điều tất yếu:

"Mùa xuân là ca một mùa xanh

Giòi ở trên cao, lậ ở cành

Lúạ ở đồng tôi và lúạ ở

Đồng nàng và lúạ ở đồng anh"...

hay:

"Bữa ấy mưa xuân phơi phới bay

"Hoa xoan lớp lớp rụng rơi đầy"...

Những cảnh làng quê trong thơ Nguyễn Bính không dừng lại ở mức độ miêu tả mà bao giờ cũng có hồn, làm rung động người đọc. Những thôn Đoài, thôn Đông, con đò bến nước, giàn trầu hàng cau, giậu mùng tơi, khung cửi... đều như nói lên tiếng nói của trai gái yêu nhau. Cái tình ở đây đều nhờ cảnh nói hộ như cách trao duyên của ca dao truyền thống Việt Nam:

"Thôn Đoài ngòi nhớ thôn Đông***Một người chín nhớ mười mong một người"...***

hay:

"Nhà nàng ở cạnh nhà tôi***Cách nhau cái giậu mùng tơi xanh rờn"...***

Phân tích về nghệ thuật độc đáo trong thơ Nguyễn Bính, nhà phê bình văn học Phạm Xuân Nguyên nhận xét, thơ Nguyễn Bính viết phần lớn là những bài lục bát. Giọng điệu đó khiến cho người ta dễ thuộc, dễ cảm. Mở miệng ra là có thể đọc ngay được một câu thơ của Nguyễn Bính. Đó chính là cách để thơ Nguyễn Bính đi vào lòng người. Nếu như có một cuộc bình chọn thơ Việt Nam để lại cho thế hệ mai sau thì nhiều người cho rằng cả hai nhà thơ Việt Nam để lại cho thế hệ mai sau thì nhiều người cho rằng cả hai nhà thơ Việt Nam là Hàn Mặc Tử và Nguyễn Bính đều cùng nhau chuyển giao thế hệ được. Nếu Hàn Mặc Tử đạt đến cái cao siêu, cái kỳ diệu của thơ thì Nguyễn Bính đạt được sự rung động phổ cập, sự lay động lòng người. Cái giản dị bình thường, song không kém phần sâu xa, dưới góc độ nghiên cứu văn học.

Nguyễn Bính là nhà thơ chân quê – có thể mọi định ngữ không thể ca ngợi hết về ông nhưng ông là một trong những nhà thơ có sức sống lâu bền trong tâm trí người Việt Nam. Có thể nói không quá lên rằng còn người Việt, còn dân Việt, thơ Nguyễn Bính sẽ còn sức sống. Bởi vì nó là một mảnh hồn quê của dân Việt. Trong bài Chân quê, Nguyễn Bính đã viết:

"Hoa chanh nở giữa vườn chanh***Thầy u mình với chúng mình chân quê"../.***

Đợi chờ

*Chắc gì anh đến hôm nay
Mà em cứ đợi, tàn ngày, trắng đêm
Hết đi ra, cửa ngóng nhìn
Vào nhà ngồi xuống đứng lên thần thờ.
Chắc gì anh đến bây giờ
Trà pha để nguội, nhạt mờ vị hương
Chắc gì?
Mà dạ cứ thương
Cứ day dứt nỗi vấn vương trong lòng
Đã yêu, yêu đến vô cùng
Đã thương, thương đến nát lòng vì nhau
Chắc gì?
Đã chắc gì đâu!
Hôm nay và, ca ngày sau
EM CHỜ...
(Vũ Thị Khương)*

Lời bình

Từ xưa đến nay, văn học Cổ, Kim, Đông, Tây nói đến sự khắc khoải đợi chờ khá nhiều. Tình yêu cháy bỏng thường đi liền với mong ngóng, đợi chờ là lẽ tất nhiên. Bài thơ *Đợi chờ...* của Vũ Thị Khương in trong tập "100 bài thơ tình chọn lọc" do Nhà xuất bản Giáo dục ấn hành năm 1997 là một trong những bài như vậy. Bài thơ thể hiện sự đợi chờ đến mòn mỏi theo thời gian, năm tháng của trái tim người phụ nữ đang yêu "nát lòng vì nhau". Đây là một trong những bài thơ tình đặc sắc của thơ ca Việt Nam.

Chắc gì anh đến hôm nay

Mà em cứ đợi tàn ngày trắng đêm

Hết đi ra, cửa ngóng nhìn

Vào nhà ngồi xuống đứng lên thần thờ.

Bài thơ mở ra với tâm trạng băn khoăn dằn vặt đến cháy lòng, cháy dạ – "chắc gì anh đến". Mặc dù có hẹn trước hay không hẹn trước, dù anh có đến hay không đến, tình cảm của em vẫn luôn hướng tới anh, đợi anh đến "tàn ngày trắng đêm".

Ngay từ đầu bài thơ, thời điểm em đợi chờ đã được xác định "hôm nay". Nói là hôm nay nhưng cũng có thể hiểu hôm nào cũng vậy. Hôm nay là thời điểm mới nhất và cũng là sự mở đầu. Tâm trạng, cử chỉ đợi chờ được tác giả diễn tả rất chính xác: ngóng nhìn, ngồi xuống đứng lên, thần thờ... Cách diễn tả này phảng phất màu sắc cách diễn tả của văn học dân gian: "Ra ngõ mà trông, bạn thời không thấy bạn" vừa giản dị, chân thực lại vừa vô cùng sâu sắc.

Chắc gì anh đến bây giờ

Trà pha để nguội, nhạt mờ vị hương

Chắc gì?

Mà dạ cứ thương

Cứ day dứt nỗi vấn vương trong lòng.

Thời gian đã thu hẹp từ "hôm nay" ở đầu bài thơ nay là "bây giờ". Sự đợi chờ của em đối với anh trải dài theo thời gian năm tháng. Thời gian được thu hẹp và cũng là thu hẹp khoảng cách giữa anh với em.

Em vốn là người cẩn thận, chu đáo, nhiệt tình, yêu thương anh nhiều, em lại càng cẩn thận, chu đáo nhiệt tình hơn. Cái gạt tàn trên bàn không một đốm thuốc cháy đỏ. Em chuẩn bị pha trà sẵn để đợi anh hương đã lạnh, nước đã nguội từ bao giờ, chỉ có tình em với sự đợi chờ anh là không bao giờ nguội lạnh.

Đợi chờ... của Vũ Thị Khương được sáng tác bằng thể thơ lục bát. Điều đáng chú ý là nhà thơ có dụng ý nghệ thuật khi tách câu 6 tiếng thành 2 dòng thơ

Chắc gì?

Mà dạ cứ thương

Cứ day dứt nỗi vấn vương trong lòng.

Câu hỏi "Chắc gì?" xoáy sâu vào lòng người đọc. Câu hỏi này như có điều gì vừa hy vọng lại vừa thất vọng, vừa yêu thương lại pha chút giận hờn dịu dàng.

Nhiều người cho rằng phụ nữ là phái yếu, phái đẹp. Điều đó hiển nhiên rồi! Nhưng phụ nữ quyết không phải là phái yếu. Nói cách khác phụ nữ là phái mạnh trong cái vẻ bề ngoài hồn nhiên dịu dàng mà mọi người tưởng là yếu đuối. Để diễn đạt sự sâu sắc, mạnh mẽ tình cảm của người phụ nữ có lẽ khó có cách diễn đạt nào hơn:

Đã yêu, yêu đến vô cùng

Đã thương thương đến nát lòng vì nhau.

Tình yêu thương của con người thuộc phạm trù trừu tượng. Tác giả đã thành công trong việc diễn tả phạm trù trừu tượng trở nên cụ thể nhất để người đọc dễ hình dung, dễ cảm nhận.

Cặp lục bát kết thúc bài thơ:

Chắc gì?

Đã chắc gì đâu!

Hôm nay và ca ngày sau

Em chờ...

Một lần nữa câu hỏi chắc gì được lập lại. Viết và đọc như nhau, nhưng lần này câu hỏi đã mang nội dung ý nghĩa khác. Theo tôi câu hỏi lần này nghiêng về hướng khẳng định, giải thích, phân bua. Và cũng chính vì thế mà trái tim người phụ nữ trở nên nhân văn và vị tha hơn. Phải chăng em muốn phân bua điều này: Anh không đến được với em "hôm nay" hay "bây giờ" chắc anh bận công việc chung nhiều lắm. Em không thể tin và không bao giờ tin anh đã thay lòng đổi dạ, phai nhạt đối với em. Anh không đến với em "hôm nay" hoặc ngay "bây giờ" nhưng thời gian còn dài, anh sẽ đến với em bằng cả cuộc đời.

Một lần nữa câu 6 tiếng và lần này thêm câu 8 tiếng được tách thành hai dòng thơ, sự sáng tạo này đã đạt được hiệu quả nghệ thuật cao. Lời như nghẹn ngào, quặn thắt, hờn dỗi lại vừa khẳng định mạnh mẽ như dao chém đá: "Em chờ...".

Nhan đề bài thơ là "Đợi chờ..." câu kết là "Em chờ..." Bài thơ được kết cấu theo lối vòng tròn khép kín để nhằm tập trung thể hiện tình yêu son sắc thủy chung trước sau như một của người phụ nữ. Vũ Thị Khương đã vận dụng linh hoạt thể thơ lục bát, chúng tỏ tác giả đã có nhiều suy nghĩ, dụng công để đạt hiệu quả nghệ thuật cao nhất. Tình cảm của người phụ nữ đang yêu trong thơ Vũ Thị Khương vừa kín đáo, tế nhị, dịu dàng, lại vừa sôi nổi mạnh mẽ và vô cùng sâu sắc.

Nguyễn Đức Tâm

”Nhấn nhu” của Vũ Đình Minh

**Anh đừng nói gì thêm nhé
để em tự biết thì hơn
Em sợ những lời hoa mỹ
mà đời thì lại gian đơn
Mùa xuân có nói gì đâu
mà lá, mà chồi cứ biếc
Mà hoa cứ tươi thắm thiết
mà trời cứ thắm thắm xanh
Đừng nói gì thêm nhé anh
chúng mình bên nhau tin cậy
Tình yêu như mùa xuân ấy
lặng thắm tươi tốt cho nhau
(Vũ Đình Minh)**

Có thể nói, sự gắn kết trong tình yêu của mỗi người với nhau, giữa hai tâm hồn với nhau chính là sự giao cảm, sự đồng điệu hay sự hoà hợp từ sâu kín bên trong. Người này yêu người kia bởi vì họ tìm thấy một nửa kia những gì họ

đang thiếu, đang khao khát, là những cái mà họ cảm thấy quý và trân trọng. Cho nên sự biểu lộ của tình yêu không đơn giản chỉ dừng lại ở giá trị của lời nói mà sâu sắc hơn là ở chính hành vi. Có lẽ đây cũng là những gì nhà thơ Vũ Đình Minh muốn gửi gắm trong bài thơ "Nhấn nhủ"—qua lời thì thầm của trái tim một người phụ nữ đa cảm, tinh tế:

Anh đừng nói gì thêm nhé

để em tự biết thì hơn

Em sợ những lời hoa mỹ

mà đời thì lại gian đơn

Đã yêu nhau thì dù ít dù nhiều cũng đã hiểu nhau, biết được đôi chút về nhau. Những yếu tố để làm nên sự hiểu nhau ấy không phải thể hiện bằng lời, bằng ngôn ngữ, tức là cái hiển ngôn bộc lộ ra bên ngoài mà cốt yếu phải thông qua sự cảm nhận về nhau bằng giác quan bên trong (là sự nhận thức tự giác): "Để em tự biết thì hơn". Những lời hoa mỹ, những lời có cánh chỉ ru ngủ được con người trong giây lát trong khi phần lớn cuộc đời con người là thức, là vận động. Cái hình thức hoa mỹ bên ngoài chỉ như bông hoa khoác tấm áo màu rực rỡ mà lại vô hương, dụ ong bướm đến nhưng chẳng thể giữ được ong bướm. Cái ong bướm cần không phải ở màu sắc mà ở phần nhụy ngọt ngào. Cái làm nên tình yêu không phải ở sự hoa ngôn mà nhờ ở vẻ đẹp bên trong của tâm hồn—là cái cốt tuỷ làm nên sự hoà hợp đồng điệu. Cũng như:

Mùa xuân có nói gì đâu

mà lá, mà chồi cứ biếc

Mà hoa cứ tươi thắm thiết

mà trời cứ thăm thẳm xanh.

Bốn câu thơ là một khoảng lặng của tâm hồn, là phút giây tĩnh lại từ trong sâu thẳm để nhận thức chân lý cuộc sống. Mùa xuân là biểu hiện của thời gian. Sự thể hiện mang tính chất định hình nên mùa xuân ở đây không phải là những thuộc tính của thời gian mà lại ở không gian. Không gian làm nên mùa xuân qua sắc xanh biêng biếc của lá, của chồi, qua vẻ tươi thắm nhuần nhụy của hoa, qua màu xanh thăm thẳm của bầu trời. Lấy không gian để định hình nên

thời gian, làm nên một mùa trong năm. Vậy lấy gì để định hình nên tình yêu?. Bốn câu thơ cuối đã làm rõ điều này:

Đừng nói gì thêm nhé anh

chúng mình bên nhau tin cậy

Tình yêu như mùa xuân ấy

lặng thầm tươi tốt cho nhau

Có thể thấy người con gái ở đây mang một tâm hồn nhạy cảm và rất sâu sắc, đắm thắm tình cảm và lý trí phân minh. Trái tim cô thì thầm nhắn nhủ với người yêu bằng sự rung cảm nhẹ nhàng, tha thiết. Tình yêu của chúng ta không cần phải diễn giải nhiều lời, chỉ cần chúng ta ở bên nhau bằng sự tin cậy, bằng lòng chung thủy, lặng thầm chăm sóc vun vén cho tình yêu của nhau trở nên tươi tốt. Tình yêu trở nên người bạn đường vĩnh viễn của cuộc đời hai chúng ta, nâng đỡ cho chúng ta trong những lúc khó khăn và âu lo của cuộc sống. Đây mới là điều làm nên ý nghĩa, làm nên giá trị của tình yêu.

Nhẹ nhàng mà da diết, đắm thắm và lắng sâu, bài thơ "Nhắn nhủ" đã cảm hoá cho tâm hồn mỗi người trở về với đúng nghĩa của hai chữ tình yêu cũng như những gì Hilari từ thời La Mã đã nhận xét: "Tình yêu là món quà quý nhất mà con người nhận được của nhau".

”Thề non nước” của Tản Đà

Tiểu dẫn

1. Tản Đà tên khai sinh là Nguyễn Khắc Hiếu (1889 – 1939). Ông sinh ở làng Khê Thượng, bên núi Tản sông Đà, huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây (nay là xã Sơn Đà, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây); nhưng gốc là dòng họ Nguyễn danh tiếng triều Hậu Lê, ở làng Kim Lũ (làng Lũ), huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội. Tản Đà theo nghiệp khoa cử, nhưng thi không đỗ. Kịp với đẩy đưa của thời thế, ông quay sang làm thơ viết văn đăng báo "Nôm na phá nghiệp kiếm ăn xoàng". Tản Đà là "người thứ nhất có can đảm làm thi sĩ"(1) (Xuân Diệu, 1939), và cũng là thi sĩ đầu tiên dám lấy thi ca làm nghề nghiệp, và cam sống chết với nghề. Mà có lẽ, như vậy mới đúng với cốt cách Tản Đà, vì chỉ cái cốt cách ấy thôi đã "chính là cái tác phẩm tuyệt hảo, một bài thơ hay nhất" (Luu Trọng Lu, 1939). Song, đời ông vui ít buồn nhiều, càng về cuối càng chật vật. Có điều, đáng quý là, trước sau Tản Đà vẫn giữ được mình trong sạch.

Ông viết và thành công ở nhiều thể loại; nhưng làm nên một Tản Đà danh tiếng, trước hết là thơ. Những tác phẩm chính là: *Khôi tình con* (thơ, ba tập: 1916, 1918, 1932), *Còn chơi* (tập thơ, 1921), *Thơ Tản Đà* (tập thơ, 1925), *Nhàn tướng* (*kiểu thơ văn xuôi*, 1928), *Giác mộng con* (*truyện giả tưởng*, hai tập: 1917, 1927 – 1928), *Giác mộng lớn* (tự truyện kiểu hồi kí, 1929), *Thề non nước* (*tập truyện*, 1932), *Tản Đà văn tập* (*tập hợp thơ lẫn văn xuôi*, 1932)... "Sinh vào lúc (...) thơ cổ tàn và thơ kim đang phôi thai" (Xuân Diệu, 1939), nhà thơ Tản Đà, một mặt là đại biểu xuất sắc của thơ ca theo lối truyền thống hồi đầu thế kỉ XX; nhưng mặt khác, cũng ở Tản Đà đã xuất hiện nhiều dấu hiệu

mới lạ của thơ – nhất là về một cái Tôi lãng mạn đang áp ủ, báo hiệu chỉ nay mai nó sẽ làm đứt tung cái chặt chội lẽ luật của thơ lối cũ... Tản Đà chính là cầu nối giữ hai thời đại văn học dân tộc: từ trung đại sang hiện đại; hoặc nói như Hoài Thanh (1941), Tản Đà là "người của hai thế kỉ". Trên văn đàn công khai bị thực dân Pháp kiểm duyệt, thơ văn Tản Đà vẫn ẩn hiện một tấm lòng thấm thiết với đất nước, nhân dân – đó lại là bình diện đáng quý khác mà hồn thơ, đời thơ của nhà thơ núi Tản sông Đà gửi lại.

2. Bài thơ Thề non nước ban đầu có 12 câu (dòng) lục bát, được làm vào đầu năm 1920, kết quả chuyến đi đầu tiên của nhà thơ theo chiều dài đất nước(2). Đến 1922 ông sửa lại và viết thêm 10 câu để đưa vào truyện ngắn cùng tên(3), làm một tình tiết truyện. Về sau, khi công bố bài thơ như một tác phẩm độc lập (1925, 1938), Tản Đà lấy lại hầu như nguyên vẹn bài thơ trong truyện. Nước – non là hình tượng thơ nhiều tầng nghĩa, và Thề non nước là bài thơ nhiều tầng ý nghĩa. Có non nước – thiên nhiên với chuyện vịnh cảnh (cảnh mà nhà thơ gặp trong chuyến đi dài; và cảnh trong bức tranh của truyện); có non nước – tình yêu đã thành giọng điệu riêng khó lẫn của thơ Tản Đà (giữa Tản Đà với "nữ sĩ" nào đó, như nhà thơ thổ lộ trong thư cho bạn; và giữa Vân Anh với ông khách, hai nhân vật truyện); và sâu kín bên trong chính là nước non – Tổ quốc với tình cảm yêu nước của nhà thơ, dấu bóng gió nhưng không kém thấm thiết chân thành.

Nước non nặng một lời thề(4),

Nước đi, đi mãi không về cùng non.

Nhớ lời nguyện nước thề non,

Nước đi chưa lại, non còn đứng không.

Non cao những ngóng cùng trông(5),

Suối khô dòng lệ chờ mong tháng ngày(6).

Xương mai một nắm hao gầy(7),

Tóc mây một mái đã đầy tuyết sương(8).

Trời tây ngả bóng tà dương(9),

Càng phơi vẻ ngọc nét vàng phôi pha.
Non cao tuổi vẫn chưa già,
Non thời nhớ nước, nước mà quên non!
Dù cho sông cạn đá mòn(10),
Còn non còn nước vẫn còn thề xưa.
Non cao đã biết hay chưa,
Nước đi ra bể lại mưa về nguồn.
Nước non hội ngộ còn lưu ôn(11),
Bảo cho non chớ có buồn làm chi.
Nước kia dù hãy còn đi,
Ngàn dâu xanh tốt non thì cứ vui.
Nghìn năm giao ước kết đôi,
Non non nước nước không nguôi lời thề.

1920 – 1922

(Tuyển tập Tản Đà, NXB. Văn học, Hà Nội, 1986. Có tham khảo các bản khác)

Chú thích:

(1): Ý nói cái Tôi lãng mạn. Xuân Diệu còn viết "Tản Đà là người thứ nhất (...) dám giữ một bản ngã, dám có một cái Tôi" (Công của thi sĩ Tản Đà, Ngày Nay, số 167, 1939).

(2): Trong hồi kí tự truyện Giác mộng lớn, Tản Đà viết về ý nghĩa chuyến đi này: "Cải lợi ích trong sự đi chơi ấy, được ở dọc đường về phần nhiều. Rộng mắt nhận sơn hải mà nặng lòng chủng tộc giang san. Trèo lên đỉnh Hoành Sơn mà trông quanh ngoài bể trong non, có hơn như phục dưới đèn xanh, đọc một thiên luận thuyết tự tôn vậy".

(3): Tóm tắt truyện Thề non nước: Vân Anh vốn con nhà, đã đẹp nét đẹp người lại biết chữ, biết làm thơ, nhưng nghèo. Nàng phải mở hàng cô đầu để nuôi mẹ, nuôi thân. Tình cờ một ông khách tới cửa hàng và nhận ra vẻ đẹp tâm hồn cô chủ, họ thành tri kỉ văn chương. Vân Anh có bức tranh Thề non nước là "gia bảo" (của quý trong nhà), bèn đem ra nhờ khách đề thơ. Nhìn cảnh trong tranh, hai người liên ngâm nói nhau đề vịnh (khách mở bốn câu, Vân Anh nói tám câu; còn mười câu sau: Vân Anh làm hai câu trên và hai câu dưới, khách làm sáu câu giữa) và mượn luôn tên bức tranh đặt cho bài thơ. Rồi họ chia tay, không hẹn ngày gặp lại, nhưng tình tri kỉ họ giữ mãi bên nhau... Truyện ba hồi, bài thơ thuộc hồi đầu.

(4): Thề non nước: thề, một phong tục lâu đời, là lời của một người với một người hoặc của nhiều người với nhau, lấy trời đất, quỷ thần, hoặc lấy chính lòng mình làm chứng; cùng giao hẹn về một việc, một điều gì đấy, thường là linh thiêng hệ trọng. Người xưa có thành ngữ "thệ hải minh sơn" ("Đề lời thệ hải minh sơn" – Truyện Kiều) hoặc "chỉ non thề biển"... nói việc trai gái yêu nhau lấy biển mà thề nguyện chung thủy với nhau. Tản Đà chọn nhan đề bài thơ này là Thề non nước với ba lớp nghĩa và ba tầng ý nghĩa như Tiểu dẫn đã nói (ý 2).

(5): Ngóng: trông mong chờ đợi một cái gì đấy xa xôi.

(6): Bức tranh trong truyện ngắn Thề non nước vẽ trái núi, mà "trên núi thời như mây như tuyết, như mấy cây mai già, như bóng tà dương, đều là để tả cái tình cảnh thê thảm (...) cái tình thương nhớ của dãy núi (...) cảm nỗi tang thương", về "một ngàn dâu ở chân núi này, ý tức là sông nước khi xưa mà tang thương đã biến đổi". Đó là bức tranh non nước tang thương, bức tranh về cái tàn khốc của sự "bể dâu" (thương hải biến vi tang điền, biển xanh biến thành ruộng dâu).

(7): Xương mai: cây mai vốn gầy, mảnh; thắm mỹ xưa thường ví với dáng người con gái đẹp.

(8): Tuyết sương: xưa dùng để nói về sức tàn phá ghê gớm của thời gian đối với con người, tuổi trẻ.

(9): Tà dương: mặt trời xế chiều (ngả về phương tây).

(10): Sông cạn đá mòn: thành ngữ, nói về sự hao mòn thay đổi ở những cái tưởng đâu không thể thay đổi hao mòn. Liên mạch với câu thơ sau, có ý so sánh làm nổi lên sự bền vững của thề xưa giữa non và nước.

(11): Hội ngộ: gặp gỡ, sum họp sau những ngày xa cách, ngóng trông.

Phân tích và bình giảng

1. Ghép núi Tản, sông Đà làm bút danh để trước tác cả một đời trên cõi trần ai này, dường như trong Tản Đà đã có Thề non nước. Ông đã tự tìm đến cái bút hiệu thuộc về non – nước này, hay nước – non đã tự tìm đến thi sĩ như một hẹn hò, một duyên nghiệp? Thật khó mà nói cho cùng. Chỉ biết rằng nước – non đã thực sự là một ám ảnh lớn trong suốt cả đời văn của thi sĩ. Bất cứ người nào đọc Tản Đà cũng có thể thấy hình tượng non – nước trở đi trở lại trong văn chương của thi sĩ như một mạch nguồn cứ tuôn chảy khi thì chứa chan ào ạt, khi thì âm thầm len lấn vào biết bao thi đề, thi tứ, thi cảm của thi nhân. Mạch nguồn ấy cũng đã đem về cho Tản Đà nhiều áng thi ca hào hoa phong nhã, thanh tú.

Thực ra, ở thời Tản Đà, non – nước cũng là một hình tượng, một biểu tượng có một sức ám ảnh đặc biệt đối với văn chương nước nhà, nhất là thơ ca. Ấy là thời mà Chiêu hồn nước đã trở thành một nguồn cảm hứng da diết đối với mọi cây bút có tâm huyết với non sông. Người thì nói lối hô hào thống thiết, kẻ thì dùng lối chập chờn bóng gió xa xôi. Bởi bấy giờ giang sơn Tổ quốc ta đang ở trong cảnh ngộ mất chủ quyền. Tuy vậy, cũng ít người có được tiếng nói văn chương như Tản Đà.

Có trong mình cả một tâm hồn dào dạt phong tình, cả một tấm lòng thiết tha với Đất nước, tiếng thơ Tản Đà như một bản hợp ca của cả hai bề ấy. Nó cứ dập dìu, lúc đuổi nhau, quện lấy nhau, có lúc chuyển hoá sang nhau, mà thường khi hoà nhập hẳn vào nhau. Và thật kì lạ, điểm hẹn thề của cả hai tiếng lòng ấy đã đặt vào hình tượng non – nước. Chẳng phải thế sao? Non – nước vừa là một hình tượng của lòng yêu nước, vừa là biểu tượng của tình yêu đôi lứa. Cho nên, khi hai tiếng non – nước cất lên từ hồn thơ Tản Đà, người ta thấy đó là lời đồng vọng của những gì thẳm sâu trong tâm thức của thi nhân.

Thế đấy, Thề non nước đâu chỉ là sản phẩm từ cuộc tao ngộ của một đôi trai gái phong tình trong truyện ngắn cùng tên. Thề non nước trước hết là

đưa con tinh thần ra đời từ cuộc giao duyên tiền định kia trong hồn thơ của thi sĩ. Việc sinh thành ấy dường như là tất yếu!

2. Thề non nước chào đời tới hai lần. Lần đầu là một bài thơ lẻ, lần hai lồng ghép với một truyện ngắn. Riêng việc đến với cuộc đời một cách đặc biệt như thế, đủ thấy Thề non nước có một ý nghĩa thế nào đối với tư tưởng Tản Đà. Đúng là bài thơ có tới ba lớp nghĩa. Ba lớp nghĩa ấy giao nhau, nhưng phần chính là chồng lên nhau. Ba lớp ý tưởng tương ứng với ba lớp ý nghĩa của hình tượng non nước. Nếu không có truyện ngắn *Thề non nước kể lại tình tiết người khách làng chơi và cô đào Vân Anh* cùng vịnh một bức tranh sơn thủy có tên là Thề non nước, thì người đọc thơ vẫn cứ thấy lớp nghĩa thứ nhất của bài thơ là tái hiện vẻ đẹp thơ ca của một cảnh thiên nhiên sơn thủy. Có thể thấy trong thơ những nét vẽ theo lối tả thực khá lộng lẫy:

Trời tây ngả bóng tà dương,

Càng phơi vẻ ngọc nét vàng phai.

Là một thi sĩ từng được đào luyện trong nền giáo dục theo loại hình trung đại, từng theo đòi văn chương cử tử, Tản Đà chưa thoát hẳn hệ thống thi pháp trung đại. Câu thơ vẽ hình ảnh núi non này vẫn dùng những vật liệu quen thuộc của trung đại với những "bóng tà dương", "vẻ ngọc nét vàng", với lối ước lệ, cách điệu cổ điển. Đây là những thứ mà thi sĩ ngỡ chỉ là y phục. Tản Đà muốn trút bỏ, nhưng nó thực là một thứ vòng kim cô xiết chặt lên những tung phá tự do của thơ Tản Đà khiến cho sự bút phá của hồn thơ bị ách tắc bởi thi pháp. Và có lẽ đó cũng là điều dĩ nhiên. Thi pháp trung đại vẫn cố giành lấy một nửa Tản Đà, không cho ông vượt thoát để sang hẳn bờ hiện đại, để ông chỉ là một cây cầu nối giữa đôi bờ mà thôi.

Nhưng lớp nghĩa tả thực chỉ là xuất phát điểm. Nó đem lại cho bài thơ những hình thể sống động ít nhiều mang tính trực quan, làm cho người đọc có thể có được những rung động thẩm mỹ trực tiếp. Trước mắt người đọc hiện lên một cảnh trí cụ thể có không gian thực và thời gian thực cảm nhận được bằng giác quan. Dường như một bài thơ mà thiếu đi điều đó thì dù nó có những ẩn ý sâu xa đến mấy, tầm vóc tư tưởng cao siêu đến đâu cũng sẽ rơi vào trừu tượng. Mà trừu tượng thuần túy là chỗ chết của thơ. Vì vậy, hình tượng trực quan làm nên hình hài của thơ, làm tiền đề không thể thiếu cho sự thăng hoa của tư tưởng thơ.

3. Cốt lõi của cấu trúc bài thơ vẫn là cuộc đối thoại giữa non và nước. Cả non và nước đều "tranh thủ" phô diễn tâm tình cho nên ý nghĩa tả thực bị mờ đi và các lớp nghĩa bóng có xu hướng trôi lên bình diện thứ nhất. Có nghĩa là ở đây cảnh non nước bị mờ đi trước tình non – nước. Vì thế bài thơ đã đi sâu vào địa hạt của nghĩa bóng ngay từ đầu, và nhất là khi non và nước lại biết cất lên những tiếng nói trực tiếp bày tỏ.

Vậy là có một đôi trai gái "nấu mình" trong non và nước. Cái tình huống nảy sinh cuộc đối thoại này là cảnh dâu bể. Bức tranh sơn thủy, nhưng chỉ có sơn không có thủy. Nói đúng hơn, sơn thì vẫn còn đó, nhưng thủy đã ra đi – dưới chân núi có rặng dâu xanh tốt, qua đó người đọc có thể hình dung trước kia là biển xanh (nước) theo luật "thương hải biến vi tang điền". Thành thử bức tranh không vẽ nước mà vẫn có nước vậy. Theo cái logic nội tại của hình tượng, cảnh đổi thay dâu bể trong thiên nhiên đã trở thành cảnh biệt li lưu lạc của tình yêu đôi lứa. Đây là chỗ để Tản Đà bác nhip cầu nối các lớp nghĩa với nhau. Thì hiện tại là dâu bể. Cả thiên nhiên, cả đôi lứa, cả nước non đều trong cơn dâu bể. Hiện tại, thực tại dâu bể kia đã chia lìa tất cả.

Và núi đã thành núi tương tư. Dựa vào những sự vật được mô tả trong bức tranh, Tản Đà đã không dừng lại ở việc vịnh lại bức tranh một cách máy móc, mà tái tạo thành hình tượng núi – tương – tư trong dáng nét của một nàng cô phụ:

Non cao những ngóng cùng trông,

Suối khô dòng lệ chờ mong tháng ngày.

Xương mai một nắm hao gầy,

Tóc mây một mái đã đầy tuyết sương.

Mỗi mòn trong tương tư, con người ta có thể bị hao gầy thân xác. Nên chính sự hao gầy về thân xác là một bằng chứng sống của nỗi tương tư. Ngày xưa Trương Cửu Linh đã viết:

Nhớ chàng như mảnh trăng đây,

Đêm đêm vàng sáng hao gầy đêm đêm.

(Lời dịch của Ngô Tất Tố)

Ở đây cũng vậy, núi tương tư được mô tả như một hình ảnh mà nét nào cũng hư hao, gầy mòn, tàn tạ đi. Nhớ thương đã làm nhan sắc phai pha theo ngày tháng. Tuy hao gầy nhưng non vẫn không hề đổi thay, lòng vẫn chung tình, son sắt:

Dù cho sông cạn đá mòn,

Còn non còn nước hãy còn thề xưa.

Có thể nói toàn bộ phần ấy là lời của non. Không phải non đang tự hoạ về cái dáng vóc hình hài của mình mà đang tự tình, đang phô diễn cái tình nhớ thương, chung thủy của mình.

4. Lời của nước cũng rất mực thủy chung. Mỗi lời là một sự khẳng định đĩnh ninh, trước sau như một. Mỗi lời của nước đều dựa vào quy luật vĩnh viễn của tự nhiên, đều tạc vào sông núi.

Non cao đã biết hay chưa,

Nước đi ra bề lại mưa về nguồn.

...

Nghìn năm giao ước kết đôi,

Non non nước nước không nguôi lời thề.

Hai chữ non nước bắt đầu từ câu đầu tiên của bài thơ cứ lúc chia tách thành non, nước có lúc chập vào nhau. Nhưng chưa lúc nào có được sự quán quýt, xoắn xuýt, hạnh phúc tràn ngập như ở câu cuối cùng này. Chữ nghĩa trong bàn tay Tản Đà đâu phải là những kết hợp vô tình?

Cả non và nước đều khẳng định đĩnh ninh: sông cạn đá mòn, vật đổi sao dời... nhưng thề xưa thì quyết không mảy may di dịch. Trước cảnh thế gian biến cải, một lời thề đĩnh ninh ấy có thể làm niềm tin duy nhất của nước non. Trong cái biến nhất thời khẳng định cái bất biến đời đời, chẳng phải đó chính là tư tưởng cốt lõi của Thề non nước chăng?

5. Lớp nghĩa thứ ba được suy ra từ đó là vấn đề chủ quyền của đất nước. Có thể nhất thời đất nước bị mất chủ quyền. Nhưng chủ quyền rồi sẽ trở về, đó là một niềm tin đĩnh ninh, một chân lí vĩnh viễn. Hiện tại là ngăn ngửi,

và sẽ kết thúc. Nước sẽ trở về trong "Nghìn năm giao ước kết đôi", *không chỉ như thực hiện một lời thề, mà nước sẽ trở về như một quy luật, một lẽ sống của Nước – Non.*

Trong hoàn cảnh đương thời, viết về Đất nước, dấu sao vẫn cứ là một việc mạo hiểm. Tản Đà đã phải dùng đến một chuyện phong tình để khoác lên cái tư tưởng sâu xa của bài thơ. Điều lí thú là cả phong tình và yêu nước đều là những luồng tình cảm dồi dào trong hồn thơ Tản Đà, nên nó mới quyện lại thành một bài thơ nhuần nhuyễn như vậy.

Có thể thấy non nước là biểu tượng được dùng phổ biến trong thơ ca thời này. Về sau, chúng ta thấy viết về Tổ quốc, thơ ca hay dùng trực tiếp biểu tượng đất nước. Phải chăng cảm xúc thiên nhiên ở cả hai biểu tượng như nhau, còn cảm xúc phong tình trong non nước đậm đà hơn, trong khi đó cảm xúc chính trị trong đất nước trực tiếp hơn? Dấu sao trong thơ ca (ở cấp độ hình tượng bao trùm tổng quát chứ không nói cấp độ từ) từ non *nước đến đất nước, dường như vẫn là hai chặng đường!*

Nguồn:

1. NGUYỄN ĐÌNH CHÚ – TRẦN HỮU TÁ (chủ biên), **Văn học 11 (tập 1), NXB. Giáo Dục, 2001, tr. 100 – 103.**

2. NGUYỄN ĐĂNG MẠNH (chủ biên), **Phân tích – bình giảng tác phẩm văn học 11**, NXB. Giáo Dục, 2001, tr. 76 – 81.

Tổng biệt hành của Thâm Tâm

Tiểu dẫn

Thâm Tâm (12-5-1917 – 18-8-1950) tên khai sinh là Nguyễn Tuấn Trình, sinh tại thị xã Hải Dương (nay là thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương) trong một gia đình nhà giáo nghèo. Khoảng năm 1938, Thâm Tâm cùng gia đình lên Hà Nội kiếm sống bằng nghề vẽ tranh và bắt đầu làm thơ, viết văn (kịch, truyện ngắn, truyện dài). Thâm Tâm viết không nhiều nhưng sáng tác nào cũng độc đáo, mang dấu ấn riêng. Đặc biệt độc giả thích thơ Thâm Tâm vì cái hơi thơ trầm hùng, bi tráng.

Sau Cách mạng tháng Tám, Thâm Tâm hăng hái hoạt động văn nghệ cách mạng, và khi nổ ra cuộc kháng chiến toàn quốc, Thâm Tâm gia nhập bộ đội, làm thư kí toà soạn báo Vệ quốc quân. Trên đường hành quân đi chiến dịch Cao – Bắc – Lạng, Thâm Tâm ngã bệnh nặng qua đời.

Tổng biệt hành(1) là một bài thơ rất nổi tiếng. Một số bạn cũ của Thâm Tâm cho biết Thâm Tâm làm bài thơ này để tiễn một người bạn đi chiến khu.

Đưa người, ta không đưa qua sông(2),

Sao có tiếng sóng ở trong lòng?

Bóng chiều không thắm, không vàng vọt,

Sao đây hoàng hôn trong mắt trong?
Đưa người, ta chỉ đưa người ấy,
Một giã(3) gia đình, một đứng đứng...
– Li khách(4)! Li khách! Con đường nhỏ,
Chí nhón chưa về bàn tay không,
Thì không bao giờ nói trở lại!
Ba năm, mẹ già cũng đừng mong.
Ta biết người buồn chiều hôm trước:
Bây giờ mùa hạ sen nở nốt,
Một chị, hai chị, cùng như sen,
Khuyên nốt em trai dòng lệ sót.
Ta biết người buồn sáng hôm nay:
Giời chưa mùa thu, tươi lắm thay,
Em nhỏ ngây thơ, đôi mắt biếc,
Gói tròn thương tiếc chiếc khăn tay...
Người đi? Ừ nhỉ, người đi thực!
Mẹ thà coi như chiếc lá bay,
Chị thà coi như là hạt bụi,
Em thà coi như hơi rượu say.

(Thi nhân Việt Nam, Hội Nghiên cứu và Giảng dạy văn học Thành phố Hồ Chí Minh, NXB. Văn học, tái bản, 1988)

Chú thích

(1) Hành: một thể thơ Trung Quốc cổ, viết khá tự do, phóng khoáng. Với các nhà thơ Thâm Tâm, Nguyễn Bính, các bài hành thường được sử dụng

để diễn tả một tâm trạng bi phẫn, bi hùng (ví dụ: Tống biệt hành, *Hành phương nam*, *Vọng nhân hành*).

(2) Không đưa qua sông: Thâm Tâm gọi lại điển tích Kinh Kha, người kiếm khách thời Chiến quốc. Kinh Kha tự nguyện đi hành thích vua Tần Thủy Hoàng để trừ khử một tên bạo chúa. Những người đưa tiễn Kinh Kha ngâm câu thơ: "Gió đìu hiu sông Dịch lạnh lừng ghê, Tráng sĩ một đi không *trở về*" và *khảng khái vượt sông. Nhưng việc hành thích không thành, Kinh Kha bị băm nát thân ở trong cung của Tần Thủy Hoàng*.

(3) Giã: từ giã.

(4) Li khách: người ra đi.

Phân tích và bình giảng

1. Vị trí của Thâm Tâm đối với thơ mới có cái gì na ná như Thôi Hiệu đối với thơ Đường. Nếu chọn mười nhà thơ Đường lớn nhất, chưa chắc đã có Thôi Hiệu, nhưng nếu chọn mười bài thơ Đường hay nhất không thể không có Hoàng Hạc lâu. Vâng, kể tên mười nhà thơ mới lớn nhất không chắc có Thâm Tâm, nhưng chọn mười bài thơ hay nhất khó có thể bỏ qua Tống biệt hành. Thi phẩm là sự thăng hoa đột xuất của ngòi bút Thâm Tâm.

Bài thơ mang trong mình "chút băng khuâng khó hiểu của thời đại" đúng như cảm nhận của Hoài Thanh. Nhưng bài thơ cũng có cái khó hiểu riêng của nó. Chẳng thế mà, thời đại thơ mới qua đi đã già nửa thế kỉ rồi, *Tống biệt hành vẫn cứ gây khó hiểu cho thời đại này. Cuộc tranh luận trên báo Giáo dục và thời đại và báo Văn nghệ những năm 1992 – 1993 chẳng phải là những "băng khuâng khó hiểu" thế sao!* Bản khoản hàng đầu của cuộc luận chiến ấy là "Người ra đi là ai?". Những người dựa vào hoàn cảnh ra đời thì khẳng định rằng: đó là người chiến sĩ cách mạng đang "giã gia đình" lên chiến khu. (Nghĩ cũng lạ. Hiểu thế là hoàn toàn dùng ngoài để hiểu trong, đã đành, mà sáng tạo thơ đâu phải trực tiếp thế! Sự kiện ngoài đời đi vào hồn tác giả để trở thành hình tượng còn phải qua nhiều "bộ lọc" lắm: nào cảm quan riêng, nào khuôn mẫu riêng, nào chất liệu riêng nữa.

Thế cho nên trong bài Ngày về, Chính Hữu viết về những chiến sĩ Trung đoàn Thủ đô, mà hình tượng thơ vẫn cứ là những chinh phu, trượng phu kiểu trung đại đó thôi!). Những người chỉ căn cứ vào văn bản thì nhất quyết rằng đây

chỉ là một trang nam nhi mang chí lớn. Có lẽ hiểu như thế là đúng mức. Bởi trong bài thơ, không có bất cứ chi tiết nào đủ làm căn cứ khẳng định đây là chiến sĩ cách mạng. Vả chăng, việc người ra đi có phải là chiến sĩ cách mạng hay không, không mấy quan trọng. Thậm chí nó không hề quyết định mảy may đến chất lượng nghệ thuật của thơ ca. Cái quyết định vẫn là tình người trong tiền biệt chia li được thể hiện ở đây có sâu sắc không, chân thành không, mới mẻ không. Rồi người ta cũng băn khoăn về "hoàng hôn trong mắt ai?". Người đi hay kẻ ở? Ngay cả ba câu cuối cùng "Mẹ thà coi..., Chị thà coi..., Em thà coi..." là thế nào? Những người thân là chủ thể hay đối tượng của "thà coi"?... Đến nay, nổi "bâng khuâng khó hiểu" dường như vẫn còn nguyên đó.

2. Người ra đi là ai? Câu hỏi vẫn rất cần lời đáp. Nhưng không phải là đặt anh ta vào tầng lớp, thành phần xã hội nào, mà là xác định trùng nội dung thẩm mỹ của hình tượng "li khách". Bởi điều này dường như quyết định đến giọng bi phẫn rất đặc sắc của bài thơ, cũng như các bí ẩn khác của nó.

Như cái tên của thi phẩm, Tống biệt hành viết về một cuộc chia li, tiền biệt. Đề tài không mới. Vậy mà vẫn cứ độc đáo. Trước hết, có lẽ bởi đây là một cuộc chia tay ngang trái và đầy uẩn khúc. Nó vừa tiêu biểu cho thời đại ấy, vừa có tính cách muôn thuở.

Người ra đi có một gia cảnh thật nặng nề: mẹ già, hai chị lưuông tuổi muộn chồng, em còn bé thơ. Là con trai lớn, anh phải ở nhà để phụng dưỡng mẹ, để chăm sóc chị, để bảo ban em thì mới thuận cảnh, mới làm tròn bổn phận. Nhưng anh lại là một trang nam nhi mang chí lớn, ôm mộng lớn, mơ một nghiệp lớn. Thế là anh rơi vào tình thế giằng co giữa bổn phận và khát vọng. Nói một cách khác là sự giằng xé giữa tình và chí. Khát vọng giục anh lên đường, bổn phận níu anh ở nhà. Nếu như anh chỉ có một trong hai phẩm chất đó thôi, hẳn là không đau khổ. Đằng này chí thì lớn, mà tình lại nặng. Chẳng phải mâu thuẫn nội tâm này có tính cách muôn thuở đối với một trang nam nhi đó ư? Anh vẫn phải đi, không thể khác. Để có thể ra đi, anh phải tự làm rắn lòng mình lại, phải dùng cả ý chí và lí trí để dần lòng, để củng cố tình cảm. Anh phải quyết lòng dửng dưng, dứt khoát từ giã từ:

Đưa người, ta chỉ đưa người ấy,

Một già gia đình, một dửng dưng...

Đó không chỉ là chuyện đóng vai. Đó dường như còn là một nỗ lực của ý chí để kìm nén tình cảm nữa. Bởi chia tay là lúc lòng người ta dễ mềm yếu nhất. Những người thân có lẽ chỉ thấy vẻ bề ngoài, hẳn đã nghĩ rằng anh là kẻ vô tình, vô tâm, bạc bẽo. Duy chỉ có một người hiểu rõ bụng anh. Người ấy là tri kỉ của anh, và xem ra cũng là một trang nam nhi mang chí lớn. Người ấy là tác giả. Tác giả sẽ "bật mí" cùng ta:

– *Ta biết người buồn chiều hôm trước...*

– *Ta biết người buồn sáng hôm nay...*

Cuộc chia tay này khiến người buồn lắm. Cho đến tận lúc đi, người vẫn buồn, dù rằng người cố tình che giấu:

Bóng chiều không thắm, không vàng vọt,

Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong?

Thì ra anh vẫn là người rất nặng tình. Không nặng tình sao có thể buồn da diết đến vậy!

Điều uẩn khúc là ở chỗ này đây! Con người anh hiện ra thành một sự tương phản giữa bề ngoài và bên trong. Ngoài, thì dửng dưng, lạnh lùng, kiêu bạc; *trong, thì quyến luyến, ngậm ngùi, buồn bã. Người thiếu cảm thông chỉ thấy bề ngoài, người tri kỉ thì cứ thấu từ gan ruột mà ra.*

3. Tất cả những uẩn khúc, trái ngang kia dường như đã hiện ra ngay từ khổ mở đầu. Và đây cũng là khổ thơ hay hơn cả:

Đưa người, ta không đưa qua sông,

Sao có tiếng sóng ở trong lòng?

Bóng chiều không thắm, không vàng vọt,

Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong?

Cặp từ xung hô ở đây đã khiến người ta chú ý. Thật khó thay bằng một cặp nào khác. "Ta – Người" hàm chứa một khẩu khí. Khẩu khí gọi ra đáng điệu ngang tàng, ngạo nghễ của hai trang nam nhi cùng mang chí lớn và những cao vọng. Khổ thơ này dành nói riêng một nửa cuộc tiễn đưa: hai người bạn, hai

người đàn ông. Có lẽ vì thế mà nó được viết rất tương xứng. Bốn câu thành hai cặp, hai câu hỏi, hai nỗi băn khoăn, băn khoăn.

Hai câu trên: nỗi lòng người tiễn, hai câu dưới: tâm sự người đi không bộc lộ theo lối trực tiếp, mà tình cảm được thể hiện gián tiếp thành những băn khoăn, lạ lùng – người trong cuộc như không hiểu được điều gì đang diễn ra trong lòng. Mỗi cặp câu ứng với một người, đối xứng với nhau, tạo ra cái không gian riêng của tình bầu bạn. Chỉ có họ là hiểu nhau. Lòng người tiễn được diễn tả bằng tiếng sóng (âm thanh), tình người đi được thể hiện bằng bóng hoàng hôn (hình sắc). Cả hai đều sâu kín, thật phù hợp với khí chất nam nhi –những người ít phô bày, biểu lộ tình cảm, mà thường kiềm chế, đè nén tình cảm của mình. Cách tổ chức khổ thơ thì theo nguyên tắc tương xứng, còn cách khắc hoạ hình tượng thơ lại theo nguyên tắc tương phản. Lời thơ, hình ảnh thơ, tình thơ tuôn chảy khá tự nhiên giấu kín bên trong hai cặp tương phản lớn. Ấy là sự tương phản giữa người và cảnh, và tương phản ngay trong con người: giữa bề ngoài và bên trong. Cảnh thì bình thường, dửng dưng (không gian, thời gian đều rất đối bình thường – "không đưa qua sông", "Bóng chiều không thắm, không vàng vọt"), không hề có tác động, can thiệp gì đến lòng người. Vậy mà, nỗi buồn chia phôi đều có đủ. Thế mới biết lòng người quyết định tất cả. Dừng nên cảnh "tổng biệt" này, dường như Thâm Tâm muốn chơi lại với người xưa. Cổ nhân quan niệm cảnh và người bao giờ cũng thống nhất, cũng mang chung một tâm trạng. Còn ở đây không thế. Cảnh thì vô tình, còn người thì mang một cõi lòng khép kín, cô đơn trước cảnh. Và viết "không đưa qua sông, Sao có tiếng sóng ở trong lòng?", Thâm Tâm còn như muốn chơi lại với cuộc tiễn Kinh Kha nhập Tần trên sông Dịch thuở xưa nữa! Vì thế mà lời thơ không khỏi có chút giọng ngang tàng! Thực ra sự tương phản này không khó thấy. Sự tương phản ngay trong con người khó nhận thấy hơn! Mà xem ra nó tụ cả ở câu thứ tư – câu kết của khổ:

Sao đây hoàng hôn trong mắt trong?

Khổ thơ này sử dụng âm "ong", "ông" với mật độ khá dày (không, sông, sóng, trong, lòng, bóng, không, không, trong, trong...). Nó tạo nên âm hưởng của những cơn sóng lòng đầy xáo động, xao xuyến. Nhưng ngoài việc đóng góp cho khổ thơ hai âm "ong", "ông" như thế, hai chữ "trong" ở câu này còn có một bí ẩn khác. Ấy là nó thể hiện được sự tương phản giữa bề ngoài và bên trong đầy uẩn khúc của người đi. Bề ngoài, anh tỏ ra dửng dưng, ánh mắt

làm ra trong veo, cứ thản nhiên như không. Nhưng người bạn tri kỉ của anh lại thấy rõ bóng hoàng hôn ở chính ánh mắt trong ấy. Anh cố cưỡng chế tình cảm, nhưng tình cảm vốn tự nhiên, nó vẫn cứ dâng lên, dù kín đáo, dù che giấu thế nào rồi cũng hiện ra thôi. Vậy là chỉ có đôi mắt tri kỉ mới có thể cảm thông được đáy sâu của đôi mắt trong. *"Trong mắt trong" thật kiệm lời mà chất chứa nhiều dư ba, có một giá trị tạo hình, tạo chân dung thật tinh tế.*

4. Tổng biệt hành vốn còn bốn câu nữa và đây mới là khổ kết:

Hơi thu đầu núi giá lên trăng

Cơn lạnh chiều nao đổ bóng thềm

Buồn ở lưng trời nghe đã lại

Tiếng đời xô động tiếng lòng cầm.

Khi tuyển vào Thi nhân Việt Nam, Hoài Thanh đã quyết định cắt bỏ đoạn ấy. Thế là Tổng biệt hành đã kết lại ở bốn câu nghẹn ngào, tức tưởi đầy bi phần này:

Người đi? Ừ nhỉ, người đi thực!

Mẹ thà coi như chiếc lá bay,

Chị thà coi như là hạt bụi,

Em thà coi như hơi rượu say.

Hình như đây mới là điểm dừng của lời thơ, đây mới là cái kết mà bài thơ cần phải tìm đến! Tiếc rằng nhiều người đã nhọc công để chứng minh những người thân là chủ thể hay là đối tượng của "thà coi". Đúng là bài thơ này có một hiện tượng làm cho nó càng đượm vẻ khó hiểu: sự lưu chuyển giọng phát ngôn. Có lúc là lời người tiễn. Lại có lúc người tiễn nhập thân vào người đi để cùng cất lên tiếng nói bên trong của anh ta. Và khổ thơ này chẳng phải là một sự nhập thân thế sao? Chúng ta đồng thời nghe thấy cả hai giọng không tách bạch được: giọng "nói thay" đầy cảm thông của kẻ tiễn và giọng độc thoại đầy bi phần của li khách. Thực ra thì, cho dù nó được cất lên bằng sự hoà giọng cũng chẳng đến nỗi khó hiểu lắm. Bởi đâu sao đó cũng là chuyện chủ thể của phát ngôn thôi. Vấn đề là giọng điệu biểu đạt xúc cảm thực của phát ngôn ấy.

Không chú ý đúng mức đến giọng điệu đặc thù của nó, khó lòng hiểu trúng được tình ý thực của lời thơ.

Xét đơn thuần ngữ nghĩa và cú pháp thì ba câu "thà coi" đó đều có quyền hiểu theo hai cách: Li khách có thể là đối tượng, cũng có thể là chủ thể của "thà coi". Nhưng giọng điệu bi phẫn đã xe chấp hai làn nghĩa ấy vào một tình ý, tình điệu thống nhất. Giọng bi phẫn đến đây hiện ra bởi cách nói đau, nói chua chát, nói phẫn. Nghĩa là cách nói hướng vào mình để tự giày vò mình, làm đau chính mình. Vậy có nên duy trì cách hiểu theo lối loại trừ hoặc "chủ thể", hoặc "đối tượng" thế không? Thêm nữa, nhìn từ tính đa nghĩa của ngôn từ thơ và nhất là từ tâm sự đầy uẩn khúc kia của li khách, ta sẽ thấy rằng ý nghĩa của câu thơ chính là sự chông chất của cả hai sắc thái ấy.

Chẳng phải thế ư? Dù người đi đang khẩn cầu người thân "thà coi" mình như chiếc lá bay, như hạt bụi, như hơi rượu say (những thứ tồn tại mà như không tồn tại), hay anh ta đang phải dằn lòng, buộc lòng hi sinh cái bổn phận của mình, cái tình nhà của mình đến nỗi phải "thà coi" như thế, thì dù ở bề nào cũng là đau đớn, dằn vặt, cào xé vì nỗi phải chà đạp lên chữ hiếu, chà đạp lên tình nhà mà thôi! Cả hai đều là tiếng nói nghẹn ngào, đắng chát của mặc cảm bất hiếu, lỗi đạo ở một người con vốn nặng tình mà trót mang chí lớn đó! Bởi sự chông chất của cả hai sắc thái đó mà nỗi lòng anh ta nặng nề gấp bội. Có phải ngẫu nhiên đâu khi từ "chiếc lá" sang "hạt bụi" đến "hơi rượu say" ngầm chứa một nghịch đảo: hình càng ngày càng vô hình, hư ảo, vô nghĩa thì tình càng lúc càng nặng nề, đắng xót. Những lời nói như đã vỡ ra cùng nước mắt! Và cần thấy rằng nếu không phải là người nặng lòng hiếu nghĩa sâu sắc thì người ta không thể có cái mặc cảm bất hiếu, lỗi đạo ấy, dù chỉ là mảy may. Tất cả chỉ vì trót mang chí lớn, ôm ấp hoài bão lớn mà anh phải đành lòng vậy, cầm lòng vậy trong sự lựa chọn nghiệt ngã giữa bổn phận và khát vọng, chứ phải đâu anh ta là kẻ có trái tim sắt đá, vô tình!

Có thể nói rằng mặc cảm bất hiếu, lỗi đạo là đỉnh điểm của tình cảm biệt li ở đây. Mặc cảm này là một vẻ đẹp đầy uẩn khúc của li khách. Thế đấy, người đi đã có một tri kỉ. Nhưng xem ra bài thơ chất chứa những uẩn khúc trái ngang này vẫn rất cần những tri âm!

Nguồn:

1. Nguyễn Đình Chú – Trần Hữu Tá (chủ biên), **Văn học 11 (tập 1)**, NXB. Giáo dục, 2001, tr. 147 –148.

2. Nguyễn Đăng Mạnh (chủ biên), **Phân tích –bình giảng tác phẩm văn học 11**, NXB. Giáo dục, 2001, tr. 128 –134.

SÓNG

Với một bài thơ dài như "sóng", việc phân tích sao cho trọn vẹn và hấp dẫn là một điều khó khăn vô cùng, vì thế tôi chỉ xin nêu ý kiến về khổ thơ đầu của bài mà chắc hẳn bạn gái nào cũng thuộc nằm lòng

"Dữ dội và dịu êm

Ồn ào và lặng lẽ"

Xuân Quỳnh đưa ra những trạng thái khác nhau của sóng và cũng là của tình yêu. Tình yêu cũng như cơn sóng kia lúc cuộn cuộn trào dâng, lúc lại nhẹ nhàng, bình lặng. Tựa đại dương mênh mông xa xôi, tình yêu bao la, vô cùng vô tận mà con người dẫu bỏ cả cuộc đời mìnhra để khám phá, tìm hiểu cũng không thể đến được "đường chân trời". Trong tình yêu có bao điều ngỡ ngàng như những đợt phong ba xoáy tròn trên mặt biển xanh không thể lường trước được. Với những trạng thái thay đổi luân phiên ấy, ngay cả những người trong cuộc cũng không thể lý giải, cho nên:

"Sóng không hiểu nổi mình

Sóng tìm ra tận bể"

"Tìm ra tận bể" để làm gì? Trở về với ngọn nguồn yêu thương, quây quần với những đợt sóng khác để giao hoà, gắn bó chăng? Vậy là cái riêng đã hoà hợp với cái chung, và cái chung đã bao hàm cả cái riêng rồi.

"Lòng em nhớ đến anh

Cả trong mơ còn thức"

Xuân Quỳnh không được gọi là nhà thơ của tình yêu, và thơ của chị không thể gọi là thơ của nữ sĩ tình yêu. Mà Xuân Quỳnh là người phụ nữ làm thơ và thơ của chị là thơ của một người phụ nữ (thuần hậu đúng nghĩa). Người phụ nữ Việt Nam.. Cho nên hơi thơ nhẹ nhàng, lời thơ dịu dàng, ý thơ tha thiết, chân tình biết bao. Nỗi nhớ người yêu, nhớ người chồng thương yêu theo cả vào giấc mơ, nhưng giấc mơ đó không hề mơ hồ, xa xôi mà rất rõ ràng cụ thể như chính tình cảm mà chị dành cho anh bởi lẽ "cả trong mơ còn thức"

Tôi yêu Xuân Quỳnh, yêu những vần thơ tròn trịa, nhẹ nhàng của chị. Đến với thơ của Quỳnh, tôi bắt gặp một sự đồng cảm trong suy tư, sự đồng điệu trong nhịp đập trái tim. Tôi như thấy mình đâu đây trong những bài thơ tự họa của chị:

"Trán tôi nhô ra bướng bỉnh hơn, bàn tay thô lại còn vụng nữa

Vụng tới nỗi không chỉ mó tới đâu là đổ vỡ

Mà khi nói chuyện với ai, tôi thấy tay thừa không biết giấu vào đâu"

tôi thấy cảm xúc mình như đọng lắng trong từng vần thơ:

"... nếu tôi yêu được một người

Tôi sẽ yêu anh ta hơn tôi nhiều lắm

Tôi yêu anh đâu ngàn lần cay đắng..."

Thơ Xuân Quỳnh như một lời chuyện trò thân mật, dịu dàng giữa chị và em gái, giữa những người bạn gái với nhau, tâm sự về tình yêu, cuộc sống, con cái, bao điều trăn trở của phụ nữ.

"Những cái chính chúng ta thường chả nói

Mà bọn con gái mình thường hay nói xấu nhau

Bọn con trai nghe lỏm đôi câu

.....

Họ khinh chúng ta và lời cửa miệng

"chuyện đàn bà" ...

.....

Ta yêu người con trai không phải vì mình

Mà họ yêu ta vì họ yêu chính họ

Được yêu hai lần họ cao lên một bậc

Ta không được yêu cảm thấy thấp dần đi

Vì chính ta cũng chẳng yêu ta

Tôi tin là mãi mãi về sau vẫn sẽ có người yêu Quỳnh, và tìm đến với Quỳnh, không chỉ là "bạn con gái mình" mà còn "bạn con trai" nữa chứ.

Yen_Vy

Lòng anh làm bến thu

Buổi sáng em xa chi

Cho chiều, mùa thu đến

Để lòng anh hoá bến

Nghe thuyền em ra đi!

(Chế Lan Viên)

Lời bình:

"Lòng anh làm bến thu"

hay là sự đợi chờ tuyệt đẹp của tình yêu?

Bài thơ ngũ ngôn tứ tuyệt với lời chữ chân chất, giản dị, cùng lối ví von ẩn dụ đậm tính dân gian, giàu sức gợi, thật sự đem đến cho người đọc một ấn tượng đẹp, khó quên về tình yêu, về quan hệ tâm lý tình cảm trong tình yêu mà nhà thơ thể hiện.

Buổi sáng em xa chi, câu thơ mở đầu nêu tiền đề, lý do để Cho chiều, mùa thu đến là hệ quả. Từ lý do kia tạo nên hệ quả này. Hệ quả này chính là sự cảm nhận từ mối quan hệ tình cảm con người mà nên, có tính chủ quan chứ không phải là do khách quan đưa tới. Buổi sáng em xa chi, câu thơ hỏi mà như không hỏi, đúng hơn chỉ là sự cảm thán thôi –em xa chi. Tác giả (anh) trong bài thơ vừa là nhân vật trữ tình, vừa là đối tượng tự cảm. Cho nên đây chỉ là cái cơ để anh tự bộc lộ mình. Bởi vậy, mới có Cho chiều, mùa thu đến.

"Mùa thu" ở trong câu thơ này, người đọc đừng vội tưởng đó là mùa thu thiên nhiên, mà thực ra là mùa thu lòng người. Thay vào cái sự "em xa chi" là cả "mùa thu" ập đến, theo đó là một cảm giác buồn buồn, cô đơn khó tả. Sáng, em xa-vắng thì chiều "mùa thu" đến ngay. Cái không gian, thời gian của "chiều" không có em chẳng khác gì cảnh thu, mùa thu. Tưởng như vô lý nhưng lại thật hợp lý với tâm trạng, với lòng anh lúc đó. Anh chỉ còn biết... vịn vào mùa thu để bày tỏ mà thôi. Hình như chỉ "mùa thu" mới đồng cảm với anh. Câu thơ thật sự gợi lên nhiều thú vị cho người đọc khi đã cảm nhận được hết ý nghĩa của nó. "Anh" trong bài thơ là người đa cảm và cũng rất nhạy cảm. Có em bên cạnh thì đó là niềm sung sướng hạnh phúc nào bằng. "Anh" đâu muốn có sự... xa em, vắng em để mà... cô đơn. Cái hay là "mùa thu đến", nhưng thực ra đó là mùa thu của lòng anh chứ không phải là mùa thu của đất trời.

Thế nên "lòng anh hoá bến", bến đây là bến thu – bến tình yêu đợi em. Thật là một sáng tạo bất ngờ của nhà thơ Chế Lan Viên. Lòng anh hoá bến thì ắt hẳn em phải là thuyền không thể nào khác được. Câu kết Nghe thuyền em ra đi thật gợi. Cái hay là lòng anh dù đã "hoá bến" nhưng bến ở đây không vô tri, vô giác. Có như vậy mới nghe được thuyền em ra đi như thế nào? Thật là tinh diệu, dấu lối ví von bến thuyền này thực ra không lạ gì, thậm chí rất thân thuộc trong dân gian, nhưng Chế Lan Viên đã đưa hai hình ảnh rất thân thuộc đó vào bài thơ này để giải mã cho sự xa cách và chờ đợi.

Trong thơ, hai hình ảnh ẩn dụ bến –thuyền cũng được các nhà thơ hay dùng để nói đến phạm trù tình yêu. Trong ca dao, thường gặp, kiểu như Thuyền về có nhớ bến chăng? Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền... Còn trong bài thơ trên, thuyền (em) ra đi, anh (bến) luôn hy vọng thuyền (em) trở lại. Thuyền ra đi thanh thản, yên tâm vì có bến đợi là anh. Thật là một sự đợi chờ tuyệt đẹp. Lòng anh làm bến thu là bài thơ độc đáo về tình yêu.

Minh Quang

Ngơ ngẩn trước “Buổi đầu... ngơ ngẩn” của Nguyễn Nhân Phong

Tôi có một người bạn thơ, anh rất mê Xuân Diệu. Có lần anh bộc bạch:

Mình thích nét thơ và cái hồn của thơ Xuân Diệu, và mọi bài đều có một nét hay riêng cho nên bảo rằng thích nhất bài thơ nào thì thật khó nói ... Cũng có đôi lúc thì thích cái tình như hư như ảo ...

"... Kẻ đa tình không cần đủ thịt da

Khi chết rồi thì ta sẽ yêu ma"

Và cũng có khi thích cái lưu luyến đượm buồn

" Anh biết yêu em đã muộn màng

Nhưng làm sao cưỡng được tình thương

Ngậm ngùi tặng trái tim lưu lạc

Anh chỉ xin về một chút hương..."

Và trong mỗi bài thơ của anh, tôi lại thấy đâu đó một Xuân Diệu rất tình tứ thiết tha, tôi muốn giới thiệu với các bạn một sáng tác mới của anh, một sáng tác mà tôi cho rằng, cái chất Xuân Diệu thấm tràn nhưng lại rất hiện đại:

BUỔI ĐẦU ... NGƠ NGẨN

Anh nhớ về em buổi ban đầu

Cùng nhau ta chat nói đầu đầu

Nhưng rồi chợt hiểu... rằng anh muốn
Một chút tình riêng chẳng bận sầu

Anh rằng... anh muốn anh thương nhớ
Một mối tình riêng nên vẫn vơ
Và thế mình anh không nói nữa
Anh đã vì em vương ngần ngợ

Anh mơ về em nơi phố thị
Chưa lần gặp gỡ nói năng chi
Nhưng lòng như hẫng mình đâu đây
Chắc thể lòng anh quá dị kì

Anh biết em anh xa cách lắm
Nhưng tình đâu nặng chữ xa xôi
Chỉ cần anh gửi lòng theo gió
Nhấn nhủ giùm anh nỗi đơn côi
(Thành phố 14/11/01)

Ngay từ cái nhan đề của bài thơ đã gợi cho tôi nhớ đến bài "Thơ Duyên"
của Xuân Diệu rồi:

"Buổi ấy lòng ta nghe ý bạn"

"Trông thấy chiều hôm ngơ ngẩn vậy"

Và cái "ngơ ngẩn" ấy hầu như là cảm xúc chủ đạo cho toàn bộ bài thơ.
Từng câu từng chữ trong bài đều nhuần vị của 2 từ "ngơ ngẩn", nó man mác, xô
đẩy, hư hư ảo ảo "nhớ:", "đâu đâu", "chợt", "chút tình riêng", "thương nhớ", "vẫn

vợ", "vương ngân nga", "mơ", "dị kì", gửi lòng theo gió". Chi tiết ấy cho thấy sự mơ hồ trong cảm xúc, trong tình yêu của anh. Đây là một bài thơ tình, rõ ràng là thế, trong thơ có "anh", có "em", có kỉ niệm, có tình cảm, thế nhưng nó chưa hẳn là tình yêu, mà chỉ là một cảm xúc mà thôi. Cảm xúc tình yêu trỗi dậy khi con người trông trái cô đơn, và đó cũng chính là nguyên nhân dẫn đến "buổi ban đầu" giữa "anh" và "em":

Anh nhớ về em buổi ban đầu
Cùng nhau ta chat nói đầu đầu
Nhưng rồi chợt hiểu... rằng anh muốn
Một chút tình riêng chẳng bận sầu

Ngay từ đầu, tôi đã thông báo cho các bạn rằng bài thơ mang một vẻ hiện đại mới. Vẻ hiện đại ấy được bắt gặp ngay từ "buổi ban đầu" gặp gỡ: chat, một mode rất fashion hiện nay của các bạn trẻ. Với các bạn, những người đang xem bài viết của tôi đây, chắc hẳn không dưới 1 lần đã lang thang trên mạng tìm người để phiếm chuyện vu vơ? Tôi cũng thế, và dường như mỗi lần chat, mình lại mang một cảm giác khác nhau phải không? Tôi nhớ có một lần, hôm ấy, tôi buồn, buồn lắm, ngồi vào bàn máy, lang tahung net không cú đích, vậy mà cũng tìm được 1 người, người ấy rất chịu khó nghe tôi kể lể, than thở, nhẹ nhàng khuyên nhủ tôi. Bạn biết không, lúc ấy tôi nhẹ nhõm lắm, và rồi một cảm giác xao xuyến, vừa hàm ơn, vừa lưu luyến con người xa lạ và xa xôi ấy. Tôi biết chứ, cái xao xuyến nhẹ nhàng ấy chỉ là một cơn gió thoảng mà thôi, thế mà nó đeo nặng tôi cả một thời gian dài, và khi nhớ lại vẫn còn dư âm chút tiếc nuối vu vơ. Tôi không biết anh bạn của tôi có gặp trường hợp ấy không, mà sao lời thơ của anh sao nhẹ thoảng và thương thương lạ:

Anh rằng...anh muốn anh thương nhớ
Một mối tình riêng nên vẫn vơ
Và thế mình anh không nói nữa
Anh đã vì em vương ngân nga

Anh mơ về em nơi phố thị
Chưa lần gặp gỡ nói năng chi
Nhưng lòng như hẫng mình đâu đây
Chắc thể lòng anh quá dị kì

Có đôi khi, ý thức trỗi dậy đánh thức lòng để cho anh nhận ra rằng "anh biết em anh xa cách lắm", thế nhưng tình cảm lại có một nội lực riêng đầy lùi sự sáng suốt của nhận thức, chìm vật việc vào tình cảm mông lung:

Nhưng tình đâu nặng chữ xa xôi
Chỉ cần anh gửi lòng theo gió
Nhấn nhủ giùm anh nỗi đơn côi
như một sự biện hộ cho chính con tim của mình.

Nếu như những sắc màu xôn xao trong "Hạ Tím" chính là nguồn khơi gợi cảm hứng cho tôi viết nên những lời bình luận thì với "buổi đầu ngơ ngẩn", chính cái nhan đề rất thơ và câu "gửi lòng theo gió" lại chính là động lực thôi thúc tôi đưa bài viết này ra với các bạn.

"Gửi lòng theo gió" rất gần với câu "gửi hương cho gió" của Xuân Diệu. Thế nhưng hương thì nhẹ, gió thì cao, quyện hương vào gió để rải đi trăm nơi là một hình ảnh đẹp, nhưng lại là một nét đẹp thiên về cổ điển quan. Còn với anh, anh gửi cả lòng mình theo gió, hai hình ảnh vật chất cụ thể "gió" và "lòng" mà lại gợi nên một ý niệm trừu tượng, siêu hình. Làm sao mà có thể "gửi lòng cho gió" được chứ? Có được không? Được! Chẳng phải Trịnh Công Sơn đã nhấn nhủ " Sống trên đời mỗi người đều cần có một tấm lòng, để làm gì em biết không? Để gió cuốn đi". Và bây giờ anh đã để "gió cuốn đi" lòng mình.

Yen_Vy

Một lần đọc thơ của người bạn và cảm xúc

(thân tặng anh Nguyễn Nhân Phong cùng bài thơ Hạ Tím của anh)

Bài thơ đó là "Hạ Tím" của Nguyễn Nhân Phong đăng trên mục Suu Tầm –Sáng Tác. Tôi mạn phép không ghi lại toàn bài thơ nhưng chúng ta sẽ theo dõi qua từng đoạn trích dẫn các dòng cảm xúc của anh.

Câu đề từ của bài thơ là "tặng em gái thủ đô". Vậy là anh đã có một nhân vật trữ tình sẵn có cho riêng mình để định hướng cảm xúc. Nhưng phải chăng đó không phải là một nhân vật cụ thể mà chỉ là một thủ pháp nghệ thuật gọi cảm hứng, gọi tình cảm thường thấy trong thi ca?

Từ câu đề từ của bài thơ ta xác định được ngay cái không gian mà anh muốn gọi

"Có phải em là cô gái Bắc

Nhặt cánh hoa mai ép nắng vàng

Vô tình nhặt lấy mùa hoa trắng

Bắt phải nên thơ tím muện màng"

Khổ thơ ngập tràn những sắc màu của mùa xuân. Nếu như màu vàng nắng rực rỡ của nhành mai là biểu tượng của mùa xuân nơi phương nam ấm áp, màu trắng muốt tinh khôi của hoa ban là tín hiệu của mùa xuân về trên miền cao Tây Bắc thì màu tím tím lung linh, mộc mạc của các bông hoa lục bình trôi mơn man lại là sắc xuân đặc trưng của xứ Huế thơ mộng:

"Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc"

(Mùa xuân nho nhỏ _ Thanh Hải)

Như vậy, mùa xuân ấy đâu chỉ dừng lại ở miền Bắc, mà trải suốt chiều dài của đất nước. Đâu đâu cũng ngập tràn ánh xuân và sắc xuân.

Nhân Phong không hề nói đến cái đẹp của mùa xuân, cái sức sống mãnh liệt của mùa xuân; thế nhưng ta vẫn cảm nhận được điều đó qua những sắc màu điểm uyet trong thơ anh và qua hình ảnh con người với những hành động gợi cảm:

Thiếu nữ luôn là hình ảnh tươi tắn, đẹp đẽ mà người ta thường dùng để ví với mùa xuân. Cùng với những thái độ, hành động nhẹ nhàng, nũng nịu, duyên dáng của "cô gái bắc" : "nhặt cánh hoa", "ép nắng", "bắt phải", một mùa xuân trong trẻo, thơ mộng dần trải ra.

Thế rồi theo quy luật muôn đời của thiên nhiên trời đất, xuân qua hạ đến thu tàn đông sang, nhẹ nhàng mà chóng vánh khiến con người không khỏi ngơ ngẩn, tiếc nuối:

"Hạ đã qua rồi chưa trở lại"

và

"Hạ đi nhanh quá anh chưa thấy"

Cái ngơ ngẩn, luyến tiếc vẻ đẹp này chính là xuất phát từ lòng yêu tha thiết cái đẹp. Bởi không yêu cái đẹp thiết tha làm sao có cái cảm xúc luyến tiếc, sợ mất đi cái đẹp. Giống như Xuân Diệu, nồng nàn mê say với thiên nhiên, lo sợ thời gian trôi qua cuốn mất những tồn hữu của hiện tại:

"Mau với chứ vội vàng lên với chứ"

Thế nhưng, nếu Xuân Diệu thúc giục vội vã mọi người cùng cuống quýt, hối hả thì Nhân Phong lại lặng lẽ, thiết tha:

"Anh ở nơi đây vẫn đợi chờ

Chờ màu sắc tím dẹt nền thơ

Đem cả mơ hoa cùng ý nhị

Gửi cùng thương nhớ đến trăng to"

Bài thơ được làm theo thể lục bát cho nên nó mang âm hưởng tha thiết, da diết của dân ca, cho nên nó có sức truyền thụ rộng lớn một tâm tình rất đổi man mác, trầm lắng.

Yen_Vy

Cô Tấm đã vào cung vua của Nguyễn Hữu Quý

*Cô Tấm đã vào cung Vua
Lều gianh mẹ ở nắng mưa một mình
Thân còn nặng nghiệp ăn xin
Miếng cơm nguội, mấy đồng trinh bẽ bàng
Đời ơi, chiếc bị đa mang
Thị còn đọng lại chút hương hay là?
Miếng trầu cánh phượng giấc mơ
Cũng bay theo những tiếng gà tan canh!
Đường mòn còn bóng thị xanh
Chẳng còn cô Tấm lều gianh đỡ đàn...
Nghĩ chi mẹ ngó trăng vàng
(Trăng trong đời mẹ chưa rằm một đêm)
Dạ nghèo mang nghĩa tái sinh
Đời nợ mẹ, mẹ ăn xin giữa đời!*

Bị hành khát vẫn chưa rời

Ai về với mẹ le loi xế chiều

Góc làng một mái rạ xiêu

Lầu son có thấu phận nghèo mẹ ta?

Gậy tre theo bước tuổi già

Khi vào lối chợ, khi qua sân chùa

Cô Tấm đã vào cung Vua

Lều gianh mẹ ở nắng mưa một mình...

(Nguyễn Hữu Quý)

Trước hết, cần nhắc lại thời điểm ra đời của bài thơ. Tháng 9/1989, thời kỳ có đúng là có chuyện:

Cô Tấm đã vào cung Vua

Lều gianh mẹ ở nắng mưa một mình...

Chưa vội đi sâu vào nội dung, mà hãy lưu ý đến vần trắc ở chữ thứ hai của câu sáu trong thơ lục bát ở đây! Nếu theo đúng luật thì tất cả chữ thứ hai của mỗi câu thơ đều phải là thanh bằng, trừ trường hợp tiểu đối ở câu sáu và đối vần ở câu tám. Ví dụ:

–Khi chén rượu, khi cuộc cờ...

–Chân lội dưới bùn, tay cấy mạ non

Nếu không phải thế mà vẫn phải phá luật như thế, chúng tỏ cái tình ở trong câu thơ có gì trắc ẩn, ngang trái. Tác giả không thiếu gì từ ngữ và kỹ thuật để đặt một vần bằng theo đúng luật vào câu thơ. Việc đặt một vần trắc như thế vào đây rõ ràng là có chủ ý. Đọc đến câu sau ta sẽ thấy rõ cái chủ ý đó và cảm thấy cái thực tế ở đây quả là đáng trách: Cô Tấm được trở lại cung Vua rồi thì đòi mẹ lại "nặng nghiệp ăn xin" như một định mệnh!

Nhưng dấu cho thực tế có bề bằng như vậy, mẹ nghèo của chúng ta vẫn không hề oán trách gì cô Tấm nửa lời. Trái lại, những kỷ niệm êm đẹp và trong

sáng về cô Tấm vẫn còn theo mẹ vào cả giấc mơ, ra ngoài đời thực. Đó là miếng trầu cánh phượng chỉ có tay cô Tấm mới tằm nổi. Đó là bóng thị xanh trên con đường mòn mẹ thường qua lại. Quả thị lần người trong quả thị đầu không còn, nhưng bóng thị vẫn còn xanh như thể an ủi mẹ. Không còn quả thị để mà ngắm, mà ngửi nữa, mẹ lại ngó lên vàng trắng đêm rằm. Từ vàng trắng, mẹ lại liên tưởng đến thực tế:

Trăng trong đời mẹ chưa rằm một đêm!

Vàng, dầu phận nghèo, hạnh phúc chưa bao giờ được viên mãn, nhưng trong tâm tư mẹ, vàng trắng vẫn mang hình bóng quả thị chín vàng, vẫn là sự cao thượng trong sáng. Việc mẹ phải đi ăn xin chỉ vì "đời nợ mẹ—mẹ ăn xin giữa đời". Đến đây ta có cảm nghĩ, bài thơ giống như đoạn tóm tắt của "Hậu Tấm Cám". Cuộc đời này phải mắc nợ bà mẹ nghèo đã nuôi cô Tấm, vì cô Tấm là hiện thân của chính nghĩa để chống lại phi nghĩa. Mẹ nuôi cô Tấm là góp phần bảo vệ chính nghĩa để cho cuộc đời này không còn những mù đi ghẻ độc ác nữa. Mù đi ghẻ độc ác bị trừng trị, sau bao cay đắng đập vùi, cô Tấm lại được trở về làm hoàng hậu. Làm hoàng hậu rồi cô QUÊN MẸ NGHÈO CHĂNG? Ở đây chưa hẳn như vậy, bởi ta không hề nghe một lời oán trách nào ở mẹ, và tác giả cũng không hề cố ý quy lỗi cho cô Tấm. Có thể vì cung vua—chốn lầu son xa xôi quá, mà mẹ thì vẫn bám lấy xóm nghèo, mái rạ, lối chợ, sân chùa, khi mà thông tin còn lạc hậu, cô Tấm làm sao thấu hiểu hết tình cảm đó? Có thể vì khi trở lại cung vua, phải làm "nội tướng" cho vua, cai quản cả "tam cung lục viện" chìm ngập giữa lo toan và công việc, đâu có nhớ đến mẹ nghèo thật, cô cũng chưa giúp được gì?

Bài thơ chỉ có 22 câu, trong đó, hai câu cuối lại lặp lại hai câu đầu, và lặp lại đầu đề. Nhưng cái hay, cái tài của bài thơ, theo tôi là ở chỗ đó. Đầu đề, cũng do bài thơ đề ra, ý muốn nói có thể coi đây là "Hậu Tấm Cám" cũng được. Hai câu đầu thì vào thẳng đề và triển khai một mạch, khiến cho cô Tấm nếu được Bụt cho hoá thân trở lại vào bóng thị xanh cũng phải tự trách mình sao lại thiếu sót với mẹ như thế! Đến hai câu cuối, ta cũng không thấy có ý gì trách móc, mà chỉ nhắc nhở một cách nhẹ nhàng, tế nhị.

Bài thơ dễ nhớ, tứ thơ dễ hiểu, ý ở trong lời thế nào, ý ở ngoài lời thế ấy, chẳng có gì cầu kỳ bí ẩn. Làm được thơ như thế không dễ. Bí quyết thành công ở đây là tình cảm của tác giả đối với những bà mẹ nghèo đã nuôi cô Tấm trong

đói nghèo, đến khi cô Tấm được trở lại cung vua, vẫn giữ đúng phương châm xử thế "thi ân vật niệm, thụ ân vật vong" (làm ơn không kể, chịu ơn không quên) của văn hoá phương Đông.

Vào thời điểm đó (9/1989), đọc bài thơ, ta nghĩ thế nào mẹ nghèo cũng sẽ được cô Tấm đền ơn đáp nghĩa. Vào thời điểm hiện nay, đọc lại bài thơ, mới biết câu chuyện "Hậu Tấm Cám" nói trên thật là có hậu!

lời bình của Vương Thừa Ân

Đôi cảm nhận về bài thơ “Nắng mới” của Lưu Trọng Lư

Mỗi lần nắng mới hắt bên song
Xao xác gà trưa gáy náo nùng
Lòng rười buồn theo dĩ vãng
Chập chòn sống lại những ngày không

Tôi nhớ Mẹ tôi thuở thiếu thời
Lúc người còn sống tôi lên mười
Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội
Áo đỏ người đưa trước giậu phơi

Hình dáng mẹ tôi chữa xoá mờ
Hãy còn mừng tượng lúc vào ra
Nét cười đen nhánh sau tay áo
Trước ánh trưa hè, trước giậu phơi

Lưu Trọng Lưu là ai? Thơ anh như thế nào? Anh là 1 nhà thơ tiên phong của phong trào Thơ Mới, tích cực đóng góp vào sự toàn thắng của phong trào đối với thơ cũ. Cát cứ cả 1 góc vườn “thơ Mới” lung linh, rộn rã bao sắc màu, bao hương thơm, những bông hoa thơ của Lưu Trọng Lưu luôn man mác, nhẹ nhàng 1 thứ hương Tình_Sầu_Đời thoang thoảng, chơi vơi.

Giọng thơ, và hồn thơ của anh rất đa dạng. Nếu như ta đã bắt gặp 1 Lưu Trọng Lư sầu đau, nảo nề trong “Thú đau thương”, đã ngỡ ngàng trước 1 Lưu Trọng Lư hoàn toàn lạ lẫm với “Tiếng Thu” hồn nhiên, thơ mộng, giàu nhạc điệu, thì bây giờ 1 chàng Lư hết sức hồn hậu, trong sáng, đang mãi hoài vọng 1 ký ức xa xôi, 1 chàng Lư không còn vẻ lãng tử, sầu đời, 1 chàng Lư trong “Nắng Mới”.

Khổ thơ đầu tiên, tác giả giới thiệu về hoàn cảnh xung quanh mình. Mà cảnh vật bao giờ cũng là tác nhân đầu tiên gây ra những cảm xúc trong con người, cảnh thể hiện hồn người:

Mỗi lần nắng mới hắt bên sông

Xao xác gà trưa gáy nảo nùng

Lòng rười buồn theo thời dĩ vãng

Chập chờn sống lại những ngày không

Cảnh thật buồn, thật đìu hiu, cô quạnh. Những chủ thể, những âm thanh phát ra từ bức tranh làng quê này đượm buồn. “Nắng” tuy “mới” nhưng lại “hắt bên sông”, yếu ớt, cô quạnh, tiếng gà trưa vốn đã lẻ loi, nảo nề nay lạ “xao xác”, buồn nối tiếp buồn. Cảnh có màu sắc, có âm thanh, có hoạt động, nhưng không hề có chút sinh khí, vạn vật như im lìm, tĩnh lại. Tiếng gà trưa không hề đánh động được cái khung cảnh hoang vắng, xơ xác của buổi trưa hè, ngược lại, còn tô đậm nỗi quạnh quẽ, sầu thương của cảnh vật. Thủ pháp nghệ thuật “lấy động tả tĩnh” này không phải là 1 sáng tạo mới của LTL, ta đã bắt gặp cái tiếng động lạc lõng này trong “Thu Vịnh” của Nguyễn Khuyến:

"một tiếng trên không ngỗng nước nào "

Hẳn bầu trời ở “Thu Vịnh” phải cao và trong, yên tĩnh lắm mới có thể từ dưới mặt đất vọt nghe được 1 âm thanh duy nhất, cô độc phát ra từ tận thăm cao xanh! Ở đây cũng thế, không khí của buổi trưa hè hẳn phải im ắng thế nào mới

nghe được 1 tiếng gà trưa xao xác, và tâm hồn người như thế nào mới có thể nhân ra tiếng gáy ấy “nào nề” biết bao.

Nguyễn Du đã từng thốt lên: “người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”; mà cảnh ở đây buồn thê thiết đến thế, phải chăng bởi lòng người cũng đang day dứt 1 nỗi sâu miên man?

Lòng rười buồn theo thời dĩ vãng

Chập chờn sống lại những ngày không

Trước sự thê lương, tiêu điều của cảnh trí, dĩ vãng nhạt nhoà ập vào lòng người, và rồi 1 chiếc cầu hoài niệm được bắc ra nối liền hiện tại và quá khứ, đưa nhà thơ ngược dòng thời gian trở về bên kia bờ ký ức.

Ký ức của 1 đời thường gắn liền với 1 khoảng trời thơ của thuở thiếu thời, bởi lẽ, thời thơ ấu luôn là 1 điểm thời gian đẹp đẽ mà người ta thương hoài vọng khi đã mệt mỏi với bao lo toan, bon chen của cuộc đời. Chập chờn bước vào ký ức, ký ức chập chờn trở về với thời thơ, 1 thời thơ bên cạnh người yêu dấu nhất của cả đời người:

Tôi nhớ Mẹ tôi thuở thiếu thời

Lúc Người còn sống tôi lên mười

Người Mẹ luôn là hình ảnh trữ tình, thương mến của thi ca ngàn đời, nói đến Mẹ, người ta thường dùng những hình ảnh ngọt ngào thân yêu, dịu dàng dành cho mẹ, và người ta cũng vẫn thương lấy mẹ để chỉ những hình ảnh, sự vật vĩ đại, đằm thắm.

Ở đây, LTL không dùng những lời ca sáo rỗng, những từ ngữ đầy hình thức, mà nói đến mẹ, ông trân trọng, thương kính: “Người”. Gắn liền với mẹ, không phải là hình ảnh “con cò lặn lội bờ sông, gánh gạo nuôi chồng tiếng khóc nỉ non” mà là những việc làm thường ngày của người: phơi áo trước giậu, khoe miệng cười đen nhánh “như mùa thu toả nắng”.

Đọc đoạn thơ, ta hình dung ra hình ảnh 1 đứa bé tóc để chỏm cháy khét nắng, đang ríu rít chân sáo theo lưng mẹ ra ngoài nội, ngồi nhìn mẹ làm việc, vừa trông mẹ, vừa tò chuyện voi mẹ, những câu chuyện bé thơ ngộ nghĩnh đôi lúc làm mẹ phải bật cười, trong động tác với tay phơi áo, tay mẹ đã che khuất

đi một phần nét cười đen nhánh duyên dáng, thế nhưng nắng Quảng Bình đã chiếu soi, làm rạng rỡ, lấp lánh cả nụ cười, khiến cho gần 20 năm sau, nụ cười của mẹ vẫn anh linh trong tâm trí nhà thơ, vẫn ẩn hiện trên tảm chữ của bài thơ “Nắng mới”. Bao năm qua, hình ảnh mẹ, khung cảnh buổi trưa hè thuở ấy vẫn không mờ trong tâm tưởng nhà thơ, Điều đó cho thấy lòng yêu thương mẹ dạt dào, khôn xiết của nhà thơ. Mẹ thì ai lại chẳng yêu, chẳng nhớ, nhưng nhớ đến từng cử chỉ của mẹ trong những công việc không tên hằng ngày, mới thấy được tình cảm của nhà thơ gắn bó với mẹ đến mức nào.

Ngay từ đầu bài thơ, tác giả đã đặt bút đề từ: " Tặng hương hồn thầy mẹ", nghĩa là bài thơ này nhà thơ đã tận huyết tận lòng kính dâng cho bậc sinh thành, nghĩa là tình cảm trong thơ nồng lắng và tha thiết lắm. Tình cảm của 1 người con đối với cha mẹ, nếu chân thật, thường phải theo 1 mô típ chung: đó là biết ơn và tỏ lòng biết ơn. Con người ai cũng có những tình cảm ấy, khác chăng là ở cách biểu hiện của từng người. Cứ mỗi lần đọc bài thơ này, tôi lại rạt rào dâng 1 niềm cảm xúc khó tả, thương quá những người mẹ tảo tần, trân trọng quá tấm lòng của những đứa con biết nghĩ về mẹ. Và mỗi lần như thế, trong tôi lại bùng lên 1 tia "nắng mới" rọi sáng cả tâm hồn.

Về đặc điểm nghệ thuật đối trong thơ Kiều

Xưa nay các thế hệ độc giả Việt Nam yêu thích truyện Kiều và dường như ai cũng thấy một điều là thơ Kiều, thơ lục bát truyện Kiều khác biệt hẳn với thơ lục bát ca dao dân ca, lại càng khác biệt với thơ lục bát của các nhà thơ Việt khác. Có lẽ vì thế chăng mà người Việt từ xa xưa, từ sau khi truyện thơ theo phong cách thơ Kiều. Một trong những đặc điểm ngôn ngữ thơ Kiều là nghệ thuật đối. Đã có nhà phê bình văn học thống kê trong 3.254 câu thơ Kiều, có đến 862 câu mang nghệ thuật đối.

Đây là một đặc điểm nghệ thuật nổi trội và phong phú của thơ Kiều và nhiều nhà phê bình văn học, ngôn ngữ học đã nhìn từ nhiều góc độ để phân tích. Có người xếp thơ Kiều có sự đối chọi, ví như trong câu thơ "Mai cốt cách, tuyết tinh thần" nói về tài sắc của chị em Kiều thì thấy rất rõ: "mai cốt cách" đối chọi với "tuyết tinh thần". Có người chỉ ra đặc điểm đối trong câu, ví như câu "ngựa xe như nước, áo quần như nen" thì "ngựa xe như nước" đối với "áo quần như nen" – câu thơ sáu chữ chia hai nửa đối nhau. Có khi đối ở cuối câu thơ, ví dụ "trái bao thỏ lặn ác tà" thì "thỏ lặn" đối với "ác tà". Cũng có khi đối ở giữa câu thơ Kiều ví như "nghĩ người ăn gió nằm mưa khóc thầm" thì "ăn gió" đối với "nằm mưa". Người ta còn tìm thấy thơ Kiều đối ở hai đầu câu ví như các câu: "Lời vàng vâng lĩnh ý cao", "lời vàng" đối với "ý cao"; "đòi phồn hoa cũng là đòi bỏ đi" thì "đòi phồn hoa" đối với "đòi bỏ đi". Hay câu "Đào tiên đã bén tay phàm" thì "đào tiên" đối với "tay phàm".

Có khi trong một câu thơ tám chữ có hai cặp đối, ví như:

Sinh càng như đại như ngâu

Giọt dài giọt ngắn chén đầy chén vơi.

Trong câu này "giọt dài" đối với "giọt ngắn"; "chén đầy" đối với "chén vơi". Lại cũng có trường hợp "đối ý" câu sáu câu tám chữ hoàn chỉnh, ví như:

Người về chiếc bóng năm canh

Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi.

"Người về" đối với "kẻ đi"; còn "chiếc bóng năm canh" sự cô đơn tương tự "một mình xa xôi". Tương tự là câu:

Hoa tàn mà lại thêm tươi

Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa

Ở đây "hoa tàn" đối với "trăng tàn", còn cái sự "lãng mạn hoá" hoa tàn, trăng tàn cũng đối nhau "thêm tươi" và sáng "hơn mười rằm năm xưa".

Đặc điểm nghệ thuật đăng đối trong thơ Kiều làm nên phong cách thơ lục bát tuyệt diệu của cụ Nguyễn Du. Người đời sau không ai xa lạ gì với thơ lục bát thuần Việt nhưng vẫn cứ phải "tập Kiều", dụng công mong có được những câu thơ mang dáng dấp hồn thơ tuyệt vời của đại thi hào dân tộc.

Hoài Việt

Chất Huế trong “Màu thời gian”

Đoàn Phú Tứ sinh ở Hà Nội, học ở Hà Nội và sống chủ yếu cũng ở Hà Nội. Nghề chính của ông là sân khấu. Ông cũng có biệt tài viết kịch và diễn kịch. Về thơ, Đoàn Phú Tứ chỉ viết dăm bảy bài nhưng theo nhận xét của Hoài Thanh thì "bài nào cũng có đặc sắc". Trong quyển "Thi nhân VN" chỉ duy nhất "Màu thời gian" của Đoàn Phú Tứ là được chọn bình một cách trọn vẹn.

Ở bài viết này, tôi chỉ xin nói thêm cái chất Huế của "Màu thời gian". Nghĩ cũng lạ: có bao nhiêu người làm thơ về Huế, nêu đủ các địa danh sông Hương, núi Ngự... tả đầy đủ những cảnh đẹp, những đền đài, lăng tẩm... thế mà phần đông trong số họ không nắm bắt được cái hồn xứ Huế. Ta rất khó tìm chất Huế trong hàng loạt bài thơ ấy của họ. Trái lại, Đoàn Phú Tứ không hề có ý định viết về Huế, trong "Màu thời gian" không hề có một địa danh nào của Huế được nhắc, không có một phong cảnh nào của Huế được tả, vậy mà đọc bài thơ ta cảm thấy như tác giả đang nói đến cái màu tím Huế, đang viết về một môi tình ở Huế. Ngay cách thể hiện tinh tế và kín đáo của Đoàn Phú Tứ trong "Màu thời gian" đã là Huế rồi. Vì Huế, đặc biệt là "nữ sinh Đồng Khánh ngày xưa" vốn nổi tiếng kín đáo và tinh tế. Tinh tế trong cảm nhận cái hay, cái đẹp, kín đáo trong cách biểu hiện tình cảm. Các thi sĩ thường mê con gái Huế chính là mê cái nét kín đáo và tinh tế ấy. Âm điệu trong "Màu thời gian" rất nhẹ nhàng:

Sớm nay tiếng chim thanh

Trong gió xanh

Dịu vương hương ấm thoảng xuân tình

Âm điệu này cũng rất gần gũi với Huế. Hiếm có nơi nào mà các cô gái nói năng nhỏ nhẹ như con gái Huế. Cái mùi hương "thanh thanh" và "trời mây phảng phất nhuốm thời gian" cũng rất Huế. Cả bài thơ như có một màn sương mỏng bao phủ. Nó cũng huyền ảo như sương khói xứ Huế. Chất Huế trong "Màu thời gian" còn được thể hiện qua giọng thơ trang trọng, cổ kính gợi nhớ về cố đô của thuở xa xưa:

Tóc mây một món chiếc dao vàng

Nghìn trùng e lệ phụng quân vương.

Một vài điển tích được kín đáo nhắc đến trong "Màu thời gian" nói về nàng Lý phu nhân và Vua Hạng Võ, Dương Quý Phi và Đường Minh Hoàng cũng góp phần làm cho "Màu thời gian" phảng phất chất Huế. Các tích ấy khiến ta liên tưởng đến lầu đài cung điện cùng những thiên tình sử nổi tiếng một thời ở Huế. Nhưng chất Huế rõ nét hơn cả là cái màu thời gian tím ngắt cả bài thơ.

Trong bức gửi cho nhóm biên tập "Bài thơ thôn Vị" đề ngày 6/10/1986, Đoàn Phú Tứ viết: Hai câu thơ cuối cùng của bài thơ "Màu thời gian" của tôi là:

Hương thời gian thanh thanh

Màu thời gian tím ngắt

Tôi nghĩ rằng vô tình nó đã ghi được những cảm xúc của tôi trước màu tím Huế của các cô gái sông Hương vẫn vẫn vút trong tâm hồn tôi". Đoàn Phú Tứ không hề có ý định tả cái màu tím Huế. Nhưng cái màu tím Huế cứ "vẫn vút" trong tâm hồn tác giả. Bởi vậy, khi cầm bút pha "màu thời gian", chính tác giả cũng không ngờ mình đã chọn gam màu đặc biệt của xứ Huế. Chỉ Huế mới có cái màu "tím ngắt" ấy. Chẳng phải vô cớ mà màu tím gắn liền với Huế để thành "tím Huế". Người ta không nói tím Hà nội, tím Nha trang, Sài gòn, Đà lạt... mà chỉ nói "tím Huế". Màu tím chẳng biết từ lúc nào đã trở thành màu sắc riêng của xứ sở thơ mộng này.

Những gì đã góp phần tạo nên cái màu tím Huế? Phải chăng là những buổi chiều trên cầu Bãi Dâu với "Chân trời tím nhạt mênh mông, Ngã ba bông bênh sương khói"? Phải chăng là màu mực tiếm của nữ sinh Đồng Khánh thường dùng để chép những "trang thơ học trò"? Phải chăng là những tà áo dài màu tím của những cô gái sông Hương ngày ấy vẫn "vẫn vút" trong tâm hồn các

chàng thi sĩ? Lúc mới đọc "Bài thơ thôn Vỹ" – tập thơ viết về Huế trước 1945 gặp "Màu thời gian" thú thực là tôi hơi ngạc nhiên. Nhưng đọc kỹ lại nhiều lần tôi thấy nhóm biên tập thật có lý khi tuyển chọn. Tác giả "Thi nhân Việt Nam" cho rằng: "Trong thơ ta có lẽ không có bài nào khác tinh tế và kín đáo thế". Tôi xin bổ sung thêm: Có lẽ cũng ít có bài nào bàn bạc chất Huế như "Màu thời gian" của Đoàn Phú Tứ.

Mai Văn Hoan

“Tôi nhớ” của X.Êxênhin

Nhớ luôn, em hồi nhớ hoài
Mái đầu em tựa, tóc người hào quang
Xa em giờ phải lỡ làng
Không vui cũng chẳng dễ dàng đâu em.
Anh còn nhớ mãi những đêm
Lào xào trong lá êm đềm bạch dương
Dẫu ngày khi ấy ngắn hơn
Choàng đôi ta, ánh trăng xuân lại dài
Nhớ xưa em nói cùng tôi:
"Những năm của tuổi xuân rồi sẽ qua
Và, anh yêu quý, dần dà
Bên người yêu khác anh đã quên em!"
Cành hoa nay nở hoa thêm
Nhắc cùng anh mỗi tình duyên khi nào
Cánh hoa anh rắc hôm nao

Lên làn sóng tóc em—sao dịu dàng!
Trái tim ngừng đập sẵn sàng
Yêu người yêu khác, sâu mang trong lòng
Ôi thiên tình sử ghen ghét
Ngồi bên ai, vẫn mơ màng nhớ em.

(Bản dịch của Xuân Diệu)

Trước hết, cần nói ngay rằng, theo tôi, công việc dịch thơ thực chất là việc sáng tạo lại bài thơ bằng một ngôn ngữ khác trên cơ sở ý tứ và cảm xúc của nguyên bản và người dịch thực sự là đồng tác giả của bài thơ. Với cách nhìn nhận ấy, mặc dù tôi có biết bài thơ trên đây trong nguyên bản nhưng giờ đây tôi chỉ cảm nhận nó như những gì đang hiện lên trước mắt và vang lên bên tai, tức là một thi phẩm tiếng Việt với tất cả vẻ đẹp của âm hưởng thơ lục bát mà nhà thơ—dịch giả Xuân Diệu đã sử dụng rất tài tình. Và xin các bạn hãy cùng tôi thưởng thức cái hay của bài thơ như một tác phẩm chứ không phải một dịch phẩm, nghĩa là ta tạm gác sang bên những vấn đề của công việc dịch thuật thơ vốn là một việc thiên nan vạn nan.

Chúng ta biết X. Êxênhin (1895–1925) là nhà thơ Nga vĩ đại, "cây đại phong cầm do thiên nhiên tạo ra để dành cho thơ" như cách gọi của M. Gorki. Trong thơ Êxênhin, hai chủ đề xuyên suốt là tình yêu quê hương đồng ruộng nước Nga và tình yêu đôi lứa. Riêng về đề tài tình yêu (đôi lứa) ông đã có nhiều bài thơ tuyệt diệu có sức khám phá thế giới sâu thẳm của hồn người với sự phong phú của cảm xúc, tràn ngập hình ảnh và đặc biệt là rất giàu nhạc tính. Bởi vậy, việc nhà thơ Xuân Diệu chọn thể thơ lục bát để chuyển ngữ bài thơ này là một điều rất hợp lý vì ở đây nhạc điệu chiếm một vị trí hàng đầu để tạo nên cảm xúc. Chúng ta sẽ thấy ngay rằng về mặt ý tứ, bài thơ này không lạ, cũng chẳng mới, nó nói một chuyện xưa như trái đất và cũng phổ biến đến nỗi tưởng như mọi sự đã an bài, cái điều mà sau này nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã có lần tâm sự trong một bài báo: Sức sống của tình yêu lâu dài hơn ta tưởng rất nhiều và ta ngỡ có thể dùng một tình yêu này để xóa đi một tình yêu khác nhưng điều ấy là không thể...

Trái tim ngừng đập sẵn sàng

Yêu người yêu khác, sầu mang bên lòng

Ôi thiên tình sử ghen ghét

Ngồi bên ai, vẫn mơ màng nhớ em

Dĩ nhiên, anh phải yêu cái người của ngày hôm nay anh mới ngồi bên người tình tự và thiên tình sử mới này có những vần thơ của nó, nhưng sự vật là thế, lòng người cũng là thế, chúng còn một cái nửa thứ hai không sao che khuất nổi và bài thơ này là dành cho cái nửa đó: sự bất tử của một thiên tình sử ngỡ như đã chết. Chính là tình yêu hôm nay đã đánh thức tình yêu của hôm qua, và qua sự gạn lọc và khúc xạ của thời gian, những gì còn lại của hôm qua đều lung linh lên tất cả như khi ta nhìn lên vòm trời sao trong đêm đen, từ "mái đầu em tựa, tóc người hào quang", "lào xào trong lá êm đêm bạch dương", cho đến:

Cánh hoa anh rắc hôm nao

Lên làn sóng tóc em—sao dịu dàng

Cái cử chỉ thơ mộng và đắm say biết chừng nào: rắc những cánh hoa lên tóc người yêu... Đến đây ta mới hiểu vì sao các tác giả của bài thơ gọi câu chuyện đã qua ấy là "thiên tình sử ghen ghét"—ta bất biết câu chuyện xưa kia ấy có ẩn chứa những chi tiết gì đa đoan và diễm lệ để được gọi là thiên tình sử, nhưng chỉ bằng vào những biểu hiện quá mộng mơ và say đắm ấy cũng đã mở ra cho ta biết bao nỗi tiếc nhớ nhưng! Nhưng chưa hết, hình ảnh đẹp nhất trong câu thơ tài hoa và xúc động nhất về cuộc tình đã mất ấy chắc chắn phải là hình ảnh:

Dấu ngày khi ấy ngắn hơn

Choàng đôi ta, ánh trăng xuân lại dài

Từ chi tiết thực của đời sống "mùa xuân ngày ngắn đêm dài", hình tượng thơ đã bắc cầu sang cái thế giới hư ảo mệnh mông trong tình yêu của hồn người và ngược lại, lại mang cái ánh trăng trầu tượng mông lung của trời đất "choàng" lên bờ vai ấm áp của đôi tình nhân như tấm voan dài bất tận dệt bằng ánh sáng. Hình tượng thơ đẹp đến nỗi, chất chứa trong đó bao nhiêu niềm hoan lạc, những đam mê và hạnh phúc thánh thiện của một bữa tiệc tình yêu bày ra giữa khoảng trời đất bao la của một đêm xuân.

Một thế giới yêu đương đẹp đến như vậy mất đi ai chẳng tiếc nuối, đau lòng. Nhưng còn đau đớn hơn nữa là tất cả tấn bi kịch đều đã được dự báo trước:

Nhớ xưa em nói cùng tôi:

"Những năm của tuổi xuân rồi sẽ qua

Và, anh yêu quý, dần dà

Bên người yêu khác anh đã quên em!"

Mấy câu thơ chân thực đã để lộ một bản chất trong tâm thế của những người đang yêu: tâm thế lo âu, bất an. Đó là một điều có thật, nhất là với những người quá yêu. Không phải do con người quá phức tạp, thích bịa ra những nguy cơ để run rẩy, lo sợ, mà chính sự thực phũ phàng của đời sống đã hơn một lần cảnh báo với họ, đó là cái mà ta gọi là lẽ "vô thường" của tạo vật và cõi sống. Và điều đau đớn đến tái tê ở đây là con người biết vậy nhưng tuyệt nhiên không thể làm gì được. Thật kỳ lạ là mọi điều tưởng như đều nằm trong bàn tay của con người, ấy vậy mà cứ như ma làm, như quỷ khiến, như có bàn tay nào siêu nhiên can thiệp vào để cho con người không sao chạy trốn được thân phận và cả người thắng kẻ bại đều khốn khổ như nhau!

Tình yêu là những giây phút con người sống hết mình, sống đến tận cùng, và vì vậy sức sống của nó trường cửu là dĩ nhiên. Tôi vẫn hằng nghĩ, mỗi con người chỉ có một cuộc đời, và mỗi cuộc đời cũng chỉ có một tình yêu mà thôi, không hơn. Với những câu thơ trên đây, vượt lên trên tâm thức của một bài thơ tình thuần túy, bài thơ còn đánh thức trong ta một nỗi gì xao xác và thắm thía về cõi sống duy nhất ấy của con người.

Anh Ngọc

Em vẫn như ngày xưa

Dù thời gian chia phôi

Dù đường dài xa xôi

Em vẫn như ngày xưa

Mến yêu anh trọn đời

Em vẫn như ngày xưa

Mùa xuân về háo hức

Hoa gọi nắng xuân sao

Bao nụ mầm mong ước

Em vẫn như ngày xưa

Mắt đen nhìn đung đưa

Nét cười sau vai áo

Tay mềm thon búp tơ

Em vẫn nh ngày xa

Khơi nồng bao ý thơ

Cho lòng ai hát mãi

Đến bao giờ bao giờ

Mùa xuân xuân sang rồi

Nhìn hoa em trao lời

Nh ngày xa em nói

Yêu thương anh trọn đời

(Trần Ngọc Thụ)

Tình yêu nghĩa là sự hoà điệu của hai tâm hồn, đơn giản thế mà thật mênh mông như trời bể. Nó biểu hiện bằng đủ mọi cách, mọi góc ngách, tinh tế, tinh vi. Bởi thế thơ viết về tình yêu cũng thật vô cùng, nghĩa là phải phản ánh được cái phong phú muôn màu muôn vẻ của nó. Như “Em vẫn như ngày xưa” của Trần Ngọc Thụ

Hai người yêu nhau, xa nhau, lâu ngày gặp lại là sự thường tình vẫn thường thấy nhan nhản ở đời. Mỗi nhà thơ sẽ có một cách viết về đề tài này. Trần Ngọc Thụ cũng có cách viết của anh, khá thành công.

Gặp lại người yêu cũ tác giả không tập trung miêu tả sự bối rối và ôn lại kỷ niệm xa. Anh đi thẳng vào "vấn đề hôm nay" là hai người vẫn say nhau lắm:

Dù thời gian chia phôi

Dù đường dài xa xôi

Em vẫn như ngày xưa

Mến yêu anh trọn đời.

Trước tình cảm của người bạn gái chàng trai hết sức xao xuyến băng khuâng. Sự rạo rức trong lòng anh được ví với mùa xuân trăm hoa đua sắc

Em vẫn như ngày xưa

Mùa xuân về náo nức

Hoa gọi nắng xuân xao

Bao nụ mầm mong ước.

Những câu thơ vừa có hoa, vừa có lá, có mầm; vừa có sự thỗn thức, sự hối thúc. Mùa xuân trong con mắt của người đang yêu là thế. Mùa xuân trong

lòng người đang yêu lại càng như thế. Yêu và được người đẹp yêu làm gì mà anh chẳng rối lên.

Em vẫn như ngày xưa

Mắt đen nhìn dung đưa

Nét cười sau vai áo

Tay mềm thon búp tơ

Đây là bốn câu thơ duy nhất tả người. Cách tả không có gì đặc sắc, không có gì mới mẻ. Thế mà người đọc vẫn cứ hình dung người yêu của anh là một cô gái đẹp, thùy mị, đoan trang. Cái tài của bài thơ là ở đó. Cái thần của bài thơ là ở đó. Trong thơ ca nghệ thuật ngôn từ có giới hạn, cái thần mới là vô hạn. Thơ hay phải có thần. Song thần bài thơ chỉ có được khi nhà thơ thực sự có xúc cảm, có tâm huyết về những điều mình viết, viết một cách thiết tha mặn mà với một bút pháp già dặn:

Mùa xuân xuân sang rồi

Nhìn em trao lời

Như ngày xa em nói

Yêu thương anh trọn đời

Trần Ngọc Thụ đã có ba tập thơ, mừng cho anh là bài thơ “Em vẫn như ngày xưa” kín đáo ca ngợi lòng thủy chung của người phụ nữ được nhiều người ưa thích.

Vương Thừa Việt

“Cứ phải là em” của Xuân Diệu

*Cứ phải là em; chẳng phải ai
Là em, em nữa, chỉ em thôi
Sao người anh quý anh yêu thế
Mà chẳng cùng anh ở suốt đời?
Khác chi cây sống mà đem chặt
Chặt giữa ngang lưng sự sống còn,
Chặt giữa đang hoa, ngang giữa lá
Khác chi hoa nở phải vùi chôn!
Em có bao giờ tương tượng xem
Một mình anh sẽ sống không em,
Bơ vơ nh đã muôn lần chết,
Đã chết nhưng còn phải sống thêm!
Lời ớc cùng nhau thươ sánh đôi
Anh còn vẹn, ve giữ y lời
Rằng không ai thể thay em được*

Em vắng, yêu em vẫn suốt đời

Duy có lòng em, vẫn hẹn hò

Ấy là ân huệ của em cho

Cho anh một đoá hoa tinh túy

Một đoá hoa lòng chẳng héo khô

Tôi nhớ có một nhà văn đã từng nói với tôi rằng: đứng trước một tác phẩm văn hoá không phải độc giả nào cũng cảm thấy thích (kể cả đối với những tác phẩm nổi tiếng của những tác giả có tên tuổi). Người ta chỉ thực sự cảm thấy thích khi trong lòng họ xuất hiện một sự hài hoà, một sự đồng cảm đối với tác phẩm ấy. Phải chăng điều đó là đúng đối với tôi bởi lần đầu tiên đọc bài thơ "Cứ phải là em" của Xuân Diệu tôi đã cảm thấy thích ngay?

Trong toàn bộ bài thơ, người đọc không hề thấy có một tình yêu ồn ào, gấp gáp như ở một số bài thơ khác của Xuân Diệu, mà trái lại tình yêu ở đây được tỏ bày một cách nhẹ nhàng, sâu lắng. Ấy vậy mà nó cũng không kém phần mãnh liệt! Ngay từ đầu, chàng trai trong bài đã nói lên tình cảm của mình một cách tự nhiên:

Cứ phải là em; chẳng phải ai

Là em, em nữa, chỉ em thôi

Sao người anh quý anh yêu thế

Mà chẳng cùng anh ở suốt đời?

Khổ thơ là một lời khẳng định chắc chắn đồng thời là một câu hỏi lớn cứ day dứt, cứ trăn trở mãi trong lòng chàng trai, được diễn tả bởi một giọng thơ đang ngắn gọn, dứt khoát bỗng nhiên trầm xuống một cách da diết.

Có thể nói, tình yêu ngoài những gì trần tục thì nó còn là một cái gì đó hết sức lý tưởng và thánh thiện. Vì thế khi yêu người ta luôn mơ tới người mình yêu, luôn muốn được sống gần bên người yêu và cùng nhau chia sẻ những vui buồn trong cuộc đời. Đây cũng chính là cái khát vọng cao nhất, cái đích cao nhất của tình yêu; là cái tạo nên hạnh phúc tuyệt vời của những tình nhân chân chính. Và chàng trai của chúng ta cũng là một người như thế. Nhưng thật trớ

trêu khi anh ta đang ngất ng trên đỉnh cao của hạnh phúc cũng lại là lúc anh nhận ra rằng người yêu của mình đã rời xa. Tình yêu giống như một cái cây đang xanh tươi tốt lá bỗng bị đốn gục một cách phũ phàng:

Khác chi cây sống mà đem chặt

Chặt giữa ngang lưng sự sống còn,

Chặt giữa đang hoa, ngang giữa lá

Khác chi hoa, nỡ phai vùi chôn!

Khi không còn người yêu ở bên, chàng trai cảm thấy cuộc đời này là cả một khoảng không gian rộng lớn, trong đó chứa đựng một trái tim yêu đang bơ vơ, lạc lõng. Đối với chàng, giờ đây cuộc sống trở nên vô nghĩa lý. Chàng bực bực: nếu không có em, không có tình yêu của em thì cuộc sống của tôi chỉ là một cuộc sống về mặt thể xác, còn tâm hồn tôi đã ra đi cùng với em rồi. Em có nghĩ tới điều đó chẳng?

Em có bao giờ trông tượng xem

Một mình anh sẽ sống không em,

Bơ vơ như đã muôn lần chết

Đã chết nhưng còn phai sống thêm

Dẫu là một lời trách đay nhưng nó lại chứa đựng ở đó một tình yêu nồng cháy, một sự khẳng định: không ai có thể thay thế được hình bóng của người yêu trong lòng chàng. ở đây, nhà thơ Xuân Diệu đã sử dụng rất chuẩn cụm từ mà nhà văn Nam Cao thường nói đến "chết khi đang sống". Cái chết này là một cái chết về tinh thần—nó mòn mỏi, gặm nhấm dần cuộc sống của con người.

Thời gian quay ngược trở lại để một lần nữa chàng trai tâm sự:

Lời ước cùng nhau thươ sánh đôi

Anh còn vẹn, ve giữ y lời...

Vẫn biết rằng hình bóng của em đã đi xa nhưng tình yêu của tôi đối với em sẽ là vĩnh cửu, nó sẽ mãi mãi trường tồn với thời gian "Em vắng, yêu em vẫn suốt đời".

Đến đây, người đọc nhận thấy ở chàng trai một tình yêu vô cùng cao đẹp khi anh ta hiến dâng cả cuộc đời mình một cách trọn vẹn và tuyệt đối cho người yêu. Sự hy sinh đó là hoàn toàn tự nguyện. Và có lẽ điều đó không phải là vô nghĩa khi chàng nhận thấy vẫn còn có một sự giao cảm giữa tâm hồn mình với tâm hồn của người yêu: "Duy có lòng em vẫn hẹn hò". Đối với chàng "đóa hoa hồng *chẳng héo khô*" là "*một đóa hoa tinh túy*" nhất mà người tình để lại cũng đủ đem lại cho chàng một niềm hạnh phúc vô bờ. Khổ thơ cuối bài là một niềm lạc quan được cất lên giữa những tiếng thơ buồn da diết và sâu lắng.

Có lẽ vì tình yêu chung thủy của chàng trai ấy và vì tất cả những gì đã nói ở trên mà tôi đã thích bài thơ này. Và tôi tin rằng không chỉ có tôi mà đã, đang và sẽ có nhiều người khác có cùng cảm nhận như tôi.

Tạ Hoàng

“Âm thầm” của Nguyễn Quang Hà

*Nỗi trống trải như vết thương nhò máu
Từ bấy đến nay chưa kín miệng bao giờ
Anh cam thấy thời gian như đứng lại
Và em vẫn là em, của ngày xưa
Những gì tương đào sâu chôn chặt
Có ai ngờ vẫn sống mãi cùng ta
Anh ân hận vì đại khờ nhút nhát
Đã có em rồi lại để em xa
Em ơi, mối tình dang dở
Cho anh biết thế nào là yêu em
Em ơi, đường đời sóng gió
Cho anh biết thế nào là thiếu em
Thời gian, đủ cho anh hiểu
Hạnh phúc không đơn giản chút nào
Những gì âm thầm nén chịu
Thành tiếng thơ dài lang thang tìm nhau*

Cuộc đời này ai hiểu chúng ta đâu

Ai hiểu em từng theo anh suốt những tháng trăng nghiệt ngã

Ai hiểu em nói gì với anh trong ánh nhìn lặng lẽ

Và ai hiểu phút giây này anh nhớ em.

Tôi nghĩ, đối với những người nhạy cảm, những người có cuộc sống cảm tính mạnh hơn lý tính, điều đáng sợ nhất đối với họ là sự cô đơn. Sự cô đơn thường gọi cho chúng ta nỗi nhớ, làm xôn xao ký ức, khuấy động những miền phẳng lặng trong tâm hồn mỗi người. Trong tình yêu cũng vậy, nỗi cô đơn trống trải khiến cho con người day dứt, băn khoăn, dằn vặt, nhất là những người vừa mới đi qua một cuộc tình, một cuộc tình dang dở, nghiệt ngã, để lại trong họ một vết thương lòng sâu kín, khó quên. Nhà thơ Nguyễn Quang Hà rất giỏi khi nói đến điều này qua sự giải bày tâm trạng của mình trong bài thơ "Âm thầm":

Nỗi trống trải như vết thương nhò máu

Từ bấy đến nay chưa kín miệng bao giờ

Anh, cam thấy thời gian như đứng lại

Và em vẫn là em, của ngày xưa

Những gì tương đào sâu chôn chặt

Có ai ngờ vẫn sống mãi cùng ta

Anh ân hận vì dại khờ nhút nhát

Đã có em rồi lại để em xa

Có những câu thơ chỉ là sự trau chuốt ngôn từ, là sự sắp xếp khéo léo con chữ nhưng những câu thơ nh thế này không chỉ đòi hỏi ở nhà thơ một tâm hồn nhạy cảm mà hơn nữa phải là một người giàu vốn sống, một người đã thực sự yêu, xót xa khi để mất đi người yêu. Tất cả chỉ vì một chút ngu ngơ, nhút nhát, một chút dại khờ của bản thân, chỉ vì anh không tự vượt qua nỗi chính mình. Những giây phút lẽ ra phải nói, phải thể hiện nhưng vì sự nhút nhát, dại khờ ấy đã để nó trôi đi, ngơ đâu thành xa cách mãi mãi. Nên bây giờ anh ân hận và

thăm thía biết bao khi nhìn về quá khứ, khi nghĩ đến tương lai, khi nhìn lại những ngày đã qua và những ngày đã đến không có em trong đời:

Em ơi, mỗi tình dang dở

Cho anh biết thế nào là yêu em

Em ơi, đường đời sóng gió

Cho anh biết thế nào là thiếu em.

Đây là những lời tự vấn với lòng, cũng nh Raxun Gamdatop đã từng nói: "Con cá to nhất là *con cá nhảy ra ngoài lưới; con dê rừng béo nhất là con bắn trượt; người đàn bà đẹp nhất là người đã bỏ anh mà đi...*". Cũng vì thế mà mỗi người luôn cần phải trân trọng và giữ gìn những cái gì ta đang có, đang sống, đang được tận hưởng, nếu không hoặc sẽ ứa tàn hoặc sẽ mất đi theo dòng thời gian. Sự thờ ơ, vô tâm sẽ làm cho chúng ta không nhận thức được vẻ đẹp lung linh, ẩn hiện đằng sau sự vật, sự thờ ơ trong tình yêu không dẫn đến gì ngoài kết cục tan vỡ. Tình yêu của con người cũng giống như một nụ hoa, sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau chính là giọt sương đêm tinh khiết, là tia nắng mặt trời của buổi ban mai thổi hồn cho nụ hoa hé nở, trở thành một bông hoa tươi thắm, rực rỡ và đầy sức sống. ở đây không phải vì nhà thơ thiếu đi sự quan tâm mà đáng buồn hơn là nhà thơ đã không tự vượt qua chính mình, để cho mỗi tình trở nên dang dở, để cho "đã có em rồi lại để xa em":

Thời gian đủ cho anh hiểu

Hạnh phúc không đơn giản chút nào

Những gì âm thầm nén chịu

Thành tiếng thơ dài lang thang tìm nhau

Đây có lẽ là đoạn hay nhất trong bài, nó ẩn chứa những trăn trở, suy t, dằn vặt, để đúc kết nên chân lý mà vì vô tình nên không phải ai cũng nhận thức được rằng hạnh phúc không thể tự có, hạnh phúc chẳng giản đơn. Hạnh phúc chỉ có thể có được khi anh biết nâng niu quý trọng những gì mình đang có, đang sống:

Những gì âm thầm nén chịu

Thành tiếng thơ dài lang thang tìm nhau

Một nỗi buồn sâu kín hay là một niềm an ủi nhỏ cho riêng mình. Phải chăng "thành tiếng thơ dài lang thang tìm nhau" chính là đi tìm lại những giấc mơ đã qua, đi tìm lại những ngày tháng tươi đẹp đã mất. Có lẽ là vậy. Con người chỉ tìm đến giấc mơ khi hiện thực chỉ là ảo ảnh. Và:

Cuộc đời này ai hiểu chúng ta đâu***Ai hiểu em từng theo anh suốt những tháng trâm nguyệt ngã******Ai hiểu em nói gì với anh trong ánh nhìn lặng lẽ******Và ai hiểu phút giây này anh nhớ em.***

Không ai hiểu cả, ngay chính bản thân ta cũng không hiểu được ta, em cũng không hiểu anh và đau đớn hơn là anh cũng không hiểu được em, cho nên mới xảy ra những tháng trâm nguyệt ngã, để cho bây giờ nhìn lại tiếc nuối, xót xa ân hận thì cũng muộn mất rồi. Giá nh anh hiểu em hơn, giá như anh không quá đại khờ, nhút nhát, giá như... Vẫn chỉ là giá như, là sự giả tưởng, chỉ có một điều rất thật rằng "Và ai hiểu phút giây này anh nhớ em". Một kết thúc gọi là *nên giá trị* mãi mãi cho bài thơ, cho người đọc, cho những con người đang đồng cảm với nhau trong tình yêu, trong cuộc sống bẽ bộn này.

Nguyễn Thế Nam

Số thực và số ảo trong thơ

Trong thơ ca người Việt thường lấy số đếm để đo đếm, để trình bày một ý tưởng nào đó. Thường thì những con số đó là số thực khi người ta định xếp thứ tự một phẩm hạnh nào đó. Ví nh lời thơ dân gian:

"Một yêu tóc,bo đuôi gà

Hai yêu ăn nói mặn mà có duyên

Ba yêu má lúm đồng tiền"...

Người con trai muốn "thống kê" các u điểm cả về vẻ đẹp hình thức bên ngoài lẫn vẻ đẹp nội dung bên trong của cô gái mà anh ta "chăm điểm" thì các con số 1, 2, 3... ở đây tạm gọi là số thực. Ca dao dân ca có nhiều bài cấu trúc theo lối kể tuần tự một, hai, ba... như thế. Dẫn thêm câu ca dao về trồng cây:

"Tháng giêng là tháng trồng khoai

Tháng hai trồng đậu, tháng ba trồng cà

Tháng tư cấy vữ ruộng ra..."

Những con số nông lịch-thời vụ cổ sơ ấy là số thực, tuần tự đầu năm âm lịch đúc kết kinh nghiệm dân gian.

Nhưng phần lớn những con số trong thơ là số ảo, số có tính tượng trưng cho số ít hoặc số nhiều song được nói theo kiểu ước lệ. Ví như trong thơ Kiều có câu:

"Sâu đong càng lác càng đầy

Ba thu dọn lại một ngày dài ghê".

ở đây "ba thu" –ba mùa thu, chỉ ba năm và một ngày; hai con số 3 và 1 có thể xem nh con số không thực. Không thực bởi lẽ cái nổi sâu chàng Kim không gặp được nàng Kiều "càng lác càng đầy" là một tình cảm trừu tượng, không thể đo đếm cụ thể được. Cụ Nguyễn Du mượn tứ thơ cổ "nhất nhật bất kiến như tam thu hề" –một ngày không gặp dài như ba năm để "Việt hoá" thành hai câu lục bát tuyệt vời kể tả cái nổi sâu ấy nên "một ngày" và "ba thu" chỉ là cách nói tượng trưng cho số ít –một ngày, số nhiều –ba thu. Xin dẫn thêm câu ca dao không mấy ai không biết:

"Yêu nhau tam tứ núi cũng trèo

Ngũ lục sông cũng lội, thất bát đèo cũng qua"

Rõ ràng ở đây tam tứ hay ba bốn, ngũ lục thất bát hay năm sáu bảy tám, cũng thế. Đây đâu phải là con số cụ thể, con số thực chỉ đường trường tình yêu cụ thể nào giữa cô gái và chàng trai. Đây chỉ là cách nói tượng trưng hàm ý đã yêu nhau thì xa xôi cách trở đến mấy người ta cũng có thể vượt qua được. Trong câu ca dao:

"Đêm qua ba bốn lần mơ

Khi mơ thì thấy dậy sờ thì không"

Tả tâm trạng "tương tư nặng" của một chàng trai hoặc cô gái nào đó, hai con số ba, bốn cũng chỉ là cách nói tượng trưng bởi lẽ chắc chắn cô gái hay chàng trai nói ra điều đó không nhằm kể cụ thể mình mơ ba hay bốn lần mà chỉ nhằm chứng minh rằng mình đang tương tư đến độ đêm đêm nằm mơ thấy bạn tình. Liên tưởng đến câu thơ Chinh Phụ Ngâm:

"Khi mơ những tiếc khi tàn

Tình trong giấc mộng muôn vàn cũng không"

Đặc biệt trong ca dao dân ca có một số bài thơ tình yêu được viết theo bút pháp trào lộng, con số trong đó lại càng là số ảo, không ai có thể tin là thực. Ví như bài:

"Em là con gái nhà giàu

Mẹ cha thách cưới ra màu xanh xao

Cưới em trăm tấm lụa đào

Một trăm hòn ngọc, hai ông sao trên trời..."

Còn đám nghèo thì:

"Cưới em có một tiền hai

Có dăm sợi bún có vài hạt xôi

Cưới em còn nữa anh ơi

Có một đĩa đậu hai môi rau cần"

Tất cả các con số ở đây đều là số ảo thể hiện tinh thần lạc quan vui sống của người Việt.

Hoài Việt

Em về làm dâu... của Khánh Nguyên

Khánh Nguyên là nhà thơ hay chăm lo đến những bài thơ về phụ nữ: "Chân trời", "Chợ gần sáng", "Con số không", "Chị...". Gần đây nhất bài "Em về làm dâu..." có thể xem là bài thơ được nhiều người ưa thích.

Em về làm dâu nhà anh

Câu thơ mở đầu đúng cho muôn thừa

Bống:

Giường đơn ghép lại để thành giường đôi

Làm cho chúng ta giật mình. Một thuở cán bộ công nhân viên Nhà nước gặp muôn vàn khó khăn về đời sống được nhà thơ miêu tả chi tiết, sinh động và cảm động:

Đơn sơ gian tập thể thôi

Cái chạn em sắm, cái nôi em mua

Cái gì cũng em cả! Công to việc lớn đều đến tay em – Người vợ trẻ, người con dâu mới về nhà chồng! Đoạn thơ từ "Mẹ còng..." đến "Cho cái ngủ ăn" được diễn tả theo thể thức dân gian nhằm làm toát lên tính tảo tần, hai sương một nắng nhưng lại rất hiền dịu như cô Tấm ở người phụ nữ này.

Đến hai câu thơ này càng phải công nhận là do Khánh Nguyên giỏi:

Đồng lương hẹp tựa vuông khăn

Tay em khéo gói cả năm vuông tròn

Đồng lương vốn đã eo hẹp mà ngoài lương ra chẳng có thêm một khoản thu nhập nào khác ấy thế mà bàn tay người phụ nữ trẻ đã khéo thu vén, chất chiu để đủ chi tiêu cho cả gia đình: "Trầu kính mẹ, sách phần con...". Ta có thể hình dung bữa ăn đạm bạc của gia đình chị có một tý chất tươi cá thịt hay quả trứng, đĩa nhộng thường chỉ được ưu tiên cho hai đối tượng: mẹ chồng và đứa con thơ. Phần rau dưa là của vợ của chồng. Anh chồng đã sớm tỏ ra biết thương vợ, biết đồng cam cộng khổ với vợ. Nhưng anh không biết làm ra hào. Không làm được ra hào nhưng anh giải thích là tại anh "ương". Khổ chị vợ lúc mới về nhà chồng đã phải lo sắm từng chạn bát, nồi niêu. Càng về sau gánh gia đình càng đè nặng: hết chăm sóc mẹ chồng già, con thơ đại lại phải lựa lời với một anh chồng ương ngạnh. Chưa biết cái khổ nào hơn cái khổ nào Hai cái khổ đó như hai đầu gánh vít oằn vai chị.

Bà mẹ chồng, một người phụ nữ từng trải, là người hiểu rõ bản chất vợ chồng anh chị hơn ai hết. Bà không thể tin được con trai mình. Nói đúng hơn là con dâu bà sớm lộ rõ phẩm chất vượt trội so với con trai bà nên khi hấp hối bà đã gọi đủ con cháu đến bên giường uỷ thác việc đại sự cho con dâu. Người con trai cúi đầu lắng nghe như nuốt lấy từng lời của mẹ:

Trời trần mẹ dặn hôm nào

Đưa con đưa cháu đặt vào tay em

Bài thơ kết thúc ở lời trời trần của mẹ. Từ đây gia đình này không còn mẹ nữa. Nhưng có chị mọi việc sẽ vẫn đâu vào đấy. Người thiên cổ đã tin như thế. Chồng con chị càng tin như thế. Có người nói bài thơ "Em về làm dâu..." Khánh Nguyên viết về vợ mình. Nếu đúng thế đây là tư liệu hay về một nhà thơ hay về phụ nữ –Nhà thơ Khánh Nguyên.

Vương Thừa Việt

Bài thơ Qua nhà của Nguyễn Bính

Cái ngày cô chưa có chồng
Đường gần tôi cứ đi vòng cho xa
Lối này lắm bướm nhiều hoa...
(Đi vòng để được qua nhà đấy thôi)
Một hôm thấy cô cười cười
Tôi yêu yêu quá nhưng hơi mất lòng
Biết đâu lại chả nói chồng:
"Làng này khối đũa phải lòng mình đây!"
Một năm đến lắm là ngày
Mùa Thu mùa cốm vào ngay mùa hồng
Từ ngày cô đi lấy chồng
Góm sao một quãng đường đồng mà xa
Bờ rào cây bưởi không hoa
Qua bên nhà thấy bên nhà vắng teo
Lợn không nuôi đặc ao bèo
Gầu không dây chẳng buồn leo vào giàn
Giếng thơi mưa ngập nước tràn

Ba gian đầy cả ba gian nắng chiều

Lời bình của Nguyễn Đức Tâm

Trong phong trào thơ mới giai đoạn 1930-1945 khi nhiều nhà thơ có ý "hiện đại hoá" thơ mình về mọi mặt thì có một nhà thơ lặng lẽ, âm thầm sáng tác và đi theo một con đường riêng. Đó là Nguyễn Bính.

Đương thời, đánh giá về thơ Nguyễn Bính có nhiều ý kiến rất khác nhau. Thậm chí có người còn cho rằng, thơ Nguyễn Bính chỉ để những người mộc mạc "chân quê" đọc và thưởng thức mà thôi. Nhưng thật kỳ lạ là trải qua thời gian hơi thơ mộc mạc, quê mùa, hương đồng gió nội ấy càng ăn sâu, bám rễ trong lòng người đọc, đã thuộc và say mê thơ Nguyễn Bính. Chính hơi thở quê mùa, dung dị ấy là yếu tố khẳng định vị trí Nguyễn Bính trong nền văn học Việt Nam.

Những bài thơ tình yêu chiếm tỷ lệ khá cao trong thơ Nguyễn Bính. Nhiều bài thơ tình của ông rất nổi tiếng: Tương tư, Mùa xuân, Người hàng xóm, Ghen... Mỗi bài đều có nét đặc sắc riêng. Trong số những bài thơ tình của thi sĩ Nguyễn Bính, "Qua nhà" là bài thơ khá độc đáo. Xét về ý tứ, bố cục, "Qua nhà" chia làm hai phần khá rõ: Tư tưởng, tình cảm của nhân vật trữ tình, trộm nhớ trước và sau khi cô gái đi lấy chồng.

Tình yêu là lĩnh vực tình cảm cực kỳ tế nhị, phức tạp, và đặc biệt bậc nhất của con người. Thi sĩ đã phát hiện và bộc lộ sự tinh vi, tế nhị, đặc biệt ấy trong "Qua nhà".

Có thể nói, khi đã thắm yêu, trộm nhớ hoặc ngẫm để ý đến ai thì người đang yêu có đến hơn một nghìn cái để đến với nhau. Có lúc chỉ cần nhìn thấy người thương một chút thôi, thế là thoả mãn lắm rồi. Chẳng thế mà xưa kia để tạo điều kiện đi lại gặp gỡ Kiều, Kim Trọng đã chẳng thuê nhà trọ học ở gần nhà Kiều đó sao.

Cái ngày cô chưa có chồng

Đường gần tôi cứ đi vòng cho xa

Lối này lắm bướm nhiều hoa

(Đi vòng để được qua nhà đấy thôi).

Một người nào đó đã nói: khi yêu, con người ta ai cũng trở thành thi sĩ. Tình yêu làm cảm xúc của con người dâng trào dào dạt. Trong mắt người đang yêu cảnh vật và ai cũng đẹp để thơ mộng biết bao.

Dấu chấm lửng sau câu thứ 3 và câu thứ tư đặt trong ngoặc đơn thật là chân thành, ý vị.

Nhà thơ đã phát hiện hết sức tinh tế tâm lý của người đang yêu. Tình yêu bao giờ cũng có cái lý riêng của nó. Nhiều khi điều vô lý hết sức lại nằm trong cái có lý vô cùng. "Đường gần tôi cứ đi vòng cho xa", vô lý quá! Nhưng lại rất có lý (đi vòng để được qua nhà đấy thôi).

Điều đáng nói là ở chỗ tình yêu của "tôi" với cô gái trong nhà thơ "Qua nhà" lại là tình yêu đơn phương, một phía: Thầm yêu, trộm nhớ da diết nhưng chưa một lần dám tỏ lộ, giải bày với người mình yêu. Con người ta mấy ai nói được lời yêu một cách mạnh bạo, tron tru đâu?

Thời gian cứ vô tình trôi đi. Tuổi xuân của người con gái thì "hoa đến thì hoa phải nở, đò đầy, đò phải sang sông". Rồi đến một ngày kia đến duyên, cô gái cũng phải đi lấy chồng để lại trong lòng "tôi" một nỗi trống vắng mênh mông:

Từ ngày cô đi lấy chồng

Góm sao có một quăng đồng mà xa

Bờ rào cây bưởi không hoa

Qua bên nhà thấy bên nhà vắng teo

Lợn không nuôi đặc ao bèo

Giàu không dây chằng buồn leo vào giàn

Tư tưởng, tình cảm, tâm trạng của "tôi" bây giờ quá đổi khác xưa. "Cái ngày cô chưa có chồng", "tôi" phấn chấn, hăm hở bao nhiêu thì "từ ngày cô đi lấy chồng" lại cũng xót xa, buồn tủi bấy nhiêu.

Vẫn cảnh cũ, nhà xưa nhưng giờ đây trong tâm tưởng của người yêu một phía, đơn phương thật khác xưa: Đường như xa hơn, bưởi chẳng có bông hoa nào, nhà vắng teo, không nuôi lợn, bèo đặc ao... Đến đây giàu không cũng hơn

thần thờ, nảo nuốt "chẳng buồn leo vào giàn". Cách mấy trăm năm, Nguyễn Du đã viết những câu thơ đầy tâm trạng trong truyện Kiều:

Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu

Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.

Khi chờ đợi, buồn tủi, ngóng trông người ta có cảm giác thời gian trôi đi chậm chạp như ốc như sên. Khi vui vẻ, người ta có cảm giác thời gian vùn vụt, như tên bay, đạn lạc. Đó là thời gian tâm lý. Với "Qua nhà", Nguyễn Bính đã thể hiện thời gian tâm lý, cảnh vật tâm lý của nhân vật trữ tình thật tinh tế, sâu sắc:

Giếng khơi mùa ngập nước tràn

Ba gian là cả ba gian nắng chiều

Bài thơ kết lại trong khung cảnh đầy hoang vu, xào xạc trống vắng đến tận đáy lòng. Tình yêu đơn phương, một phía được thể hiện trong thơ Nguyễn Bính khá nhiều: Tương tư, Qua nhà, Người hàng xóm... Mỗi tình đơn phương trong thơ Nguyễn Bính vẫn đầy ấp những hình ảnh thôn quê mộc mạc, chất phác. Đó chính là chất vàng mười của tâm hồn con người. Đó cũng chính là mảnh đất, nguồn nước nuôi dưỡng vun đắp cho cây đại thụ thơ Nguyễn Bính mãi xanh tươi.

”Bềnh bồng cho tới mai sau” – Bài thơ tình rất lạ của Hoàng Phủ Ngọc Tường

Có con thuyền trong sương trắng
Bềnh bồng như một cánh chim
Có em chèo thuyền áo trắng
Xôn xao như trốn như tìm
Có vàng mặt trời rưng sáng
Bồi hồi như một trái tim
Em chèo thuyền về phía hừng đông
Húng chút phấn mặt trời trên má
Bụi mặt trời vương đầy gót chân
In những dấu hoa hài trên sóng
Anh mãi nghe từ đáy màu sương mong
Bài hát tình yêu dậy một phương hồng
Từ thơ nào vũ trụ đã sinh ra
Mà sao mặt trời mỗi ngày vẫn ửng

Mà sao anh đã từ vạ, ky
Bên sông này anh đứng hát mặt trời lên
Vẫn đi hoài trong cõi vô biên
Mặt trăng là mảnh gương riêng soi trái đất
Trái đất trôi nh một cánh bèo dâu
Mặt trời nhiều khi phập phồng hơi thợ
Mê man nhớ những tình cầu
Những hành tinh ngấm rồi thấy lạ
Bềnh bồng mà vẫn theo nhau
Anh với em, ừ thì cũng lạ
Bềnh bồng cho tới mai sau.

Hoàng Phủ Ngọc Tường là một trong số ít nhà văn viết bút ký nổi tiếng ở nước ta vài chục năm nay. Bút ký của Hoàng Phủ Ngọc Tường hấp dẫn người đọc ở tính nhân văn sâu sắc, những chiều kích khác nhau của trí tuệ uyên bác và chất Huế huyền hoặc, quyến rũ. Đó là những trang viết tài hoa, tài tử, tài tình. Thực ra, bút ký Hoàng Phủ Ngọc Tường chính là áng thơ văn xuôi cuốn hút người đọc. Có độc giả ở Hà Nội đã công phu cắt từng câu trong bút ký nổi tiếng "Ai đã đặt tên cho dòng sông" của anh xếp lại thành một bài thơ rất lý thú. Ngoài bút ký, anh có nhiều bài thơ hay được rất nhiều độc giả thuộc nh "Địa chỉ buồn", "Dù năm dù tháng", "Dòng sông đời mẹ", "Đêm qua", "Bềnh bồng cho tới mai sau"... "Bềnh bồng cho tới mai sau" là bài thơ tình hay và rất lạ trong mạch "thơ buồn nh viết ra từ máu" (chữ dùng của Nguyễn Trọng Tạo) của Hoàng Phủ Ngọc Tường trong vài chục năm nay!.

Mùa hạ năm ấy, Hoàng Phủ Ngọc Tường về thăm Lệ Thủy quê vợ. Đêm anh ngủ lại với mảnh đất đã cho mình tình yêu cuộc đời. Rạng sáng, tiếng hát từ những con đò trên dòng sông Kiên Giang làm anh choàng giấc. Anh chạy ra Mũi Viết nơi ngã ba sông, và bàng hoàng trước cảnh tượng thơ mộng đẹp như tranh thủy mặc của Tàu:

Có con thuyền trong sương trắng...

Có em chèo thuyền áo trắng...

Có vàng mặt trời rưng sáng...

Đó là những hình ảnh thực, rất thực diễn ra trong mỗi buổi sáng mùa hạ ở trên sông Kiên Giang mà bất cứ ai cũng có thể kể lại được. Bất gặp những cảnh tượng bình minh nh trong cổ tích đó, Hoàng Phủ Ngọc Tường bị hớp hồn vía. Những hình ảnh đẹp đó đi vào tâm hồn thơ của anh trở nên vô cùng xao động và ấn tượng hơn nhờ những cặp liên tưởng bất ngờ và thú vị:

Có con thuyền trong sương trắng

Bềnh bồng như một cánh chim

Có em chèo thuyền áo trắng

Xôn xao nh trốn tim

Có vàng mặt trời rưng sáng

Bồi hồi như một trái tim.

"Mặt trời" bồi hồi như "một trái tim" là một hình tượng lạ, một sự so sánh bất ngờ mang lại hiệu quả thẩm mỹ cao!.

Nhờ thủ thuật so sánh, liên tưởng điêu luyện những cảnh thực và thơ đã thành ảo, thành mộng, cái tả đã biến thành cái cảm, cái say dẫn người đọc đến một trạng thái tình cảm mới: tình yêu!. Cô gái chèo thuyền trên sông phút chốc biến thành nàng tiên nữ giữa chốn bồng lai tiên cảnh với những nét đẹp vàng son lấp lánh và cực kỳ sang trọng "phấn mặt trời trên má", "bụi mặt trời vương gót chân", "dấu chân thành hoa hài trên sóng"...

Em chèo thuyền về phía hừng đông

Húng chút phấn mặt trời trên má

Bụi mặt trời vương đầy gót chân

In những dấu hoa hài trên sóng

Trước hình tượng Nàng Thơ lộng lẫy sinh ra từ trái tim mặt trời ấy, nhà thơ của chúng ta không thể không thổ lộ rằng mình đã yêu, rằng từ đáy lòng

mình "Bài hát tình yêu dậy một phương hồng"! ấy là logic tình cảm, logic của thơ!

Hết khổ thơ thứ 2, coi như "tiếng sét tình yêu" đã thể hiện quyền lực của mình: Tình yêu đã được bày tỏ một cách nồng nàn. Nhưng Hoàng Phủ Ngọc Tường không dừng lại ở đó. Những hình ảnh thơ được tả rất cận cảnh từ gần đến xa rồi từ xa nói gần. Từ những hình tượng bất gặp ngẫu hứng, bằng cấp độ liên tưởng cao hơn, anh đã phát hiện ra tính âm phương của vũ trụ và đã đẩy bài đến một tứ lớn hơn, đột ngột hơn: Tình yêu của con người rất vĩnh cửu bởi tình yêu mang bản chất của vũ trụ

Từ thươ nào vũ trụ đã sinh ra

Mà sao mặt trời mỗi ngày vẫn tre

Mà sao anh như từ vạn kỷ

Bên dòng sông này đứng hát mặt trời lên..

Quan hệ "có đôi" ấy được biểu cảm trong từng chi tiết:

Vẫn đi hoài trong cõi vô biên

Mặt trăng là manh gương riêng soi trái đất

Trái đất trôi như một cánh bèo dâu

Mặt trời nhiều khi phập phồng hơi thơ

Mê man nhớ những tinh cầu...

Thì ra mặt trời, mặt trăng, trái đất và những tinh cầu trong cõi vô biên vũ trụ từ vạn kỷ nay vẫn hướng vào nhau, vì nhau, ôm ấp nhau, nhớ nhau... như con người, như anh và em, như âm và phương. Vâng, vũ trụ là một tình trường vĩnh cửu. Tình yêu của "anh và em" cũng bền vững như tình yêu giữa các hành tinh. Bài thơ kết lại bằng khổ thơ rất hay, với những câu thơ sống động rất đời mà nặng triết lý nhân sinh, những câu thơ có thể tách ra để biến thành ngôn ngữ tình yêu:

Những hành tinh ngẫm rồi thấy lạ

Bènh bồng mà vẫn theo nhau

Anh với em, ừ thì cũng lạ***Bệnh bông cho tới mai sau***

Nhà thơ Nguyễn Trọng Tạo cho rằng thơ Hoàng Phủ Ngọc Tường "...thâm đẫm triết học về cái chết... thơ anh buồn mỗi nỗi buồn đứt ruột... Đây là thơ của cõi âm"... Đó là một nhận xét đúng và tinh tế. Nhưng trong nguồn thơ như từ đất vọng lên của Tường lại có một bài thơ khác lạ, bài thơ nh từ trời vang xuống, đầy chứa chan, khoái cảm và trí tuệ. Đó chính là bài thơ *Bệnh bông cho tới mai sau*, bài thơ về trái tim tình yêu, trái tim mặt trời vĩnh cửu, một bài thơ tình hay và mới.

(Sưu tầm)

Viết cho con gái của Nguyễn Thị Hồng Ngát

Mẹ biết

Con đã bắt đầu tuổi yêu

Mẹ biết

Con đã bắt đầu tuổi nhớ

Mỗi tình đầu bao giờ chẳng thiêng liêng đẹp đẽ

Các chàng trai sẵn đón quanh con

Tám lới thần sẽ được chăng lên

Chú nhện nhỏ thể nào không mắc lới

Tám lưới của tình yêu nhẹ nhàng như gió thổi

Con mắt thường chẳng nhìn thấy được đâu

Những bó hoa... sự chăm sóc ban đầu

Giờ tan học... chàng trai nào đón đợi

Đường thì xa mà con thì nhỏ dại

Mẹ nhìn con lòng không khỏi lo thăm

Giá như lạ ở chiến trường

Mẹ có thể còn là lá chắn

Nhưng tình yêu giữa cuộc đời trắc ẩn

Sẽ làm con điều đúng si mê

Con sẽ quên những lời mẹ dặn dò

Kinh nghiệm sống của người này không dạy được cho kẻ khác

Chỉ có điều—con gái của mẹ ơi, nếu con gặp được người yêu con nhất

Đừng bao giờ để mắt nghe con

Nếu kể tên một số nhà thơ nữ nổi tiếng của nước ta hiện nay, chắc chắn không thể thiếu Nguyễn thị Hồng Ngát. Nhưng trước hết, chị là một người mẹ. Bởi vậy đọc bài "*Viết cho con gái*" cứ thấy cái tình mẹ nhẹ nhàng mà sâu sắc, bình dị mà đầm ấm, thiết tha.

Bài thơ là lời tâm sự của người mẹ với con gái. Đối với các bậc phụ huynh chắc không còn gì đáng lo ngại hơn khi con cái mình bắt đầu chập chững bước vào đời. Đặc biệt, riêng với con gái, nỗi lo càng lớn. Nh người ta vẫn nói: con gái lớn trong nhà khác nào trái bom nổ chậm. Thế nhưng trong thơ Nguyễn thị Hồng Ngát, nỗi lo lắng ấy biến hình trong tình thương yêu, sự quan tâm sâu sắc của mẹ với con gái

Mẹ biết

Con đã bắt đầu tuổi yêu

Mẹ biết

Con đã bắt đầu tuổi nhớ

Người mẹ—nhà thơ biết con gái mình đã lớn, đã vào cái tuổi dễ có những rung động đầu đời. Nguyễn thị Hồng Ngát đã mở đầu lời tâm sự bằng giọng thơ nhẹ nhàng mà sâu lắng. Còn ai hiểu con gái mình bằng mẹ. Mẹ biết, mẹ hiểu, con không thể nào giấu được những tình cảm ban đầu đó đâu.

Mối tình đầu bao giờ chẳng thiêng liêng đẹp đẽ

Các chàng trai sẵn đón quanh con

Tắm lưới thân sẽ được chăng lên***Chú nhận nợ thế nào không mắc lưới***

Khi con gái mẹ đã bắt đầu tuổi yêu, tuổi nhớ, người mẹ đã nói với con về mối tình đầu tiên. Phải, mối tình đầu bao giờ cũng rất đẹp, rất trong sáng và cũng rất đổi thiêng liêng. Con gái mẹ không thể nào tránh được tấm lưới của tình yêu. Bởi vì:

Tắm lưới của tình yêu nhẹ nhàng như gió thổi***Con mắt thường chẳng nhìn thấy được đâu***

Tình yêu là tình cảm muôn đời của con người, nào có ai tránh được. Hồng Ngát ví tình yêu như gió thổi. Bởi thế nên làn gió ấy mới nhẹ nhàng đi vào lòng người lúc nào không biết và tất nhiên không thể tránh. Con gái mẹ cũng thế. Con làm sao tránh được "những tình cảm ban đầu" ấy. Có thể chỉ là những bó hoa, những sự quan tâm... nhưng đó là những dấu hiệu đưa tin của tình cảm.

Đường thì xa mà con thì nợ đại***Mẹ nhìn con lòng không khỏi lo thâm***

Mẹ bao giờ và lúc nào cũng thế. Dù con gái mẹ đã lớn thật rồi đấy, đến tuổi yêu, tuổi nhớ thật rồi đấy nhưng với mẹ—con lúc nào cũng còn nhỏ đại. Bởi thế mẹ không lo làm sao được khi con bắt đầu đến tuổi nhận được sự quan tâm, sự thương mến của người ta. Tấm lòng của người mẹ ấy thật chân thành và đầm thắm. Người mẹ ấy đã từng là chiến sĩ, từng xông pha, vào sinh ra tử vì quê hương, đất nước. Mẹ đã sẵn sàng hy sinh cho Tổ quốc và cũng sẵn sàng vì con

Giá như là ở chiến trường***Mẹ có thể còn là lá chắn***

Nhưng "chiến trường" tình yêu thì không đơn giản. Cuộc đời này đầy nổi trác ản, nhất là trong tình yêu. Mẹ không thể giúp con được.

Kinh nghiệm sống của người này không dạy được cho kẻ khác

Mẹ yêu con và mẹ sẵn sàng bảo vệ cho con. Nhưng trong tình yêu thì con phải tự bảo vệ bản thân mình. Người mẹ ở đây rất hiểu tâm trạng của con gái

mình lúc này đang băn khoăn, lo lắng. Cuộc đời dài và rộng thế. Tình yêu cũng lớn lao như thế. Con sẽ quên mất lời mẹ dặn. Nhưng:

Chỉ có điều—con gái, của mẹ ơi, nếu con gặp được người yêu con nhất

Đừng bao giờ để mất nghe con

Đừng bao giờ đánh mất hạnh phúc. Câu triết lý hàng ngàn xưa đến nay vẫn luôn luôn ứng nghiệm vào trong thơ Nguyễn thị Hồng Ngát và được nhuộm màu tình cảm đầm thắm của người mẹ, đầm thắm và thật thiết tha. Hạnh phúc trong cuộc đời này đâu dễ tìm thấy được nhưng nó lại rất mong manh, người mẹ hiểu hơn ai hết. Bởi mẹ là phụ nữ—mà nào có ai cảm nhận rõ ràng và sâu sắc về hạnh phúc hơn người phụ nữ trên. Mẹ có thể nhắc nhở, khuyên nhủ và dặn dò con rất nhiều nhưng với tình yêu thì con đừng để mất, đó là điều quan trọng nhất.

Dịu dàng và thiết tha, bài thơ cứ dần đi vào lòng người đọc, cuốn theo những tâm trạng khác nhau. Bồi hồi, xúc động. Bài thơ là cả tấm lòng chân tình của người mẹ với con gái. Bài thơ kết thúc rồi nhưng cái dư vị của tình cảm thiêng liêng—tình mẫu tử vẫn còn lắng đọng và dư âm mãi.

Hà thị Hai

Người Pháp đọc thơ Hồ Xuân Hương

Tập thơ của Hồ Xuân Hương gồm 26 bài lần đầu ra mắt tại Pháp năm 1996. Người ta đã in kèm tập thơ hai bài giới thiệu, trong đó có bài của nhà văn Congo, Henry Lopes viết bằng tiếng Pháp thể hiện cảm xúc mạnh mẽ của ông khi đọc thơ Hồ Xuân Hương.

Gần đây, chúng ta được biết thơ Hồ Xuân Hương đã được xuất bản bằng ba thứ tiếng Nôm, Việt và Anh ở Mỹ.

Nhưng từ năm 1996, Hồ Xuân Hương, lần đầu tiên xuất ngoại đã có mặt ở Paris với một tập thơ 26 bài gồm cả thơ chữ Hán, kèm theo bài Mộng thấy hái sen mà các dịch giả (trong đó có Hoàng Xuân Hãn) khẳng định là của Nguyễn Du tặng người đẹp ở Cổ Nguyệt Đường.

Một tập thơ khiêm tốn với năm trăm bản in trên giấy màu hồng nhưng được hoàn thành với sự trân trọng và tình yêu nữ sĩ. Năm dịch giả gồm Hoàng Xuân Hãn, Lâm Bá Châu, Nguyễn Minh Thanh và hai người bạn Pháp: Jean Ristat và Olivier Stern đã dịch và tự xuất bản. Dịch thân Hoàng Xuân Hãn cùng với Olivier Stern vẽ bìa. Hai bài viết trang trọng kèm theo, một của Henry Lopes, nhà văn Congo viết tiếng Pháp, giải thưởng Lớn văn học châu Phi năm 1972, từng là Thủ tướng Congo và nguyên là Phó Tổng giám đốc UNESCO. Hơn 20 minh họa đen trắng trên giấy cứng của Nguyễn Minh Thanh và Antoine Steinegger.

Nhưng liệu độc giả Pháp có hiểu được bà không? Và liệu những câu thơ học hiêm kiêu "Này của Xuân Hương đã quệt rồi" hay những cụm từ thuần Việt như "già tom", "chành ra", "ê côn", "buồn sùng" vân vân sẽ được chuyển như thế nào sang tiếng Pháp?

Xin trích giới thiệu hầu độc giả thay cho câu trả lời, toàn văn bài của nhà văn Henry Lopes, viết về thơ Hồ Xuân Hương:

"Thực ra, những bài thơ này không cần thiết phải đề tựa hay giải thích. Đúng ra chỉ cần biết tác giả của chúng, biết xứ sở mà tác giả từng sống, từng mơ mộng cuộc đời. Có thể là ở thế kỷ ấy những mối tình của bà đã từng rục rĩ hơn cả những mối tình thời trai trẻ của chúng ta.

Khi bắt đầu đọc thơ bà, tôi đã từng có cái sợ của một kẻ lữ hành lần đầu tiên một mình, không phiên dịch, không người hướng đạo, đi vào đất lạ, nơi mình không biết tiếng, không biết chữ, không am hiểu luật lệ. Nhưng từ những bước đầu tiên, nhạc điệu của những bài thơ đã chiếm lĩnh tôi. Trước mặt chúng ta là một người đàn bà biết nói bằng thơ những điều không người đàn ông nào biết nói. Chúng ta bỗng mong được xứng là người tình của người đang thổ lộ vào tai ta rằng "thân này đâu đã chịu già tom!". Còn xa mới xấu hổ, nàng húng chịu đọt sóng té nhị và nhảy cảm thần thánh đang dâng lên từ những miền da thịt giữa đùi và cổ nàng. Và sức sóng đó đã kéo nàng lại gần chúng ta. Thế nhưng, ân ái mạnh mẽ là một chuyện, biết nói lên điều đó lại là một chuyện khác. Và nhất là, biết cách làm ra vẻ yêu đương lại là điều khác nữa.

Thế kỷ này đã được thám hiểm, được bóc trần, được ném trải mọi chất liệu tình dục đến làm ta phát ngán những trò khiêu dâm. Thế mà, trong những luồng chướng khí đó, bỗng thổi đến ta ngọn gió lành mang tiếng nói người phụ nữ. Hơi thở của nàng không phải là tiếng rên rầm sinh vật trụ lạc mà là những bài ca cháy bỏng yêu đương cất lên bên cửa sổ của nàng. Nàng là nhà thơ hay nhạc sĩ? Tôi cũng không biết chắc nữa. Chính nàng đã đa vẻ đẹp của tiếng lòng thổn thức trong đêm trường hay ở nơi thanh vắng đi vào cõi vĩnh hằng. Phải chăng nàng đã dạy cho những ông quan và các bà mệnh phụ "tiết hạnh khả phong" của điện Panthéon châu á cái nghệ thuật biết nói lên một cách mạnh mẽ mà vẫn giữ được vẻ e lệ đoan chính ngọn lửa hội hè của thân xác con người. Hãy kín đáo nhưng không được xấu hổ về tình yêu của chúng ta. Nếu cần thiết có một thông điệp thì đó là thông điệp của Hồ Xuân Hương...

Chỉ một lần được khám phá, người ta bỗng muốn đọc lại và nhâm nhi những bài thơ nh những câu đố nhỏ của nàng, những tác phẩm đã giải mã được mọi khía cạnh tinh tế của những bức tiểu họa, của những ngón tay vũ nữ thần tiên... cái ví điệu của tinh thần và nhục cảm hòa đồng trong sự mập mờ có chọn lọc bởi những người muốn lẩn tránh luật lệ và sấm sét của những thứ kiểm duyệt khó chơi và lãnh cảm. Đó là những bài thơ nhỏ để nhấm nháp, chậm chậm, từng miếng một như ta nhấm nháp trái cây, từng ngụm nh rượu quý. Đọc thơ bà, cũng như trong cuộc ái ân, mọi cử chỉ đều đòi hỏi thận trọng, tế nhị và có thời gian... Vội vàng, hấp tấp, ngón ngấu sẽ làm ta trượt lên bên trên bề mặt của mọi chuyện.

Tôi không biết Hồ Xuân Hương có đẹp hay không. Cũng không biết nàng bao nhiêu tuổi khi sáng tạo ra những nét chạm xà cừ đẹp đẽ này. Dù câu trả lời là thế nào, tôi vẫn có câu trả lời của tôi. Khi nghe những bài ca này, tôi day dứt nuối tiếc đã không được từng là kẻ đồng lõa của nàng.

Nhưng tôi đã lạc đề...

Sự thực, tôi xin nhắc lại, những bài thơ này không cần lời đề tựa cũng như lời giải thích.

Bạn hãy giở từng trang, từng trang, hãy đến với Hồ Xuân Hương, bạn sẽ không muốn rời những ngón tay mịn như lụa của nàng".

Paris đã hiểu Hồ Xuân Hương cũng như hiểu những bà cụ Thái Bình ăn trầu đã cùng Ea Sola Thủy sang thủ đô ánh sáng để biểu diễn nghệ thuật.

Nguyễn Quang Thân

Tâm sự nàng Thúy Vân

*Nghĩ thương lời chị dặn dò
Mười lăm năm đấm con dò xuân xanh
Chị yêu lệ chảy đã đành
Chớ em nước mắt đâu dành chàng Kim.
Ơ kìa sao chị ngồi im
Máu còn biết chảy về tim để hồng
Lấy người yêu chị làm chồng
Đời em thể thất một vòng oan khiên
Sụt sùi ớt co Đạm Tiên
Chị thương, ke khuấy, đừng quên người còn
Máp mô số phận vuông tròn
Đất không thể nhốt linh hồn đời yêu!
Là em nghĩ vậy thôi Kiều
Sánh đâu đời chị ba chiều bão giông
Con dò đời chị về không*

Chợ theo tiếng khóc đày sông Tiền Đường

Chị nhiều hờn giận yêu thương

Vàng trắng còn lấm mùi hương hẹn hò

Em cha được thế bao giờ

Tiết trinh thương chị đánh lừa con tim

Em thành vợ của chàng Kim

Ngôi ru giọt máu tượng hình chị trao

Giấu đầy đến nỗi khát khao

Kiều ơi, em đợi kiếp nào để yêu?

(Trương Nam Hương)

Tôi chú ý đến cái tên Trương Nam Hương từ khi đọc "Tâm sự nàng Thúy Vân" cách đây vài năm. Hai mươi tư câu lục bát cuốn hút tôi từ đầu đến cuối. Không một chữ thừa. Toàn bài là một sự dồn nén, dồn nén đến tức tởm, để rồi vỡ dần, vỡ dần, hiện ra một bi kịch trọn vẹn. Truyện Kiều là một chuỗi những bi kịch nối tiếp nhau, những "cung gió thảm ma sầu" xoay quanh cuộc đời nàng Kiều. Nhưng bên cạnh đó còn ẩn sâu một bi kịch mà chỉ đến Trương Nam Hương mới được phát hiện, khai thác:

Nghĩ thương lời chị dặn dò

Mười lăm năm đấm con đò xuân xanh

Chị yêu lệ chảy đã dành

Chớ em nước mắt đâu dành chàng Kim!

Đọc Truyện Kiều, người ta thường ít chú ý đến Thúy Vân. Bởi so với cô chị tài sắc mà bạc mệnh, số phận của cô em xem ra may mắn, suôn sẻ mọi bề. Có nhà phê bình thời xa nặng lời khi đánh giá nàng "Thúy Vân như một khối đá trơ... chỉ để làm bà quan là hợp..." Người ta quên rằng nàng cũng là một người con gái có tâm hồn, có tình cảm. Trong cuộc đời không chông gai như chị song nàng cũng mang niềm đau khổ khó ai thấu hiểu. Trương Nam Hương đã nói hộ tâm sự của nàng:

Lấy người yêu chị làm chồng***Đời em thể thật một vòng oan khiên***

Ta còn nhớ, Thuý Vân nhận lấy Kim Trọng bởi lời nhờ cậy "trao duyên" của Kiều. Nàng lấy chồng như một nghĩa cử, cốt cho yên lòng người chị đau khổ. Người chồng ấy –chàng Kim –dù sống với nàng nhưng vẫn canh cánh bên lòng mối tình sâu nặng với Kiều:

Khi ăn ơ, lúc ra vào***Càng âu duyên mới, càng đào tình xa***

Tâm tình ấy, dù là người vô tâm nhất cũng nhận ra Thuý Vân làm sao không chạnh lòng, tủi phận! Có người nói: Cái gì cũng có thể chia sẻ, trừ tình yêu. Tình Kim–Kiều chẳng thể san sẻ cho nàng Vân. Còn Thuý Vân, nàng cũng chưa bao giờ yêu Kim Trọng. Cái buổi gặp gỡ trong tiết Thanh minh, tuy "hai Kiều e lệ nép vào dưới hoa" nhưng "tình trong như đã, mặt ngoài còn e" thì chỉ có Kiều với Kim. Cho nên:

Chị yêu lệ chảy đã đành***Chớ em nước mắt đâu dành chàng Kim!***

Chấp nhận làm vợ Kim Trọng, thay chị trả nghĩa cho chàng, nhưng Thuý Vân không thể dập tắt niềm khao khát được sống được yêu như mọi người con gái bình thường. Bởi vì, đến "máu còn biết chảy về tim để hồng" kia mà! Hai câu thơ tiếp sau như một lời trách cứ:

Sụt sùi ớt co Đạm Tiên***Chị thương,ke khuất đừng quên người còn***

Chị đa cảm, thương người lắm, chị đừng quên đứa em, đã hy sinh cho chị, sống một cuộc hôn nhân không tình yêu! Trách cứ dồn nén lại để vỡ òa hai câu thơ rất tài tình:

Mấp mô số phận vương tròn***Đất không thể nhốt linh hồn đời yêu!***

Tôi yêu nhất hai câu thơ này. Bao nhiêu tài hoa, tình cảm dồn đúc nên mười bốn chữ ấy. Có lẽ Trương Nam Hương là người đầu tiên tạc nên hình ảnh "mập mô số phận". Phải chăng tác giả muốn gọi đến những nắm mồ, mỗi nắm mồ là một số phận không ai giống ai, long đong, khúc khuỷu, nhọc nhằn. Đất đen đã chôn kín kiếp người nhưng không thể chôn vùi những linh hồn cháy bỏng khát khao yêu đương. Thế thì em, làm sao có thể chôn vùi niềm khao khát ấy bên chuyện tình của chị, chị ơi! Từng chữ trong câu thơ như linh hồn muốn phá tung song sắt của định mệnh để sống và yêu hết mình. Đây là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo, đầy biểu cảm của Trương Nam Hương.

Thúy Vân hiểu rõ cuộc đời oan khổ của chị. Nàng thương chị vô ngần:

Là em nghĩ vậy thôi Kiều

Sánh sao đời chị ba chiều bão giông

Con dò đời chị về không

Chờ theo tiếng khóc đáy sông Tiền Đường

Nhưng chị còn hạnh phúc hơn em:

Chị nhiều hòn giận yêu thương

Vàng trắng còn lấm mùi hương hẹn hò

Em cha được thế bao giờ

Tiết trinh thương chị đánh lừa trái tim

Câu thơ như một tiếng nấc xót xa tức nghẹn "Tiết trinh–thương chị–đánh lừa trái tim". Chị đã yêu và được yêu. Còn đó vàng trắng vằng vặc chứng giám tình yêu của chị. Còn em, em cha bao giờ và sẽ chẳng bao giờ được thế. Vì thương chị mà em phải đánh lừa trái tim biết yêu và khao khát tình yêu đích thực của mình để thành vợ người yêu chị. Nỗi đau của em, chị có thấu chăng? Bi kịch của Thúy Vân đã lên đến đỉnh điểm. Nỗi đau dồn vào từng chữ nặng như chì, nhức nhối, xoáy sâu vào tim óc. "Tiết trinh thương chị–đánh lừa trái tim". Oan khốc đổ xuống đầu gia đình Kiều không chỉ làm cho một người con gái phải lìa bỏ người thân yêu, dấn mình vào kiếp giang hồ nhục nhã, xé nát trái tim "trong giá trắng ngần" mà còn khiến một người con gái khác phải "đánh lừa

trái tim" mình, chìm sâu nỗi khao khát sống và yêu để trọn tình với chị. Có cái gì như một lời phản kháng, gào thét trong lặng lẽ, cảm uất, ghen ngào bật lên trong câu thơ.

Bài thơ kết lại bằng một câu hỏi day dứt, quặn lòng:

Kiều ơi, em đợi kiếp nào để yêu?

Câu hỏi vọng vào không gian và thời gian. Biết đến kiếp nào em mới được yêu, chị Kiều ơi! Kiếp này em đã là vợ chàng Kim, làm tròn việc thừa gia, trả nghĩa. Nhưng đến bao giờ, bao giờ em mới được một lần dưới "vàng trắng lấm mùi hương hẹn hò" như chị đã từng được thế?

Bài thơ khép lại, mà d âm về nỗi đau, nỗi khát khao của nàng Vân vẫn đọng mãi trong lòng người đọc. Đọc "Tâm sự nàng Thúy Vân" ta hiểu thêm một bi kịch mà xã hội Truyện Kiều đã gây ra. Không rõ rệt trào sôi như những thảm cảnh trong đời nàng Kiều, nhưng sâu sắc lắng đọng, day dứt và ám ảnh, Trương Nam Hương đã mở ra tấn bi kịch ấy một cách tài hoa. Cái tài ấy xét cho cùng, chính là cái tình của anh với Truyện Kiều, với nàng Vân tưởng như chìm khuất bên Kiều, nhưng tâm anh đã soi một ánh sáng mới vào hình ảnh ấy. Như Nguyễn Du đã viết:

"Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài"

Trần Thị Bích

Đêm Hà Nội, nhớ

*Xa một tuần có lâu quá không anh
Sao em thấy ngày cứ dài đến thế
Đêm Hà Nội thom nghẹn lòng hoa sữa
Ngôi sao em ngân ngán khóc chân trời
Ngày xa anh em bỗng hoá đơn côi
Giờ cũng chẳng vô tình sang, cửa nữa
Một chiếc lá rơi cũng làm em nhớ
áp mặt lên trăng mới biết trăng gầy
Hà Nội bỗng bênh trôi theo heo may
ánh trăng nhấc về một thời mê đắm
Thơ em xuống dòng
Buồn nghiêng đầu lặng
Nỗi nhớ về anh lấp mãi không đầy...
(Bùi Sim Sim)*

Có lẽ trên đời này, những người đặt bút làm thơ đặc biệt là thơ tình khó giấu nổi con người thật của mình. Bao nhiêu nỗi niềm bức xúc của tình yêu xâm chiếm, bủa vây, ám ảnh... hay nói nh một nhà thơ nào đó từng tâm sự, trạng thái tinh thần đó là nỗi khổ đau ngọt ngào của tình yêu đôi lứa. Và thế là có thơ. Thơ hay hay dở –chưa bàn tới. Chỉ biết cảm xúc dâng đầy–yếu tố chân cảm ấy, là điều kiện tiên quyết, là yếu tố khởi thủy, dẫn thơ đi...

Tôi đã đọc và đón nhận được nỗi niềm thơ ấy qua "Đêm Hà Nội, nhớ" của tác giả Bùi Sim Sim:

Xa một tuần có lâu quá không anh

Sao em thấy ngày cứ dài đến thế

Đêm Hà Nội thom nghẹn mùi hoa sữa

Ngôi sao em ngân ngân khóc chân trời

Khổ thơ mở đầu này trải ra một cảnh ngộ xa cách của bạn tình–điều mà tác giả hé lộ từ tên bài thơ (Đêm Hà Nội) và lời đề gửi (Gửi Sài Gòn) "Xa một tuần" cảnh ngộ (xa) và thời gian (một tuần) quả là những điều mà quá đủ thấm thía để dâng đầy thương nhớ với trái tim trẻ đang nồng nàn yêu. Thời gian và cảnh ngộ ấy, quá đủ để thành nỗi dằng dặc tương tư rồi. Thế mà Sim Sim lại có cách diễn tả thật nhẹ nhàng, dễ thương, rất con gái–nghĩa là tác giả đã kín đáo, mềm mại chuyển từ sự khẳng định sang niềm băn khoăn–*Xa một tuần có lâu quá không anh. Ngay từ câu mở đầu này, người em trong thương nhớ đã "kéo" người anh trong xa cách, diệp vợi vào thế giới tâm tình riêng của hai người–bằng lời thơ mang điệu nói của những trang lứa tâm giao. Từ nỗi lòng bức xúc mà mềm mại trong câu nói ấy, câu thơ thứ hai mới buông lời lờ lỏm lộ chân thành–Sao em thấy ngày cứ dài đến thế.*

Đây là một cách tự cảm nhận. Nói với người xa–cũng là quay vào tự nói với lòng mình, tự nhủ với chính nỗi thấm thía chia xa. Bởi vì xa một tuần không chỉ là thời gian xác định–bảy ngày, từ thứ hai cho đến chủ nhật mà bởi sự lê thê ngày lại ngày, ngày nối ngày. Nặng nề làm sao cái ấn tượng của thời gian–tâm lý. Thời gian của lòng người thì làm thế nào đếm cho được bằng con số của tự nhiên.

Với hai câu thơ khởi mở này, Bùi Sim Sim đã nói trúng điều trong quy luật của tình yêu–nỗi nhớ!

Đến đây người viết những lời bình này cũng xin phép tác giả được là người tâm giao, tri kỷ mà nói hộ tiếng nói tâm tư của một nàng Hà Nội gửi tới một chàng Sài Gòn trong niềm thương nhớ. Vâng, quả là nỗi nhớ rất Hà Nội, rất con gái nữa khi tác giả phát hiện chiều thăm sâu của không gian đêm Hà Nội

... Thom nghẹn lòng hoa sữa

Ngôi sao em ngân ngân khóc chân trời.

Dường như cụm từ năm âm tiết Hà Nội–Đêm–Hoa sữa đã nói thật thoả đáng cái duyên tình sâu lắng mà tình tứ về Hà Nội. Tác giả của "Đêm Hà Nội, nhớ" đã mượn hương hoa–cũng là lòng hoa, mượn nét rung rung, lóng lánh của đêm sao mà nói hộ lòng người. Khi nhớ, khi thương nhau trong xa cách; người ta tự cảm nhận lòng mình thấm đẫm trong cảnh–điều ấy đã trở thành nỗi xúc động–thường–tình của văn chương, của thơ ca. ấy vậy mà những hình ảnh Thom nghẹn lòng hoa sữa. Ngân ngân khóc chân trời của Sim Sim vẫn xôn xao và xúc động đến thế. Nhất là những tiếng nghẹn lòng, ngân ngân, thật hay mà cũng thật thương!

Đến khổ thơ tiếp sau (khổ hai) sự thổ lộ tâm tư được diễn tả qua những trạng thái ngân ngơ của nỗi nhớ thương

Ngày xa anh em bỗng hoá đơn cô

Giờ cũng chẳng vô tình sang cửa nữa

Một chiếc lá rơi cũng làm em nhớ

áp mặt lên trăng mới biết trăng gầy

Bao nhiêu là ngân ngơ, bộn bề của nỗi lòng kẻ tương tư–căn bệnh muôn thuở của tình ái, bệnh tình ấy con người trút vào thơ, mãi mãi mà chẳng thể cũ. Vãn thánh thiện trẻ trung như tình yêu vậy. Tác giả của "Đêm Hà Nội, nhớ" cũng diễn tả thật trẻ trung những sắc điệu tâm tính vốn đã thành quy luật. Đó là trạng thái hẫng hụt đến chơi voi (em bỗng hoá đơn cô). Khi mà ngọn gió chẳng vô tình ngang qua cửa nữa; ấy là chút lay động thoảng qua, mơ màng của một chiếc lá rơi..

Tất thủy thành nỗi nhớ—nỗi nhớ tự cảm thấy của lòng người, nỗi nhớ đan díu sang gió thổi, lá rơi.

Những câu thơ trên Bùi Sim Sim chân thành trong tự bạch song công bằng mà nói cha cảm hoá ta bởi ấn tượng thật riêng. Nhưng đến hình ảnh: áp mặt vào trăng mới biết *trăng gầy, mới rõ ra một dáng vẻ tâm tình riêng của người viết. Hình ảnh thơ* của Bùi Sim Sim ấm áp tâm trạng và chuyển hoá tự nhiên từ một cử chỉ thật (áp mặt—xin nói thêm là áp mặt chứ không phải là úp mặt nh một số bản đã in nhầm) để rồi chuyển sang một trạng thái nhận biết—áp mặt vào trăng *mới biết trăng gầy. Với hình ảnh rất gợi này, tác giả đã diễn tả được sự đồng điệu của yếu tố thực và ảo, thực và mơ của nỗi nhớ thương trong sự cách vời của không gian xa cách diệu vợi... Quả là nhìn trăng, trăng thêm gầy thêm hao khuyết, bởi lòng người nhớ nhau. Đến đây ta chợt như bắt gặp sự đồng điệu tâm tình trong bài thơ Hai nửa vàng trăng của Hoàng Hữu:*

Trăng cuối tháng như đời anh hao khuyết

Em đã khóc

Trăng từng giọt tan vào anh mặn chát

Em đã khóc

Nhưng làm sao tới được

Bến bờ anh tim dội sóng không cùng

Tác giả của "Đêm Hà Nội, nhớ" đã từ sự chạnh lòng trong nhận biết trăng gầy để rồi thao thức, rạo rức nhớ lại một thời nồng nàn, mê đắm:

Hà Nội bông bênh trôi trong heo may

ánh trăng nhắc về một thời mê đắm

Ta như nghe thấy có tiếng thở dài trong câu thơ. Tình yêu ngỡ như chập chờn, lay động đẹp mà lại cũng thật xa—nh Hà Nội đêm nay bông bênh trôi trong heo may. Cả đến ánh trăng thơ mộng đêm nay dường như đánh thức nỗi mê đắm ngọt ngào, đã thành quá khứ. Đã thành dấu ấn của nỗi nhớ thương. Thời khắc say nồng qua rồi. Chỉ còn thực tại, phải trở về, phải đối diện

Thơ em xuống dòng

Buồn nghiêng đầu lặng***Nỗi nhớ về anh lấp mãi không đầy...***

Cũng có những nốt lặng trong nhạc. Có những dấu chấm lửng trong văn—và có cả những nỗi thâm trong có dấu hiệu hình thức mà toả lan, dư âm mãi trong lòng người. Bài thơ tình của Bùi Sim Sim lặng lẽ mà vui đầy nỗi nhớ thương—ngay cả khi câu chữ đã khép lại.

Trần Trung

Thơ xuân Nguyễn Bính

Nguyễn Bính (1918–1966) là một trong những người viết rất nhiều thơ xuân. Nhà nghiên cứu Nguyễn Hiến Lê từng đánh giá, "chưa có bài thơ nào tả cảnh xuân thôn quê và tình xuân thôn nữ Bắc Việt đúng và hay như bài Xuân về" của Nguyễn Bính. Nguyễn Bính trải qua nhiều cái Tết xa nhà, vì vậy thơ xuân của ông thường mang niềm hoài cảm và tâm trạng cô đơn.

Chắc là tôi không lầm, khi nói: So với các nhà thơ xa nay của chúng ta, Nguyễn Bính (1918–1966) là người làm thơ về mùa xuân nhiều nhất.

Có thể giải thích bằng mấy lý do: nhà thơ yêu mùa xuân hơn các mùa khác trong năm; hơn nữa, miền quê Nam Định – nơi ông sinh trưởng – giàu cảnh sắc và thơ mộng, thi vị – nhất là trong những ngày xuân – đã hấp dẫn ông; lại nữa, trong nhiều năm trước Cách mạng Tháng Tám, Nguyễn Bính phải tha hương, trôi nổi từ bắc đến nam, phải sống nhiều cái Tết xa nhà – mà, hơn bao giờ hết, Tết lại là thời gian dành cho gặp gỡ, sum họp...

Đây là cảnh Xuân về (1937) ở một miền quê qua cái nhìn của Nguyễn Bính:

Tùng đàn con trẻ chạy xun xoe

Mua lạnh, trời quang, nắng mới hoe

Lá nỡn nhành non, ai trắng bạc?

Gió về từng tạt, gió bay đi...

*Thong thả dân gian nghỉ việc đồng,
 Lúa thì con gái mượt như nhung,
 Đây vườn hoa bưởi, hoa cam rụng,
 Ngào ngạt hương bay, bóm vẽ vòng.
 Trên đường cát mịn, một đôi cô
 Yếm đỏ, khăn thâm, trẩy hội chùa
 Gậy trúc dắt bà già tóc bạc
 Tay lần tràng hạt, miệng nam mô.*

Cảnh xuân đẹp làm nhà thơ hồn nhiên tạo một câu thơ có cấu trúc lạ như là thơ viết cho trẻ con: Gậy trúc dắt bà già tóc bạc (chứ không phải cách nói thông thường: bà già tóc bạc chống gậy trúc). Nó gần như sự hồn nhiên trong cấu trúc một câu thơ Xuân Diệu thời bấy giờ, nói về tình yêu: Bữa nay lạnh, mặt trời đi ngủ sớm vậy. Cho dù còn có đôi câu xa với tình quê (không trích ở đây) và vài từ dùng chưa đắt, Xuân về vẫn là một bài thơ đẹp. Nhà nghiên cứu Nguyễn Hiến Lê (1912–1984) viết trong hồi ký của ông: "Tôi chưa thấy bài thơ nào tả cảnh xuân thôn quê và tình xuân thôn nữ Bắc Việt đúng và hay như bài Xuân về".

ở Mùa xuân xanh (1937) lại cũng vẫn cảnh quê êm ả, thanh bình, nhưng gắn với tình yêu trai gái và được choán ngợp bởi một màu xanh: xanh của bầu trời, cây lá, đồng lúa, bãi cỏ, lũy tre, chiếc thắt lưng của cô thôn nữ cũng màu xanh:

*Mùa xuân là cả một mùa xanh,
 Giời ở trên cao, lá ở cành;
 Lúa ở đồng tôi và lúa ở
 Đồng nàng và lúa ở đồng anh.
 Cỏ nằm trên mộ đợi thanh minh,
 Tôi đợi người yêu đến tự tình,*

Khởi lữ tre làng tôi nhận thấy

Bắt đầu là chiếc thắt lưng xanh.

Dấu sao, đó mới là dáng vẻ bên ngoài của tự nhiên, của con người vốn chưa phải là nét chủ đạo trong thơ Nguyễn Bính. Tâm tư, tình cảm của những người dân quê và của chính nhà thơ mới là dấu ấn đậm của thơ ông. Cô thôn nữ trong Mùa xuân (1936) xin phép mẹ sang thôn Đoài xem chèo, thật ra là để đi gặp người yêu, mà không gặp được! Lúc đi thì vui phơi phới với cả đất trời: Ma bụi nên em không ướt áo và Thôn Đoài cách có một thôi đề! Lúc về thì vì "người buồn" cho nên "cảnh" cũng buồn áo mỏng che đầu ma nặng hạt và Có ngần gì đâu một dải đề! Cô lái đò (1940) trong tâm trạng Xuân đã đem mong nhớ trở về, mà "người khách tình" thì Đã mấy lần xuân trôi chảy mãi/Đi biệt không về với bến sông, cô đành "đi lấy chồng", và "từ đạo ấy" Để buồn cho những khách sang sông! Chén Rượu xuân (1940?) người con trai mười người con gái uống là một cách từ biệt, để cô đi "dệt mộng cùng người", để "Lẻ loi riêng một góc trời riêng anh"... (Câu thơ này, theo tôi, hay hơn hẳn câu ở bản cũ: "Lẻ loi xuân một góc trời riêng anh").

Tuy nhiên, những mùa xuân xa quê mới đem lại cho Nguyễn Bính một nỗi buồn ghê gớm. Ông có bài Xuân tha hương – 1941 viết ở Huế, đề "Gửi chị Trúc", nói cảnh một mình đón xuân:

Thiên hạ đua nhau mà sắm Tết,

Riêng mình em vẫn cứ tay không.

và nhất là đón xuân trong tâm trạng

Chao ôi, Tết đến, em không được

Trông thấy quê hương, thật nào nùng!

cũng vì vậy mà

Chị ơi, Tết đến, em mua rượu,

Em uống cho say đến nào nùng.

Uống say cười vỡ ba gian gác...

Cái tên bài thơ này – Xuân tha hương – đã được người ta lấy làm tên chung cho một tập thơ Nguyễn Bính viết về mùa xuân!

Một mùa "xuân tha hương" khác, nhà thơ ngồi trong Quán trọ (1942) mà than thở:

Dang dở một thân nơi đất khách

Tết này ta lại ngắm hoa sông!

Nguyễn Bính còn trải qua một cái Tết biên thùy –1941 buồn bã, với thể Ngòi xếp bằng tròn trong ải lạnh ở một khung cảnh không còn gì nào nề hơn:

ải xa không pháo giao thừa nổ,

Ma rét tươi bời, ma rét thêm!

Tiêu biểu cho những mùa "xuân tha hương" của Nguyễn Bính chính là lời than này:

Chẳng đợi mà xuân vẫn cứ sang!

Đôi khi gặp lúc tâm hồn th thái lảm, Nguyễn Bính mới có được một giọng điệu thanh thản, nh trong bài Tết của mẹ tôi (1942?) Nhà thơ kể lại khá tỉ mỉ công việc của người mẹ từ mấy ngày cuối năm đến hết ba ngày Tết, với giọng thương cảm, và vẫn không thoát được nỗi buồn, có điều đây là một nỗi buồn có tính chất khác:

Xong ba ngày Tết, mẹ tôi lại

Đầu tắt mặt tối nuôi chồng con...

Chắc là bài thơ được viết vào một buổi nào của năm mới, nhà thơ bất giác nhớ đến mẹ mà hình dung ra, chứ như ta biết, Nguyễn Bính mồ côi mẹ từ lúc mới sinh được có mấy tháng!

Có lẽ, trước Cách mạng Tháng Tám, chỉ có một lần Nguyễn Bính thực sự vui khi Tết đến. Giọng thơ hồn nhiên và nghịch ngợm, trong bài Bướm đi chợ (1940), chưa bao giờ thấy trong thơ Nguyễn Bính viết về mùa xuân:

Có hai chị bướm đi chơi chợ,

Chị áo hồ lơ, chị áo điều.

Chị áo hồ lơ thăm hỏi bạn:

"-Mùa xuân, mày biết giá bao nhiêu?"

Chị áo điều nghe, cười ngặt nghẽo:

"-Mùa xuân đắt lắm, cô mình ơi!

Trăm quan hồ dẽ mà mua được!

Cố áo mà mua, tớ chịu thôi!"

Sau Cách mạng, Nguyễn Bính vẫn làm nhiều thơ xuân, như Trở về quê cũ và bài thơ dài hơn hai nghìn câu Tiếng trống đêm xuân (1957), hay Bạch đào và Xuân mới gửi bạn cũ (1959)... ở đó, tình quê, cảnh quê ngày xưa, ngày nay quện với nhau trong những kỷ niệm. Nguyễn Bính còn có những bài thơ gửi vào miền nam, nơi đó có vợ con ông, mà lại một lần ông phải cách xa, trong nỗi đau đất nước bị chia cắt: Thư Tết (1955), Xuân nhớ miền nam (1956)... Còn bài Ma xuân (1958) thì thơ mộng như những gì thơ mộng Nguyễn Bính đã từng viết về đồng quê xứ bắc trước Cách mạng:

Bãi lạnh bờ dâu sẫm lá tơ

Làng bên ẩm ớt giọng chuông mờ

Chiều xuân lưu luyến không đành hết

Lơ lửng mù sương phảng phất ma...

Đọc thơ xuân Nguyễn Bính –những bài thơ viết trong suốt một phần thế kỷ với tình cảm vui buồn của nhân tình thế thái, dù còn gặp những chỗ chưa được như ý về câu, về chữ, về tình, ta vẫn được sống lại khá đầy đủ với cảnh sắc và con người thôn quê mà đời sống thị thành thời hiện đại nhiều khi làm ta quên mất...

Hồng Diệu

Xa vắng quá

Xa vắng quá bôn chôn đi, hỏi cát

Đường đông người dẫu nhủ dấu chân em

Xa vắng quá một mình đi, hỏi bến

Người sang dò có dặn sóng gì thêm

Xa vắng quá tần ngần đi, hỏi chợ

Người mua gương dạo ấy có hay về

– Người mua gương chỉ một lần trở lại

Soi tung bùng rồi lặng lẽ quay đi

(Hữu Thịnh)

Xa vắng quá... mà đi hỏi cát, thì nhọc bằng không hỏi. Rồi lại đi hỏi bến. Bến rì rầm tiếng nói, tiếng cười nhưng bến không trả lời. Lại đi hỏi chợ, thôi thì hỏi đủ, từ chỗ không người đến chỗ đầy người. Bôn chôn mà hỏi. Một mình mà hỏi. Tần ngần mà hỏi. Rõ ràng những lần hỏi không giống nhau. Hỏi cái gì? Rằng thưa cát, thưa bến, thưa chợ, có biết người tôi gặp hôm trước nay ở đâu không? Tôi đã yêu cô ấy rồi, nên bây giờ xa vắng quá! Một người đi trên cát, chỉ đau đầu nhìn cát để phát hiện một dấu chân quen. Một người đi qua bến, hỏi bến rằng người yêu tôi có dặn dò điều gì không? Nhưng sóng hôm nay không còn là con sóng của hôm qua. Hôm qua đã thuộc về quá khứ, chỉ riêng

tâm hồn con người. Cuối cùng chỉ có chợ –đúng rồi –chỉ có chợ, chợ nhìn ra mặt người quen, nhìn ra cô gái đến mua gương ngày ấy, chợ trả lời:

Người mua gương chỉ một lần trở lại

Soi tung búng rồi lạng lẽ quay đi

Bài thơ sống trong tôi, dai dẳng như một nỗi ám ảnh. Soi tung búng, thế nào là tung búng? Tung búng phải được làm ra bởi nhiều người. Những cô gái mười lăm, mười bảy nói cười cởi mở, cùng chụm lại trước một chiếc gương soi, thế mới tng búng. Soi tung búng rồi lạng lẽ quay đi. Thế thì quay đi mà vui hay quay đi mà buồn? Không biết nữa. Cô gái ấy đã đi đâu? Cho nên mới hỏi cát, mới hỏi bến, mới hỏi chợ... để cuối cùng nỗi xa vắng còn nguyên.

Hỏi mà như không hỏi. Trả lời như không trả lời...

Ném cái ỡm ờ ấy vào giữa những người yêu nhau, cho xốn xang, cho quay quắt, cho thẫn thờ, cho thơ dại... Ta gọi như thế là một bài thơ tình đẹp. Đẹp như nỗi buồn.

Đông Trình

Bài thơ tặng vợ của Hồ Dzếnh

Mình vừa là chị là em

Tám lòng người mẹ, trái tim bạn đời

Mai này tới phút chia đôi

Hai ta ai sẽ là người tiễn nhau?

Xót mình đã lắm thương đau

Tôi xin làm ke đi sau đỡ mình

Cuộc đời đâu phai phù sinh

Nước non chan chứa nghĩa tình, mình ơi!

(Tuyển tập thơ Việt Nam 1975–2000)

Nhà thơ Hồ Dzếnh tên thật là Hồ Triệu Anh, sinh năm 1916 tại xã Quảng Trường, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, là con trai ông Hà Kiến Huân gốc Hoa từ Quảng Đông di cư sang Việt Nam. Hồ Dzếnh mất năm 1991. Ông làm thơ, viết tiểu thuyết, viết kịch. Ông in không nhiều nhưng với tập truyện ngắn "Chân trời cũ" và tập thơ "Quê ngoại", Hồ Dzếnh được biết đến như một nhà thơ có chân tài.

"Bài thơ tặng vợ" không ghi năm tháng sáng tác nhưng căn cứ vào nội dung bài thơ, ta có thể đoán ông viết vào những năm tháng cuối đời ở vào tuổi 69 hay 70 gì đó, cái tuổi thấy thời gian phía trước không còn là bao nhiêu, ngoái lại phía sau thấy mình còn nợ nần bao nhiêu ân nghĩa. Đây là cái tuổi, con người đã phải nghĩ đến chuyện đi, ở. Trong các gia đình Việt Nam, người vợ yêu chồng bao giờ cũng mong Trời cho chồng mình "đi" trước để mình có thể lo mọi việc cho chồng chu tất mọi bề, còn đến lượt mình đi thì được thế nào hay thế ấy. ở bài thơ này, sự thế lại ngược lại. Nhà thơ già mong ước:

Xót mình đã lắm thương đau

Tôi xin làm, ke đi sau đỡ mình

Bài thơ có 8 dòng thơ với 4 cặp lục bát mà tâm tư, tình cảm đầm thắm sâu sắc biết đến dường nào! Chỉ cặp lục bát đầu tiên đã đầy ắp thương mến :

Mình vừa là chị là em

Tấm lòng người mẹ trái tim bạn đời

Tự cổ chí kim, từ Đông sang Tây, có lẽ không có câu thơ nào ca ngợi người vợ đến như thế: Câu thơ vừa nói tình yêu vừa nói đến ân nghĩa. Chăm sóc chồng chu đáo, nh chăm sóc em: đây là người chị. Dịu dàng, đầm thắm, chiều chồng, hờn dỗi, nũng nịu: đây là người em. Người vợ ấy lại có tấm lòng người mẹ, đồng cam cộng khổ, chia buồn sẻ ngọt với người bạn đời của mình. Một cặp lục bát viết thật tự nhiên mà tâm tư, ân nghĩa nặng đến thế, sâu sắc đến thế. Phải chăng, hai nền văn hoá Việt–Hoa ở trong ông đã đúc nên câu thơ này?

Mai này tới phút chia đôi

Hai ta ai sẽ là người tiễn nhau?

Câu thơ không hề lâm ly khi nói đến cái đoạn "âm phương đôi ngã" ấy, nó cũng không lý trí, gọng gạo mà vẫn mặn mà yêu thương. Hai tiếng "chia đôi" tác giả dùng thật chuẩn? Non tay chọn một chút, sẽ dùng hai tiếng "chia đôi" thì "lên giọng cái lương" ngay, mòn sáo ngay!

Câu thơ tiếp theo "Hai ta ai sẽ là người tiễn nhau" nghe thật băng khuâng, xúc động mà vẫn bình tĩnh, chủ động. Người chồng ấy biết thương vợ vô cùng:

Xót mình đã lắm thương đau

Tôi xin làm kẻ đi sau đỡ mình

Câu thơ đầy tâm trạng, đầy suy tư và khuất chìm cả niềm ân hận nữa? (Trong nỗi "thương đau" của người vợ, biết đâu lại không có những nỗi tại chồng, vì chồng?)

Chữ " đỡ" thật chính xác, thật hay, thật có tình. ý tưởng chính của bài thơ, hờn vía bài thơ đủ tập trung thể hiện ở ba cặp lục bát đó. Thương vợ là vất vả "thương đau" nhiều, nhà thơ già xin "làm kẻ đi sau" để vợ mình không phải vất vả lo toan cho cuộc ra đi cuối cùng của mình nữa, người chồng muốn được lo cho vợ thật chu đáo như một niềm đền đáp.

Cặp lục bát cuối cùng không có phát hiện gì mới nhưng nó làm cho bài thơ đầm lại, làm cái để đỡ cho bài thơ chắc hơn, vững hơn.

Cuộc đời đâu phai phù sinh

Nước non chan chứa nghĩa tình mình ơi!

Xưa nay, khi bàn về kiếp người, trong xã hội không phải không có một số nhân sinh quan yếm thế, coi đời người là vô nghĩa, là kiếp phù sinh... Nhà thơ Hồ Dzếnh không nghĩ thế. Ông trân trọng cuộc đời, trân trọng hạnh phúc gia đình, trân trọng tình nghĩa, ân tình...

Bài thơ có 8 dòng với 4 cặp lục bát, người yêu thơ chỉ đọc hai lần là thuộc, quả là không có ý tưởng gì cao siêu mới lạ mà đọc lên sao nó lay động tâm tư ta đến thế, nó "gạn đục khơi trong" tâm hồn con người, tình cảm con người đến thế? Dĩ nhiên, bạn đọc trẻ chưa đủ từng trải, tâm trạng, nỗi đời để "nhập" bài thơ này như những người có tuổi, những bác cao tuổi.

Nguyễn Bùi Vợi

Tiếng cuốc

Không dễ nhìn thấy con cuốc, nhưng dường như ai cũng từng nghe tiếng gọi hè khác khoải của loại chim này. Xưa nay, tiếng cuốc không chỉ ám ảnh nhiều văn nhân thi sĩ, mà còn trở thành tiếng lòng nhớ nước của những người xa quê.

Tuy không dễ gặp con cuốc nhưng ta thường nghe tiếng cuốc kêu khác khoải nh từ cõi xa xăm nào đó vọng về. Loài chim này có ở nhiều vùng nông thôn Việt Nam. Nó thường lặn lội ở ven sông, rạch, bờ ao, bờ ruộng, bìa rừng. Bước đi của chim cuốc dài và nhanh, tất bật và hối hả. Khi có bóng người hoặc tiếng động, cuốc sải bước thật nhanh, lủi vào bụi rậm mất tăm. Cuốc lủi là để tự vệ, khác với cử chỉ lăm la lăm lét chui lủi của kẻ buôn gian bán lận trốn tránh pháp luật, mà dân gian ta quen gọi "lủi như cuốc".

Ngoài cái tên "cuốc" nôm na, trong văn cổ loài chim này còn có các tên "đỗ quyên", "đỗ vũ"...

Xưa chim cuốc gắn với câu chuyện huyền thoại về Thục Đế mất nước khi chết hóa thành chim cuốc kêu hoài nỗi đau mất nước. Hình ảnh con chim cuốc và tiếng kêu "cuốc cuốc" là hồn nước lúc ẩn, lúc hiện thăng tỏa với thời gian, không gian đời đời:

Khúc đầu êm ái xuân tình

áy hồn Thục Đế hay mình đỗ quyên

(Nguyễn Du)

(Nhân đây nói thêm: ở làng quê ta, cùng với tiếng "cuốc cuốc" còn nghe tiếng "da da" của loài chim khác mà tiếng Hán gọi là "gia gia", nhắc về điển Bá Di, Thúc Tề –bè tôi nhà Thương thà chết chứ không chịu sống với nhà Chu (triều đại đã diệt nhà Thương) và không ăn thóc nhà Chu. Nó là loài chim hiện thân hai vị ấy, luôn luôn kêu "bất thực cốc Chu gia" (dân gian gọi là "bất tếp kho cà") tức là "không ăn thóc nhà Chu"; nhưng "gia gia" thường dùng để nhắc đến nhà).

Lọt lòng thuở năm nôi, lời ru của mẹ, của bà rót vào cõi tâm linh và đa ta vào giấc ngủ tra hè dưới bóng tre:

Cuốc kêu tiếng nhỏ tiếng to

Nửa thương phận nước nửa lo phận nhà

Hay:

Đêm khuya dưới đất trên trời,

Một mình cô đứng cô ngồi cô nghe

Cô nghe hết giọng con ve

Đến lời con cuốc gọi hè tiếc xuân!

Chung quanh điển tích về chùa Giải Oan, suối Giải Oan ở Hương Sơn có nỗi đau của con người dĩ vãng lưu lại đây qua bốn câu thơ khuyết danh giải thích hiện thực thời ấy:

Giải Oan chùa suối nổi danh

Người đời mê mẩn loanh quanh cười

Oan mà giải được ai ơi

Đêm đêm cuốc chẳng hoài hơi kêu sầu

Đau, sầu, khổ ải, oan khiên là bể trầm luân của kiếp người xa:

Nắng mưa, sương tuyết bấy chầy

Cho đau lòng cuốc, cho sầu lòng ve

Tiếng cuốc vừa là tiếng đồng hồ thiên nhiên báo mùa – thời gian, không gian, vừa điểm nhịp tâm trạng con người:

Trong tiếng cuốc kêu xuân đã muộn

Đầy sân mưa bụi nở hoa xoan

(Nguyễn Trãi)

Cùng với sắc màu của trăng, của hoa, tiếng cuốc là âm thanh đặc sắc góp cho bức hội họa thiên nhiên của tiết hè thêm điểm lệ:

Dưới trăng quyên đã gọi hè

Đầu tường lửa lựu lập lòe đâm bông

(Nguyễn Du)

Qua đèo Ngang nghe tiếng cuốc kêu, Bà Huyện Thanh Quan nghĩ về niềm chung và tình riêng:

Nhớ nước đau lòng con cuốc cuốc

Thương nhà moi miệng cái gia gia

"Cuốc cuốc" và "gia gia" là các âm thanh biểu tượng cho nước và nhà đều thân thiết và mật thiết như máu với thịt, vừa hiện hữu, vừa quá khứ – nó là lịch sử.

Nhiều người ở độ tuổi sáu mươi còn nhớ bài học thuộc lòng trong sách Quốc văn giáo khoa thư lớp đồng ấu của Nha học chính Đông Phương in năm 1948 và trong sách của Nhà xuất bản Trẻ tái bản sau đó có bài Vào hè giống từng câu từng chữ bài Vào hè ở sách giáo khoa Văn lớp 4:

Ai xui con cuốc gọi vào hè

Cái nóng nung người nóng nóng ghê

Ngõ trước vườn sau um những co

Hồng rơi thấm rụng tiếc cho huê

Trên cành gọi bạn chim xào xạc

Trong tối đua bay đóm lập lòe

Nay được nôm nam cơn gió thổi

Đàn ta ta, gay khúc nam nghe

(Vào hè chính là bài thơ hay có lời thơ, điệu thơ giống một bài thơ của Phương Bá Trạc – vốn là một nhà thơ hồi đầu thế kỷ 20).

Nhà thơ Chế Lan Viên sinh thời đã kêu lên: Thế sao lại nhớ mày hờ con chim cuốc – Cái cuốc gọi hè là ở trong sách giáo khoa thư?

Con cuốc và tiếng cuốc kêu là có thật. Còn đâu là nguyên nhân sâu thẳm về hoài niệm da diết ấy? Nguyên nhân tâm lý, tâm linh hay cảm hứng?

Tiếng cuốc không chỉ ám ảnh văn nhân thi sĩ, những người giàu cảm xúc. Tiếng cuốc còn gây xúc động tận đáy lòng mỗi người Việt Nam, nhất là người Việt xa xứ. Tiếng cuốc đêm đêm ngấm vào thịt xương thành một thứ tình yêu trên tất cả mọi thứ tình yêu, đó là tình yêu Tổ quốc:

Như điều chi oi tiếng cuốc đêm sương

Kêu da diết suốt một mùa nước nổi

Bông điên điên mơ cánh vàng nóng hổi

Là nắng chiều dầm lại giữa lòng tay

Đất nước ngấm vào ta đơn sơ

nh Thập Mười không điểm trang

đầy im lặng

trên tất cả tình yêu – tình yêu này đi thẳng

đến mỗi đời ta

bất chấp những ngôn từ

Từ xa, tiếng cuốc ngoài đời vào sách vở, văn chương thành biểu tượng của lòng yêu nước, yêu nhà. Tiếng cuốc thời chiến là lời thúc giục mang về chiến thắng, tiếng cuốc thời bình khiến ta xúc động tự hào về những năm tháng

hào hùng của quá khứ, nhắc ta sỏi bước nhanh hơn trong hiện tại để dựng xây đất nước.

Phuong Kim Anh

Về bài thơ "Không đề" của Ônga Becgôn

*Em nhớ lại chuyện ngày quá khứ
Khúc hát ngân thơ một thời thiếu nữ
Ngôi sao cháy bùng trên sông Neva
Năm tháng đắng cay hơn, năm tháng ngọt ngào hơn
Em mới hiểu bây giờ anh có lý
Dù chuyện xong rồi, anh đã xa cách thế
Em hát khác xa rồi, khóc cũng khác xa
Lớp trẻ lớn lên giờ lại hát theo ta
Lại nhấp vị ngọt ngào thụơ trước
Vẫn sông Neva, chiều tà, ánh nước
Nhưng nghĩ cho cùng họ có lỗi đâu anh?
(Bằng Việt dịch)*

"Trên đời này có những điều chỉ có thể giải quyết được bằng thơ!"

Tôi đã nghĩ đến câu nói nổi tiếng ấy của Maiacôpxki khi đọc bài thơ "Không đề" của Ônga Becgôn, một nhà thơ cách mạng, song đọng lại trong lòng người hâm mộ thơ bà không phải là những dòng thơ lửa cháy mà lại là những vần thơ tình dạt dào sôi nổi của một trái tim khao khát yêu thương, đã

yêu hết mình và cũng gặp nhiều trắc trở – kể cả những mất mát, đổ vỡ trong tình yêu. Thơ bà không phải là tiếng thơ của một tâm hồn viên mãn, hạnh phúc mà là tiếng thơ gai góc, lắng đọng nhiều suy tư, trải nghiệm sâu sắc về cuộc sống, về tình yêu. Và, như người ta nói: "Tình yêu đi qua, nỗi buồn ở lại", những vần thơ của bà cứ ám ảnh hoài trong tâm trí tôi.

" Em nhớ lại chuyện ngày quá khứ

Khúc hát ngân thơ một thời thiếu nữ

Ngôi sao cháy bùng trên sông Neva

Và tiếng chim kêu những buổi chiều tà!

Âm điệu thơ chậm rãi, trầm buồn như tiếng vọng từ sâu thẳm trái tim của nhân vật trữ tình "em" khi "nhớ lại chuyện ngày "quá khứ". Tình yêu của em và anh gắn liền với dòng sông Neva, với tiếng chim kêu trong những buổi chiều tà", và ngôi sao cháy bùng" lên nh khát vọng của tình yêu không bao giờ tắt trong trái tim của những đôi lứa đang yêu.

Tôi chú ý nhiều đến hình ảnh: "Khúc hát ngân thơ một thời thiếu nữ". Không hiểu sao trong tâm trí tôi lại hiện về câu thơ của Hàn Mặc Tử : "Bao cô thôn nữ hát trên đồi". Các cô gái quê ấy đang hát đến tận cùng của tuổi trẻ và tình yêu trong "Mùa xuân chín" thời thiếu nữ của mình, để rồi: "Ngày mai trong đám xuân xanh ấy, có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi". Nhân vật trữ tình "em" trong "Không đề" của Ôngga Becgôn – phải chăng cũng là hoá thân của tác giả đây thôi – cũng có một thời bông bột, say mê, đã từng yêu và được yêu, có lẽ cũng từng đốt cháy mình để hát lên bài tình ca say đắm. ấy là khúc ca hạnh phúc!

Khúc ca ấy (cùng với dòng sông, tiếng chim kêu...) đã trở thành chứng nhân của tình yêu quá khứ. Để bây giờ em nhận thấy:

"Năm tháng đắng cay hơn, năm tháng ngọt ngào hơn

Em mới hiểu bây giờ anh có lý

Dù chuyện xong rồi, anh đã xa cách thế

Em hát khác xa rồi, khóc cũng khác xa!"

Mạch thơ đi từ hồi tưởng lại những kỉ niệm quá khứ thoát trở về với những buồn vui hiện tại. Cô gái yêu say đắm và bông bột ngày xa nay chín chắn hơn để có thể thấm thía một điều tưởng chừng đơn giản: "Năm tháng đắng cay hơn, năm tháng ngọt ngào hơn". Phải ngọt ngào và cay đắng, hạnh phúc và bất hạnh, sum họp và chia li...đó là tất cả những mặt đối lập luôn tồn tại trong cuộc sống này. Nhưng ngày ấy khi mới mất anh, em đã không hiểu –hay cố tình không hiểu.Em đã "bỏ chạy trong quay cuồng thác lũ, mặc cho mọi người kinh ngạc nhìn em" (Không đề II) em đã " đập nát tay vào năm tháng, để có anh dù thời gian hoang tàn" nhưng tất cả chỉ là vô vọng.

Thời gian đã làm em mất anh, nhưng cũng giúp em hiểu ra "bây giờ anh có lý". Có thể ngày ấy khi yêu anh, em đã quá bông bột say mê với " khúc hát ngây thơ" trên dòng sông Neva mà không nhận ra những nhịp đập khác thường của hai trái tim" không cùng chung suy nghĩ. Đến khi em hiểu thì: "Anh đã xa cách thế" và cả em cũng khác em ngày xa yêu anh: "Em hát khác xa rồi, khác cũng khác xa".

Vâng, vẫn là khúc hát ấy, là giọt nước mắt ấy nhưng năm tháng cuộc đời đã nhuộm vị đắng cay mặn mòi trong lời hát. Ngay cả khi em hạnh phúc lẫn khi em đau khổ em cũng đã lớn lên...Tôi gọi đó là bài ca tình yêu dang dở bài ca được nhà thơ chiêm nghiệm bằng chính sự trải nghiệm của mình.

Lớp trẻ lớn lên giờ lại hát theo ta

Lại nhấp vị ngọt ngào thụơ trước

Vẫn sông Neva, chiều tà, ánh nước.

Nhưng nghĩ cho cùng họ có lỗi đâu anh

Khổ thơ cuối cùng của bài thơ đột ngột thay đổi về giọng điệu và cảm xúc. Những chứng nhân của tình yêu giữa em và anh nay lại trở thành nơi hò hẹn, chứng kiến tình yêu của bao đôi lứa khác. Khúc hát ấy cũng không còn là riêng của hai ta nữa mà là của lớp trẻ và nó bất diệt!

Bởi vì nghĩ cho cùng, họ không có lỗi trong tình yêu dang dở của chúng ta! Bởi vì, cả " sông Neva, chiều tà, ánh nước"...cũng đã trở thành một phần máu thịt của anh và em, của bài ca tình yêu dù đó là bài ca dang dở!

Bài ca ấy sẽ còn ngân xa mãi mãi trong tim của những người yêu thơ Ông Bécgôn.

Nguyễn Thị Mai Lan

Mục lục

| | |
|--|----|
| Trời hành (Bùi Hoàng Tám) | 3 |
| "Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây" Phạm Tiến Duật | 5 |
| Tiếp cận một bài thơ Xuân của Bác..... | 10 |
| Thương quá... "Mùa Xuân..." | 15 |
| Mùa xuân chín –bài thơ tài hoa của Hàn Mặc Tử..... | 17 |
| Thương em –một bài thơ giản dị mà cảm động..... | 20 |
| Thơ tình –Nguyễn Trọng Tạo..... | 23 |
| Thiếu nữ ngủ ngày | 26 |
| Thâm Tâm –thi ca và huyền thoại..... | 28 |
| Trăm năm nhớ một chuyến đi | 33 |
| Qua nhà –Nguyễn Bính..... | 35 |
| Ông đồ –Vũ Đình Liên | 40 |
| Nước với quê hương..... | 44 |
| Nhớ –Hồng Nguyên..... | 49 |

| | |
|---|-----|
| Ngôi nhà tâm hồn trong thơ Hoàng Phủ Ngọc Tường | 55 |
| Xuân chưa thành..... | 64 |
| Ta với ta –đóng góp mới của Tố Hữu..... | 68 |
| Tiếng đàn Kiều của Nguyễn Du..... | 73 |
| Về bài thơ Củ khoai của bé..... | 77 |
| Mẹ ốm –Trần Đăng Khoa | 80 |
| Mất người Sơn Tây (Quang Dũng –1949)..... | 84 |
| "Bà về" của Trần Hữu Tông | 88 |
| Lũy tre xanh –Hồ Dzếnh..... | 92 |
| Lòng mẹ –Nguyễn Bính..... | 98 |
| Lá đỏ..... | 102 |
| Khăng khít..... | 106 |
| Hoàng Cầm–nhà thơ tân cổ điển..... | 110 |
| "Huế tháng tám"–một bài thơ đặc sắc | 113 |
| Em sợ –Lâm Thị Mỹ Dạ | 116 |
| Độc thơ ung Bình Thúc Dạ Thị..... | 119 |

Trời hành (Bùi Hoàng Tám)

Một thời so xúi vì yêu

Trái tim cứ đập với điều vu vơ

Ban ngày mộng mộng, mơ mơ

Suốt đêm đợi đợi, chờ chờ, mong mong

Nhìn đâu cũng thấy hoa hồng

Phố phường đông thế ngỡ không có người

Đã đi qua nửa cuộc đời

Trái tim vẫn đập như thời trẻ con

Tự dung giận, tự dung hờn

Đang vui vô cớ, lại buồn vô duyên

Thường chờ đợi cái không tên

Thường mơ mộng đến những miền không đâu

Vẫn nhìn huyễn hoặc về nhau

Vẫn vô tâm với những câu vô tình

Tình yêu là thứ trời hành

Bắt người bạc tóc hoá thành trẻ con.

Đã có ti tử định nghĩa về tình yêu của con người cổ kim đông tây. Trong số đó riêng Bùi Hoàng Tám cho rằng "Tình yêu là thứ trời hành". Cái định nghĩa nghe quen quen mà cũng lạ lùng làm sao! Quen quen bởi ta đã nghe rồi, ấy là khi ai đó bị bệnh tâm thần không đến bác sĩ khám mà đến xem thầy bói cô đồng thể nào cũng được nghe câu phán: bị trời hành! Còn lạ lùng vì kẻ đang định nghĩa về tình yêu kia chẳng chính là kẻ đang yêu đấy ? Biết mình, biết người lắm chứ, tự mình làm cho mình khổ đấy chứ, biết bị hành mà cứ lao vào nh con thiêu thân. Có sao lại đổ cho trời hành? Thế nên tình yêu cũng nh trái đất chẳng ai khám phá được hết. Suốt đời tình yêu là thứ bùa mê, huyền bí, thôi miên người ta, làm biến dạng người ta.

Vâng, đúng thế, đọc bài Trời hành của Bùi Hoàng Tám mới thấy kể yêu tội tình làm sao!

Hình hài thì "So xúi vì yêu"

Trái tim thì loạn nhịp "Đập với điều vu vơ", "Đập như thời trẻ con"

Hồn phách thì xiêu lạc "Ban ngày mộng mộng mơ mơ/ Suốt đêm đợi đợi, chờ chờ, mong *mong*"

Mắt mũi thì "quáng gà" "Nhìn đâu cũng thấy hoa hồng/ Phó phòng đồng thể ngỡ không *có người*"

Tính tình thì thất thường: "Tự dung giận, tự dung hờn/ Đang vui vô có lại buồn vô duyên"

Hoài bão thì vu vơ: "Thường chờ đợi cái không tên/ Thường mơ mộng đến những miền *không đâu*"

Nói năng thì cũng chẳng ý tứ gì: "Vẫn vô tâm với những câu vô tình"

Và tuổi tác cũng kỳ lạ chưa: "Bắt người bạc tóc hoá thành trẻ con"

Với cách sử dụng liên tiếp những từ láy, từ lặp láy (ở đoạn đầu) và cách chơi chữ tài tình (vô có, vô duyên, vô tâm, vô tình), Bùi Hoàng Tám đã dựng được chân dung kẻ yêu đúng với mọi mẫu hình trên thế gian. Cha đọc bài thơ, tưởng mỗi mình là yêu quái biệt, lạ lùng, có khi ngỡ mình bị bệnh hoạn. Đọc xong bài thơ mới thở phào nhẹ nhõm. Yên tâm đi! Trên con đường tình

yêu đang đông đúc nồm nọp kia, ngàn vạn kẻ yêu đều có chung tâm trạng bị trời hành nh ta cả.

Trời hành của tác giả Bùi Hoàng Tám là một bài thơ tình hay. Nhưng chỉ hay với những ai đã yêu, đang yêu và chỉ đúng với một tình yêu đích thực. Người cha yêu đọc sẽ thấy nghi ngờ và hoang mang. Kẻ yêu toan tính thì từ hình hài đến tâm hồn, từ trái tim đến con mắt, từ nói năng đến tính tình đều lạnh lùng tỉnh táo chứ đâu có ngẩn ngơ nh thế. Nhưng người ta lại sợ cái lạnh lùng tỉnh táo ấy mà quý trọng cái ngẩn ngơ khờ dại trong tình yêu bởi nó mới vô t, đích thực.

Đọc bài thơ thấy thực. Ngẫm bài thơ thấy thương. Thương những kẻ yêu ấy (trong đó có mình). Yêu đến biến dạng cả thể xác, tâm hồn. Yêu đến tan cả mình, yêu như bị trời hành. Thế nhưng những người đang yêu và được yêu có biết cho đâu!....

Trần Mạnh Hùng

"Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây" Phạm Tiến Duật

**Cùng mắc võng trên rừng Trường Sơn
Hai đứa ở hai đầu xa thăm
Đường ra trận mùa này đẹp lắm
Trường Sơn Đông nhớ Trường Sơn Tây
Một dãy núi mà hai màu mây
Nơi nắng nơi mưa, khí trời cũng khác
Nh anh với em, như Nam với Bắc
Nh Đông với Tây một đai rừng liền
Trường Sơn Tây anh đi, thương em
Bên ấy ma nhiều, con đường gánh gạo
Muỗi bay rừng già cho dài tay áo
Rau hết rồi, em có lấy măng không?
Em thương anh bên ấy Tây mùa Đông
Nước khe cạn, bóm bay lên đá
Biết lòng anh say miền đất lạ**

Chắc em lo đường chắn bom thù
Anh lên xe, trời đổ cơn mưa
Cái gạt nước xua đi nỗi nhớ
Em xuống núi nắng về rục rĩ
Cái nhành cây gạt mối riêng tư
Đông sang Tây không phai đường thư
Đường chuyển đạn và đường chuyển gạo
Đông Trường Sơn, cô gái "ba sẵn sàng" xanh áo
Tây Trường Sơn bộ đội áo màu xanh
Từ nơi em gui tới nơi anh
Những đoàn quân trùng trùng ra trận
Nh tình yêu nói lời vô tận
Đông Trường Sơn nói Tây Trường Sơn

Nền thơ chống Mỹ khá ồn ào náo nhiệt, với nhiều gương mặt, nhiều góc nhìn, nhiều giọng điệu, nhưng phần tương đồng, na ná nhau lại còn nhiều hơn, và tất cả góp thành một thần thái khó lẫn với những thời kỳ khác, kể cả với thời kỳ chống Pháp. Và nếu muốn nhận dạng cái thần thái ấy, dễ thường chỉ cần đọc một vài bài như "Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây" là đủ. Bởi quả thật bài thơ này của Phạm Tiến Duật về rất nhiều phương diện hết sức tiêu biểu cho cả nội dung và hình thức thơ thời chống Mỹ, đương nhiên một thời chống Mỹ hơi nghiêng về phía "miền Bắc", phía "hậu phương của tiền tuyến" một chút. Nó cha có cái tâm thế và không khí của cuộc đụng độ toé lửa của loại lính chiến trong tầm đạn bắn thẳng và những cuộc giáp lá cà, vì vậy nó còn sạch sẽ và nghiêm ngặt. Tuy nhiên, nói thế thôi chứ không hiểu do nguyên cớ gì mà rồi ngay cả nhiều bài viết ra đời ngay trong khói lửa, trong cả bùn và máu mà chất dữ dội, cái mùi mồ hôi lâu năm và mùi xác chết vốn là đặc thù của lính trận như ta vẫn thấy trong "Lửa" của Hăngri Bacbuýt chẳng hạn, thì trong văn chương ta thời ấy cũng hiếm có lắm. Vì vậy, bài thơ của anh Duật lại càng có quyền tiêu biểu cho thơ (thậm chí cả văn nữa) của cả một thời.

ấy là cái thời "đường ra trận mùa này đẹp lắm". Chính người viết những dòng này trong những ngày làm lính trơn ở mặt trận Quảng Trị, năm 1972, cũng hát bài thơ được phổ nhạc này luôn, và lúc hát như thể thấy trong lòng thơ thôi. Nhưng cũng không ít lần chứng kiến những anh lính trận thực thụ vừa thoát chết từ trong mạn Thành Cổ, Tri Bưu, Thạch Hãn chạy ra thường năm lẫn hai bên vệ đường, mũ tai bèo che nửa mặt, chỉ hé nửa con mắt mà nhìn cái đám lính học trò chúng tôi nh vừa chui trong kho quân trang ra đang vừa đi vào vừa ngêu ngao cái đận "cũng mắc võng" để mà ném cho một cái nhìn không ra chế giễu, cũng không ra thương hại, đoán lảm bảm câu gì đó cũng không nghe ra được nốt! Đã đến nước đó thì biết nói năng làm sao. Thôi thì mỗi cây mỗi hoa, mỗi nhà mỗi cảnh, ta thấy thích thì ta cứ nói là thích, ai thấy sao thì kệ người ta. Và lúc đó tôi thích cái "đường ra trận mùa này đẹp lắm" thực lòng.

Còn nhớ, có anh bạn tên là Tề thì phải, có bạn đang vác trên vai cuộn dây bọc ba mươi cân lao âm âm từ trên núi xuống, cây lá quật cho toé đom đóm mắt, vẫn còn kịp hát "em xuống núi nắng về rực rỡ, cái nhành cây gạt mỗi riêng tư", chỉ hát vừa kêu lên, chỉ không có cơ hội để vỗ đùi như nhân vật Hoàng trong "Đôi mắt" của Nam Cao: "Cái lão Phạm Tiến Duật này tài thật..."

Thì tài quá đi chứ còn gì nữa. Từ lúc có con đường Trường Sơn, tức là từ năm 1959 (nh cách gọi phiên hiệu con đường này là 5-59) thì mãi mười năm sau, tức là khi anh Duật làm bài thơ này, cái hiện tượng con đường Trường Sơn vốn có hai phía nhãn tiền như thế mới có cơ hội đi vào thơ, trở thành ý thơ rất đặc địa, vì từ góc thực của hình tượng mở ra cả một chân trời cho cả ý thơ và hồn thơ bay bổng. Hình ảnh của con đường chiến lược vốn là xương sống của cuộc chiến đấu chống Mỹ trong thực tế đã phân ra làm hai ngã nằm ở phía Đông và phía Tây dãy Trường Sơn với những khác biệt về địa hình, khí hậu, cảnh trí, thậm chí cả lãnh thổ quốc gia nữa, nhưng có chung một nhiệm vụ, mang một tâm hồn chung của cả dân tộc đang chiến đấu để giải phóng Tổ quốc... Tất cả sự "giống và khác", "xa và gần" ấy nh một mâm cỗ thịnh soạn mà cuộc sống bày ra cho người làm thơ, và nhà thơ tài năng này đã không để sót một chất liệu quý nào mà không đưa vào mâm cỗ thơ của mình. Chẳng hạn, đây là sự "khác":

Một dãy núi mà hai màu mây

Nơi nắng nơi mưa, khí trời cũng khác

Như anh với em, như Nam với Bắc

Sự "khác" ấy đến mức chan chát, với một bên "mưa nhiều" một bên "nước khe cạn", bên "muỗi bay" bên lại "bướm bay" và cao nhất thì như thể một đôi câu đối:

Anh lên xe, trời đổ cơn mưa...

Em xuống núi, nắng về rục rũ...

Nhưng sự "khác" và "xa" cực đoan như thế lại hàm chứa trong nó một sự "giống" và "gần" còn có sức thuyết phục hơn. Bởi cái "gần" đầu tiên và cái sinh ra mọi cái "gần" khác là:

Đông Trường Sơn, cô gái "ba sẵn sàng" xanh áo

Tây Trường Sơn, bộ đội áo màu xanh

Đó là cái gần gũi tối thượng của những chiến sĩ chiến đấu chống một kẻ thù chung. Còn mối quan hệ "anh, em" ở đây đóng vai trò nh thế nào? Rõ ràng, bài thơ sẽ khác hẳn nếu đây là hai người bạn chiến đấu có cùng giới tính mà nhớ nhau. Vậy mối quan hệ này có thể gọi là tình yêu? Chỉ biết rằng bài thơ này thường xuyên xuất hiện cả trong những tuyển tập thơ chiến đấu lẫn những tập thơ tình. Thì cũng chẳng có cách gọi nào khác hơn khi ta thấy hai người con trai và con gái ở đây quan tâm, lo lắng cho nhau đến "trên mức tình cảm": "Trường Sơn Tây anh đi, thương em...", và em thì "thương anh bên Tây mùa Đông" và "chắc em lo đường chấn bom thù"... ở đây không có cuộc gặp gỡ nào, không một lời nhắn nhe, và cũng không có cả đến một bức th. Cái gạch nối giữa họ thật kỳ lạ và cũng kỳ vĩ, ấy là "những đoàn quân trùng trùng ra trận"! Mối tình riêng t ở đây trở nên to lớn dị thường, nó vượt lên trên những số phận cá nhân, lên trên cả cánh rừng đại ngàn và núi non trùng điệp. Đó là th tình yêu đặc biệt chỉ sinh hạ một lần cùng những tình cảm cao cả của lý tưởng và đủ sức hoá thân vào trong núi rộng sông dài:

Như tình yêu nói lời vô tận

Đông Trường Sơn nói Tây Trường Sơn

Mượn núi sông, trời đất làm cái có để nói chuyện con người, lại đem tình riêng hoà vào trong sự nghiệp chung, làm cho cái nhỏ bé trở nên cao rộng,

còn cái cao rộng thì không che khuất cái nhỏ bé – một bài thơ ngắn ngắn mà chở được bấy nhiêu tình ý há lại không phải là đại khéo và đại tài hay sao?

Anh Ngọc

Tiếp cận một bài thơ Xuân của Bác

Cách đây tròn 50 năm, sau bài: "Thơ chúc Tết Mậu Tý" (1948), Bác Hồ còn viết 5 bài thơ cảm hứng trữ tình. Đây là hiện tượng ít thấy trong sáng tác thơ ca của Bác gần 1/4 thế kỷ sau Cách mạng (1945–1969). "Nguyên Tiêu" (1948) là một trong số đó:

Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên

Xuân giang, Xuân thụ, tiếp xuân thiên

Yên ba thâm xứ đàm quân sự

Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền.

(Rằm Tháng Giêng)

Đêm nay, rằm tháng giêng, trăng vừa tròn,

Nước sông Xuân tiếp liền với màu trời xuân

Giữa nơi khói sóng thăm thẳm, bàn bạc việc quân

Nửa đêm trở về, thuyền chơ đầy ánh trăng.

(Thơ–Hồ Chí Minh–In lần thứ 3–NXB Văn học Hà nội 1975–tr. 103)

Trong thơ Bác hầu như chỗ nào cũng vời vợi ánh trăng, điều đặc biệt là trăng ở cảnh ngộ nào cũng rất sáng: Trăng đêm rằm, Trăng Trung thu. Phải chăng trong tâm tưởng tình cảm Bác yêu thích những cảnh đẹp rục rịch, sáng trong; không chấp nhận cái nhập nhằng, mờ tối của một mảnh trăng khuyết, một ánh trăng non. Ta không thấy một đêm trăng lưu trong thơ Bác và

một điều đặc biệt nữa: Trăng trong thơ Bác không gợi buồn mặc dù trong thơ cổ không hiếm những bài thơ về trăng có lúc rất sáng song vẫn gợi lên một cái gì đó man mác đơn côi.

Mở đầu bài thơ: "Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên" là một đêm trăng rằm mát mẻ, toả sáng rực rỡ cả trời xuân, là mùa trăng đẹp nhất trong mười hai mùa trăng. Thứ tự sắp xếp các từ, các hình tượng thơ, tăng giá trị thẩm mỹ, vừa giàu chất tả thực, vừa giàu chất tượng trưng, ẩn dụ.

Trăng trong "Nguyên tiêu" không phải trạng thái tĩnh. Theo thời gian, giữa cảnh sông nước mênh mông, không gian khoáng đãng, trăng từ từ nhô dần lên khỏi đường chân trời như "mâm vàng, đĩa ngọc" (từ của Xuân Diệu) đến thời khắc khi tạo thành tiếp điểm, của một hình tròn (trăng) đường thẳng (mặt sông) lúc đó mới "nguyệt chính viên" (trăng vừa tròn).

Trong thơ Bác, tác giả và ánh trăng chủ thể và khách thể đi về trong quan hệ gắn bó thân thiết, trăng không bị đóng khung trong cảnh ngộ chật hẹp, hạn chế mất đi những vẻ đẹp cộng hưởng khác.

Các thủ pháp nghệ thuật hội tụ ở câu thơ thứ hai:

"Xuân giang xuân thủy tiếp xuân thiên"

(Nước sông xuân tiếp lẫn với màu trời xuân)

Không gian nghệ thuật rực rỡ bao la, cảm hứng thơ hoành tráng, sáng khoái và vô cùng diễm lệ. Nếu như "nguyệt chính viên" tạo nên sự liên tưởng về thời gian, thời khắc "trăng vừa tròn" theo sự biến dịch của thời gian trăng cao dần, toả sáng lung linh tạo nên cảnh "Nước sông xuân lẫn màu trời xuân" lại gợi lên ý niệm không gian bao la, không giới hạn. Giữa mênh mông sông nước đất trời đầy trăng ấy, có con thuyền nhỏ nhỏ. Hai câu thơ tạo thành một bức tranh xuân với những nét chấm phá nghệ thuật liên hoàn: sông – nước – trời. Cái lồng lộng của một hồn thơ giao thoa, cộng hưởng cái lồng lộng của đất trời mùa xuân đầy hương sắc. Sông – nước – trời xuân nối tiếp nhau, nâng đỡ nhau, gọi nhau, tầng tầng lớp lớp bay lên trong không gian như cánh cò như cánh cò của Vương Bột trong ráng thu hoàng hôn:

"Lạc hà dữ cô lộ tề phi

Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc"

(Cánh cò bay với ráng pha

Sông thu trời nước bao la một màu).

Và cũng như cánh hạc trong giấc mơ của Nguyễn Trãi cách đây hơn sáu thế kỷ:

"Tạc dạ nguyệt minh thiên tự thủy

Mộng kỳ hoàng hạc thọng tiên đàn"

(Đêm qua trăng sáng trời như nước

Mộng cưỡi hạc vàng lên đàn tiên)

Chất sáng khoái, hoành tráng của một hồn thơ khoáng đạt trong hai câu đầu có khởi hứng từ một hiện thực lịch sử: Đó là chiến dịch thu-đông 1947 đại thắng. Từ đây cục diện kháng chiến thay đổi, chiến khu Việt Bắc được mở rộng, tạo nên niềm vui tràn trề lòng người, không gian tâm tưởng hoà lẫn không gian hiện thực, cả chiều cao lồng lộng và cả bề rộng mênh mông, nội hàm thẩm mỹ đa dạng, phong phú.

Đến câu thứ 3: "Yên ba thâm xứ đàm quân sự" thì con thuyền bỗng bồng bềnh trên sông xuân ấy vào nơi "Khói sóng thăm thăm" không phải để thưởng ngoạn, giải toả một tâm trạng lãng quên, trốn tránh cuộc đời. Thơ xa nói nhiều đến "khói sóng". Một "Yên ba giang thọng sử nhân sâu" của Thôi Hiệu, hay một "Yên ba sâu sát nhân" trong thơ Bạch C Dị. "Khói sóng" thường tạo nên nỗi buồn man mác, cô liêu của các ẩn sĩ trước cuộc đời phù du, dâu bể.

Con thuyền trong đêm "nguyên tiêu" còn chở nặng những lo toan của Bác. Thiên nhiên dẫu có diễm lệ cũng chưa thể thả lòng để thưởng ngoạn, giữa hiện thực "Yên ba thâm xứ" tiếp đến ba từ "đàm quân sự" làm nổi bật tư tưởng chủ đề của bài thơ. Bởi biết bao đêm "Trù hoạch thâm canh" (bàn tính công việc mãi cho tới khuya) "Quân vụ nhưng mang" (vẫn còn bận việc quân) được một "nguyên tiêu" (rằm tháng giêng) thì lại "đàm quân sự". Từ trong sâu xa, tâm tưởng Bác luôn nghĩ tới quốc thái dân an, ngay cả khi chỉ có trăng xuân trên sông xuân vô cùng hoành tráng và con người Bác là một hồn thơ rộng mở. Chỉ khi công việc đã xong niềm vui trọn vẹn cùng thiên nhiên mới th thái tâm hồn:

"Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền"

(Nửa đêm trở về, thuyền chở đầy ánh trăng)

Nửa đêm trăng toả sáng và con thuyền chở đầy trăng sau khi đã "đâm quân sự" với đi những suy nghĩ lo toan, những tính toán "quân cơ quốc kế" nhưng không ghé bến hoang sơ như một ẩn sĩ. Trăng thanh dự báo một tương lai và vàng trăng với những vẻ đẹp thơ mộng cộng hưởng với một hồn thơ tự tại, lạc quan ở thành công của cuộc kháng chiến.

Sự kết hợp hài hoà giữa các thủ pháp nghệ thuật tả chân và tả thực tạo cho bài thơ vừa có phong vị cổ điển vừa giàu tính hiện đại. Đây là một trong những đặc điểm nổi bật phong cách thơ chữ Hán của Hồ Chủ Tịch.

Võ Vĩnh Khuyên

Thương quá... "Mùa Xuân..."

Cảnh hai dòng đầu của bài thơ là một tấm màn không gian nhẹ: nắng trải rộng ra thành từng "làn" và khói không tụ lại mà tan ra. Tài tình của Hàn Mặc Tử ở chữ "ửng" và chữ "mơ"; vừa diễn tả được cái tươi mới của nắng và cảm giác hư ảo của khói. Trong cảm nhận vừa thực, vừa mộng đó, những mái nhà tranh điểm một sắc vàng quyên rũ. Có phải ánh nắng hoà trong khói mơ lan toả trên mái nhà tranh mà tạo ra cảnh "lấm tấm vàng" chăng?. Trong cái nền thiên nhiên thi vị đã xuất hiện một "Bóng xuân". "Bóng xuân" đến không lặng lẽ mà nh một khách đa tình động chạm vào cây lá thiên nhiên.

Sột soạt gió trên tà áo biếc

Trong sự lả lơi của gió, với tà áo, giàn cây... tạo cảnh, "Bóng xuân" ấy không ai khác chính là thiếu nữ. Nàng đến. "Bóng xuân sang". Từ đây mở ra một không gian. Màu của tà áo biếc, của giàn thiên lý tiếp với màu xanh bất tận của cỏ

Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời

Câu thơ không những miêu tả bề rộng, bề cao mà còn miêu tả cảm xúc con người trước thiên nhiên choáng ngợp phía trước và tiếng hát xao xuyến lòng người của các thôn nữ.

Thiên nhiên trong thơ Hàn Mặc Tử đầy tâm trạng. Con người trong đó cũng không dễ dãi hoà cảm. Nhìn "sóng cỏ xanh tươi", nghe tiếng hát hồn nhiên của các cô thôn nữ, Hàn Mặc Tử đã nghĩ tới ngày mai với những dự báo chua xót:

Ngày mai trong đám xuân xanh ấy***Có ke theo chồng, bo cuộc chơi***

"Đám xuân xanh" chính là cụ thể hoá "Bóng xuân" ở khổ 1, là "bao cô thôn nữ" đang hát... Những ngày vui, ngày xuân của họ thật ngắn ngủi. Tình yêu vội đến và cũng vội đi

Cách miêu tả tiếng ca, lời nói, bằng những từ "vắt vẻo", "hồn hển", "thầm thì" (chứ không phải "thầm thì") và dòng thơ:

Nghe ra ý vị và thơ ngây..

ta có thể thấy sự mê mải, say đắm, hồn nhiên của các thôn nữ trong cuộc tình hôm nay có thể "ý vị" và "thơ ngây" song nó cũng như "làn nắng ửng" và "khói mơ tan" mà thôi, mỏng manh và ngắn ngủi làm sao?

"Bóng xuân sang", "Đám xuân xanh", "Mùa xuân chín" đều là cách gọi khác nhau song những cụm từ này đều diễn tả cái thời đẹp nhất của người con gái. Thời đó có thể vĩnh viễn không trở lại nhưng vẻ đẹp của Tình yêu–Mùa Xuân–thôn nữ mãi mãi còn lưu giữ trong tâm hồn tác giả. Từ cảm xúc trong sáng đó, Hàn Mặc Tử đã có những giây phút băng khuâng nhớ về làng quê với những điều day dứt:

Chị ấy năm nay còn gánh thóc***Đọc bờ sông trắng nắng chang chang?***

Tác giả nhớ về "cô thôn nữ" "xuân xanh"... đã thành "chị ấy" bây giờ có còn gánh thóc nặng nhọc đi trên bờ sông dài đầy cát trắng, đầy nắng gió như bao người phụ nữ vất vả bước đi trong cuộc đời này.

Với ý tưởng hiện thực lãng mạn đầy tính nhân văn; với nhịp điệu, cách hiệp âm, tạo vần, câu thơ này trở thành một trong những câu thơ hay nhất của thời thơ mới và của thơ Việt Nam từ trước đến nay. Và "Mùa xuân chín" là một trong những bài thơ hay nhất của Hàn Mặc Tử bởi sự liên tưởng–thực–hư này.

Thanh úng

Mùa xuân chín – bài thơ tài hoa của Hàn Mặc Tử

Hàn Mặc Tử là nhà thơ tài hoa. Ông để lại cho đời không nhiều thi phẩm nhưng tác phẩm nào của ông cũng đáng trân trọng, nâng niu như "Mùa xuân chín":

Trong làn nắng ửng: khói mơ tan

Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng

Sột soạt gió trêu tà áo biếc,

Trên giàn thiên lý, bóng xuân sang

Sóng co xanh tươi gợn tới trời

Bao cô thôn nữ hát trên đồi:

– Ngày mai trong đám xuân xanh ấy.

Có, ke theo chồng, bỏ cuộc chơi...

Tiếng ca vắt vẻo lưng chừng núi,

Hổn hển như lời, của nước mây

Thầm thì với ai ngồi dưới trúc,

Nghe ra ý vị và thơ ngây...

Khách xa gặp lúc mùa xuân chín

Lòng trí băng khuâng sực nhớ làng

– Chị ấy năm nay còn gánh thóc

Đọc bờ sông trắng nắng chang chang?

Ngay tên bài thơ đã cho thấy tác giả là người dụng công với câu chữ. Câu chữ của ông luôn được chất lọc tìm tòi.

Sột soạt gió trên tà áo biếc

Trên giàn thiên lý, bóng xuân sang.

Câu thơ thật gợi mở. Trên những mái nhà tranh vách đất của làng quê ngày xa lấm tấm những làng quê tấp tểm những nụ hoa thiên lý nở vàng, xen giữa màu xanh tươi của lá. Lá và hoa thiên lý là niềm đặc sắc của hương vị quê hương

Thương chồng nấu cháo le le

Nấu canh bông lý, nấu chè hạt sen

(Ca dao)

Của quý như vậy, xanh tươi mon mơn như vậy nên mới được gió trên, gió đùa, gió mon man. Làm bất chợt mùa xuân ào tới.

Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời,

Bao cô thôn nữ hát trên đồi:

– Ngày mai trong đám xuân xanh ấy

Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi...

Mùa xuân từ trong nhà đã lan xa ra vùng đồi núi, từ cây cảnh sang tới người. Con người của mùa xuân thật trẻ trung, hồn nhiên, đầy sức sống. Bao cô thôn nữ trên đồi. Hát rằng: Ngày mai trong đám xuân xanh ấy/Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi...ở lại làng chơi với các cô thật vui, song ai đó được đi lấy chồng cũng vui không kém, thậm chí đây còn là sự phát triển của mùa xuân.

Tiếng ca vắt vẻo lưng chừng núi,

Hồn hên như lời của nước mây...

Những từ vắt vẻo, hồn hên được tác giả dùng thật tài tình. Vắt vẻo ở câu trên chỉ sự thơ ngây, hồn hên ở câu dưới nói lên sự hồi hộp, đợi chờ trong lòng ngực của những cô gái đang căng tròn sức sống. Làm cho ai đó đang ngồi dưới trúc (trong bối cảnh này mà chịu ngồi yên dưới trúc thì chắc không còn ở tuổi thanh xuân nữa) cũng phải rợn ràng:

Khách xa gặp lúc mùa xuân chín

Lòng trí băng khuâng sự nhớ làng.

– *Chị ấy năm nay còn gánh thóc*

Dọc bờ sông trắng nắng chang chang

Thấy mùa xuân ở quê người lại nhớ tới cảnh làng mình, một cảnh làng mùa hạ có nắng chói chang và bao nhiêu người thân đang oằn lưng lao động giữa nắng. Đây là nét rất nhân bản của con người luôn nặng tình với quê hương xứ sở. Nhớ làng là nhớ những gì cần phải suy nghĩ, sẻ chia.

– *Chị ấy năm nay còn gánh thóc*

Dọc bờ sông trắng nắng chang chang?

Chị ấy là ai vậy? Rất có thể đây là người bạn gái ngày xưa của khách—đang là lao động chính ở quê nhà. Dọc bờ sông trắng nắng chang chang nên được xem là câu thơ thần tình nhất của Hàn Mặc Tử. Ta hay nói sông xanh, sông đỏ, đây nhà thơ nói sông trắng. Nắng đến trắng cả sông thì phải biết nắng gay gắt nh thế nào. Các cặp vần trắng—nắng; chang—chang kết hợp với năm phụ âm "ung" đứng cuối mỗi từ làm cho câu thơ được kéo dài và ngân nga mãi.

Đúng là "Mùa xuân chín", một mùa xuân đầy đặn nên thơ.

Thương em – một bài thơ giản dị mà cảm động

Trong tập "Thơ tình tặng vợ", Nhà xuất bản Thanh niên ấn hành năm 2000, trang 83 có bài "Thương em" của Bùi văn Điền. Tôi gặp tên anh lần đầu, đọc thơ anh lần đầu. Bài thơ giản dị mà cảm động:

Thương em

Chiều vàng như mắt ai mong

Thức ăn cháy chợ, chiều đông nghịt người

Đây thịt nạc–đây cá tươi

Dung dung giữa tiếng chào mời lao xao

Tháng ngày ai hiểu cho đâu

Nay lo giá mắc mai sàu muộn lương

Ngón ngang trăm việc đời thường

Thế mà chín nhớ, mùi thương vẫn nồng

Anh từng đánh Bắc, dẹp Đông

Nay về nghỉ phép làm chồng bên em

Vụng về nấu một nồi cơm

Nua khô, nua nhão–lúa chòm rát tay

Nếu không làm vợ một ngày

Thì sao thấu hiểu đắng cay ngậm ngùi

Chỉ mong mua bão trên đời

Đùng gay gắt–keo hoa tươi chóng tàn

Tác giả không làm thơ mà quan sát cuộc sống, nêu lên những nhận xét về vợ mình–người quản lý gia đình, lo sao cho đầu tháng–cuối tháng không thiếu hụt. Lo gia đình một ngày, anh đã thấu hiểu cái lo một đời của vợ bằng tình cảm yêu mến và biết ơn:

Chiều vàng như mắt ai mong

Thức ăn chấy chợ, chiều đông nghịt người

Đây thịt nạc, đây cá tươi

Dung dung giữa tiếng chào mời lao xao

Cũng biết là những thức ngon đấy nhưng đây dửng dưng chẳng thiết (mà có thiết cũng chẳng được) vì đây bị bệnh ... viêm màng túi (!)–nói nôm na là ít tiền!.

Từ thực tế cuộc sống, anh hiểu và thương vợ lắm:

Tháng ngày ai hiểu cho đâu

Nay lo giá mắc mai sâu muộn lương

Ngổn ngang trăm việc đời thường

Thế mà chín nhớ, mười thương vẫn nồng

Chữ "ai" đây rất tế nhị, chủ yếu là muốn nói chồng con–nhất là chồng, sợ người chồng không hiểu cho những khó khăn của mình nh: giá mắc (mắc là đắt–tiếng miền Nam), muộn lương. Người chồng tử tế ở đây đi chợ một lần là hiểu đơn hiểu kép: vừa hiểu vợ phải vượt qua những khó khăn như thế vừa hiểu vợ lo chồng không cảm thông. Không những quá cảm thông, anh còn khen ngợi, biểu dương nữa:

Ngổn ngang trăm việc đời thường

Thế mà chín nhớ, mười thương vẫn nồng

Cứ nh bài thơ nói lên thì người chồng ở đây là người lính vì "Anh từng đánh Bắc dẹp Đông! *Nay về nghỉ phép làm chồng bên em*". Anh thú nhận:

Vụng về nấu một nồi cơm

Nửa cơm, nửa nhão, nửa chòm rất tay

Tác giả hư cấu chi tiết này để đề cao vai trò người vợ trong gia đình, nhưng đề cao phía này thì hạ thấp phía kia: bất kỳ anh đàn ông nào cũng có thể vụng về nh thế nhưng dứt khoát không phải là người lính–bộ đội Cụ Hồ–nhất là anh lính đã từng "đánh Bắc, dẹp Đông"!

Đây là điểm bọc lộ bản lĩnh nghệ thuật thơ ca của tác giả chưa đến độ cao cường!

Bốn câu cuối bài chân thật và nhân hậu:

Nếu không làm vợ một ngày

Thì sao thấu hiểu đắng cay ngậm ngùi

Chỉ mong mưa bão trên đời

Đùng gay găt, keo hoa tươi chóng tàn!

Bài thơ được viết ra từ một tâm thế đầy chất liệu đời sống, đầy suy tư tình cảm, không có những câu thật đặc sắc. Mộc mạc, giản dị nhưng có tình và cảm động.

Bạn đọc–nhất là những người ở phái đẹp–có thể tha thứ cho tác giả ở cách cấu tạo bài thơ đơn giản, chằm chóc cho đôi chỗ vụng về về ý hoặc vắn cha thật chính mà tiếp nhận một cách trân trọng tấm lòng của người viết đã hiểu hết, cảm thông nên càng yêu thương người bạn đời vất vả của mình.

Nguyễn Bùi Vợi

Thơ tình – Nguyễn Trọng Tạo

Như các thi sĩ xưa nay, Nguyễn Trọng Tạo cũng đề cập đến những chuyện muôn thuở của tình yêu: chờ đợi và hẹn hò, thương nhớ và đắm say, ngọt ngào và đau khổ... Nét riêng chủ yếu của thơ tình Nguyễn Trọng Tạo là thơ tình người lính. Đó là thơ tình của một người đứng tuổi đã dày dạn qua thử thách. Người lính ấy đã gởi lại tuổi xuân của mình ở núi rừng Trường Sơn, ở những nơi đạn bom ác liệt. Người lính ấy từng "ngủ trên cỏ sau mỗi lần đánh trận", từng viết những bức thư cho người thương ở "cuối trời súng ran":

Nắng ma nhòe lá thư vàng

Chẳng còn mong nhận một hàng chữ quen.

Để rồi đến khi trở về sau hơn mười năm xa cách thì biết tin người thương của mình đã đi lấy chồng từ bao giờ. Người lính ấy cũng đã từng yêu một người không quen. Cô ta đã cứu sống anh, đã chăm sóc anh trong một lần anh bị thương nặng:

Là khi chợt tỉnh cơn mê

Nhận ra mái tóc bện bẻ ngực tôi.

Và dẫu chưa một lần gặp lại nhau, đến tên nàng chắc anh cũng cha kịp biết nhưng anh vẫn cứ tin "*Người không quen sống rất nhiều cho tôi*"

Thời đất nước thanh bình, người lính vẫn là người lính. Họ vẫn đóng chốt ở biên giới, ở tiền tiêu hải đảo. Họ vẫn yêu theo kiểu của mình. Vì họ biết: "*nếu lòng mình đổi khác, giặc sẽ tràn qua đảo của mình đây!*". Nên họ yêu mà không hề buông lơ tay súng. Họ vẫn đào công sự "xuyên ngày, xuyên đêm", họ vẫn

phải kéo pháo lên những đỉnh dốc "lệnh cả trời xanh". Điều đáng nói là cho dù sống trong tư thế sẵn sàng chiến đấu như vậy người lính vẫn mộng mơ và lãng mạn. Những buổi sáng tuần tra ven đảo anh chợt bồi hồi:

Nắng như nắng nhớ đất liền

Tôi như tôi chẳng xa em bao giờ

Anh thành thật thú nhận:

Không em, gió thổi từ bốn phía

Không chiếc hôn hằng hực bóng dĩa

Những phút ấy anh không chỉ thương cho mình mà còn thương cho bao hòn đảo đứng "độc thân" như anh. Những phút ấy ta càng thấm thía vì sao anh cứ băn khoăn, cứ trăn trở:

Hòn Kiên bò trên sóng bạc

Đến bao giờ gặp tổ phía đất nâu?

Thơ tình Nguyễn Trọng Tạo không có cái sôi nổi, rạo rực của tình yêu mười tám, đôi mươi. Ta bắt gặp ở trong thơ anh sự chín chắn của một người quá từng trải. Anh yêu và chấp nhận tất cả:

Ta chấp nhận những gì ta đã biết

Ca những gì chưa biết cũng vậy thôi!

Bây giờ anh đã hiểu cái giá tình yêu mà anh phải trả. Bởi vì con đường đến với tình yêu đâu chỉ có hoa thơm, cỏ lạ:

Tôi còn đi mưa gió đường dài

Trái tim phai lợt qua bao thác lũ

Dẫu gió lạnh thổi mãi con chim nhỏ

Em đừng buồn–trời rộng phía yêu thương...

Nhưng tình yêu là thế, cho dù anh là người lính đã quá dạn dày, đã qua bao nhiêu thử thách đi chăng nữa thì nó vẫn đủ sức làm đảo lộn tất cả... Nó có thể biến trẻ hoá già, biến già hoá trẻ. Biến một ông Vua trở thành hành khất và

biến người hành khất trở thành ông Vua. Nói như Nguyễn Du cái "sóng khuynh thành" ấy làm cho "đổ quán xiêu đình như chơi". Bởi thế cho nên khi gặp lại người bạn gái năm xưa:

Vẫn còn chéch choáng chai mưa

Tôi tin là rượu em mua, của trời

Người lính ấy qua bao nhiêu chờ đợi đến khi yêu mới nhận ra rằng:

Bao nhiêu chờ đợi trên trời

Bỗng dung anh hiểu khi ngồi đợi em.

Bom đạn quân thù, khó khăn gian khổ người lính đâu có sợ, thế mà đến khi yêu anh tự bộc lộ:

... Lân đầu anh biết sợ

Tiếng còi tàu thạng thốt phía ngoài ga.

Tình yêu đã làm cho "biển bạc đầu" vẫn "nông nổi thuở hai mươi". Cái muôn thuở của tình yêu là vậy. Chính vì điều đó mà thơ tình Nguyễn Trọng Tạo không chỉ là thơ tình của những người lính mà còn thơ tình của mọi người. Ai cũng có thể tìm thấy một chút mình trong thơ của anh. Tất nhiên những người lính vẫn là những người đồng cảm với anh nhất. Đặc biệt là những người lính đã đứng tuổi—cái lứa tuổi tuy "chưa già" nhưng "cũng chẳng bao giờ trẻ lại".

Mai Văn Hoan

Thiếu nữ ngủ ngày

Mùa hè hây hây gió nồm đông

Thiếu nữ nằm chơi quá giấc nồng

Lược trúc biếng cài trên mái tóc

Yếm đào trễ xuống dưới nương long

Đôi gò bồng, đào sương còn ngậm

Một lạch đào nguyên suối chua thông

Quân, tư dùng dằng đi chẳng dứt

Đi thì cũng, dợ ơ không xong.

(Hồ Xuân Hương)

Nét đặc sắc khiến bài thơ của Bà Chúa thơ Nôm trẻ mãi không già trong ký ức văn học của nhiều người có lẽ là ở chỗ bài thơ tạo dựng được một tình huống trớ trêu, kịch tính song cũng rất thơ. Một anh chàng nho sinh người xa định danh chung là "quân tử" vô tình trông thấy cảnh tượng cô thiếu nữ ngủ ngày. "Nam nữ thụ thụ bất thân", lễ giáo phong kiến khắt khe không cho phép anh chàng th sinh tự tiện chiêm ngưỡng cái "toà thiên nhiên" trong tháp thoáng yếm áo ấy, lễ giáo đẩy anh đi nhưng vẻ đẹp thanh tân của người thiếu nữ, vẻ đẹp của bức họa loã thể nửa vời kéo anh lại.

Làm sao một chàng trai tuổi xuân rữ áo bỏ đi cho được khi trước mắt anh ta lồ lộ "một toà thiên nhiên" nửa kín nửa phô bày, phô bày không phải

do người con gái cố ý mà do sự vô tình, do ngọn gió nồm mon trốn da thịt, do giấc ngủ ngày chợt đến nên vẻ đẹp càng tự nhiên, càng khiến người trai mê đắm hơn. Hai câu đầu có thể gọi là thơ kể, ngoại trừ hai từ "thiếu nữ" chỉ cô gái và từ "đông" chỉ phương hướng thuộc từ gốc Hán Việt, song cũng xem như Việt hoá lâu đời, còn lại là từ thuần Việt.

Mùa hè hây hây gió nồm đông

Thiếu nữ nằm chơi quá giấc nồng

Từ láy "hây hây" chỉ ngọn gió sống động, từ thuần Việt "gió nồm", cách nói "giấc nồng" của người Việt chỉ giấc ngủ say khiến cho lời thơ – kể vừa dân dã lại vừa hóm hỉnh. Giấc ngủ trưa hè chợt đến đã làm xô lệch một cách đáng yêu cái yếm trên thân hình thiếu nữ. Qua hai câu thơ:

Lược trúc biếng cài trên mái tóc

Yếm đào trễ xuống dưới nương long

Người ta có thể tưởng tượng ra sự xô lệch đáng yêu ấy. Hai từ cổ "nương long" chỉ phần ngực của người con gái, liên tưởng đến câu thành ngữ "Nương long mỗi ngày một cao – Má đào mỗi ngày một đỏ". Vẻ thanh tân của cô gái được hai câu thơ sau nói ra bằng hình ảnh ước lệ:

Đôi gò bông, đào sương còn ngậm

Một lạch đào nguyên suối chưa thông

Hình ảnh ẩn dụ ấy buộc người thưởng thức thơ Bà Chúa thơ Nôm liên tưởng đến thực tế trần tục nhưng không dung tục. Mỹ từ "đào nguyên" – suối hoa đào, gợi nhớ tích xa Lưu Nguyễn lạc thiên thai và "bông đào" – chỉ khuôn ngực thanh tân, có lẽ nhằm ca ngợi vẻ đẹp trinh nguyên của cô thiếu nữ ngủ ngày. Vẻ đẹp ấy đã khiến cho chàng nho sinh xa lâm vào cảnh hướng tiến thoái lưỡng nan:

Quần tư dùn dằng đi chẳng dứt

Đi thì cũng, dợ ở không xong

Từ láy thuần Việt "dùn dằng" có lẽ là biến âm của "nhùng nhằng" chỉ tình thế quanh quẩn, khó quyết định dứt khoát. Còn từ "dợ" ở đây có lẽ

không nhằm chỉ tình trạng xấu, kém mà hiểu rộng từ ngữ cảnh thơ là sự tiếc rẻ. Không có sự phân thân nào lại được biểu trưng sinh động như thế giữa một bên là sự sống hồn nhiên, đòi hỏi tự nhiên của tuổi trẻ bằng nghịch cảnh: chàng nho sinh đứng trước cô thiếu nữ ngủ ngày của Bà Chúa thơ Nôm Hồ Xuân Hương.

Chính ý nghĩa phổ quát đậm đà tinh thần nhân bản ấy khiến cho người đời nhớ thơ Thiếu nữ ngủ ngày, cho dù thời gian đã phủ bụi trên trang thơ của Bà Chúa thơ Nôm vài trăm năm tuổi.

Thâm Tâm – thi ca và huyền thoại

Không phải cho đến khi thi sĩ Thâm Tâm vĩnh biệt cuộc đời, từ nửa thế kỷ nay, người ta mới nói về thơ ông và những huyền thoại tình yêu có một không hai trong làng thơ Việt lúc bấy giờ. Ngay lúc còn sinh thời, vào những năm cuối thập niên 30 và đầu thập niên 40, giữa lúc cao trào thơ mới đang hồi rực rỡ trên thi đàn, bỗng xuất hiện một Thâm Tâm Nguyễn Tuấn Trình lấp lánh sắc màu hoa Ty-gôn u buồn, lẻ loi một cõi thơ riêng với một tình yêu đắm say và dang dở. Đã nửa thế kỷ đi xa, nhưng bất cứ lúc nào nhắc về thi sĩ, ai cũng dễ liên tưởng đến một người con gái với cái tên T.T.KH đầy bí ẩn, đã đi vào thơ ông làm lộng lẫy một nỗi buồn, chon von một con đường thơ ca cô đơn và đầy nỗi niềm trắc ẩn.

Màu hoa Ty-gôn đã biến sắc

Tim người yêu cũ phụ màu tang

Đã không biết bao nhiêu giấy mực, sục sạo tìm kiếm cho ra cái nhan sắc của người con gái ký tên T.T.KH dưới những bài thơ đăng trên báo Tiểu Thuyết Thứ Bảy và những bài thơ hồi âm của Thâm Tâm. Nhưng mọi giả thuyết vẫn là những giả thuyết. Cho dù sau này, khi nhà thơ đã qua đời, cụ Nguyễn Vỹ (thi sĩ đồng thời với ông) đã chứng minh trong những dòng hồi ký của mình về cái tên bí ẩn ấy là ai. Nhưng có vẻ như người ta cứ muốn cái tên T.T.KH kia mãi hư ảo trong khói sương, đẹp nao lòng trong những câu thơ buồn của thi sĩ. Suy cho cùng, mọi cuộc tìm kiếm, cốt là để phụ họa cho cái nhan sắc ấy đã bí ẩn lại càng thêm bí ẩn, đã đẹp lại càng lộng lẫy hơn đến là huyền tưởng, hoang đường.

Giã từ những câu thơ buồn, cũng như nhiều nhà thơ khác thuộc thế hệ của mình, nghe theo tiếng gọi sơn hà, ông đã có mặt trong lớp những văn nghệ sĩ đầu tiên bước vào cuộc trường chinh kháng chiến chống Pháp. Vào những năm tháng làm báo ở mặt trận biên giới phía Tây-Bắc cùng với nhà thơ Vũ Cao, thì một cơn bệnh đột biến quái ác đã cướp mất cuộc đời tài hoa của một thi sĩ. Sự nghiệp văn chương nửa đường dang dở. Gia tài văn học ông để lại không nhiều. Một số vở kịch và truyện dài, truyện ngắn và thơ đã đăng trên các tờ báo trước đó. Cho mãi đến năm 1988, nhà xuất bản văn học mới tập hợp xuất bản một tập thơ "Thơ Thâm Tâm" độ chừng vài chục bài. ít ỏi là vậy, nhưng với một thi tài độc đáo, tác phẩm của ông đã và sẽ sống mãi với thời gian.

Thâm Tâm tên thật là Nguyễn Tuấn Trình, ông sinh vào ngày 12/5/1917 tại thị xã Hải Phòng trong một gia đình nghèo, đông con. Thời niên thiếu ông ăn học ở quê nhà, bước vào tuổi thanh niên ông và gia đình lên sinh sống ở Hà Nội. Nhờ năng khiếu hội họa và học ở nhà trường, Thâm Tâm bắt đầu cuộc đời vẽ vời kiếm sống. Cùng thời gian này, thơ ông đăng trên các tờ báo: Tiểu Thuyết Thứ Bảy, Ngày Nay, Tiểu Thuyết Thứ Năm... Do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, nghèo túng, đời sống lây lất eo sèo, ông đã nhìn cuộc đời với bao nỗi buồn vây bủa.

Tuy vậy, nỗi buồn đến với ông như một sự giằng xé, để rồi với một giọng điệu can trường, lúc nào cũng khao khát dán thân với một chí cả. Cũng cốt là để giải tỏa bớt những u uất, vùi vểnh những mong hé mở một chân trời, những bài thơ theo thể Hành đầy khí vị cổ xưa của ông ra đời đã chinh phục trái tim người đọc suốt nhiều thế hệ nửa thế kỷ nay. Một trong những đỉnh cao ấy, chắc rằng "Tống biệt hành" là đỉnh cao nhất. Chính từ đây ông đã nghiêm nhiên ngồi chung chiếu trong thi nhân Việt Nam. Cái chí cả "Tráng sĩ nhất khứ hề" *như một thứ men say cho thi sĩ bay lên trong ánh mắt hoan lạc nhìn ra một chân trời rộng mở.*

Đưa người, ta không đưa sang sông

Sao có tiếng sóng ơ trong lòng

....

Đa người ta chỉ đưa người ấy

Một giã gia đình một, dung dung

Có thể con đường dẫn thân ra đi ấy cũng là con đường mong manh và bẽ tắc

Chí lớn chưa về bàn tay không

Đành là vậy, nhưng thân trai tráng không thể bó tay trước số phận. Nên chí đã quyết, phải dứt áo lên đường

Người đi! ừ nhỉ người đi thật

Mẹ già coi như chiếc lá bay...

Tưởng nhớ ông, nhắc lại một ít khí vị "Tổng biệt hành". Từ những cảm xúc có thực ấy, ta hiểu ông đến với Cách mạng như một sự khai phóng được mở toang lồng ngực hít thở, hoà nhập vào thác lũ quân chúng nhân dân trong công cuộc kháng chiến chống ngoại xâm. ý thức công dân và trái tim của một thi sĩ đầy nhạy cảm giữa lúc dân tộc đang dầu sôi lửa bỏng, đã thôi thúc thi sĩ trở thành người cầm súng xông pha chiến trường. Thời gian này, ông công tác ở báo Vệ quốc quân (tiền thân của báo Quân đội nhân dân ngày nay). Một số thơ văn của ông trong giai đoạn này đã đánh dấu một quan điểm sáng tác mới gần gũi với nhân dân và công cuộc kháng chiến

Chiều mưa đường số 5

Đất tè sông quạnh vắng

Ngôi kín dưới nhà tranh

Nghe gió lùa ắng lặng

(Chiều mưa đường số năm)

Tiểu thay tài năng một thi sĩ đương độ ba mươi, ông ra đi để lại bao tiếc thương cho đồng đội, nhất là nền thơ ca Việt Nam mất đi một thi tài (ông mất vào ngày 18.08.1950)

Nửa thế kỷ trôi qua, nhớ đến nhà thơ, bất cứ ai cũng đều có thể cất lên: "Đua người, ta không đưa sang sông...". Cuộc đời và sự vọng tưởng một tài thơ chỉ ngần ấy. Nhưng trong mọi lớp học từ khắp mọi nơi, thì "Tổng biệt hành" là một áng thơ đã khảm khắc vào tâm hồn tất cả học sinh. Và đâu đó, bên chuyện kể về những tình yêu, về một thời thơ ca vang bóng trước Cách

mạng tháng Tám, người ta ít ai lại không nhớ đến cái sắc màu "hoa Ty-gôn" huyền thoại, một nỗi buồn khôn nguôi chuyện lúa đôi, mà chính thi sĩ là người gieo hạt giống mọc đến vô tận những mùa sau "Thôi em hãy giữ cành hoa úa. Kỷ niệm ngàn năm *một cuộc đời*"...

Nguyễn Nhã Tiên

Trăm năm nhớ một chuyến đò

Nhớ một tối giữa rừng Việt Bắc
Được xuống đò theo Bác sang ngang
Núi xa viền ánh trăng vàng
Có đôi mắt sáng điểm màn trời sao
Đó là Bác mà nào biết trước
Tương cụ già miền ngược sang sông
Dao rừng cài gọn bên hông
Gậy song cấp nách, túi vòng qua vai
Gần cập bến, nước lay sóng dựng
Đò tròng tránh tôi đứng nghiêng nghiêng
Cụ già dáng rất dịu hiền
Đa tay tôi vịn, tôi vin vững dần
Khi biết Bác, Bác lần đi khuất
Phía mé rừng phang phát ma bay
Tần ngần nhìn vọng hàng cây

Ấm ran da thịt hơi tay của Người
Chuyện cũ đã hai mươi năm trước
Còn dạt dào sóng nước sông Lô
Trăm năm nhớ một chuyến đò
Chênh vênh lại được Bác Hồ cầm tay

(Tháng 9 năm 1969–Thanh Tịnh)

Người được ca ngợi trong bài thơ "Trăm năm nhớ một chuyến đò" đã đi vào cõi vĩnh hằng 31 năm và tác giả bài thơ–nhà thơ Thanh Tịnh–cũng đã vĩnh biệt chúng ta tròn một giáp (1988) nhưng chuyện kể về Bác, bài thơ về Bác thì còn.

Đây là một bài thơ có sự tích. Cái tích ấy được kiểm chứng qua lời kể của nhà thơ Tố Hữu "Những năm ở Việt Bắc, Bác không đến những nơi người ta bố trí trước. *Bác cải trang và đi. Khi thì là một ông già Tây râu đen, mặc áo chàm ngồi trên mình ngựa; khi thì là một ông già Mèo đầu đội nón giang, dao rừng tra vào vỏ, cài bên hông*". Có đơn vị bộ đội đóng trại ở lưng chừng núi, Bác lên, đứng sững trước mặt các chiến sĩ, chỉ huy vẫn chưa biết. Khi biết là Bác, bộ đội đồng thanh hô "Bác Hồ muôn năm!" thì Bác cười hiền: "Leo núi mỗi chân lấm; các cháu cho Bác nằm võng nghỉ một lát rồi Bác nói chuyện thời sự cho mà nghe!"

Cho nên cái việc nhà thơ Thanh Tịnh được đi cùng Bác trong một chuyến đò qua sông Lô là rất dễ hiểu. Không ai nghĩ ông già "dao rừng cài gọn bên hông/ gậy song *cấp nách, túi vòng qua vai*" là Bác Hồ. Nhưng đến lúc "*Gần cập bến, nước lay sóng dặng/ Đò tròn trành tôi đứng nghiêng nghiêng/ Cụ già dáng rất dịu hiền/ Đa tay tôi vịn, tôi vịn vững dầm*" thì sự ân cần đó đã mách bảo nhà thơ rằng cụ già tốt bụng và chu đáo với mọi người đây là Bác Hồ.

Khi nhà thơ nhận ra thì "Bác dần đi khuất/ Phía mé rừng phẳng phất ma bay" ... Cái kỷ niệm đẹp đẽ ấy đã đọng mật trong tâm hồn Thanh Tịnh:

Chuyện cũ đã hai mươi năm trước
Còn dạt dào sóng nước sông Lô

Trăm năm nhớ một chuyến đò***Chênh vênh lại được Bác Hồ cầm tay***

Bài thơ được viết theo thể song thất lục bát với âm điệu ngọt ngào mang phong vị dân gian. Dù là chuyện thật 100% hay là chuyện nhà thơ "bịa như thật" thì cái cốt lõi của bài thơ vẫn là 100% vì cách sống của Bác, sự quan tâm của Bác đối với mọi người là như thế.

Nguyễn Bùi Vợi

Qua nhà – Nguyễn Bính

*Cái ngày cô chưa có chồng
Đường gần tôi cứ đi vòng cho xa
Lối này lắm bóm nhiều hoa...
(Đi vòng để được qua nhà đấy thôi)
Một hôm thấy cô cười cười
Tôi yêu yêu quá nhưng hơi mất lòng
Biết đâu lại ọa nói chồng:
"Làng này khối đũa phai lòng mình đây!"
Một năm đến lắm là ngày
Mùa Thu mùa cốm vào ngay mùa hồng
Từ ngày cô đi lấy chồng
Góm sao có một quăng đồng mà xa
Bờ rào cây bời không hoa
Qua bên nhà thấy bên nhà vắng teo
Lợn không nuôi được ao bèo
Giàu không dây chẳng buồn leo vào giàn*

Giếng khơi mưa ngập nước tràn***Ba gian đầy, ca ba gian nắng chiều***

Trong phong trào thơ mới giai đoạn (1930 -1945) khi nhiều nhà thơ có ý "hiện đại hóa" thơ mình về mọi mặt thì có một nhà thơ lặng lẽ, âm thầm sáng tác và đi theo một con đường riêng. Đó là Nguyễn Bính.

Đương thời, đánh giá về thơ Nguyễn Bính có nhiều ý kiến rất khác nhau. Thậm chí có người còn cho rằng, thơ Nguyễn Bính chỉ để những người mộc mạc "chân quê" đọc và thưởng thức mà thôi. Nhưng thật kỳ lạ càng trải qua thời gian hơi thơ mộc mạc, quê mùa, hương đồng gió nội ấy càng ăn sâu, bám rễ trong lòng người đọc. Nhiều thế hệ người Việt Nam đã đọc, đã thuộc và say mê thơ Nguyễn Bính. Chính hơi thở quê mùa, dung dị ấy là yếu tố khẳng định vị trí Nguyễn Bính trong nền văn học Việt Nam.

Những bài thơ tình yêu chiếm tỷ lệ khá cao trong thơ Nguyễn Bính. Nhiều bài thơ tình của ông rất nổi tiếng như: Tương tư, Mùa xuân, Người hàng xóm, Ghen... Mỗi bài thơ đều có nét đặc sắc riêng. Trong số những bài thơ tình của thi sĩ Nguyễn Bính, "Qua nhà" là bài thơ khá độc đáo. Xét về ý tứ, bố cục "Qua nhà" chia làm hai phần khá rõ: Tư tưởng tình cảm của nhân vật trữ tình "tôi" đối với cô gái thăm yêu, trộm nhớ trước và sau khi cô gái đi lấy chồng.

Tình yêu là lĩnh vực tình cảm cực kỳ tế nhị, phức tạp và đặc biệt bậc nhất của con người. Thi sĩ đã phát hiện và bộc lộ sự tinh vi, tế nhị, đặc biệt ấy trong " Qua nhà".

Có thể nói, khi đã thắm yêu, trộm nhớ hoặc ngầm để ý đến ai thì người đang yêu có đến hơn một nghìn cái cớ để đến với nhau. Có lúc chỉ cần nhìn thấy người thương một chút thôi, thế là thỏa mãn lắm rồi. Chẳng thế mà ngày xa để tạo điều kiện đi lại gặp gỡ Kiều, Kim Trọng đã chẳng thuê nhà trọ học ở gần nhà Kiều đó sao.

Cái ngày cô chưa có chồng

Đường gần tôi cứ đi vòng cho xa

Lối này lắm bướm nhiều hoa

(Đi vòng để được qua nhà đấy thôi).

Một người nào đó đã nói: khi yêu con người ta ai cũng trở thành thi sỹ. Tình yêu làm cảm xúc của con người dâng trào dào dạt. Trong mắt người đang yêu cảnh vật và ai cũng đẹp đẽ, thơ mộng biết bao.

Dấu chấm lửng sau câu thứ 3 và câu thơ thứ tư đặt trong ngoặc đơn thật là chân thành, ý vị. Nhà thơ đã phát hiện hết sức tinh tế tâm lý của người đang yêu. Tình yêu bao giờ cũng có cái lý riêng của nó. Nhiều khi điều vô lý hết sức lại nằm trong cái có lý vô cùng. "Đường gần tôi cứ đi vòng cho xa", vô lý quá! Nhưng lại rất có lý (đi vòng để được qua nhà đấy thôi).

Điều đáng nói là ở chỗ tình yêu của "tôi" với cô gái trong nhà thơ " Qua nhà" lại là tình yêu đơn phương, một phía: thầm yêu, trộm nhớ da diết nhưng chưa một lần dám thổ lộ, giải bày với người mình yêu. Con người ta mấy ai nói được lời yêu một cách mạnh bạo, tron tru đâu?

Thời gian cứ vô tình trôi đi. Tuổi xuân của người con gái có thì "hoa đến thì hoa phải nở, đò đầy, đò phải sang sông". Rồi một ngày kia đến duyên, cô gái cũng phải đi lấy chồng để lại trong lòng "tôi" một nỗi trống vắng mênh mông:

Từ ngày cô đi lấy chồng

Góm sao có một quãng đồng mà xa

Bờ rào cây bưởi không hoa

Qua bên nhà thấy bên nhà vắng teo

Lợn không nuôi đặc ao bè

Giàu không dây chẳng buồn leo vào giàn.

Tư tưởng, tình cảm, tâm trạng của " tôi" bây giờ quá đổi khác xa. "Cái ngày cô chưa lấy chồng" lại càng xót xa, buồn tủi bấy nhiêu.

Vẫn cảnh cũ, nhà xa nhưng giờ đây trong tâm tưởng của người yêu một phía, đơn phương thật khác xa: đường như xa hơn, bởi chẳng có bông hoa nào, nhà vắng teo, không nuôi lợn, bè đặc ao...Đến dây giàu không cũng thân thờ, nã ruột " chẳng buồn leo vào giàn". Cách mấy trăm năm Nguyễn Du đã viết những câu thơ đầy tâm trạng trong Kiều:

Canh nào, canh chẳng đeo sầu***Người buồn, canh có vui đâu bao giờ***

Khi chờ đợi, buồn tủi, ngóng trông người ta có cảm giác thời gian trôi đi chậm chạp như ốc, như sên. Khi vui vẻ, người ta có cảm giác thời gian vùn vụt như tên bay, đạn bắn. Đó là thời gian tâm lý. Với "Qua nhà", Nguyễn Bính đã thể hiện thời gian tâm lý, cảnh vật tâm lý của nhân vật trữ tình thật tinh tế, sâu sắc:

Giếng khơi mùa ngập nước tràn***Ba gian là, ca ba gian nắng chiều***

Bài thơ kết lại trong khung cảnh đầy hoang vu, xào xạc trống vắng đến tận đáy lòng. Tình yêu đơn phương, một phía được thể hiện trong thơ Nguyễn Bính khá nhiều. Mỗi tình đơn phương trong thơ Nguyễn Bính thật đáng nuối tiếc nhưng cũng đáng chia sẻ, cảm thông. Trước sau trong thơ Nguyễn Bính vẫn đầy ắp những hình ảnh thôn quê mộc mạc, chất phác. Đó chính là chất vàng mười của tâm hồn con người. Đó cũng chính là mảnh đất, nguồn nước nuôi dưỡng vun đắp cho cây đại thụ thơ Nguyễn Bính mãi mãi tươi xanh.

Nguyễn Đức Tâm

Ông đồ – Vũ Đình Liên

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua.
Bao nhiêu người thuê viết
Tám tắc ngợi khen tài
"Hoa tay thao những nét
Như phượng múa rồng bay"
Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu?
Giấy đỏ buồn không thấm
Mực đọng trong nghiên sầu...
Ông đồ vẫn ngồi đấy
Qua đường không ai hay
Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài trời mưa bụi bay

Năm nay đào lại nở

Không thấy ông đồ xa

Những người muôn năm cũ

Hồn ở đâu bây giờ?

Hình như văn học nghệ thuật nói chung và thơ ca nói riêng sinh ra là vì những nỗi buồn đau, những phen tủi hận, nghĩa là những nguồn cơn bất cực của con người hơn là dành cho những thời khắc sướng vui, hoan hỉ. Từ cổ kim đông tây, văn nghệ vẫn làm công việc ấy nhiều hơn, tài giỏi hơn, có hiệu quả hơn có lẽ cũng chính vì con người thực sự cần đến nó hơn trong những tình huống ấy. Và cũng bởi còn một lẽ đơn giản nữa là trong hoàn cảnh thuận chèo mát mái, thông đồng bén giọt, con người ít có dịp thể hiện được mình thật phong phú, tinh vi và phức tạp nh khi gặp khó khăn, trắc trở, gặp thất bại, bế tắc, thậm chí bị dồn đến chỗ cùng đường. Tuy nhiên, khi khai thác những mô típ kiểu ấy, những người viết kém tài thường sa vào mùi mẫn, khai thác quá đà chất bi lụy cải lương làm hạ thấp giá trị nhân bản và thẩm mỹ. Trong trường hợp này, tính liều lượng sẽ quyết định đẳng cấp giá trị của tác phẩm.

Nhận định trên có thể dành chung cho mọi tác phẩm nghệ thuật cùng loại, sở dĩ đặt vào đây là bởi một bài thơ như "Ông đồ" là rất tiêu biểu để minh họa cho ý tưởng này.

Ấn tượng đầu tiên khi đọc bài thơ này là nó hoàn toàn mang dáng vẻ tự nhiên, không một dấu vết sắp xếp, bày đặt. Nó phần nào giống như một bức tranh, hay đúng hơn, như một đoạn phim ghi nhanh mà tác giả của nó bất ngờ chớp được trên đường phố. Những cảnh như thế xưa nay vẫn có đầy ra đấy, nhưng không mấy ai để ý ngắm nghía chứ đừng nói là ghi lại để lưu giữ cho mình. Thế rồi thốt nhiên xuất hiện một con người với trái tim và cặp mắt đầy mẫn cảm và nhạy cảm với nỗi đời và nỗi người, lại được hỗ trợ bởi một năng lực sử dụng ngôn từ tinh thông của một thi sĩ, cái cảnh trí tầm thường nọ bỗng thăng hoa thành một tác phẩm thơ làm rung động lòng người. Cái cảm giác nhật được, như thiên phú của bài thơ khiến nó càng quý giá.

Cả bài gồm năm khổ, mỗi khổ có năm chữ, gọn và chặt mà vẫn đầy đủ, không thừa không thiếu một chữ. Từ mấy dòng giới thiệu "mỗi năm hoa đào nở/lại thấy ông đồ già..." bắt vào khổ thơ then chốt của phần đầu-phần khởi sự vui

về của câu chuyện—tác giả cũng chỉ sử dụng có vẻ vụn hai câu cửa miệng giản dị: "Hoa tay thảo *những nét/ như phượng múa rồng bay*". Thế là xong một cao trào thơ. Tiếp đấy, chuyển sang đoạn nói tâm thế xuống dốc, cũng chỉ với vài dòng rất tiết kiệm: "*Nhưng mỗi năm mỗi vắng/ người thuê viết nay đâu*"... ở đây chỉ xin nói thêm một chút về mặt nghề nghiệp, kỹ thuật: Cách chuyển tiếp, móc nối trong văn mạch lăm lăm không hề dễ dàng một chút nào, thậm chí thường khi chúng còn là một trong những thước đo tài năng điều khiển ngôn từ của người viết—chuyển mạch nhanh và gọn như tác giả "Ông đồ" ở đây cũng đã tài là vậy. Đoạn thơ cơ bản nhằm cực tả cái cảnh thê lương của nghề viết thuê chữ Hán và là sự ám ảnh ngày tàn của nền Nho học được viết ra bởi một trái tim cảm thương thăm thẳm:

Giấy, đo buồn không thấm

Mực đọng trong nghiên sâu...

Ông đồ vẫn ngồi đấy

Qua đường không ai hay

Lá vàng rơi trên giấy

Ngoài trời mưa bụi bay

Hai câu đầu với việc dùng thủ pháp nhân cách hoá, thổi nổi "buồn", "sâu" vào lũ giấy mực là tác giả đã mặc nhiên đem tình riêng can thiệp vào cảnh, không còn là ngôn ngữ của khách quan, nhưng đến "lá vàng rơi trên giấy/ ngoài trời *mưa bụi bay*" thì mặc dù không hề trực tiếp tỏ thái độ, nhưng tự thân hình tượng thơ quá biểu cảm đã nói hộ tất cả tấm tình xót thương vô hạn của người viết trước cái chết từ từ và không gì cứu vãn nổi của cả một lớp người, một thời đại, một nền văn hiến vốn đã có mấy ngàn năm gắn bó với mảnh đất này. Bằng chủ yếu ngôn ngữ khách quan của tả và kể, người viết đã để lòng mình lặng lẽ tràn trên mặt giấy. Đó là cái cách mà nghệ thuật vẫn làm lay động hồn người—cái cách không bình luận, chẳng trực tiếp bày tỏ thái độ, mà cứ để mặc cho những cảnh, những chuyện thay người nói lên tất cả những cảm xúc—thứ cảm xúc đa tầng, đa nghĩa, đầy u uẩn mà chỉ có ngôn ngữ nghệ thuật mới có thể cất lên. Rốt cuộc, chỉ có hai câu kết:

Những người muôn năm cũ

Hồn ở đâu bây giờ?

mới là ngôn ngữ trực tiếp của tác giả. Những từ ngữ hàm chứa và chính xác— "muôn năm cũ", "hồn ở đâu"—đã cô đúc cả sức nặng tâm linh và ý thức của người viết vào trong một câu hỏi băng khuâng không lời đáp, như muốn gọi đến tất cả xa sau, tất cả những ai đã sâu, đã cảm trong chúng ta nỗi khắc khoải về một nỗi đau nhân thế không dễ gì xoa dịu nổi.

Anh Ngọc

Nước với quê hương

*Đêm rừng già đi nghe mưa rơi
Một mảnh áo tươi che chẳng kín người
Nước chảy qua môi, hớp từng ngụm nhỏ
Bỗng nhớ mẹ ngồi bên ấm gio
Nước với mận nồng
ngọt ngào chuyện cũ
Ôi nhớ sao,
Mảnh vườn quê hương ta đó
Cây với già bạc phéch nắng mưa
Mỗi nhánh mốc gầy đều in dấu tuổi thơ
Tháng năm tới cảnh chỉ còn thấy nụ
Nụ chín vàng mẹ lấy vào dấm u
Hạt khô ròn trong nắng nhỏ xôn xao
Rồi những ngày ngâu tràn chum nước gốc cau
Những tháng rét trai rơm làm ổ ngủ
Bắc ấm nước mưa, con ngồi nhóm lửa*

*Nụ tích mấy mùa mẹ lại se ra pha
Chén nước ấm nồng ngai ngái vị thuốc ta
Mà nhấp khẽ hơi cứ ngọt ngào đầu lưỡi
Con u tay dưới nắp bông nóng hôi
Nghe rì rầm câu chuyện cũ năm nao
Có gà chín cựa, ngựa chín hồng mao
Trận thuy chiến nước dâng cuộn cuộn
Cô gái láng giềng lén sang nghe trộm
Bỗng hỏi dồn:
– Sơn Tinh thắng hay không?
Mẹ ơi,
Quê ta đêm nay có nặng hạt mưa giông
Ấm với đặc chắc vẫn nồng trong gió
Tháng năm rồi, với trong vườn kết nụ
Cô láng giềng còn hái giúp mẹ không?
Chúng con đi giữa rừng đêm mưa xối
Lòng vẫn ngọt ngào vị nước với quê hương
Súng chắc trong tay, gạo cuốn bên sườn
Theo bước chân nhau gạt cây băng tới
Đất nước mình còn đạn thù cày xới
Giục giã chúng con nhanh bước trong mưa
Mẹ hãy nói giùm con với cô gái tuổi thơ:
– Ta sẽ thắng hơn Sơn Tinh thủa trước!*

Con sẽ về với bao nhiêu hẹn ước

Bên ấm với nòng kể lại mẹ những chiến công

Thoang thoang đầu nhà nụ với đưa hương

(Nguyễn Trọng Định)

Nhà thơ, nhà báo Nguyễn Trọng Định hy sinh năm Mậu Thân, khi mới 26 tuổi, ở mặt trận Quảng Nam, nơi anh có mặt với tư cách là phóng viên Mặt trận của báo Nhân dân. Đời người và đời văn của anh thật ngắn ngủi, nhưng may mắn anh đã kịp để lại một số tác phẩm, dẫu ít ỏi, nhưng phản ánh đúng con người và tâm hồn anh, mà Nước với quê hương có lẽ là một trong những bài tiêu biểu.

Tôi có may mắn là bạn học cùng lớp và còn chơi khá thân với Nguyễn Trọng Định ở Khoa Văn, Đại học Tổng hợp, khoá 1961–1964, và tôi biết Nước với quê hương *được Định viết từ lúc ấy, nghĩa là trước khi anh đi chiến trường khá lâu. Tuy nhiên* đạo ấy không khí chiến tranh đã từ miền Nam tràn ra cả nước và đúng là khí thế "toàn quân toàn dân một ý chí" đã bùng lên, mà mô típ chủ đạo của bài thơ này phản ánh rất rõ. Bài thơ mang đậm thần thái của thế hệ trẻ lúc ấy chuẩn bị bước vào cuộc chiến đấu một mất một còn với đế quốc Mỹ. Chỉ là chuẩn bị hoặc cùng lắm là mới bắt đầu vào cuộc, chứ cha hản đã là tâm trạng của những cựu binh dạn dày chinh chiến. Nó vẫn còn nguyên cái vẻ tươi tắn đến thơ ngây với một niềm tin chủ yếu bắt nguồn từ những nhận thức tiếp thu được từ nhà trường và sách vở.

Nhận thức ấy có lẽ còn bắt nguồn từ xa hơn nữa, trong cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại của Liên xô (cũ) với câu nói nổi tiếng của Ilya Erenbua vốn đã thành châm ngôn của thế hệ chúng tôi "Tình yêu Tổ quốc bắt đầu từ tình yêu những vật tầm thường nhất..." Nghĩa là mô típ chung của dòng thơ này chủ yếu là cất nghĩa lý do và lý giải sức mạnh của cuộc chiến đấu của chúng ta. Sức mạnh đó bắt nguồn từ phía sau người lính, tức toàn bộ những tình yêu thương, gắn bó ruột thịt với con người và mảnh đất quê hương... và mặt trái của nó đương nhiên là lòng căm thù quân giặc. Đó có lẽ là dòng thơ chủ yếu của thời đầu chống Mỹ. Nó bao gồm hầu hết các bài trong tập Hương cây, bếp lửa (Lưu Quang Vũ, Bằng Việt), Hoa dọc chiến hào (*Xuân Quỳnh*), các bài *Hương thơm, Xóm đê của Phan thị Thanh Nhàn* và ở nhiều người viết khác... Ngay cả người

viết những dòng này cũng góp vào đó những Bên lở bên bồi, Tiếng mía quê ta, Cao điểm... (trong tập Hương đất, màu cờ)

Nước với quê hương nằm trong dòng chảy đó. Cho nên về mặt ý tưởng không có gì phải bàn thêm. Nó đúng và cần trong hoàn cảnh ấy. Mà cũng không thể nào khác được. Vấn đề là ở chỗ: cùng xử lý một nội dung ấy, nhưng mỗi người viết phải tìm một cách riêng, một chất liệu và giọng điệu riêng để có quyền tồn tại trong lòng bạn đọc. Với Lưu Quang Vũ thì hậu phương đó là một khu vườn của tình yêu, một mùi hương lá bưởi, lá chanh; với Xuân Quỳnh là một tiếng gà tra gọi về tuổi thơ và mẹ; với Phan thị Thanh Nhân là một kỷ niệm khó quên về cái xóm đê lam lũ mà nặng tình nặng nghĩa, hoặc một thoáng khắc da diết không nói nên lời của thuở ban đầu lưu luyến trong Hương thầm...

Còn với tác giả Nước với quê hương thì xem ra là gồm gần như đủ cả những người, những cảnh. Trên cái nền tình cảm chung với quê hương, với mẹ, với cô gái láng giềng, Nguyễn Trọng Định đã khéo chọn một sợi chỉ đỏ để liên kết tất cả: ấy là cái mùi vị của thứ nước uống dân dã, đặc thù của những làng quê nghèo Việt Nam–nước với. Những tình cảm, những ân nghĩa sinh ra trong nghèo khổ, cơ cực bao giờ cũng là những tình cảm thấm thía và lâu bền nhất. Chao ôi, là cái thứ nước vô địch thường không mất tiền mua, thứ nước uống có đâu nh từ thời các Vua Hùng đến lập nghiệp ở xứ ta, bỗng chốc trở nên thương mến lạ thường khi con người đã trót nặng tình quê kiểng:

Cây với già bạc phéch nắng mưa

Mỗi nhánh mọc gầy đều in dấu tuổi thơ

Uống thì cũng như ăn, người xa thường dạy: tiếng chào cao hơn mâm cỗ, bữa tiệc không quan trọng bằng cách mời. Nước với ở đây đâu còn chỉ là thứ nhu yếu phẩm vật chất, mà nó đã là một phần của hồn người. Nó được hái từ thân cây vẫn toả bóng xuống vườn nhà, toả hương vào tuổi thơ. Cái ngon ngọt ở đây chính là ở công sức chăm cùi và tấm lòng nâng niu, trân trọng của người mẹ nghèo:

Nụ chín vàng mẹ lấy vào dấm u

Hạt khô ròn trong nắng nhò xô xao

Nắng nhỏ là gì? Sao lại xôn xao? Tôi không thể và cũng không muốn cắt nghĩa thật tận tường. Có những vẻ đẹp tự thân nó đã nói lên tất cả. Người tò mò, hiếu kỳ cũng phải đứng xa ra một chút. Tôi chỉ chợt nhớ đến Nguyễn Duy khi anh viết về cái đêm hành quân lỡ độ đường, được người mẹ đồng chiêm lót ổ rom cho ngủ:

Rom vàng bọc tôi như kén bọc tằm

Tôi thao thức trong hương mật ong, của ruộng

Trong hơi ấm hơn chăn đệm

Của những cọng rom xơ xác, gầy gò

Cái hương vị nước vối của Nguyễn Trọng Định và hơi ấm ổ rom của Nguyễn Duy gần nhau biết mấy, mặc dù một bên là từ mẹ đẻ, một bên là của người mẹ lớn nhân dân

ý thơ độc đáo nhất và cũng là cái đỉnh trong hệ thống hình ảnh của bài thơ nằm ở câu: *Chén nước ấm nồng ngai ngái vị thuốc ta. Cái lý thú của câu thơ là ở* chi tiết thực của quan sát, tưởng đơn giản nhưng không có một độ nhạy cảm tinh tế khó mà nắm bắt được, và lại chính nhờ cái gốc thực đến cụ thể, chi tiết nh thế mới neo giữ cho những suy tư, cảm xúc khác có thể bay bổng rộng dài. Bởi đằng sau nó là quê hương, là mẹ, là em, là những kỷ niệm tuổi thơ—mà một trong những kỷ niệm ấy là những câu chuyện mẹ kể bên bập bùng bếp lửa. Dễ dàng thấy là cả câu chuyện kể và hình ảnh cô gái lảng giềng đều là phép bày đặt của người viết. Tạo dựng đấy, nhưng vững tay, hợp nơi hợp lúc, nên thuận lẽ, thấu tình và có sức truyền cảm.

Đương nhiên, sau nhiều năm đọc lại, bên sự phối hợp, tươi tắn của ngày nào, ta cũng thấy dấu vết của những hạn chế mà thời gian để lại trên bài thơ. Về lạc quan có phần dễ dãi, nổi nênh; cách bày biện, dẫn dắt, mở đóng bài thơ thể hiện rõ cách thức lập ý, dùng lời của một thời còn khá đơn giản. Tuy nhiên, nói sau bao giờ cũng dễ. Vào thời ấy, viết được một bài thơ như Nước vối quê hương của Nguyễn Trọng Định đã là một thành công thực sự.

Anh Ngọc

Nhớ – Hồng Nguyên

*Lũ chúng tôi,
Bọn người tứ xứ,
Gặp nhau hỏi chưa biết chữ
Quen nhau từ buổi "một hai"
Súng bắn chưa quen,
Quân sự mươi bài,
Lòng vẫn cười vui kháng chiến
Lột sắt đường tàu
Rèn thêm dao kiếm
áo, vai chân không
Đi lòng giặc đánh,
Ba năm rồi, gửi lại quê hương,
Mái lều gianh,
Tiếng mõ đêm trường,
Luống cày đất, đo
ít nhiều người vợ trẻ*

*Mòn chân bên cối gạo canh khuya.
Chúng tôi đi
Nắng mưa sồn mép ba lô,
Tháng năm bạn cùng thôn xóm
Nghỉ lại lưng đeo
Nằm trên dốc nắng
Kỳ hồ lưng nhau ngang bờ cát trắng
Quờ chân tìm hơi ấm đêm mưa
– Đẳng nớ vợ chưa?
– Đẳng nớ?
– Tớ còn chờ Độc lập
Ca lũ cười vang bên ruộng bắp
Nhìn o thôn nữ cuối nương dâu.
Chúng tôi đi mang cuộc đời lưu động
Qua nhiều nơi không nhớ hết tên làng
Đã nghỉ lại rất nhiều nhà dân chúng
Tôi nhớ bờ tre gió lộng
Làng xuôi xóm ngược mái rạ nh nhau
Có nắng chiều đột kích mấy hàng cau
Có tiếng gà gáy sớm
Có "khai hội, yêu cầu, chất vấn"
Có mẹ hiền bắt rận cho những đứa con xa
Trăng lên tập hợp hát om nhà*

Tôi nhớ

Giường kê cánh, cửa

Bếp lửa khoai vùi

Đồng chí nớ vui vui

Đồng chí nớ dạy tôi năm tối chữ

Đồng chí mô nhớ nữa

Kể chuyện Bình Trị Thiên

Cho bày tôi nghe ví

Bếp lửa rung rung đôi vai đồng chí

– Thưa trong nớ hiện chừ vô cùng gian khổ

Đồng bào ta phai kháng chiến ra ri.

Đêm đó chúng tôi đi

Nòng súng nghiêng nghiêng

Đường mòn thấp thoáng...

Trong điểm nhỏ

Mười người trai tráng

Sờ chuôi lựu đạn

Ngồi thổi nùn rom

Thức vừa rạng sáng

Nhìn trời sương nhảm bước chúng tôi đi

Chúng tôi đi nhớ nhất câu ni

Dân chúng cầm tay lắc lắc

Độc lập nhớ ghé viên chơi cho chắc.

"Nhớ" là một bài thơ hay của Hồng Nguyên. Hồng Nguyên tên thật là Nguyễn Văn Vọng, sinh năm 1922, mất năm 1954. Bài thơ "Nhớ" được viết vào năm 1946 khi nhà thơ sắp lên đường vào Vinh làm việc ở tờ báo Dân Mới. Bài thơ "Nhớ" gắn với bút danh Hồng Nguyên từ đó để thời gian vẫn nhớ tới một gương mặt thơ tài hoa mà đoản mệnh của xứ Thanh.

Nói đến bài thơ "Nhớ", Nhà thơ Hà Quang Nguyên, PCT Hội Văn Nghệ Thanh Hoá cho rằng: "Nhớ" là một sự lột xác tài tình. Hồng Nguyên cha bao giờ viết trực trặc phá luật như thế mà vẫn được cái hay, cái khí phách của người lính vệ quốc. Từ ngạc nhiên đến hứng thú, "Nhớ" làm tôi ứa nước mắt khi nghe đọc ở Hội trường Tam Lạc. Trong một bài báo viết về bè bạn, nhà báo Minh Đệ viết: "Cái còn lại trong lòng người thân bè bạn và những người yêu thơ là bài thơ "Nhớ". Rất ít có những nhà thơ với một tác phẩm duy nhất đã gây được trong lòng người đọc như Hồng Nguyên với bài thơ "Nhớ".

Bài thơ "Nhớ" của Hồng Nguyên là vậy. Với ông, thơ là ký ức của cuộc đời. "Nhớ" chính là ký ức về cuộc đời chiến sĩ, một cuộc đời lưu động với bao kỷ niệm khó quên, nhớ thương da diết của thuở ban đầu bước vào cuộc kháng chiến, là điểm tựa, điểm gặp gỡ quen thân của người chiến sĩ.

Lũ chúng tôi**Bộ người tứ xứ.****Gặp nhau hồi chưa biết chữ****Quen nhau từ buổi một hai**

Điểm tựa phát ra những tia sáng đầu tiên cho nỗi nhớ khác với bài thơ "Đồng chí" của Chính Hữu bắt đầu từ những điểm rời, từ những điểm phân tán " Quê hương anh nước mặn đồng chua. Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá" để đi tới cái ta, cái chung "Đồng chí".

Tình đồng chí được thể hiện trong "Nhớ" là hình ảnh người chiến sĩ gắn bó với nhau từ trận đánh đầu tiên trong cuộc kháng chiến chín năm. "Lột sắt đường tàu rèn thêm dao, kiếm, áo vải chân không đi tìm giặc đánh". Hình ảnh thật rắn rỏi sinh động. Hơi thở thật chắc khỏe, hào hùng. Tất cả đều tạc vào nỗi nhớ những ấn tượng khó quên.

Kỷ niệm về tình đồng đội của những người lính vệ quốc quân gắn liền với những hình ảnh bình dị mà đẹp lạ lùng:

Kỳ hộ lưng nhau, ngang bờ cát trắng

Quờ chân tìm hơi ẩm đêm mưa

Chi tiết "Quờ chân tìm hơi ẩm đêm mưa" vừa gần gũi, thiết thực đối với cuộc sống đầy gian lao của những người lính vệ quốc năm xa. Hồng Nguyên thực sự tài hoa khi ông viết về những cung bậc tình cảm người lính trong những ngày hành quân ra trận. Nỗi nhớ nhà, nhớ vợ con luôn thôi thúc người lính. Tình thương vừa cụ thể, vừa khái quát, lại dân dã lại đầy xao động.

ít nhiều người vợ trẻ

Mòn chân bên cối gạo canh khuya

Nỗi nhớ hiện hữu ngay cả trong tiếng cười trẻ trung trong sáng của người lính từ vùng quê nghèo khó ra đi.

-Đằng nó vợ chưa.

-Đằng nó?

-Chưa. Tớ còn chờ độc lập

Ca lũ cười vang bên ruộng bắp

Nhìn o thôn nữ cuối nương dâu.

Độc lập, niềm khát khao mơ ước và hạnh phúc. Đó là điểm tụ thứ hai của người lính về với người lính, để người lính trở về với nhân dân, và để nỗi nhớ lại cháy lên tia sáng mạnh mẽ tiếp theo

Tôi nhớ bờ tre gió lộng

Tôi nhớ giường kê cánh, cưa

Chúng tôi đi nhớ nhất câu ri

Dân chúng cầm tay lắc lắc

Độc lập nhớ ghé viên chơi cho chắc.

Tình đồng chí, đồng đội là nguồn mạch cho nỗi nhớ. Và hơn thế nữa đã làm nên sức mạnh của dân tộc, của cuộc kháng chiến, là khát vọng của độc lập, tự do. Những kỷ niệm bùng lên, lan toả miên man qua những con đường mòn thấp thoáng, những xóm làng, lung đèo, dốc nắng của người lính "Nắng ma sơn mếp ba lô" để lại trở về với hình ảnh "Dân chúng cầm tay lắc lắc. Độc lập nhớ ghé viên chơi cho **chắc**"

"Nhớ" như một bản nhạc hay, giàu tiết tấu, giai điệu, lay động lòng người. Nhịp thơ biến tấu theo những câu dài ngắn khác nhau, có những câu chỉ hai âm tiết, cũng có những câu nhiều âm tiết nhằm diễn đạt những cung bậc tình cảm và cảm xúc của nhà thơ. "Nhớ" được viết theo thể thơ tự do, tự do nh nỗi nhớ, nh cuộc đời giản dị mộc mạc chân thành tha thiết. Những câu hỏi câu kể đầy tính khẩu ngữ mang bản sắc của một địa phương, một vùng đất, thuật ngữ chính trị một thời "khai hội", "yêu cầu", "chất vấn" vẫn được dung nạp vào thơ vừa tự nhiên thanh thoát, vừa gợi cảm.

Sau Cách Mạng Tháng Tám, đi vào kháng chiến với những hình ảnh cuộc sống và con người mới, Hồng Nguyên đã thành công bài thơ "Nhớ"—một trong số không nhiều những bài thơ hay nhất của kháng chiến chín năm hào hùng và đã chói sáng trong nền thơ Việt Nam mấy chục năm qua.

Vương Hồng Hoan

Ngôi nhà tâm hồn trong thơ Hoàng Phủ Ngọc Tường

(Nhân đọc tập thơ " Người hái phù dung" của Hoàng Phủ Ngọc Tường)

Tập thơ "Người hái phù dung", chủ yếu là nỗi buồn, nỗi buồn viết hoa được nâng lên thành triết lý, có sức ám ảnh lớn về những điều muôn thở, liên quan đến sự "hiện sinh" của tác giả, rộng ra, đến khắp cả kiếp người: Tình yêu, sự sống, cái chết... Tất cả đều được nhà thơ tư duy bằng kinh nghiệm buồn của chính mình thông qua sự đối chiếu với các phạm trù như: thời gian, tình yêu, cuộc sống...

Mở đầu tập "Người hái phù dung", tác giả đã khái quát một cách triết học về sự mỏng manh, ngắn ngủi của thời gian đời người qua sự đổi màu của loài hoa phù dung cánh trắng:

Anh hái cành phù dung trắng

Cho em niềm vui cầm tay

Màu hoa như màu ánh nắng

Buổi chiều chợt tím không hay

Từ tứ thơ độc đáo này, bằng việc quan sát, so sánh với các sự vật, hiện tượng chung quanh và sức liên tưởng độc đáo, tác giả đã triển khai và chứng minh thành mệnh đề triết học đầy sức ám ảnh về sự "xuân ngọc" của thời gian

sống một đời người. Từ đó, rút ra ý nghĩa và khát vọng vĩnh cửu về sự hiện diện của những người con biết sống:

Dù năm dù tháng em ơi

Tim anh chỉ đập một đời

Nhưng trái tim mang vĩnh, cửu

Trong từng hạt máu, đo tươi

(Dù năm dù tháng)

Hoàng Phủ Ngọc Tường luôn có ám ảnh phù du. Nó ăn sâu trong tiềm thức và kinh nghiệm sống của anh. Đời người cũng nh con phù du kia, sinh ra để yêu, để khát vọng, bùng sáng rồi chết? Khác chăng là con người hay buồn và mơ mộng, bởi lẽ, "Nỗi khát vọng vô cùng" đã "ném vào tận đáy" vẫn còn dang dở nhưng lòng tin thì cứ mãi sáng trong "Dù năm dù tháng", "Nói với bóng mình in trên vách", "Nói tôi gửi bóng", "Đêm qua"...là những khám phá nghệ thuật bất ngờ về sự sống, cái chết được tư duy bằng quy luật của thời gian và "ngôi nhà tâm hồn" của chính tác giả. Vì vậy, vừa triết lý vừa nhân bản.

Chính trên hệ quy chiếu này mà trong tình yêu, Hoàng Phủ Ngọc Tường cũng có cách trầm tư ảo diệu. Anh quan niệm, với tình yêu không thể giản đơn bởi đó là hành vi và tiếng nói vi tế, kỳ lạ nhất của trái tim. Cho nên người nào đau khổ trong tình yêu mới có thể rút ra những triết lý cho riêng mình. Với tác giả, Tình yêu là một kinh nghiệm buồn:

Thôi em, cam tã chờ mong

Ngày anh đi hái phù dung chưa về

Đêm qua hương đã tàn mê

Mày ai còn dấu trắng thề nh in

(Đêm qua)

Câu thơ đẹp như lời kinh sám hối. ở một nơi xa nào đó, có một người con gái chờ đợi thủy chung, còn anh thì mãi mê với một loài hoa bất chợt đổi thay. Nhưng em có biết đâu, nơi này, trong những giấc mơ hồng, bóng em vẫn "chờn chờn" bên anh: này môi, này mắt, này trắng.

Chính bằng kinh nghiệm ấy mà thơ tình Hoàng Phủ Ngọc Tường tuy buồn nhưng vui vợi, mang vẻ đẹp lung linh, tình sử. Nỗi đau, hạnh phúc trên kỷ niệm giận hờn của anh cũng lạ và xúc động biết bao.

Trên kỷ niệm giận hờn

Có ngôi sao chiều tím

Là môi em cúi xuống

Trên mình anh vết thương

(Bài ca sao)

"Dạ khúc" là một tình sử buồn diễn tả bằng ngôn ngữ bi kịch. Khi nụ hôn nồng nàn vừa trao cũng là khi nỗi đau đoạn trường. "Ngọt ngào như trái nho tươi" bắt đầu từ đây. Và còn đây những điệp khúc ngân vang, kéo dài như những lời tự vấn trong đêm.

Có buổi chiều nào mộng mị vây quanh

Nửa vành mi cong hờn dỗi

Em xoa muện sâu trên gối

Rối bời như mớ tơ xanh

Để có một buổi chiều, trong căn phòng đầy bóng tối- "Anh lặng thầm như là cái bóng- Hoa tàn một mình mà em không hay"

Nếu trước đây Tản Đà tự nói về mình một cách trần trụi của một con người thích tận hưởng và xê dịch thì ngày nay Hoàng Phủ Ngọc Tường lại nói về mình một cách tâm linh, quặn thắt qua nét vẽ bằng thơ.

Vẽ tôi một nửa mặt người

Nửa kia mê muội của thời hoang sơ

Vẽ tôi một tiếng mơ hồ

Bàn tay em vỗ bên bờ hư không

Vẽ tôi một đóa bông hồng

Tàn phai từ bữa em cầm trên tay

Vẽ tôi một nét môi cười

Một dòng nước mắt, một đời phù du.

(Vẽ tôi)

Ngay cả nơi ở của mình, anh cũng có cách liên tưởng bất ngờ độc đáo: " Nhà tôi ở phố Đạm Tiên". Nơi đó, có mùi hương của cỏ hoa kết thành nỗi sầu huyền thoại. và có một chàng lãng tử lang thang mơ mộng, rồi nằm ngủ dưới trăng mơ thấy một nàng tiên nữ từ chốn vĩnh hằng nhìn mình nhưng không bao giờ hạnh ngộ. Giấc mơ ấy đã thành hiện thực cô đơn, chỉ còn lại thi nhân ,mang nỗi buồn thong cổ qua hình ảnh hao gầy của ngọn nến hồng đang tan từng giọt giấc mơ.

Tôi còn ngọn nến hao gầy

Chạy nh nước mắt từ ngày sơ sinh

Tôi xin em chút lòng thành

Cài lên một phiến u tình làm hoa.

(Địa chỉ buồn)

Với thơ, anh quan niệm: Mỗi người chỉ thực sự là chính mình trong căn nhà của mình. Thơ cũng vậy. Thơ cần phải trở về căn–nhà–ở–đời của nó là nỗi buồn. Một quyền của thi sĩ là quyền được buồn.

Hoàng Phủ Ngọc Tường hay lo âu về cái chết (thực chất cũng là nỗi buồn) trong tương quan với sự sống. Đó cũng chính là kiểu tư duy triết học. Bằng vốn triết học, văn học, sử học của mình, anh đã triết luận về những vấn đề trên một cách sâu sắc.

Khi chia tay người yêu, mang nỗi buồn thân phận nên hoa của hồn thi sĩ cũng tàn trong phút chốc, không còn ai để khóc và "Anh chết một mình trong đêm qua".

" Nói với bóng mình trên vách" cũng là cách nghĩ suy về cái chết –sự kết thúc một vòng "luân hồi ", nhưng vẫn mang theo hơi ấm của sự sống, của khát vọng đời người.

Món quà tặng sau cùng đòi dành cho anh

Là nắm đất u hơi bàn tay bè bạn

Sẽ gọi theo anh.

Trước cái vô thường của tạo hóa, sự sống vẫn cao hơn cái chết

Ôi! Cuộc sống đáng quý biết bao nhiêu!

Nhưng rồi, đòi người ai cũng về với cỏ, điều đáng sợ nhất là khi từ già cõi đời "Không còn lại gì trong những người khác". Đó là thơ có ích, thơ cuộc đời.

Nỗi buồn trong thơ Hoàng Phủ Ngọc Tường mang màu sắc Đông Phương, gần gũi với con người hiện đại, được thể hiện bằng ngôn ngữ trữ tình, trang nhã. Vì vậy, sức bật của câu chữ, nét vang ngân, huyền ảo của âm nhạc, hội họa cứ hiện lên một cách quỳến rũ.

Thiên nhiên trong thơ anh luôn xuất hiện nh một niềm ân huệ.. Nỗi buồn không tìm đến thiên nhiên, để bằng ngôn ngữ của thiên nhiên mà thanh lọc và tiếp tục mơ mộng thì nỗi buồn sẽ không đủ sức đi tiếp cuộc hành trình đau khổ của nó. Hoàng Phủ Ngọc Tường ý thức sâu sắc về điều này. Anh biết ơn từ cánh phù dung đến sương mù, cỏ lau; từ cánh hồng, bông violet nhỏ đến hoa sầu đông là những niềm vui mong manh, bé nhỏ dễ bị bỏ rơi. Đồng thời anh cũng biết ơn những cái vĩnh hằng cao rộng như bầu trời, vàng trắng, ngọn lửa, vì sao... là những vẻ đẹp hướng thọng bền vững, rạo rục có khả năng thanh lọc và làm cao sang nỗi buồn.

Thưa rằng người đã quên tôi

Tôi về chơi với ngọn đời, cỏ may

Khát vọng tự do của anh cũng khác. Đó là khi đã đi kết cuộc kiếm tìm và thực hiện lời nguyện dâng hiến.

Tôi trở về tìm trong hương, cỏ

Dịu dàng một chút bình yên

Tự do nhiều khi là im lặng

Để đừng nghe ai gọi tên

(Tôi biết nơi kia có một chỗ ngồi)

Hoàng Phủ Ngọc Tường luôn quan niệm cái hiện sinh của con người là chính ở vốn ký ức trong tâm hồn mình qua từng niềm vui, nỗi buồn gắn với những hoàn cảnh và quan hệ cụ thể; trong đó có sự tự do lựa chọn của chính mình. Cho nên triết lý về nỗi buồn trong thơ anh mang nỗi đau và khát vọng đời thường, đánh thức ở người đọc những đồng cảm, suy tư thâm trầm sâu sắc. Với Hoàng Phủ Ngọc Tường, tự do của thơ, cũng chính là của bản thân anh là nỗi buồn. Thơ anh, vì vậy đầy tính triết lý, hấp dẫn người đọc ở bề sâu, ở sự trang trọng, quý phái. Thể thơ lục bát, năm chữ, sáu chữ, tám chữ... mà anh ưu tiên thể hiện là một sự chọn lựa. Nó phù hợp với nội tâm và ý tưởng mà anh cần diễn đạt. Chất trữ tình truyền thống, chất hoài niệm, chất thâm trầm, cũng như chất hoành tráng trong thơ Hoàng Phủ Ngọc Tường chính là đặc điểm của các thể thơ trên. Riêng lục bát, anh đã đem lại sự hấp dẫn mới ở chất quý phái mà hiện đại của nó. Trong thơ anh đã phát huy tính nhạc một cách triệt để qua việc sử dụng thể loại, để từ đó, anh thể hiện tài gieo vần và tạo tiết tấu, phù hợp với chất thơ buồn của anh.

Với tập Người hái phù dung, Hoàng Phủ Ngọc Tường tự tạo cho mình một danh hiệu mới: Nhà thơ của Nỗi buồn.

Mùa Xuân, ta xin hát.

"Mùa Xuân, ta xin hát

Câu Nam ai, Nam bình

Nước non ngàn dặm mình

Nước non ngàn dặm tình

Nhịp phách tiền xứ Huế.."

(Thanh Hải)

Vâng, đã có một Mùa Xuân như thế—một Mùa Xuân âm vang tiếng hát từ trong lòng người để rồi lan toả cả đất trời—một Mùa Xuân trên quê hương xứ Huế giàu chất thơ với bao vẻ đẹp quyến rũ làm say đắm lòng người. Mùa Xuân làm đổi mới, khởi sắc thiên nhiên, tạo vật và bỗng dung tâm hồn con người tràn

trẻ một niềm yêu đời, vui sống mãnh liệt. Nhà thơ Thanh Hải, một người con của Huế đã nắm bắt và truyền vào lòng người những cảm xúc chan chứa yêu thương ấy bằng một bài thơ có nhan đề rất khiêm tốn: "Mùa Xuân nho nhỏ". Thế nhưng bài thơ từ lúc ra đời đã cất cao tiếng hát lạc quan từ trái tim nhà thơ hoà vào bản hoà- tấu- cuộc- đời rộng lớn, âm vang suốt chiều dài thời gian từ bấy đến nay. Bài thơ đã thực sự thành bài hát nổi tiếng được mọi người yêu chuộng.

Mở đầu bài thơ là một bức tranh Mùa Xuân tươi đẹp, không gian bao la, bát ngát mở ra cả ba chiều:

Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc

oi con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời

Tùng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng.

Trên cái nền không gian rộng lớn ấy, nổi bật những hình ảnh, đường nét, màu sắc thật nên thơ và gợi cảm, êm ái, dịu dàng, đáng yêu biết bao. Một màu xanh tươi sáng trải rộng mênh mông làm nền và tôn thêm vẻ đẹp nổi bật của "bông hoa tím biếc". Một màu "tím biếc" lung linh, lấp lánh giữa "dòng sông xanh" lại càng thơ mộng. Vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên được nhà thơ phác hoạ bằng hai hình ảnh với những đường nét mềm mại, thanh sơ, màu sắc hài hoà đã thể hiện cái "hồn" của Mùa Xuân: một sắc Xuân đầy sức sống và quyến rũ

Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc.

"Mọc" là vơn lên, trỗi dậy từ lòng đất. Đặt từ "mọc" ngay từ đầu câu thơ, bài thơ đã gây cho người đọc về sức sống mãnh liệt, bất ngờ đến ngạc nhiên của thiên nhiên, tạo vật. Bức tranh Mùa Xuân không chỉ có hình ảnh, màu sắc mà còn có cả âm thanh. Đó là âm thanh tiếng chim chiền chiện hót ngân vang, thánh thót càng làm cho buổi sớm xuân có không khí náo nức lạ thường. Đứng

trước vẻ đẹp đầy sức hấp dẫn và quyến rũ của bức tranh Xuân ấy, tâm hồn nhà thơ làm sao ngăn được những xúc động mãnh liệt. Tâm hồn nhạy cảm của thi nhân và những tác động ngoại cảnh đã khơi dậy bao nguồn cảm xúc. Tình yêu thiên nhiên, lòng yêu đời, yêu cuộc sống trào dâng chan chứa, tràn đầy. Tiếng thơ là tiếng lòng tác giả thốt lên từ trái tim rung động dào dạt:

oi con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời.

Hai câu thơ nhằm bộc lộ cảm xúc cao độ. Có cái gì ngọt ngào, rất Huế trong giọng thơ trù mến, thân thương qua những từ ngữ chân quê, mộc mạc: "oi... chi mà..". Phải thực sự là người sống gắn bó với Huế qua bao tháng năm bằng tình yêu tha thiết, mới hiểu được cái giọng Huế ngọt ngào trong lời thơ Thanh Hải. "Hót chi mà vang trời" cứ ngỡ như là một lời trách nhưng là trách yêu đầy thôi; chan chứa yêu thương. Với một tâm hồn nhạy cảm và một tình yêu mãnh liệt như thế, tiếng chim đã tác động vào trí tưởng tượng phong phú của nhà thơ, tạo nên những ảo giác. Tâm hồn tác giả đang ở trạng thái "tĩnh" chuyển sang trạng thái "say". Trí tưởng nhà thơ đi từ cõi thực dần vào cõi mộng. Vì thế mà tiếng chim hót, nhà thơ cứ ngỡ như là "từng giọt long lanh rơi" có thể nhìn thấy, có thể đưa tay hứng được:

Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng.

Tâm hồn nhà thơ đã bị cuốn hút mãnh liệt bởi tiếng chim. Và cái cử chỉ "Tôi đưa tay tôi hứng" là một biểu hiện cao độ của niềm say mê đó. Có cái gì nao nức, rộn rã, xao xuyến không chỉ thể hiện qua cử chỉ mà còn chứa đựng trong cả lời thơ, giọng thơ. Nhịp thơ dồn dập, âm hưởng ngân vang rất cao như một bản hoà tấu, bắt đầu thong thả, nhỏ nhẹ rồi nhanh dần, vút cao bằng một thanh trắc ở cuối đoạn: "tôi đưa tay tôi hứng". Tiếng hót của loài chim trong thiên nhiên đã khơi dậy tiếng hát trong lòng tác giả. Dường như, tự trong lòng mình, nhà thơ đã cất cao tiếng hát. Tiếng hát của niềm lạc quan yêu đời, yêu cuộc sống thiết tha. Nhà thơ đã hát cùng thế hệ, hát mãi một niềm khát vọng, một lẽ sống tốt đẹp: khát vọng cống hiến phần nhỏ bé của bản thân mình để làm cho cuộc đời chung ngày một tươi đẹp:

Ta làm con chim hót

Ta làm một cành hoa

Ta nhập vào hoà ca

Một nốt trầm xao xuyến.

Lẽ sống ấy đã trở thành điều tâm niệm và điều tâm niệm ấy được lấy đi lấy lại như một điệp khúc trong bản hoà tấu ngợi ca Quê hương, Mùa Xuân và Cuộc sống.

Thuy Triều

Xuân chưa thành

Mùa xuân đi yếu điệu

Giỡn hoài gái muện chồng

Bao nhiêu bày con sít

Đã tình bằng qua sông

Trống com gọi trống quân

Mới xuân qua... xuân lại...

Đám tre hát ngoài sông

Vọng về vắng vắng mãi

Vài nụ chanh sóng soãi

Trên nền mấy lá tơ

Góc sân cây ,boi mớc

Dìu hương đưa gió đưa

Ba gian nhà vắng thưa

Chỉ còn gái muện chồng

Bắc ghé trời trước ,cua

Chăm vun mấy khóm hồng

Đợi mùa xuân trở lại***Hoa tặng một vài bông...***

(Vũ Thị Huyền)

Lĩnh vực hôn nhân gia đình ngày càng đặt ra nhiều bức bách cho văn học, cho thơ: hết tảo hôn, ly hôn, lại đến muộn hôn. Việc các cô gái muộn kết hôn, do hoàn cảnh khách quan, là một vấn đề thời sự của xã hội. Chúng ta từng có những "xóm không chồng", những "ngôi nhà không có đàn ông". Hoàn cảnh của họ thật đáng thông cảm. Và khi viết về họ phải rất tế nhị, tinh tế. Như Xuân chưa thành của Vũ Thị Huyền.

Mùa xuân đi yếu điệu***Giỡn hoài gái muộn chồng***

Mùa xuân luôn luôn gắn liền với cô gái. Cô gái luôn được ví như mùa xuân. Tưởng hai mà một. Đâu phải thế, mùa xuân thì cứ trôi đi như kéo cô gái cùng đi, nhưng mùa xuân đi rồi mùa xuân lại còn cô gái chỉ biết đi mà không thể quay về. Vì thế từ "giỡn" ở đây được dùng thật chính xác. Song vô tình mà giỡn thôi chứ đâu có chủ ý. Mọi sự việc xảy ra trước mắt cô gái như trên người cũng chỉ là vô tình:

Bao nhiêu bày con sít***Đã tình bằng qua sông******Trống cơm gọi trống quân******Mới xuân qua... xuân lại...******Đám tre hát ngoài sông******Vọng về vắng vắng mãi***

Đây là những bài hát mới năm nào cô gái đã từng hát, những trò chơi mới năm nào cô gái đã từng chơi. Những bài hát, trò chơi của tuổi thơ ở nơi thôn dã. Mới đó mà giờ đây cô đã thành người ngoài cuộc. Nằm trong nhà đầy tiếng vọng của chúng, cô có muốn nghe không?

Đến khổ thơ tiếp theo:

Vài nụ chanh sồng soãi***Trên nền mấy lá tơ******Góc sân cây bời móc******Dù hương đưa gió đưa***

Tác giả đã có một ẩn dụ tinh vi. Tả hoa, tả hương còn đó mà như đã tàn. Cây chanh sau vườn, gốc bời đầu sân đều đã qua kỳ xuân sắc. Nó vẫn ra nụ, trở hoa là vì sức sống dẻo dai của nó. Sức sống này đã không cưỡng lại được tuổi tác, bởi đó là quy luật của thiên nhiên.

Sau khi đã chuẩn bị đầy đủ ý tứ, tác giả miêu tả cụ thể ngôi nhà:

Ba gian nhà vắng thưa***Chỉ còn gái muện chồng***

Ngôi nhà ba gian chứ đâu phải nhỏ, nó vốn là nơi đoàn tụ của cả một gia đình. Sau nhiều năm biến thiên, kẻ mất người còn, người đi kẻ ở chỉ còn lại một mình cô. Sự rộng rãi của không gian càng làm cho lòng người se lạnh. Lòng se lạnh người càng mau già. Chẳng biết từ khi nào cô gái đã có kiểu sinh hoạt của người luống tuổi:

Bắc ghé ngòi trước cửa***Chăm vun mấy khóm hồng***

"Trẻ trồng na già trồng chuối". Cô gái cha phải trồng chuối để kịp ăn nhưng từng vui chơi trồng com trồng quân khi nào cô đã chuyển sang vui chơi cây cảnh:

Đợi mùa xuân trở lại***Hoa tặng một vài bông...***

Theo trật tự cú pháp của hai câu thơ này có thể hiểu cô cứ say mê chăm bẵm nh thế, khi mùa xuân đến sẽ có hoa chơi.

Phần kết của bài thơ nếu vậy thì thường quá. Chắc là tác giả muốn nói: Cô gái đang chủ động đợi mùa xuân trở lại (chứ không sợ cảnh mỗi năm thêm

một tuổi) để tặng hoa cho mùa xuân. Mùa xuân đã thấy chưa, đừng có "giỡn
hoài gái muện chồng" này nhé!

Vương Thừa Việt

Ta với ta – đóng góp mới của Tố Hữu

Vào những ngày cuối cùng của một thế kỷ sắp khép lại, Tố Hữu lại đem đến cho bạn đọc một tặng phẩm tinh thần mới: tập thơ *Ta với ta* (1). *Ta với ta* thấu nhận và chứng kiến một thế kỷ nhiều biến động. Những cuộc cách mạng lớn lao, xác lập quyền làm chủ của những người lao động khổ, sự vùng lên của các dân tộc đấu tranh cho bình đẳng, tự do. Những phát minh khoa học kỳ diệu nâng cao tầm vóc và vị thế của con người trong việc chinh phục thiên nhiên và vũ trụ. Mặc khác thế kỷ XX cũng chứng kiến những cuộc chiến tranh tàn bạo, những xung đột sắc tộc kéo dài gây đau khổ, tang tóc cho hàng triệu người. Và đau xót hơn cả là một thế giới hồng đã "Vỡ tan từng mảnh hóa thành không". Tuy nhiên Tố Hữu không bi quan, khi nhận xét con người trong một trăm năm qua:

Dẫu bao điên, đao bão bùng

Thế kỷ hai mươi thế kỷ đẹp vô cùng!

Với một điểm nhìn sáng suốt và bình tĩnh, Tố Hữu đã chọn lọc trên dòng biến động của cuộc đời phần ổn định, trên cái bất thường lẽ vô thường, lấy bất biến ứng vạn biến:

Đao điên thiên hạ đổi màu tên

"Bất biến" là ta, vững chí bền

Tố Hữu suy nghĩ nhiều đến chân lý của cuộc đời qua những đổi thay. Có thể tìm chuẩn mực ở đâu xa hay chính là ở con đường đi của dân tộc qua những chặng đường lịch sử với những khổ đau nhọc nhằn và vinh quang tốt đẹp, với sức

sáng tạo và đổi mới ở những bước ngoặt lịch sử. Chúng ta tự tin nhưng không bảo thủ, đổi mới nhưng không đổi màu, nên sau trước ta rất khác ta, nhưng vẫn là ta:

Sợ chi khúc khuyu đường muôn dặm

Ta vẫn là ta, ta với ta

Tố Hữu qua tập thơ đã biểu hiện một cái nhìn chủ động, sáng tỏ giữa trăm ngàn sự việc nhiều lúc nh còn lẫn lộn. Vẫn còn đó những khó khăn và những tệ nạn xã hội làm cho nhà thơ luôn nhức nhối xót xa:

Xóm thợ đó lều che tre ở chuột

Làng quê nghèo xơ xác cháo cầm hơi

Vẫn còn nhiều khoảng cách và những nghịch lý của cảnh giàu nghèo trong xã hội.

Ôi thị trường cũng "chiến trường" thắng bại

Còn chỗ chǎng, cho tình thương, lẽ phai?

(Du xuân)

Nhận thức về xã hội, Tố Hữu rất nhạy cảm ở khía cạnh đạo lý và bảo vệ nhân cách của con người. Dù trong hoàn cảnh nào thì con người cũng vẫn phải giữ được phẩm chất tốt đẹp của hai chữ "con người". Vẫn có một ranh giới rõ rệt giữa con người, tình người với thú tính hoang dại "Đòi người không thể lại là kiếp con".

Ta với ta là tập thơ có nhiều niềm vui. Điều làm cho những trang thơ ánh lên niềm vui, niềm tin ở cuộc đời và con người chính là nhà thơ đã tìm được những sợi dây ràng buộc vững chắc với đất nước, với nhân dân. Nhân dân là bất tử, truyền thống kiên cường của nhân dân là đáng tự hào. Tố Hữu không thuyết lý chung chung mà tìm về với nguồn mạch của truyền thống dân tộc. Nhà thơ nh ngõ ngang với câu chuyện của Hưng Đạo Vương và Bà hàng nước. Bài thơ ca ngợi trí tuệ của nhân dân, bà cụ hàng nước bình dị nhưng thật cao cả, phi thường, góp mu kế cho Hưng Đạo Vương thắng giặc. Nhân dân suy tôn bà là "Vua bà" và năm tháng qua đi chỉ còn lại ngôi miếu Vua bà và tấm lòng thành

kính của nhân dân. Tố Hữu ngỡng mộ người xa như một tấm gương linh thiêng đang hiển hiện.

Ôi! Người là ai, bà mẹ quê ta hay tiên Phật với Bà!

Trở về với Vạn Xuân, Tố Hữu tìm thấy sức mạnh cội nguồn của một thời đất nước vẻ vang thắng giặc.

Vạn Xuân này muôn thươ xanh tươi

Và hiện tại từ khi có Đảng, sức mạnh của dân tộc lại khơi dậy với bao tinh anh và hào khí. Những đồng chí lãnh đạo của Đảng nh Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Văn Cừ, Võ Văn Tần, Phan Đăng Lưu đã ngã xuống ở mười tám thôn Vườn Trầu để lại tiếc thương và lòng biết ơn với những người đã khuất. Tố Hữu qua tập thơ đã tiến hành một cuộc hành hương về nhiều miền đất thiêng liêng của đất nước. Những chuyến đi như sự trở về cội nguồn. Thời gian trôi qua còn đọng lại bao kỷ niệm, mỗi kỷ niệm được tạo nên bằng nhiều chiến tích, những câu chuyện cảm động, những tấm gương. Mỗi kỷ niệm vẫn còn mang hơi ấm của cuộc đời và luôn có khả năng hồi sinh để tạo nên một sức mạnh mới trong cuộc đời hiện tại. Tố Hữu đã tiếp nhận và tạo được nhiều cảm hứng đẹp trong thơ ca. Cảm hứng xã hội của nhà thơ vẫn thiết tha, đằm thắm và mạnh mẽ. Tố Hữu còn nhận được sự tiếp sức của thế giới bạn bè. Cuộc gặp gỡ giữa nhà thơ với chị An vợ Mô-ri-son và cháu Ê-mi-ly gợi lại nhiều xúc động. Ba mươi ta năm đã qua, câu chuyện đã đi vào lịch sử nhưng ngọn lửa năm xa vẫn cháy sáng. Bài thơ Ê-mi-ly con đã được viết ra với những cảm xúc đau thương và trí tưởng tượng của nhà thơ trong vời vợi không gian xa cách. Và cuộc gặp gỡ xúc động nhiều yêu thương và nước mắt đã để lại cho Tố Hữu nhiều tình cảm đẹp.

Đời hồi đời! Có lúc nào đẹp thế

Tình người trong nh ngọc trai dưới bể

Tôi nắm tay cô gái Mỹ thân tình

Ê-mi-ly cháu hãy tin

Việt Nam cũng là một gia đình

Cua cháu

Ta với ta là tập thơ mang nặng tình đời, tình cảm với đất nước, nhân dân, bạn bè. Cảm hứng thơ ca lạc quan, tin cậy dù cho những cảnh đời và số phận đây đó còn nhiều khó khăn. Những tình cảm trên càng có ý nghĩa trong những năm tháng cuối của cuộc hành trình thơ. Từ Từ ấy đến Ta với ta, thơ Tố Hữu vẫn là nguồn mạch thi ca mở và đón nhận hương sắc và bao nỗi niềm của cuộc đời.

Ta với ta cũng là tập thơ mang nhiều kỷ niệm thời gian của cá nhân. Tố Hữu sắp bước vào tuổi tám mươi. Tám mươi năm của tuổi đời và trên sáu mươi năm của tuổi thơ. Gần như nhà thơ đã chứng kiến và tham dự vào hầu hết những sự kiện quan trọng của thế kỷ hai mươi, một thế kỷ mà càng ở vào những thập kỷ cuối cùng càng có nhiều biến động rối bời, phức tạp. Tố Hữu trước sau vẫn gắn bó với cuộc đời, nhập thể với tinh thần tích cực. Tám lòng mang nặng công ơn Bác, sự chung thủy sắt son với lý tưởng, tình nghĩa với quê hương và đồng chí với bạn bè luôn tạo nên sức mạnh tinh thần để vượt lên tuổi tác và năm tháng.

Mẹ ơi! Sống đã bay lăm năm

Con vẫn còn đi, chẳng chịu nằm

Không làm nên núi thì nên đá

Lót dặm đường xa, đỡ bụi lằm

(Huế lại huy hoàng)

Từ tám lòng nhân hậu giàu yêu thương, nhà thơ hiểu rõ những giới hạn về thời gian với mỗi cuộc đời và những ước mong của nhà thơ cũng gần gũi mang nặng tình đời, tình người như "Cây lúa vàng thơm hạt", "Tiếng chim thanh vui hót", "Hàng gạch lát mát đường thôn". Dòng đời sôi động và dòng thời gian cho riêng mình lặng lẽ trôi xuôi. Những câu thơ của Tố Hữu trăn trở u tư nhưng thanh thoát với nhiều ý tình cao đẹp. Trời đã vào cuối thu rồi nhưng trời vẫn xanh, và có thể một mùa đông đã đến nhưng giá lạnh không ngăn cản được cây cối nảy mầm. Thơ của Tố Hữu như ngày nào vẫn tạo được sự cảm thông rộng rãi. Nếu Tiếng đời là lời thơ tìm sự hòa đồng với trái tim của mọi người thì Ta với ta biểu thị sự thấu hiểu tình đời, lẽ đời của một tâm hồn thơ đẹp, giàu nhân bản:

Dẫu không hơi sức khơi dòng thẳng

Còn chút phù sa cũng gắng bồi

Từ Từ ấy đến Ta với ta, trên sáu mươi năm đã qua nhưng dòng thơ của Tố Hữu vẫn đi giữa cuộc đời, vẫn giữ sức lay động và niềm tin ở con người, vẫn là những giá trị tinh thần cao đẹp gắn với đất nước và nhân dân.

(1) *Ta với ta – tập thơ của Tố Hữu – Nxb Văn học, 2000.*

Hà Minh Đức

Tiếng đàn Kiều của Nguyễn Du

Trong gia tài văn chương đồ sộ của đại thi hào Nguyễn Du có nhiều áng thơ hay miêu tả tiếng hát, tiếng đàn. Điều đó cho thấy Nguyễn Du rất mê đàn, mê hát, và chắc chắn giỏi đàn, giỏi hát. Không có gì lạ, nếu chúng ta biết rằng, cha ông là Nguyễn Nghiễm (người Nghệ Tĩnh) và mẹ là Trần Thị Tân (người Bắc Ninh). Cha mẹ ông không chỉ hay chữ mà còn hay ca hát và đàn hát hay những làn điệu dân ca đặc sắc và cực kỳ phong phú.

Trong 3.255 câu thơ Kiều, Nguyễn Du đã gửi trọn lòng cảm thương sâu sắc, sự quý trọng và tôn vinh qua những vần thơ đẹp nhất, hay nhất, tâm huyết nhất... ông viết về Kiều.

Kiều đẹp:

"Làn thu thủy nét xuân sơn

Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh

Một hai nghiêng nước, nghiêng thành..."

Kiều đã xinh đẹp lại có tài cầm, kỳ, thi, họa. Nhưng dường như... Nguyễn Du mê tài đàn, tài hát hoặc giả, Kiều có phần... vượt trội hơn về âm nhạc, nên chỉ Nguyễn Du viết kỹ hơn. Ngay sau khi khen Kiều "Thông minh vốn sẵn tính trời. Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm" Nguyễn Du say sưa:

"Cung thương lần bậc ngũ âm

Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một chương

Khúc nhà tay lựa nên xoang..."

Trong "Truyện Kiều", có tới 4 lần Nguyễn Du tả tiếng đàn Kiều. Dù là những "Thiên Bạc mệnh", nhưng lần nào tiếng đàn Kiều cũng làm xúc động lòng người.

1–Tiếng đàn giao duyên giữa Kiều và Kim Trọng:

"...So dân dây vũ dây văn

Bốn dây to nhỏ theo vần cung thương

Khúc đầu Hán Sở chiến trường

Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau

Khúc đầu Tư Mã Phụng cầu

Nghe ra như oán như sầu phải chăng

Kê Khang này khúc Quảng lăng

Một rằng lưu thủy hai rằng hành vân

Quá quan này khúc Chiêu quân

Nửa phần luyện chúa nửa phần tư gia

Trong như tiếng hạc bay qua

Đục như nước suối mới sa nửa vôi

Tiếng khoan như gió thoảng ngoài

Tiếng mau sầm sập như trời đổ ma..."

2–Tiếng đàn Kiều trong con ghen Hoạn Th:

"...Bốn dây như khóc như than

Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng

Cùng trong một tiếng tơ đồng

Người ngoài cười nụ người trong khóc thầm"

3–Tiếng đàn Kiều sau khi Từ Hải bị giết:

"...Một cung gió thảm mưa sầu

Bốn dây nhỏ máu năm đầu ngón tay

Ve ngâm vượn hót nào tày..."

4–Tiếng đàn Kiều sau 15 năm lưu lạc, tái hợp Kim Trọng:

"...Phím đàn dìu dặt tay tiên

Khói trầm cao thấp tiếng huyền gần xa

Khúc đầu đầm ấm phương hòa

ấy là Hồ điệp hay là Trường sinh

Khúc đầu êm ái xuân tình

ấy hồn Thục đế hay mình Đỗ quyên?

Trong sao châu nhỏ duyênh quyên

âm sao hạt ngọc Lam điền mới đông!"

Tiếng đàn Kiều... nã lòng đến vậy nhưng thật có nhiều cung bậc. Tiếng đàn Kiều ở đoạn 1, 4 vẫn buồn nhưng có phần... say sưa, vì được đàn cho người mình yêu nghe. Đoạn 1, Nguyễn Du... dùng tới 14 câu thơ và đoạn 4 dùng 8 câu thơ. Nghe thơ Nguyễn Du, chúng ta có cảm giác nghe được tiếng đàn Kiều. Tiếng đàn đoạn 1 như thể có ánh mắt cười giao duyên "Lòng trong như đã mặt ngoài chĩn e" của cả Kiều và Kim Trọng. Bởi không thể sao lại có chuyện "Nghe trong âu yếm có phần lả lơi", hay "Rằng quen mặt nét đi rồi".

Nếu tiếng đàn đoạn 1 có 14 câu và đoạn 4 có 8 câu thì tiếng đàn Kiều ở đoạn 3 và 4 ngắn thất nghẹn lại. Tâm trạng đau đớn tột cùng của Kiều đã khiến tiếng đàn Kiều đứt đoạn, chỉ còn 4 câu khi đàn cho Hoạn Th nghe, và chỉ còn 3 câu khi Kiều đàn cho Hồ Tôn Hiến nghe, sau khi Từ Hải – chồng nàng bị Hồ giết chết. Kiều không đàn nổi và... Nguyễn Du cũng không viết nổi!

Xin trích vài nhận xét bằng thơ về thiên tài của Nguyễn Du.

Nhà thơ Tố Hữu viết:

"...Tiếng thơ ai động đất trời
Nghe như non nước vọng lời ngàn thu
Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du
Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày
Hồi Người xa của ta nay..."

Và nhà thơ Chế Lan Viên viết: "Nguyễn Du viết Kiều, đất nước hóa thành văn...". Văn đây là Văn Thơ, là Hoa Văn, là Văn hóa Nghệ thuật... vậy!

(*) Thơ trích trong "Truyện Kiều" –NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1972.

Lạc Thi

Về bài thơ Củ khoai của bé

Với hơn 30 tập thơ, tập truyện viết cho thiếu nhi, Phạm Hồ là một tác gia được các em đặc biệt yêu quý. Sáng tác của ông thường nhằm vun đắp cho các em lòng yêu thương từ cây, cỏ, loài vật đến con người. Sau đây là tâm sự của ông về một bài thơ được sáng tác khi các con của ông phai đi sơ tán – bài thơ khiến ông bây giờ mỗi lần đọc lại vẫn ứa nước mắt.

Tôi viết bài thơ này sau khi nhận được quà của Sông Đông gửi từ nơi sơ tán về. Đó là vào năm 1968, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đang vào giai đoạn quyết liệt nhất, gia đình tôi phải sơ tán mỗi người một nơi. Tôi công tác tại Báo Văn nghệ (Hội Nhà văn) nên cho Sông Hồng và Sông Đông đi sơ tán về Đông Du (Bắc Ninh) cùng con em cán bộ trong cơ quan. Sông Hương thì theo nhà tôi sơ tán cùng trường Đại học Tổng hợp ở trên Thái Nguyên. Cứ hằng tuần Tòa soạn đều cho người xuống nắm tình hình sinh hoạt của các cháu.

Thời đó đời sống kinh tế khó khăn, nhưng đời sống tình cảm thật giàu có. Hình nh người nào cũng vậy, hằng ngày họ nghĩ về người khác hơn là nghĩ về bản thân mình. Người ở thành phố sắm sửa các thứ để gửi về nơi sơ tán đã đành, người ở nơi sơ tán cũng luôn nghĩ tìm quà gì đó gửi về Hà Nội. Thường là mớ tôm, mớ cá mua ở chợ quê về kho mặn cho khỏi hỏng rồi gửi theo xe về thành phố. Sông Hồng và Sông Đông của tôi cũng theo người lớn đi chợ. Thấy người lớn mua tôm cá, hai đứa bàn nhau mua một củ khoai lang cỡ to. Về nhà,

thấy người lớn thổi lửa rơm kho tôm, nấu cá thì hai đứa nghĩ cách nướng khoai, vì đó là việc làm dễ nhất mà có thể làm được, để gửi về nhà cho bố mẹ.

Tình cờ hôm đó nhà tôi cũng từ Thái Nguyên về qua nhà. Nhận được khoai của con vừa mừng vừa tủi, biết tin là Sông Hồng và Sông Đông vẫn khỏe mạnh. Bận công tác, đường sá xa xôi, nguy hiểm, thương nhớ con mà không biết làm thế nào. Chỉ chờ đến ngày chủ nhật để gửi xuống cho con ít bánh mì khô với lương khô. Phải nói thật, lúc đó Sông Đông còn bé quá, chỉ biết vùi khoai vào tro nóng, chứ không biết sổng chín ra sao. Nên khi chúng tôi bóc khoai ra thì già nửa phần còn sống. Bố mẹ ăn khoai mà cảm nhận cái tình của con nhỏ nơi sơ tán, nước mắt rưng rưng.

Ta cùng nghe lại bài thơ đó:

Cu khoai của bé

Rủ nhau ra chợ

Chị, mớ cá nhỏ

Chị, mớ tôm con

Về, thổi lửa rơm

Về, đun lửa củi...

Tóc vương tro bụi

Con mắt đỏ hoe

Cá này tôm kia

Chiều về Hà Nội...

Quà gửi bố mẹ

Riêng bé loay hoay

Chọn một củ khoai

Đem vùi tro nóng

Làng xa sơ tán

Khoai về đến nhà
Mẹ nhận, bóc ra:
Nửa bên còn sống!
Khoai vẫn ngon lắm
Lòng con ngọt bùi
Mắt mẹ rớm ớt
Tay cầm chia đôi...

Khi viết bài thơ này, tôi cố gắng viết rất thật, không có sự trau chuốt lời thơ để phù hợp với suy nghĩ của Sông Đông cũng như phù hợp với lứa tuổi thiếu nhi. Ngay đầu đề bài thơ cũng đã nói lên điều đó. Củ khoai của bé đã được in trong tập thơ *Chú vịt con và khi Trung ơng Đoàn Thanh niên, Hội Nhà văn mở cuộc vận động sáng tác cho thiếu nhi (1968)* thì bài thơ đã được trao giải thưởng A. Đến bây giờ, mỗi khi nhớ lại kỷ niệm về các con, tôi đều ứa nước mắt. Đất nước hòa bình, gia đình đoàn tụ, cuộc sống ấm no, tôi càng thấy yêu quý cuộc đời hơn. Và viết cho các em sẽ mãi mãi là sự lựa chọn cho cả cuộc đời tôi.

Nguyễn Thị Bích

Mẹ ốm – Trần Đăng Khoa

Trần Đăng Khoa in bài thơ đầu tiên năm 1966, khi Khoa lên tám tuổi. Nhưng bắt đầu làm thì chắc còn sớm hơn. Đó là hiện tượng hy hữu trong lịch sử văn học nước ta, là sự gặp gỡ của những yếu tố chủ quan và khách quan có một không hai, đủ sức tạo ra một hiện tượng tuyệt đẹp của thời đại cách mạng. Tuy nhiên ở đây tôi cha muốn nói nhiều về hiện tượng này, mà chỉ thử xem xét đến một trong những sáng tác thời niên thiếu của "thần đồng thơ" này, hy vọng qua đó có thể khám phá ra một vài nét gì đó trong bản sắc thơ Trần Đăng Khoa chăng.

Vào lứa tuổi còn ham chơi giun dế, nhưng bên cạnh những bài thơ hồn nhiên rất trẻ con, nhà thi sĩ tí hon đã tỏ ra già trước tuổi rất nhiều khi không ít lần đem vào thơ những chuyện chẳng trẻ con một tí nào. Nhưng bài nh thế không có tội tình gì và cũng rất Trần Đăng Khoa thôi, nhưng khi thời cuộc đã đi qua, cũng như nhiều tác phẩm cùng thời khác, sau này đọc lại ta có cảm giác sức sống của chúng hao mòn đi khá nhiều, đôi lúc còn gây dị ứng. Có lẽ vì thế mà tôi đã chọn bài "Mẹ ốm" để viết những dòng này, vì ở bài thơ này, Khoa đã đạt đến cả tính chân thực cuộc sống cũng như tính chân thực nghệ thuật rất cao.

Bài thơ mang tính chân thực trước hết vì nó là thứ tình cảm thiêng liêng của muôn đời, một thứ bản năng gốc, tức là lòng yêu thương vô bờ của đứa con với người mẹ, huống chi đây lại là một đứa con còn bé bỏng. Người ta có thể khôn ngoan ở đâu, mảnh lới với ai, nhưng khi đến trước người mẹ ruột, ta luôn trở lại là một đứa trẻ thơ ngây, hồn nhiên như thuở còn tấm bé:

Mọi hôm mẹ thích vui chơi

Hôm nay mẹ chẳng nói cười được đâu

Nói "mẹ thích vui chơi" là cách nói của trẻ con, nhìn từ góc độ trẻ con, tức là tiếp thu hình ảnh người mẹ qua lăng kính trẻ con, cũng như câu tiếp đó "hôm nay mẹ chẳng nói cười được đâu" –ta nghe như cậu bé đang phân bua với ai đó, mặc dù cậu chỉ tự nói một mình: đặc thù của trẻ con là luôn tưởng mình là người lớn, và vì vậy chúng lại càng trẻ con hơn. Và trẻ con thì thích tò mò, ưa quan sát:

Lá trâu khô giữa cơi trâu

Truyện Kiều gấp lại trên đầu bấy nay

Câu thơ trên ngữ như tự nhiên nh không, nhưng đó là một lối nói mà không có kỹ năng nghề nghiệp không dễ dùng được. Còn câu dưới, với chi tiết "Truyện Kiều" thì để lộ một bài thơ rõ rệt, vì chi tiết rất thực trong đời thực này lại mang đầy sức mạnh nghệ thuật, bởi nó nói lên bao điều về người mẹ, đến mức nếu ta muốn giảng giải cho ra nhẽ thì phải tốn không ít giấy mực! Từng bước một, ta thấy xuất hiện một bản lĩnh thơ thực sự, nghĩa là khả năng nghe ra được những tiếng nói sâu thẳm vốn là bản chất của hiện tượng mà người thường không dễ gì nghe ra và hơn thế nữa –khả năng diễn đạt những biểu hiện tinh vi ấy bằng thứ ngôn ngữ giản dị, chính xác và giàu hình ảnh có thể gây hiệu quả tình cảm mạnh mẽ:

Nắng mưa từ những ngày xưa

Lặn trong đời mẹ đến giờ chưa tan

Hai câu thơ tài tình bởi đã gọi đúng tên sự việc, một sự việc bao gồm cả một đời người, nếu không muốn nói bao gồm mọi đời người, trong có vền vẹn mười bốn âm tiết. Một đứa con, dẫu còn măng sữa, mà đã ý thức sâu sắc đến thế về những chịu đựng, hy sinh trời bể của người mẹ thật đã khiến cho không chỉ người mẹ, mà ngay cả người đọc chúng ta cũng không giấu nổi cảm động. Cả hai dòng thơ cô đúc, không có từ nào không hàm chứa một lượng thông tin cần thiết, đặc biệt với từ "lặn" không thể chính xác và biểu cảm hơn. Nhà thơ mười hai tuổi này thật đã gồm vào trong thơ cả tài và tình khi tiếp tục

làm ta kinh ngạc vì những chi tiết nhận xét không phải chỉ bật lên từ con mắt mà là từ trong sâu thẳm trái tim:

Cả đời đi gió đi sương

Bây giờ mẹ lại lần giường tập đi

Còn nhớ có lần Trần Đăng Khoa đã từng nói rằng Khoa không phải là nhà thơ viết cho thiếu nhi. Quả thực điều này cũng dễ nhầm lẫn. Đã đành một đứa trẻ đặt bút thì mọi điều cận ta viết ra đều là của một đứa trẻ. Nhưng một đứa trẻ thi sĩ thì là của chung tất cả mọi người, cậu bé hay cô bé ấy có thể đem cả thế giới vào trong thơ theo cách của mình, mà vị tất cách ấy đã kém sâu sắc, kém thấu thị hơn ở những người lớn.

Với một câu thơ như câu thơ trên, những thi sĩ lớn tuổi cũng phải ngả mũ chào, bởi dẫu có được cái tinh tế và nhạy cảm thi sĩ như Khoa thì ít ra những người lớn cũng hoặc làm cho câu thơ già đi hoặc làm cho nó mang cái vẻ trẻ con giả vờ rất khó chịu. Với trường hợp những câu thơ kỳ diệu như thế này, cùng lúc Trần Đăng Khoa phải vận động theo hai quá trình ngược nhau: phải trưởng thành lên để nhìn nhận sự việc bằng sự từng trải của một người lớn, lại phải quay trở về với bản chất trẻ con của mình! Sự phân thân, hay chính là nhập thân không biết nữa đã làm cho cậu bé nh có hai cuộc đời trong một con người. Khổ thơ tuyệt vời tiếp đó càng khẳng định khả năng phân thân này của tài năng thiên bẩm Trần Đăng Khoa:

Mẹ vui, con có quản gì

Ngâm thơ, kể chuyện, rồi thì múa ca

Rồi cao diễn kịch giữa nhà

Một mình con sắm cả ba vai chèo

Xưa nay có nhiều câu thơ hay nhưng rất ít đạt đến song toàn: hoặc cái tài lẫn cái tình, hoặc ngược lại. Bốn câu thơ trên của Khoa, cùng với cả những câu trên kia nữa, cùng lúc làm cho ta vừa trân trọng cái tình, lại vừa khâm phục cái tài, thật là tài tình trọn vẹn. Nhà nghệ sĩ tí hon thuở ấy đã làm được cùng lúc những việc ngớ ngẩn trái ngược nhau: vừa trẻ con, vừa người lớn, vừa tỉnh táo, vừa đắm say, một chân đặt giữa đời một chân đứng vững trên

mảnh đất của nghệ thuật. Một sự kết hợp tài tính đến như vậy, không chỉ trong thế kỷ này, mà trong cả lịch sử cũng thật hiếm hoi.

Anh Ngọc

Mất người Sơn Tây (Quang Dũng –1949)

Em ở thành Sơn chạy giặc về
Tôi từ chinh chiến cũng ra đi
Cách biệt bao ngày quê Bất Bạt
Chiều xanh không thấy bóng Ba Vì
Vàng trán em mang trời quê hương
Mắt em dịu dịu buồn Tây phương
Tôi nhớ xứ Đoài mây trắng lắm
Em đã bao ngày em nhớ thương?
Mẹ tôi, em có gặp đâu không
Bao xác già nua ngập cánh đồng
Tôi nhớ một thằng con bé nhỏ
Bao nhiêu rồi xác trẻ trôi sông!
Từ độ thu về hoang bóng giặc
Điêu tàn ôi lại nổi điêu tàn!
Đất đá ong khô nhiều sỏi lệ
Em đã bao ngày lệ chứa chan?

Đôi mắt người Sơn Tây
U ả chiều lưu lạc
Buồn viễn xứ khôn khuây
Tôi gửi niềm thương nhớ
Em mang giùm tôi nhé
Ngày trở lại quê hương
Khúc hoàn ca rớm lệ
Bao giờ trở lại đồng Bong Cấn
Về núi Sài Sơn ngô lúa vàng
Sông Đáy chậm nguồn qua Phủ Quốc
Sáo điều khuya khoắt thổi đêm trăng
Bao giờ tôi gặp em lần nữa
Chắc đã thanh bình rộn tiếng ca
Đã hết sắc mùa chinh chiến cũ
Còn có bao giờ em nhớ ta?

Nếu "Tây tiến" là bài ca hào hùng trong những ngày kháng chiến chống Pháp gian khổ của đoàn quân Tây tiến thì "Đôi mắt người Sơn Tây" lại là cung trầm, sâu lắng, xót xa trong mạch những bài ca thừa ấy. ở Tây tiến, bức tranh về cuộc sống của những người lính Tây tiến hiện lên rõ nét, sinh động với tất cả cái bi, cái hùng của một thời đại lịch sử thì ở "Mắt người Sơn Tây" lại là sự đằm xót xa, thao thức, nhưng nhớ đến quận lòng của người thi sĩ tài hoa.

Trong thơ Quang Dũng, túc trực một nỗi nhớ và sự thao thức khôn nguôi. Cảm hứng nghệ thuật của Quang Dũng thường đi sau sự xúc động, trăn trở về con người và cuộc sống. Trong "Mắt người Sơn Tây" bức tranh về quê hương trong kháng chiến chống Pháp hiện lên với tất cả niềm đau và nỗi nhớ. Trong cái cảnh hỗn loạn, tang thương của vùng quê bị giặc chiếm đóng và tàn sát dã man, những xác người vô tội chết một cách thảm khốc: "Những xác già

nua ngập cánh đồng", "bao nhiêu rồi xác trẻ trôi sông"... Quang Dũng có thể nói gì đây khi bốn bề chung quanh, những ánh mắt "u uẩn chiều lưu lạc" với những nỗi "buồn viễn xứ khôn khuây"? Theo dọc nguồn cảm xúc, lộ trình trong nỗi nhớ và sự đau đáu trong thơ Quang Dũng có những lúc oằn lại, xót xa. Một nét chấm phá của quê hương trong màu xanh xứ sở "Chiều xanh không thấy bóng Ba Vì", trong những vẻ đẹp mây trắng xứ Đoài, trong nỗi buồn xa xăm của người con xứ Phật "Mắt em dịu dịu buồn Tây phương"... đã không chỉ là những nốt nhấn trong bài ca trữ tình da diết, mênh mông sâu lắng này.

Khởi nguồn của cảm xúc là cảnh biệt ly. Biệt ly trong đau thương và mất mát. Quang Dũng hỏi về quê hương xứ sở, hỏi về những số phận leo lét rũi may trước những tội ác tày trời của giặc. Hỏi để tự trả lời với chính mình và tự chất vấn chính mình. Khi đã nhận ra "Điều tàn ôi lại nói điều tàn" thì cũng là lúc thi sĩ ôm trọn tình quê trong nỗi "buồn viễn xứ khôn khuây" làm hành trang lên đường để hẹn với người thân, quê hương: "ngày trở lại quê hương/khúc hoàn ca róm lệ".

Nếu "Mắt người Sơn Tây" là bức tranh phân cảnh tối sáng tương đối thành công của thi sĩ – họa sĩ tài hoa Quang Dũng mà mảng tối nhạt nhoà ở phần đầu thì phía sau lại là khoảng sáng rực rỡ làm reo vui lòng người không dễ gì ai cũng làm được. Mảng tối với sự leo lét của người sống, cái bi thương của người chết, cái u sầu trong tâm trạng, cái uẩn trong ánh nhìn ... thì mảng sáng lại ùa vào trong bức tranh khi những nét phác thảo của nhà thơ họa tiết về tương lai :

" ... Bao giờ trở lại đồng Bương Cấn
Về núi Sài Sơn ngó lúa vàng
Sông Đáy chậm nguồn qua Phủ Quốc
Sáo điều khuya khoắt thổi đêm trăng ..."

Thời gian chưa định hình nhưng sự việc lại là cụ thể. Cái ngày mà Sài sơn, Bong Cấn rực lên màu vàng no ấm trên những cánh đồng và bức tranh thanh bình trong tiếng sáo đêm trăng đã không chỉ là tả mà là gọi lên niềm thao thức trong mỗi con người. Người lính Tây tiến, nhà thơ, họa sĩ tài hoa ấy đã không hiểu vì sao mình lại chăm chăm "gửi niềm nhớ thương" cho người thân để "ngày trở lại quê hương" đi trong "khúc hoàn ca róm lệ".

Sự gặp gỡ lần này chỉ có vậy thôi. Nhưng Quang Dũng lại hẹn ngày tái ngộ:

" ... Bao giờ tôi gặp em lần nữa
Chắc đã thanh bình rộn tiếng ca
Đã hết sắc mùa chinh chiến cũ
Có bao giờ em nhớ ta?"

Người đã cùng đoàn quân Tây tiến kiêu hùng "không mọc tóc" với "quân xanh màu lá dữ oai hùm" đã từng tuyên thệ "chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh" cũng là người trọn đời hy sinh để cho đất nước "thanh bình rộn tiếng ca" cũng là điều dễ hiểu. Trong "Mắt người Sơn Tây" ta đã không chỉ gặp một cái nhìn sâu lắng mà còn cảm nhận được một tấm lòng, một sự thao thức rất nhân bản của thi sĩ. Và, sự thao thức ấy đã giúp nhà thơ vững tin, thành công trên lộ trình đến với cái đẹp trong cõi văn, cái cao quý trong lý tưởng – đặc biệt qua những trang thơ ông để lại cho đời ...

Chu Thị Thom

"Bà về" của Trần Hữu Tòng

*Bà xa bốn chục năm tròn
Cháu bà vẫn thấy bà còn gần đây
Bà ôm cháu, ngón tay gầy
Bà nhìn cháu, mắt gấp đầy nếp nhăn
Miếng trầu bà gói vuông khăn
Vá vai tằm áo tứ thân nâu sòng
Nhớ ngày gạo chợ, nước sông
Nuôi con, nuôi cháu lưng còng, còng lưng
Cháo rau tra tối cầm chùng
,Se đầy bát cháu mới bung bát bà
Ai cho tằm bánh đồng quà
Bọc vào ché áo về nhà cháu ăn
Ổ rơm, chiếu cói đêm nằm
Tay ôm ấp cháu lưng ngăn gió lùa
Bà ru câu chuyện ngày xa*

Tổng Trân đỗ Trạng võng đưa về làng

Trạng Nguyên che tấm lọng vàng

Mà không quên, canh cơ hàn... xin ăn...

Bà xa tròn bốn chục năm

Đêm đêm bà vẫn về chăm cháu bà.

Câu thành ngữ "Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà" phải chăng còn nhằm nói lên sự gần gũi, chở che của mẹ của bà đối với con cháu. Người con nào chẳng có mẹ, người cháu nào chẳng có bà. Mối quan hệ huyết thống này trong gia đình được xem là cảm động nhất, sinh động nhất. May mắn thay ta vừa có mẹ, vừa có bà—những người đã nâng niu, chăm chút ta từ khi ta còn đỏ hỏn. Dù mai sau có lớn đến đâu, trưởng thành đến đâu ta vẫn là đứa con đứa cháu trong ngôi nhà mái rạ đầu thôn.

Bà xa bốn chục năm tròn

Cháu bà vẫn thấy bà còn gần đây

Có thể người cháu thường thấy bà trong giấc chiêm bao, có thể trong hồi tưởng. Song, hồi tưởng hay chiêm bao thì người cháu cũng thấy bà hiện lên thật rõ nét, thật cụ thể, đúng là bà mình:

Bà ôm cháu, ngón tay gầy

Bà nhìn cháu, mắt gấp đầy nếp nhăn

Miếng trầu bà gói vuông khăn

Vá vai tấm áo tứ thân nâu sòng

Cảnh bà thương cháu trong vùng quê nghèo càng cảm động làm sao:

Cháo rau tra tối cầm chùng

,Se đầy bát cháu mới bung bát bà

Ai cho tấm bánh đồng quà

Bọc vào chéo áo về nhà cháu ăn

Ổ rom, chiếu cói đêm nằm***Tay ôm ấp cháu lưng ngăn gió lùa***

Những câu thơ tả thực, trần trụi đến mức không thể thật hơn được nữa. Song ai dám bảo là nôm na? Ai dám bảo là thiếu chất thơ? Ai dám bảo là "quê" nào? Khó mà viết giản dị hơn thế, cũng khó mà viết hay hơn thế. Tác giả—nhà thơ Trần Hữu Tông, khi viết bài này đã sang tuổi ngũ tuần, thương nhớ bà nội của anh mà làm thơ.

Bà mất đã 40 năm anh vẫn thấy bà thân thương gần gũi. Anh làm thơ như làm để tặng bà, làm cho bà đọc. Làm cho bà đọc thì phải viết giản dị nh con người bà thế chứ. Có cảm tưởng như anh chẳng phải dày công tìm tòi, sáng tạo, h câu gì. Mọi thứ bà làm cho hết. Anh chỉ việc chép lại lời bà nói, ghi lại việc bà làm với cảm xúc thực của người cháu là thành bài thơ hay. Nếu pha chút màu mè, kiểu cách vào đây bà chịu làm sao, viết modern quá bà đọc làm sao? Bà đã từng ru cháu bằng ca dao, kể cháu nghe bao chuyện cổ tích, chuyện nôm khuyết danh—kể cho cháu nghe mà thực ra là răn dạy cháu đấy:

Bà ru câu chuyện ngày xưa***Tổng Trân đỗ Trạng võng đưa về làng******Trạng Nguyên che tấm lọng vàng******Mà không quên, canh cơ hàn.. xin ăn...***

Lời ru tưởng như tình cờ nhưng thật thâm thúy. Bà muốn cháu bà cũng vượt lên được cảnh nghèo đói thi đỗ tam khoa. Nhưng thành danh rồi, thành đạt rồi phải giữ lấy lễ, đừng để mất gốc. Con người sao mà có trước có sau, thủy chung, nhân nghĩa.

Bà xa tròn bốn chục năm***Đêm đêm bà vẫn về chăm cháu bà.***

Về chăm cháu chứ không phải về thăm. Cháu bà không còn trẻ nữa. Nhưng đêm đêm bà vẫn về chăm cháu. Thì ra "ngày làm sao đêm chiêm bao làm vậy" khi thức anh luôn nghĩ về bà, khi ngủ anh luôn thấy bà bên cạnh. Thấy bà vẫn chăm chút như thể mình còn ấu thơ.

Ôi bà, cả kiếp trước lẫn kiếp sau bà chỉ biết hy sinh vì con vì cháu.

Vương Thừa Việt

Lũy tre xanh – Hồ Dzếnh

Có một bài thơ lục bát dài 4 khổ 12 câu mang đầu đề Lũy tre xanh mà cả bài thơ chỉ vẹn vẹn dùng một từ tre

Có một bài thơ chỉ vẹn vẹn dùng một từ tre mà vẽ lên chân dung cả ngôi làng xanh mát, yên bình và thật thân quen gần gũi với cuộc đời mỗi chúng ta.

Bài thơ ấy có trong tập thơ Quê ngoại của nhà thơ Hồ Dzếnh sáng tác cách đây hơn 60 năm:

Lũy tre xanh

Làng tôi thắt đáy lưng... tre

Sông dài, co một đường đê tứ mùa

Nhịp đời định sẵn từ xa

Ươm tơ tháng sáu, lên chùa tháng giêng

Chợ làng mỗi quý, mười phiên

Đong ngô đổi gạo, trang tiền bằng khoai

Trong làng lắm gái, tha trai

Nên thường có luật chồng hai vợ liền

Làng gần đô thị tuy nhiên

<http://www.ebooks.vdcmedia.com>

Mắt trong vẫn giữ được niềm sắt son

Lâu rồi truyền, tư lưu tôn

Màu duyên ân ái mây còn thoang bay

Tôi yêu... nhưng chính là say

Tình quê Nam Việt bàn tay dịu dàng

Thơ tôi: đê thắm, bướm vàng

Con sông be bé, cái làng xa xa...

(Hồ Dzếnh)

Đúng thế, cả bài thơ chỉ có một từ "tre" nhưng đó là một từ đắt. Nó đắt vì nó xuất hiện bất ngờ và là sự phát hiện độc đáo: "Thất đày lung... tre". Người đọc vẫn quen câu "thất đày lung ong" khi nói về vóc dáng người con gái nay được nghe "thất đày lung.. tre" thì lạ. Nhưng ngẫm thấy đúng. Càng ngẫm càng thấy tài. Tài thật. Cái hình tượng "thất đày lung... tre" vừa giới thiệu được đặc điểm cái làng nhiều tre như bao nhiêu làng quê khác ở nông thôn Việt Nam, vừa khoe được bản chất truyền thống của cái làng thuần phác nông nghiệp, con người vốn cần cù lương thiện, chịu thương chịu khó, thất lung buộc bụng như cây tre của làng.

Từ "tre" xuất hiện ngay dòng thơ đầu tiên như nét bút đầu tiên tác giả vẽ bức chân dung của làng vậy. Làng ấy có tre, làng ở bên sông và có con đê cỏ m-ọt tứ mùa. Tre, sông, đê, cỏ chỉ là phác thảo bằng hơn một dòng lược bát mà sao cái làng đã hiện ra xanh mát trước mắt ta, làm ta sảng khoái dễ chịu nh được đắm mình trong không gian thiên nhiên thanh khiết. Yêu ngôi làng bình yên xanh mát và cũng thương ngôi làng nghèo của thời kinh tế giản đơn:

Chợ làng mỗi quý, mười phiên

Đong ngô đổi gạo, trang tiền bằng khoai

Có lẽ đó là ngôi làng cổ, xa cũ lắm so với thời ta đang sống hôm nay. Thời ấy, con người hình như không có nhu cầu bán mua, tiêu tiền. Mỗi quý mười phiên chợ. Con người đến chợ mang những thứ mình có để đổi lấy những thứ mình cần. Vật ngang giá là gạo, ngô, sắn... là lương thực cần thiết phải có

để sống. Con người cha nghĩ đến những nhu cầu khác. Vậy nên con người chỉ biết làm ăn vô t, sống hiền lành không tham vọng quyền uy sang giàu và có lẽ ngay cái "luật chồng hai vợ liền" họ cũng coi như để điều hoà tình trạng "lắm gái tha trai" chứ cũng không bắt bình trước sự phân biệt đối xử của chế độ phong kiến xa.

Yêu ngôi làng xanh mát, bình yên, thương ngôi làng nghèo, nhưng hơn cả là quý ngôi làng vì những truyền thống tốt đẹp vẫn được làng giữ gìn nguyên vẹn:

Nhịp đời định sẵn từ xa

Ươm tơ tháng sáu, lên chùa tháng giêng...

Làng gần đô thị tuy nhiên

Mất trong vẫn giữ được niềm sắt son

Lâu rồi truyền, tư lưu tôn...

Không thể tưởng tượng được ở gần đô thị mà lại có một ngôi làng thuần nông nghèo nhưng nề nếp đến như thế. Cái đẹp của hình tượng bài thơ có phải ở chỗ này chăng?

Thử hỏi nếu làng không có tre, không có sông, không có đê và cỏ... làng toàn nhà cao tầng xây xi măng cốt thép với những siêu thị dập dìu suốt ngày, suốt tháng, tiền của quay nh chong chóng... thì còn đâu là làng? Và làng không lũy tre. Mất mọi khả năng chở che, không còn rào lũy bảo vệ... làm sao cuộc sống có thể bình yên bền vững?

Đó mới chính là cảm hứng trọng tâm của bài thơ.

Đó mới chính là lý do vì sao tác giả đặt tên bài thơ là "Lũy tre xanh" để rồi tuyên ngôn thơ của mình:

Thơ tôi: đê thắm, bóm vàng

Con sông be bé, cái làng xa xa...

(Nguyễn Thị Mai)

Lý ngựa ô đương đại

Những vòng xe đạp
Hãy ôm chặt nữa đi em!
Như thời son trẻ êm đêm ngày xa
Hẹn hò sớm đón chiều đa
Vòng xe đạp lộn nỗi vòng mùa yêu thương
Ta từng vượt những dặm trường
áo com vương víu, neo đường thi ca
Chung lòng tát cạn giang hà
Yên nhâm khung sắt hoá ra kiêu vàng
Bon bon xe đạp cà tàng
Vợ chồng con cái dọc ngang đất trời
Băng qua thế kỷ hai mươi
Cười ngòm ngọp mắt, thơ sùi sụt tai...

Nguyễn Thanh Mừng (*Tuyển thơ Việt Nam hiện đại 1975–2000*)

Bằng những tín hiệu thẩm mỹ của thi ca, bài thơ thông báo với chúng ta, nếu nói bằng văn xuôi, thì như sau: Đây là tiểu gia đình một nhà thơ nghèo nhưng hạnh phúc. Hai vợ chồng cùng "nuôi chí lớn" trong văn nghiệp. Dẫu đã con cái đèo bồng, họ vẫn yêu nhau như thuở ban đầu và lạc quan qua mọi gian lao của đời thường.

Tóm lại nội dung bài thơ tôi đã làm cái việc "dã man" là bẻ đôi cánh của chú chim đang bay, khiến chú nằm quay ra đó, tuy đếm không thiếu một chiếc lông vũ nào, nhưng đó chỉ còn là cái xác chim, còn cái thần thái, sức bay của nó thì đã bị huỷ diệt!

So sánh như vậy để thấy hiệu ứng thi ca của một bài thơ hay nó tác động đến nào tới người đọc!

Ngôn ngữ thơ thông thường là xúc tích, ngắn gọn hơn văn xuôi mang cùng thông báo ấy. Nhưng khi cần nó vẫn giãn ra để thu tóm mọi sắc thái của một hoàn cảnh, một thời điểm:

Hãy ôm chặt nữa đi em

Như thời son tre êm đêm ngày xa

Hẹn hò sớm đón chiều đa

Phương tiện của yêu thương chỉ là chiếc xe đạp để nói cảnh nghèo của tác giả, nhưng chiếc xe đạp ấy lại có khả năng vẽ lên bức tranh hạnh phúc: vòng xe đạp lượn nói mùa yêu thương

ở khổ 2, vẫn chiếc xe đạp thơ sơ ấy đã mang đôi bạn tình qua mọi dặm trường, nhưng đây là dặm dài của thời gian: neo đường thi ca. Khi họ cùng chung chí hướng "thuận vợ thuận chồng tát bể đông cũng cạn" nữa là tát cạn giang hà, thì chiếc xe thơ sơ yên nhôm khung sắt ấy có thua gì một chiếc kiệu vàng để "đón nàng về dinh"!

Khổ cuối cùng là khúc ca khái quát về lòng tự hào (và tự trào) của tác giả: Ta tuy nghèo vậy nhưng vẫn dọc ngang trời đất như ai mà vượt sang thế kỷ mới, đâu có vất vả hơn người đời chút!

Bon bon xe đạp cà tàng

Vợ chồng con cái dọc ngang đất trời

Băng qua thế kỷ hai mươi

Tác giả đã phát hiện ra thật chính xác thần thái của người đạp xe đường trường: cười ngòm ngọp mắt, thở sục sùi tai (thấy cả mồ hôi đầm trên mí mắt và hơi thở ra đằng tai của họ)

Khai thác mặt đối lập, đặt chúng cạnh nhau để làm nổi bật ý đồ là thủ pháp thường dùng của thơ, nhưng mỗi nhà thơ sử dụng một khác. Nguyễn Thanh Mừng mở riêng cho mình cách đi: Anh thường dùng hệ thống từ Hán Việt với những khái niệm, từ ngữ ước lệ thời "thanh gươm yên ngựa" xa xa đặt lẫn vào những chi tiết đời thường ngày hôm nay, làm cho cái đời thường trở nên lấp lánh, không phải để làm sang mà để đùa cợt, tự trào: kiệu vàng bên yên

nhôm khung sắt, rồi tát cạn giang hà, dọc ngang trời đất... Hẳn đó là âm hưởng những vở tuồng lịch sử từng vang động thuở thiếu thời của tác giả?

Những vòng xe đạp là một bài lý ngựa ô dành suy tôn con ngựa sắt xe đạp, "sang trọng" chẳng kém gì, mà lại "hiện đại", với giọng tự trào có duyên của tác giả. Cười trên nỗi gian lao, gian lao chỉ còn một nửa, mà phẩm cách người thì đáng trọng gấp hai!

Vân Long

Lòng mẹ – Nguyễn Bính

*Gái lớn ai không phai lấy chồng
Can gì mà khóc, nín đi không!
Nín đi, mặc áo ra chào họ
Rõ quý con tôi, các chị trông!
Ương ơng, dơ, dơ quá đi thôi!
Cô có còn thương đến chúng tôi
Thì đứng lên nào! Lau nước mắt
Mình cô làm bận mấy mươi người
Này áo đồng lam, quần lĩnh tía
Này gương, này lược, này hoa tai
Muốn gì tôi sắm cho cô, đu
Nào đã thua ai, đã kém ai ?
Ruộng tôi cày cấy, dâu tôi hái
Nuôi dạy em cô tôi, đăm đương
Nhà, cửa tôi coi, nợ tôi gia
Tôi còn mạnh chán! Khiến cô thương!*

Đa con ra đến, cửa buồng thôi,

Mẹ phai xa con, khổ mấy mươi!

Con ạ! đêm nay mình mẹ khóc

Đêm đêm mình mẹ lại đưa thoi.

(1936)

Mười tám tuổi viết được một bài thơ nh thế này thì quả là thiên tài! (Nguyễn Bính sinh năm Mậu Ngọ 1918). Bài thơ nói về tấm lòng của người mẹ cho con gái đi lấy chồng. Giây phút ấy, lòng mẹ quả là ngổn ngang trăm mối: vừa mừng là con gái đã lớn, đã trưởng thành, đã có hạnh phúc; vừa lo cho con về làm dâu nhà người không biết rồi có thuận chèo mát mái, chỉ biết chắc chắn một điều từ giờ phút này nó không được áp trong đôi cánh mẹ nữa; mừng mà lại tủi thân vì công dưỡng dục, nghĩa sinh thành, nuôi con lớn chùng ấy, bây giờ nó về nhà người ta...

Ngổn ngang như thế nhưng mẹ phải gồng lên, nói cứng:

Gái lớn ai không phai lấy chồng

Can gì mà khóc, nín đi không!

Nín đi! Mặc áo ra chào họ

Rõ quý con tôi! Các chị trông

Ưong ong, dơ, dơ quá đi thôi!

Cô có còn thương đến chúng tôi

Thì đứng lên chào! Lau nước mắt

Mình cô làm bận mấy mươi người.

Lời người mẹ thật mộc mạc, thật chân quê, càng chân quê chùng nào càng tự nhiên chùng ấy. Ngôn ngữ thơ khó nhất là viết sao cho tự nhiên. Nguyễn Bính dường như không nháp, không sửa, cứ "xuất khẩu thành chương" vậy! Ta có cảm giác giây phút ấy, bà mẹ nhà quê nào cũng phải "mắng yêu" con như thế, không ai có thể nói khác được. Trong lời "mắng yêu" con gái, người mẹ không giấu được niềm vui sướng và tự hào về con. Mấy tiếng có vẻ

như nói mỉa "Rõ quý con tôi" thật ra là rất thương; rồi mấy tiếng "Ương ương dờ dờ" giọng như chê mà thật ra là đầy thông cảm.

Khổ thơ tiếp theo là niềm tự hào của người mẹ – mà là người mẹ nhà quê: nuôi con lớn, dạy con thành người và may sắm cho con gái bằng chúng bằng bạn, bằng chị, bằng em:

Này áo đồng lằm, quần lảnh tía

Này gương, này lược, này hoa tai

Muốn gì tôi sắm cho cô đư

Nào đã thua ai, đã kém ai ?

Bốn câu thơ có vẻ "kể công" với con gái chính là lời bắt buộc con đừng dùng dằng, khóc lóc nữa, dứt áo mẹ mà về nhà chồng đi thôi!

Cô con gái sứt sứt thổ lộ nỗi lòng thương mẹ già yếu, các em còn dại, chị đi lấy chồng, ai là người chăm sóc mẹ đây thì người mẹ lại "lên giọng" gạt phắt:

Ruộng tôi cày cấy, dâu tôi hái

Nuôi dạy em cô tôi, đằm đượm

Nhà, cửa tôi coi, nợ tôi gia

Tôi còn mạnh chán! Khiến cô thương!

Giọng người mẹ ở đây thật là... cong cớn, đanh đá (nhưng là một thứ cong cớn, đanh đá giả tạo, lên gân lên cốt cho con gái yên lòng mà về nhà chồng!) Ngoài sự cong cớn, đanh đá, ba từ "khiến cô thương!" còn có chút "nhẫn tâm" nữa nhưng đó cũng là sự "nhẫn tâm" cố ý... làm ra "nhẫn tâm" mà thôi!

Đang... hùng hồn như thế, khổ thơ cuối cùng hăng hản:

Đưa con ra đến, cửa buồng thôi,

Mẹ phai xa con, khổ mấy mươi!

Con ạ! đêm nay mình mẹ khóc

Đêm đêm mình mẹ lại đưa thoi.

Đây mới là khổ thơ thật lòng 100%, Nguyễn Bính viết về mẹ: Con ạ! Đêm nay mình mẹ *khóc. Cái giọt nước mắt khóc thầm của mẹ, chàng thi sĩ mười tám tuổi đã thấu* hiểu và diễn đạt một cách thật tài tình. Vâng, đêm con gái về nhà chồng, chỉ mình mẹ khóc thoi. Con chỉ khóc lúc sắp về nhà chồng còn bây giờ thì đang ngây ngất hạnh phúc! "Đêm đêm mình mẹ lại đưa thoi" , câu thơ sao mà cô đơn, mà ngao ngán đến vậy!

Nguyễn Bính đặt tên bài thơ là "Lòng mẹ" và đã phô diễn tài tình các cung bậc tình cảm, diễn biến tâm lý của người mẹ khi con gái đi lấy chồng, qua đó toát lên tình thương vô bờ bến của mẹ với con.

Đọc đi đọc lại bao nhiêu lần, tôi vẫn không hết ngạc nhiên về sự hiểu biết tâm lý thấu đáo, cặn kẽ, hiểu việc đời sâu sắc của Nguyễn Bính và cách diễn đạt tự nhiên như hơi thở cuộc sống trong thơ ông. 18 tuổi viết được bài thơ như thế này quả là "danh bất hư truyền".

Nguyễn Bùi Vợi

Lá đỏ

*Gặp em trên cao lộng gió
Rừng lạ ào ào lá đỏ
Em đứng bên đường như quê hương
Vai ác bạc quàng súng trường.
Đoàn quân vẫn đi vội vã
Bụi Trường Sơn nhòa trời lụa.
Chào em, em gái tiên phương
Hẹn gặp nhau nhé giữa Sài Gòn.
Em vẫn cười đôi mắt trong.*

(Nguyễn Đình Thi, Trường Sơn, 12/1974)

Đã hơn một lần nhà thơ Nguyễn Đình Thi cho những cô gái Việt Nam nhỏ bé khoác súng trường. Lần trước, cách thời điểm của bài thơ này ngót chục năm, khi cuộc chiến tranh chống Mỹ mới lan ra miền Bắc, trong bài Chia tay trong đêm Hà Nội, ông đã cho nhân vật trữ tình của mình trước lúc lên đường sóng bước bên người yêu:

Em đi bên anh tóc xoà bay rối

Nhỏ nhắn vai em khoác súng trường

Và cái hình ảnh kết thúc nh thật nh giả, nhưng có sức gợi:

Anh ôm em và ôm ca khẩu súng trường bên vai em.

Lần này, người con gái bé nhỏ của hậu phương ngày nào đã không cam chịu ở lại phía sau, cô đã ra mặt trận. Đã đành rằng trong cuộc chiến tranh vừa qua, ranh giới giữa tiền tuyến và hậu phương rất mơ hồ, và trên khắp đất nước ta ngày ấy, ở đâu cũng có thể trở thành tiền tuyến, nhưng... đây là một tiền tuyến thường trực, tiền tuyến của tiền tuyến: con đường Trường Sơn ác liệt và hào hùng, nơi sản sinh ra bao nhiêu huyền thoại mới mà hình ảnh những người con gái kiên cường như nhân vật của bài thơ này là một trong số đó. Lần này chẳng còn ai tiễn đưa ai. Tác giả –hay nhân vật trữ tình cũng thế –đi trong dòng người đang hành quân vội vã, bất chợt:

Gặp em trên cao lộng gió...

Đúng chỉ là một thoáng khắc, một cái ngược nhìn, một pô ảnh chụp vội. Nhưng đó là một thoáng khắc đầy tính biểu tượng, đầy chất thơ. Trước hết, bởi vì nó lạ. Nói như thi sĩ trẻ của thời đó Lưu Quang Vũ: Thơ là sự ngạc nhiên trước cuộc sống, hoặc xa hơn nữa, đời Thanh bên Trung Quốc, Thiều Đại Nghiệp có câu: *Giang sơn kiến quán tân thi thiếu (Tạm dịch: Sông núi xem nhàm thơ mới ít)*. *Cái gì đã nhàm chán, mòn cũ thì không còn thơ nữa*. Đó là quy luật muôn đời của cảm hứng sáng tạo nghệ thuật. ở đây ngược lại, ấn tượng Trường Sơn đập vào tác giả hoàn toàn mới mẻ, lạ lẫm khác thường: trên cao, lộng gió, rừng lạ, ào ào lá đỏ... *trong đó nổi bật lên cái màu lá đỏ, dữ dội và hào hùng, không phải màu lá xanh của bình yên và quen thuộc*. Trong một chuyến vào Nam trước đó không lâu, Tố Hữu cũng đã không bỏ qua chi tiết này của Trường Sơn: *Bụi bay, bụi đỏ lá rừng (Nước non ngàn dặm)*.

Như vậy, với Tố Hữu, màu đỏ của lá là vì bụi. Ai đã đi qua Trường Sơn những năm tháng ấy hẳn không thể quên được cảnh bụi, không phải thứ bụi lay phay của đồng bằng, bụi Trường Sơn mịt mù trời đất, bụi dày hàng gang, hàng mấy gang, ô tô có thể patinê vì bụi... và bụi, ấy là đặc thù của mùa khô, mùa của chiến trận, của những ngày tất bật của con đường... Nhưng cũng có thể màu đỏ lá rừng cũng còn vì những lẽ khác: vì nắng cháy, vì ánh chiều tà, vì đơn giản đó là màu của lá, Trường Sơn bạt ngàn rừng núi thiếu gì cây lạ, cảnh lạ... Chỉ

biết đó là một ấn tượng mạnh. Và nhà nghệ sĩ nhạy cảm không thể bỏ qua, ông đã kịp giữ lại nó cho mình và cũng là cho người đọc, người nghe. Để cực tả ấn tượng lạ đó, nhà thơ đã dùng đến những từ sắc, mạnh, với câu thơ xiết chặt đến cùng: *Bụi Trường Sơn nhòa trời lửa... Vẫn là sự chọn lựa riết róng, sự dồn nén (chứ không phải là nhồi nhét)* của từ ngữ vốn là đặc thù của ngòi bút Nguyễn Đình Thi từ buổi đầu làm thơ.

Có thể nói, để chở những thông điệp về nội dung mạnh mẽ, nhưng rất giản dị, dễ hiểu như lý tưởng chiến đấu của chúng ta ngày ấy, tác giả đã dùng đến những thủ pháp nghệ thuật không đơn giản một chút nào: những hình ảnh, âm thanh, màu sắc được chọn lọc tinh vi và đặt đúng chỗ, đủ sức tạo ấn tượng và lôi cuốn cảm xúc của người đọc.

Và, giữa cảnh hùng tráng mà lạ lẫm ấy của chiến trường hiện lên hình ảnh người con gái bé bỏng, thân gầy, với vai áo bạc như cuộc đời lam lũ của mẹ cha, với trên vai khẩu súng trường cũng đã trở nên quen thuộc, đã được đời thường hoá và nữ tính hoá từ lâu. Trong bối cảnh ấy, gọi tất cả hình ảnh mến thương mà lẫm liệt này là quê hương thì thiết tưởng không còn gì chính xác và gọi cảm hơn. Ở đây ta thấy sức mạnh của nữ tính thật ghê gớm. Ngỡ nh cả khi buộc phải cầm sắt thép trên tay, có mặt giữa một nơi đầy máu lửa, thì người phụ nữ vẫn không đánh mất đi những thuộc tính thiên tạo, những phẩm chất làm nên một hậu phương ấm áp và chở che... Chính họ đã tạo dựng lên những hậu phương ngay giữa lòng tiền tuyến. Một nhà văn Nga đã viết: *Chiến tranh không mang gương mặt phụ nữ, nhưng ở đất nước ta, một khi phụ nữ tham gia vào chiến tranh thì họ đã làm thay đổi gương mặt của nó.* Và thế, tác giả thốt lên một lời chào mà cũng là một lời hẹn hò đầy tin cậy, hướng tới cái đích lớn của toàn dân tộc, tất nhiên –gặp nhau giữa Sài Gòn – nhưng trong đó vẫn không giấu nổi một sắc thái gì đó riêng tư tha thiết, với cách gọi tên em gái tiền phương hàm chứa biết bao âu yếm.

Nguyễn Đình Thi nhiều tài nhưng viết ít, nhất là với thơ. Ông gọi ta nhớ đến một nhà thơ khác: Chính Hữu. Cả hai ông, về số lượng và chất lượng thơ có những nét khá gần nhau. Tuy nhiên, phần khác nhau cũng không nhỏ. Riêng với Nguyễn Đình Thi, ông đã tỏ ra trung thành với tuyên ngôn thơ của mình được tung ra từ những ngày đầu kháng chiến chống Pháp. Ông là người có ý thức rất sớm rằng muốn phục vụ tốt cho cánh mạng, cho cuộc sống thì thơ trước hết phải là thơ, nghĩa là thơ chỉ có ích chừng nào nó hay, nó lôi cuốn người đọc

không chỉ bằng nội dung mà bằng cả sức mạnh của nghệ thuật, với những tìm tòi, những đổi mới và sáng tạo không ngừng... Để đạt đến cái đích chuyển tải được những ý tưởng và cao hơn là những ấn tượng, những cảm xúc cho người đọc, nhà thơ táo bạo này đã sẵn sàng từ bỏ các luật lệ của thơ truyền thống để chỉ giữ lại những gì cần thiết nhất: Sức hàm chứa của từ ngữ, sức gợi mở của hình tượng, sức lay động của nhạc tính... Có lẽ vì thế mà thơ ông gần với âm nhạc, hay ngược lại, chính vì ông còn là một nhạc sĩ nên thơ ông thừa hưởng được những ưu điểm ấy chăng?

Anh Ngọc

Khăng khít

Em có cháu gọi "bà"

Gọi "em" anh vẫn gọi

Năm mươi tuổi, ai già

Chúng mình sao trẻ vậy

Anh đọc truyện em nghe

Em muốn em là "Tám"

Lòng hoàng tử–anh mê

Từ buổi đầu em lấm

Em gọt khế cuối mùa

Anh cắn từng lát nhỏ

Ôi, qua thường vị chua

Mà mong nhiều thương nhớ

Bao bận anh lên đường

Ngày về thường sai hẹn

Giữa lúc em đổi hờn

Thư anh liền kịp đến
Bao bận em se mình
Giành com, anh nấu cháo
Ôi đâu phai mùi hành
Mồ hôi em thấm áo
Hạt nắng nhảy trong vườn
Khiến "lòng đôi" xao xuyên
Có phai ngày ta thương
Một mùa hè quá ngắn
Chiếc áo cưới năm xa
Mùi hòm rương nếp gấp
Ướm lại rộng không vừa
Em vẫn khen tơ chắc.
Ta gắn nhau từ đầu
Càng gắn nhau về cuối
Đâu nghĩ là xa nhau
Cho đến giờ hấp hối.

(Yến Lan)

Năm 1994, đi bình thơ ở các tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng, Bình Định, Khánh Hoà và Bình Thuận, tôi có đến thăm nhà thơ Yến Lan ở thị trấn An Nhơn. Vui chuyện, tôi hỏi ông về cái bút danh mang tên rất con gái này thì nhà thơ thổ lộ: Thời ông đi dạy trung học, có hai cô nữ sinh cùng yêu thầm nhớ trộm thầy giáo Lâm Thanh Lang (tên thật của nhà thơ). Một cô tên là Yến, một cô tên là Lan. Sau khi ra trường, biết thầy Lâm Thanh Lang đã ngỏ lời với Lan, Yến bỏ nhà đi tu. Cảm kích trước tình yêu của hai cô Yến và Lan, thầy giáo dạy

văn Lâm Thanh Lang lấy bút danh là Yên Lan. Yên Lan đã có những bài thơ nổi tiếng như: Bến My Lăng, *Lại về tỉnh nhỏ...*

Bài "Khăng khít" này, nhà thơ viết cách đây ngót ba mươi năm khi hai ông bà đã ngoài tuổi 50:

Em có cháu gọi "bà"

Gọi "em" anh vẫn gọi

Năm mươi tuổi, ai già

Chúng mình sao trẻ vậy

Nhà thơ tự khép mình một cách hồn nhiên, không cần giữ ý, không sợ ai bắt bẻ "chê cười". Kể cái việc xng hô gọi người vợ đã cứng tuổi là "em", với Yên Lan cứ như là một phát hiện, thật ra ở xã hội hiện đại, đó là việc bình thường. Cái chất thi sĩ hồn nhiên, ngơ ngác của ông thể hiện rõ nhất ở khổ thơ đầu ấy.

Rồi, cả bài, bao nhiêu khổ thơ tiếp theo đều nói lên sự khăng khít của đôi vợ chồng tuổi cao mà tình còn trẻ bằng những chi tiết đời sống tươi xanh và cụ thể:

– ***Anh đọc truyện em nghe***

Em muốn em là "Tám"

– ***Em gọt khế cuối mùa***

Anh cắn từng lát ọ

– ***Giữa lúc em đổi hờn***

Thư anh liền kịp đến

– ***Bao bận em se mình***

Giành cơm, anh nấu cháo

...V. V ...

Tình yêu thời trẻ thường đắm say, ngây ngất với những nụ hôn nồng nàn, những hẹn ước, thề nguyện, nhớ thương cháy bỏng có lúc cũng ... hoang

<http://www.ebooks.vdcmmedia.com>

tưởng, "giời ơi"! Còn người có tuổi gắn bó với nhau bằng những chi tiết hạnh phúc đã trở thành kỷ niệm. Và khi đã là những kỷ niệm đẹp thì nó rất bền.

ở bài thơ này, nhà thơ Yến Lan không làm thơ. Ông không phải lập tứ, tìm ý tưởng, tìm bố cục mà chỉ thông thả kể hết cho bạn đọc những gì ông bà dành cho nhau, quan tâm đến nhau, sống vì nhau vì cả hai vợ chồng rất yêu nhau, khăng khít với nhau.

Bài thơ đến với người đọc như một lời rủ rỉ chuyện trò, chân tình và tin cậy. Yêu nhau lúc cả hai còn trẻ thì dễ, yêu nồng nàn ở tuổi trung niên đã khó, yêu thắm thiết ở tuổi 50, 60 để còn... làm thơ được quả là không dễ chút nào!

Phải chăng, đó cũng là thông điệp nhà thơ gửi đến bạn đọc.

Nguyễn Bùi Vợi

Hoàng Cầm—nhà thơ tân cổ điển

Không hiểu sao trong tâm thức thơ ca của tôi luôn ám ảnh bởi Hàn Mạc Tử và Hoàng Cầm, dù thơ của hai thi sĩ này rất khác nhau về hồn thơ và giọng điệu. Hàn Mạc Tử thăng hoa cõi trầm vào cõi mơ: "Thơ có tích và chiêm bao có tuổi", Hoàng Cầm lại phát cánh điệu thơ từ trầm tích của văn hoá Kinh Bắc "Giải yếm lòng *trai phải phát cờ*". *Hàn Mạc Tử mất năm 28 tuổi (1940) cũng là lúc Hoàng Cầm xuất hiện trong làng thơ* và tới nay đã 78 tuổi vẫn còn sung bút. Tôi nhớ hồi nhỏ đã từng chép tay hàng chục bài thơ của Hàn Mạc Tử, và sau chiến tranh trở về Hà Nội (1976) tôi lại mài miết chép vào sổ tay tập thơ *Về Kinh Bắc từ bản thảo của Hoàng Cầm, bởi thơ ông rất lôi hút những nhà thơ trẻ chúng tôi lúc bấy giờ*. Quả là thơ Hoàng Cầm có một ma lực kỳ lạ ở sự cách tân, ở hồn cốt văn hoá làng quê Việt.

Thực ra, thế hệ chúng tôi lớn lên sau vụ Nhân văn–Giai phẩm ít được đọc Hoàng Cầm dù trước Cách mạng 1945, ông đã đóng góp không nhỏ cho kịch thơ với hai vở *Hận Nam quan* và *Kiều Loan* cùng với những bài thơ kháng chiến, tiêu biểu là *Bên kia sông Đuống nổi tiếng* và trường ca *Tiếng hát Quan họ*. Thơ của ông đẹp một vẻ đẹp thướt tha mà lại dạt dào, hào sảng:

Sông Đuống trôi đi

Một dòng lấp lánh

Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kỳ

Những hình ảnh thân thương gần gũi của quê làng vào thơ ông bỗng trở nên sang trọng lạ lùng:

Những cô hàng xén răng đen

Cười nh mùa thu toa nắng

Nói như nhà thơ Nguyễn Thụy Kha thì thơ Hoàng Cầm "trầm đầy một nỗi phương Đông". Đúng như vậy, cái "nỗi phương Đông" luôn "trầm đầy" chính là nhờ ông đã nhập hoà hồn thơ mình vào chiều sâu văn hoá Việt để rồi hiện ra trên trang giấy với dáng vẻ năng động của thơ mới trong sự luân chuyển về hiện đại.

30 năm vắng bóng trên thi đàn (1958–1988) lại chính là thời gian mà Hoàng Cầm đã tạo nên sự đột khởi trong sự nghiệp thơ của ông bằng tập Về kinh Bắc và nhiều tập thơ lẻ như Men đá vàng, Ma thuận thành, 99 bài tình.... Nhiều bài thơ trong tập thơ này, mà đặc biệt là tập Về kinh Bắc đã trở thành "ngôn truyền" trong công chúng với những Lá diêu bông, Quả vườn ổi, Cây tam cúc, Cỏ bông thi... Theo Hoàng Cầm thì Về kinh Bắc chính là tập thơ cột sống của đời ông. Đây là một tập thơ mà tinh tuý của văn hoá Quan họ–Kinh Bắc đã được chưng cất, kết đọng lại. Ông chia tập thơ thành các "nhịp" với những đêm Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ nh nén lại để rồi làm thăng hoa thơ Việt trong một không gian, thời gian thực ảo biến hoá khôn lường. Đọc thơ ông, ta gặp một con người Việt nguyên khôi qua hơi thở của lục bát, ngũ ngôn và nhịp tự do tài tình lột qua khuôn phép. Chính vì thế mà thơ ông không cũ đi trong cổ điển, và cũng không quá xa lạ trong hiện đại.

Mảng thơ tình của Hoàng Cầm lại là một đóng góp đáng kể về cảm giác tình yêu trong thơ ca. Đây là một cảm giác si mê hưng phấn trong ái tình, mà có người nhầm tưởng là kích động nhục cảm. Thực ra, nhục cảm trong thơ tình Hoàng Cầm luôn đa nghĩa, mà cuối cùng hướng về cái đẹp e ấp luôn có nguy cơ biến mất. Trong đời thực, Hoàng Cầm là một người đa cảm và cũng đa tình lắm. Da trắng, môi son vẫn còn phảng phất trên gương mặt chữ điền dưới mái đầu bạc trắng nh cóc. Cho dù đã gần tuổi 80, ông vẫn thường khát khao một mối tình chân thành, đắm đuối. Có lẽ nhờ thế mà trái tim trong thơ ông vẫn rộn ràng những điệu nhạc xa xăm:

Ai bay mười tươi ròn

Nằm mơ đưa võng mẹ

Ru say dòng mầu hệ

Vòng tay quê bé bỏng

hoặc:

Em ơi! em ơi!

Tóc xanh bạc óng

Như hai con sóng

Để gì che đôi...

Ngoài tình yêu và thơ ca, Hoàng Cầm cũng là người còn nhiều đam mê khác. Mười năm lại đây, nhiều bài phê bình, tiểu luận và hồi ký của ông thường làm giật mình người đọc về một trí tuệ và khả năng sung mãn trong sáng tạo. Tập Văn xuôi *Hoàng Cầm khoảng 500 trang đang sắp sửa phát hành, sẽ cung cấp cho bạn đọc* nhiều điều lý thú bất ngờ. Tuy sức đã yếu, Hoàng Cầm vẫn khao khát được chung tay với Hội nhà văn ra một tờ báo THƠ để thúc đẩy thơ ca ngày càng đạt tới những thành công mới và đáp ứng nhu cầu của công chúng yêu thơ. Đọc những lời tâm sự của ông trên báo, càng thấy khát vọng ấy của ông nhức nhối đến chừng nào: "Thơ là một mặt vô cùng trọng yếu của đời sống tinh thần dân tộc ta, thì lại không có một tờ báo đâu chỉ là hai trang thôi!. Lấy đâu ra sức mạnh đẩy thơ lên tới mức hiện đại hoá văn chương và nghệ thuật cho kịp với các trào lưu thế giới?"...

Nhưng mà, dù chưa có báo THƠ, Hoàng Cầm vẫn lặng lẽ sáng tạo. Hôm qua, ông lại vừa đọc cho tôi nghe mấy bài thơ mới, và vẫn còn tiếp tục sửa chữa. Nhìn ông tóc bạc, da trắng, môi son và cặp mắt ánh lên những tia sáng đăm đăm, tôi như thấy cả thời tuổi trẻ của ông vẫn còn song hành cùng ông trên con đường văn chương đầy mê đắm.

Nguyễn Trọng Tạo

"Huế tháng tám" – một bài thơ đặc sắc

Càng về sau cùng với tuổi tác thơ Tố Hữu càng ý nhị, sâu sắc tình đời, tình người. Nhưng cái sốc vác, trẻ trung và hùng hực sức sống thì chỉ có nhiều, rất nhiều ở thời của "Từ ấy".

Đọc "Huế tháng tám" trong những ngày này, có cảm giác như lịch sử đã thức dậy sau nhiều năm ngủ yên. Một Huế đất thần kinh, trầm mặc và kiêu hãnh, nhập nhoà giữa xưa và nay:

Huế trầm mặc hôm nay sao khác khác

Những mắt huyền ngơ ngác, hỏi thăm nhau.

Nhiều năm sống với Huế và có cả một thời bạch diện thư sinh, Tố Hữu đã nhìn Huế từ góc nhìn của những cánh phượng đỏ, với một thoáng riêng tư tím tím áo dài ai:

Huế xôn xao, lo lắng những đêm mơ

Khát khao hoài nh cô gái mong chờ

Sau, của hé người yêu cha biết mặt

Dù nói về "những mắt huyền mơ" hay có cả người yêu sau cánh cửa, nhưng "Huế tháng tám" không phải là một bài thơ tình riêng tư. Âm hưởng chủ đạo của bài thơ vẫn là những sự kiện lịch sử được chuyển tải qua ý thức công dân. Trên cái nền của một quá khứ xa cũ, hay nói chính xác hơn là của một thời đại đã xa, với sự im ắng của tiếng đàn và ngoài kia dòng Hương lặng ngắt; Bảo

Đại–vị vua cuối cùng của triều Nguyễn thực sự cô độc với câu hỏi về vận mệnh dân tộc:

Người đứng đây. Trăm họ đang về đâu?

Đình thân đó râu râu thân đá trắng

Sự thoái vị của vua Bảo Đại được nhà thơ nhận thức như là một tất yếu của lịch sử–"Một ngai vàng không thể thắng cả giang sơn–Người phải lui cho dân tiến nước còn".

Qua bài thơ "Huế tháng tám", sức mạnh của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng trào lên như nước triều dâng:

Hãy mơ mắt quanh hoàng cung biển, lúa

Đã dâng lên ngập Huế, đo cờ sao

Đó là một sức mạnh vô địch không gì ngăn cản được:

Chừ đây Huế, Huế ơi!

Xiềng gông xa đã gãy

Hãy bay lên! Sông núi, của ta rồi.

Sinh thời nhà thơ "Điêu tàn" Chế Lan Viên từng cho rằng thơ ông chỉ là con sông Thương nhiều đa cảm, có lúc tự đánh đắm cả đời mình; còn thơ Tố Hữu đó là "con sông Mã, gầm réo trong đạn lửa". Có đọc "Huế tháng tám" mới thấy cái sức mạnh ghê gớm bật ra từ một nội lực thơ đã được rèn luyện qua bao ngày lao tù. Niềm vui giải phóng, niềm vui độc lập dân tộc được nhà thơ thể hiện một cách tài tình, tự nhiên như thể không còn có niềm vui nào lớn hơn:

Nước mắt ta trào, húp mí, tràn môi

Cổ ta réo trăm trận cười, trận khóc

Ngực lép bốn ngàn năm tra nay con gió mạnh

Thối bùng lên, tim bỗng hoá mặt trời

Kết thúc bài thơ là một hình ảnh đẹp, lưu dấu trong lòng bạn đọc:

Vàng vàng bay, đẹp quá, sao sao ơi

Ta ngã vật trong dòng người cuộn thác

Mô tả triều Nguyễn—một thế giới về chiều héo úa, phản ánh và khắc họa sức mạnh của dân tộc đang rũ bùn đứng dậy, "Huế tháng tám" còn có những thành công riêng về mặt nghệ thuật. Có thể nói trào lưu "Thơ mới" đã thổi vào tâm hồn nhà thơ—người chiến cách mạng, cái sức sống của "Nhớ rừng".

Cả bài thơ là một chuỗi câu liên hoàn, nhịp thơ như sóng dồn đuổi. Những câu hỏi tu từ liên tục, được đặt ra đã xoáy sâu vào tâm lý người đọc và thuyết phục một sự thật hiển nhiên: cái cũ đã qua đi, cái mới đang đến và không một sức mạnh nào có thể cản trở dân tộc Việt Nam trong cuộc hành trình giành độc lập. Vận dụng tài tình nhịp điệu "Thơ mới", "Huế tháng tám" còn rất thành công ở cách dùng từ sinh động, giàu biến hoá, gây ấn tượng mạnh, gọi đúng sự vật bằng tên sự vật, ở cấu trúc giản dị, dễ nhớ.

Hơn 50 năm đã trôi qua, lịch sử dân tộc qua bao thăng trầm cũng đã lật sang một trang mới. Huế vẫn còn đó những thành quách rêu phong. Cửa Ngọ Môn—nơi vua Bảo Đại thoái vị, giờ tấp nập du khách.

Cùng với thời gian, bài thơ "Huế tháng tám" vẫn giữ nguyên giá trị nghệ thuật, giá trị lịch sử độc đáo, đánh dấu chặng đường thơ đầy nhiệt huyết của một nhà thơ lớn.

Hoàng Bình Thi

Em sợ – Lâm Thị Mỹ Dạ

Những lúc anh khen

"Em tôi xinh đẹp"

Mặt em trẻ đẹp

Xin anh đừng khen

Là lúc em buồn

Tình yêu không ơ

Và em thấy ghét...

Trên gương mặt em

Một nỗi lo âu

Năm tháng cuốn trôi

Buồn trong ngực trẻ

Một thời con gái

Lời anh ngọt ngào

Trên gương mặt em

Lòng em đau xé

Nét buồn đọng lại.***Em thôi xinh đẹp******Anh còn yêu ai?***

Bài thơ có 4 khổ được xây dựng trên nền nghệ thuật của lối thơ tứ tự – một lối thơ khá tự do. Mười tám dòng, bảy hai con chữ xoay quanh cái tâm sự muôn đời không cũ, ấy là hương sắc tuổi trẻ với năm tháng và tình yêu.

Khổ một – bốn dòng thơ đầu đọc lên nghe như có điều gì phi lý, mấy ai trong đời lại không thích được khen, nhất là đối với phái đẹp, phái thường ganh sắc, thích phô trương... Vậy mà "Em" trong bài thơ lại không thích được khen "Mặt em trẻ đẹp". Đọc, lắng nghe âm hưởng các dòng thơ, ta như gặp ở đây một cô gái hồn nhiên mà đầy ý tứ. Cô nói "Buồn" và "Ghét" "Những lúc anh khen mặt em trẻ đẹp", là thực hay cốt giấu lòng mình? Xét mạch phát triển tâm trạng nhân vật trong bài thơ, ta nhận ra cái sự "Buồn" và "Ghét" được em nhắc tới lúc này có lẽ chỉ là cách nói ở buổi sơ đầu, đúng hơn em chỉ hơi "ghen ghét" kiểu nh "ghét cái mặt!" trong ngôn ngữ thường nhật của các cô gái mới lớn, nghĩa là cái sự ghét này chỉ có ở lời thơ nhưng lại không thực ở cõi lòng. Hai sự này đan xen nhau lấp lánh như vàng và đồng trong tiếng vang ngân của một quả chuông nhà thờ nào đó.

Bốn dòng thơ tiếp bộc lộ rõ hơn tâm trạng em. Cái sự "Buồn" và "Ghét" ở khổ thơ trên lúc này đã có tên là "Lo âu", một nỗi lo âu "Buốt trong ngực trẻ", đang lớn dần trong em một cách mơ hồ. Sự âu lo ấy cha có hình, rõ ý. Người ta bảo: Con gái phải dè chừng với những lời ngọt ngào của đàn ông! Em nghĩ: Mấy ai thích nghe lời nói xăng, vả lại, còn có người thế này, người thế khác! Phải đâu ai cũng như ai.. tin và đi đến với tình yêu bằng lòng tin ấy, em lúc này muốn được nghe và nghe nhiều lần tiếng nói của anh! Những ngày này em có thể quên ăn để sống bằng chính tiếng nói ngọt ngào ấy. Năm tháng lặng lẽ lẩn đi, rồi một hôm bất chợt trời không nắng, không mưa, chỉ vừa vừa gợi nhớ và em lờ mờ nhận ra hình như những lời ngọt ngào kia không nằm ở phía trái tim, chúng cũng không nằm trong đôi mắt mà chỉ nằm trong lời nói của anh thôi!!! Đây phải chăng là địa chỉ khởi sự cho mọi "lo âu" và "em sợ"?

Khổ thơ thứ ba, tác giả để em – nhân vật trữ tình của bài thơ bộc lộ rõ hơn những "lo âu" dẫn đến "em sợ" ngay trong những ngày còn đang yêu

anh. Mở khổ thơ bằng "Em tôi xinh đẹp" và đối tiếp: "Xin anh đừng khen", lời thơ tuy vẫn dịu dàng, thanh nhã nhưng nếu ta để tâm lắng nghe sẽ thấy chen trong các tiếng vang ngân của bốn thanh ngang và huyền là âm hưởng xa vắng lạnh lùng, phải chăng đây là tâm trạng, là thái độ của em từ sau cái ngày nhận ra tiếng nói của trái tim anh chưa hề lên tiếng, chưa hề thổn thức thực sự về em và tình yêu của em.

Hai câu thơ tiếp sau nói rõ hơn về suy nghĩ này. Tại đây phẩm hạnh cô gái lại sáng lên lần nữa, ấy là lời nói nhẹ nhàng, bình tĩnh đủ nghe, đủ ý mà dứt khoát: "Tình yêu không ở/Trên gương mặt em". Như vậy tình cảm giữa em và anh đã rõ ràng, em buồn đấy nhưng biết làm sao!!! Qua đây ta thấy "em" là cô gái sớm tiếp nhận được nét đẹp giới tính – biết lo xa cái cần phải lo cho đời mình, yêu thương đúng mực, không dựa trên vẻ đẹp hình thức, không dựa trên khuôn mặt của em. Đành rằng cái đẹp là cần thiết song không phải là tất cả.

Sáu câu còn lại xem như một xen độc thoại của nhân vật thơ, nó là d âm được phát ra từ những dòng tâm sự trên đang lan ngân trong không gian, gọi người đọc, người nghe suy ngẫm và liên tưởng về những cuộc đời –những mối tình đã xây dựng trên nền tình yêu hình thức, trên nền của một trong hai người bị động, vội vàng chưa thật hiểu nhau. Những câu thơ ấy như những tiếng vọng hoặc nốt nhấn, nốt lặng trong một bản đàn, khơi gợi mọi người hãy suy nghĩ cùng em, giúp em, giúp mình giải quyết một thực tế, một bài học vào đời.

Bài thơ đã khép lại mà sự lắng kết vang ngân của nó –tiếng lòng người bạn, người chị, người mẹ chuyển lại cho đàn em và những đứa con đang đứng trước ngưỡng cửa tình yêu, ngõng cửa cuộc đời, một bài học nhẹ nhàng mà cần thiết.

Nguyễn Đức Khuê

Độc thơ ụng Bình Thúc Dạ Thị

Lịch sử văn học Việt Nam thời kỳ cận hiện đại đã sản sinh ra nhiều nhà thơ Hán lớn của thế kỉ. Những công hiến của họ về ngôn ngữ và thể loại đã đặt nền tảng cho sự hiện đại hoá thơ ca sau này. Trong số những nhà thơ ấy có thể kể đến Tản Đà–Nguyễn Khắc Hiếu, Tú Xương và ụng Bình Thúc Dạ Thị.

Sự nghiệp trước tác của ụng Bình Thúc Dạ Thị rất đồ sộ, bao gồm 1000 bài thơ chữ Nôm, 227 bài thơ chữ Hán, 2 vở tuồng cổ và nhiều lời ca, hò Huế nổi tiếng. Sinh ra trong buổi giao thời, cũng là lúc mà sự giao lưu văn hoá Việt–Pháp gắn bó đến mức cao nhất, nên sự nghiệp thi ca của ụng Bình Thúc Dạ Thị là sự nghiệp của một vị quan triều Nguyễn, u thời mẫn thế, luôn luôn hướng về nhân dân và gần gũi với nhân dân. Có thể nhìn thấy sâu nặng và trước hết ở thơ ông, đó là nỗi đau mất nước. Ông hay buồn bã vì mình có chức phận mà không làm được việc gì khả dĩ giúp dân:

"Cái nợ tang bồng thân phải gánh

Tám gương ngay thảo, dạ thường soi".

Và cũng chính ụng Bình Thúc Dạ Thị là tác giả của một bài thơ đã thành lời hát nổi tiếng:

"Chiều chiều trước bến vắng lâu

Ai ngồi, ai câu, ai sâu, ai thăm

*Ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai mong
Thuyền ai thấp thoáng bên sông
Đa câu mái đẩy, chạnh lòng nước non".*

Và cũng chính nhà thơ cho biết chữ "ai" nổi tiếng trong bài thơ là nhà vua Duy Tân những ngày mưu sự lớn, giả dạng thường dân chờ gặp Trần Cao Vân mặt bàn quốc sự ở bên Phú Văn Lâu.

Qua năm tháng, giá trị nội dung và nghệ thuật của thơ ung Bình Thúc Dạ Thị càng toả sáng, với một chiều sâu mới, trong một cảm nhận mới. Tư duy thơ ca của ông là sự kế tục của tư duy triết học phương Đông. Luôn luôn nhận thức rõ cái hữu hạn của đời người, để hướng thiện và nhân ái. Nên dù quyền cao chức trọng, ung Bình Thúc Dạ Thị vẫn là một vị quan thanh bạch:

*"Cảnh tiên chùa Phật thường lui tới
Nẻo lợi, đường danh ít lại qua
Biết đủ dầu không chi cũng đủ
Nên lui đã có dịp thì lui".*

Lên cảnh tiên, vào chùa Phật, hưởng chữ nhân của bậc nho gia, thoát vòng tục lụy nhưng chưa bao giờ ng Bình Thúc Dạ Thị lại yên lòng thụ hưởng chữ nhân. Canh cánh trong lòng ông vẫn là sự cảm thông dành cho "con đở".

*"Hỏi ta ta biết hơn tình đó
Biết lại càng thêm nỗi xót thương"*

Trốn nẻo lợi, trốn đường danh về với thiên nhiên cây cỏ, hiểu lẽ đời, hiểu tình người...Thơ ung Bình Thúc Dạ Thị có gì đó gần gũi với thơ Nguyễn Trãi bởi có một tấm lòng trung liễn hiếu. Đêm đêm thức nhẩn nẻo sơ chung". Nhưng nếu thơ của Nguyễn Trãi là thơ của thời thịnh, thì thơ của ung Bình Thúc Dạ Thị là thơ của thời suy. Sinh thời tự hào ông viết:

*"Vỹ Dạ thôn có Lão Vương Tôn là Thúc Giạ
ung ca, ung hát, ung giã gạo hò khoan
Ham vui điệu cổ thi đàn*

"Nghe câu tuyệt xướng muôn vàng cũng mua"

Có cảm giác như ung Bình Thúc Dạ Thị chỉ là một thi sĩ "ham chơi", một tài tử trà dư tửu hậu, đam mê cầm kì thi hoạ, lánh xa thế tục. Thực ra cách hành xử của ông không nằm ngoài tâm trạng của một cô quan; hiểu, chấp nhận, bất lực và đau xót trước thời thế. Có lẽ cũng giống như những nhà thơ mới sau này, ông đã trốn mà không thoát. Và sự trở về với trà, rượu, với hoa và thiên nhiên suy cho cùng là sự lựa chọn một lối hành xử khá phổ biến của bậc túc nho tài hoa:

"Rượu có mùi hương nên uống mãi

Thi là thuốc bỏ cứ ngâm chơi

Thuở ra sân khấu không làm rộn

Khi hạ vai tuồng ít hổ ngại".

Một mực chân chỉ với quan niệm sống thanh tao thoát tục, thơ ung Bình Thúc Dạ Thị rất gần với lời ăn tiếng nói của nhân dân. Phương ngữ Huế trong thơ ông cũng là một nét độc đáo, đọc lên nghe sâu nặng và âm vang khó tả. Những câu thơ như:

"Cụm hoa nở ngoài cười

Yên tạ hữu Tấn sau nở biết".

Hoặc "Te rẹt dám khoe cần võng đỏ

Dãi dầu nên chuộng bát cơm lương"

luôn gọi lên một điều gì đó như là cuộc sống bình dị.

Đã 36 năm qua, Huế vắng bóng ung Bình Thúc Dạ Thị. Sự ra đi của ông cũng ít nhiều lặng lẽ như bản sắc và cốt cách của loài hoa sen—qua năm tháng và thời gian cứ thơm mãi như lời thơ bất tử về một bến xưa" Chiều chiều trước bến Văn Lâu..."

Hoàn Bình Thi

Mục lục

| | |
|--|----|
| Đọc lại bài thơ "Một đêm đàn lạnh trên sông Huế" của Văn Cao..... | 3 |
| Mùa Xuân đọc "Đám cưới mùa Xuân" của Đoàn văn Cừ | 10 |
| Xin đừng đi với một người khác em (Con đường –Phan thị Thanh Nhàn) | 14 |
| Chiều ơi xin chớ đi mau | 17 |
| Đọc lại bài thơ "Cảnh rừng Việt Bắc" của Bác Hồ..... | 21 |
| "Bệnh bông cho tới mai sau"–Bài thơ tình rất lạ của Hoàng Phủ Ngọc Tường | 23 |
| Ngây thơ –Bài thơ trẻ trung của một nhà thơ già..... | 28 |
| "Bệnh bông cho tới mai sau"–Bài thơ tình rất lạ của Hoàng Phủ Ngọc Tường | 34 |
| Mong chờ..... | 39 |
| Thanh Tịnh –Trăm năm nhớ một chuyến đò..... | 42 |
| Thơ chúc Tết của Bác Hồ..... | 44 |
| "Tự hát" của Xuân Quỳnh | 49 |
| Trẻ con trong thơ Xuân Quỳnh..... | 53 |
| "Với anh" của Phạm Thu Yên..... | 58 |
| Hoa cỏ may | 62 |
| Hai bà vợ trong thơ Nôm..... | 66 |

| | |
|--|----|
| "Đôi mắt" trong thơ Nguyễn Đình Thi | 69 |
| Chiều chiều – một bài thơ hay trước 1945 của Chế Lan Viên..... | 72 |
| Nguyễn Duy và “Vàng trắng tri kỷ” | 76 |
| Chiều ơi xin chớ đi mau | 79 |
| Ba bài thơ của Văn Cao viết về Huế..... | 83 |
| Âm vang bài thơ Xuân cuối cùng của Bác..... | 86 |
| "Ví dầu..." của Phạm Đức..... | 89 |
| Trời hành –Bùi Hoàng Tám | 92 |

Đọc lại bài thơ "Một đêm đàn lạnh trên sông Huế" của Văn Cao

*Nấy nấy tơ đồng nhịp nhịp đôi
Lòng nâng ngọn ngọt lại đầu môi
Này em hát khúc tương tư nhé
Ngâm khẽ em ơi nhẹ nhẹ lời
Sao đàn ưu hoài gì mùa thu?
Sao đàn ưu hoài gì mùa thu?
Tri âm nghe瑟 dây đồng vọng
Lạc lũng đêm vàng khi nhạc ru
Như Tư Kỳ nghe nhạc Bá Nha
Em nghe anh dạo khúc thu xa
Thuyền xuôi về bến mô thuyền bí
Sông trắng bờ xa lộ bóng nhà
Giọng hát sầu chi phần nữ ơi
Tùng canh trời điểm một sao rơi
Tà tà trăng lặn hiu hiu gió*

ánh lụa chài xa thấp thoáng trôi

Tay nhún tơ chùng đã ngấm sương

Hò ngân cung Bắc lót cung Thương

Dòng Tiêu Kim Thụy gà xao xác

Ngẩng thấy kinh kỳ khói vẩn vương

Em cạn lời thôi anh dứt nhạc

Biệt ly đôi phách ngó đàn tranh

Một đêm đàn lạnh trên sông Huế

Ôi nhớ nhung hoài vạt áo xanh

Có một Huế thơ trong tâm thức người Việt bao đời. Huế là người đẹp muôn thuở của thi ca. Huế là cái nôi sinh thành, mái nhà trú ngụ nuôi lớn nhiều thế hệ thi nhân Việt Nam suốt mấy trăm năm nay. Người ở Huế làm thơ, người xa Huế làm thơ, người đến Huế dù chỉ một lần thôi cũng nặng lòng thơ với Huế. ở Huế Vua làm thơ, quan làm thơ, ông hoàng bà chúa làm thơ, cho đến những người dân đạp xích lô xe thồ hôm nay cũng có rất nhiều bài thơ, câu thơ đặc địa về xứ sở của mình. Chỉ riêng hình ảnh cô ca sĩ ca Huế trên sông Hương cũng đã có không biết bao nhiêu bài thơ hay. Tố Hữu có bài thơ "Tiếng hát sông Hương"; Xuân Diệu có "Nguyệt Cầm", "Lời kỹ nữ"; Thế Lữ có "Nghe đàn nguyệt".... Bài thơ "Một đêm đàn lạnh trên sông Huế" của nhạc sĩ–nhà thơ tài danh Văn Cao là một trong những bài thơ đặc sắc viết về Huế và ca Huế trên sông Hương.

Bài thơ đưa ta lạc vào thế giới của vẻ đẹp thanh tao nơi bông lai tiên cảnh. Trên con đò nh tình yêu bông bèo trôi trên dòng sông thời gian vĩnh hằng, có đôi trai gái say sưa đàn hát bên nhau. Chàng trai dạo đàn, cô gái hát, tiếng đàn hát như tiếng tơ đồng, hơn cả niềm tri âm tri kỷ của Bá Nha Tử Kỳ:

Nẩy nẩy tơ đồng nhịp nhịp đôi

Lòng nâng ngọn ngọt lại đầu môi

Này em hát khúc tương tư nhé

Ngâm khê em oi nhẹ nhẹ lời

Đây là lúc cảm xúc đang ngập hồn chàng nhạc sĩ. Anh nghe hồn mình cũng đang "nảy nảy... nhịp đôi". Một tình cảm mới đang nảy chồi, bén lửa, đang âm ỉ "Này em khát khúc tương t nhé!". *Đề nghị hát nhưng lại sợ tiếng hát làm xao động, làm bay mất, tan biến mất cái cảm giác tình yêu ngọt ngào dâng lên đang ngòn ngọt đầu môi, nên chàng phải vội vàng đề nghị "ngâm khê em oi nhẹ nhẹ lời..."* Đoạn thơ đã nói rất tinh tế, rất hay tâm trạng của chàng nhạc sĩ si tình xứ Bắc trước người ca nữ xinh đẹp và phong cảnh nên thơ xứ Huế.

Nhạc sĩ Văn Cao sinh năm 1923 ở Hải Phòng, mất ngày 10/7/1995. Tuổi trẻ của ông theo học Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Phương, tự học âm nhạc, sáng tác nhạc và viết văn, làm thơ từ rất sớm. Năm 1940, lúc cha tới tuổi hai mươi ông có chuyến đi vào Huế. Chuyến đi đã để lại dấu vết sâu đậm trong các sáng tác quan trọng của đời ông. Bài thơ "Một đêm đàn lạnh trên sông Huế" ông sáng tác vào dịp này. Ngoài bài thơ, ông viết bản nhạc "Sông Hương". Cả những bài hát nổi tiếng, đỉnh cao trong dòng nhạc lãng mạn Việt Nam nh Thiên Thai, Suối Mơ, Trương Chi... viết trong những năm từ 1941 đến 1943 của ông có nguồn gốc cảm hứng từ thành quách, sông nước con người Huế trong đợt đi quan trọng ấy. Sinh thời, vào năm 1986, trong một lá thư gửi cho tạp chí Sông Hương ở Huế, ông tâm sự: "Huế là nguồn sáng tạo của tôi trong những năm 40. Thơ và nhạc là điều tôi tìm nguồn từ ấy. Có lẽ lịch sử và cảnh vật của Cố đô có những điều gây cảm xúc cho sáng tạo. Đối với nơi đó người ta phải suy nghĩ nhiều không về lịch sử mà về một nền văn hoá. Những người Huế sống tự hào và đầy sáng tạo. Có lẽ sự sáng tạo của người dân Huế đã giúp tôi làm được âm nhạc và thơ". "Một đêm đàn lạnh trên sông Huế" của Văn Cao là bài thơ hay trong các sáng tác thơ của ông.

Thơ Văn Cao thường rất lạ về chữ, về tứ. Ngay cả cách chọn vị trí chủ thể thẩm mỹ trong bài thơ của ông cũng khác các nhà thơ đương thời. Tất cả các bài thơ viết con đò trên sông Hương về ca Huế, đàn Huế, tác giả đều ở vị trí người quan sát, nhìn và cảm về Huế như Người kỹ nữ, Nguyệt Cầm của Xuân Diệu, Tiếng hát sông Hương của Tố Hữu... Với Đêm đàn lạnh trên sông Huế, vị trí chủ thể thẩm mỹ là nhà thơ chính là người trong cuộc, người tham gia làm nên tiếng đàn Huế, cái đẹp Huế:

Như Tư Kỳ nghe nhạc Bá Nha.

Em nghe anh dạo khúc thu xa...

cùng với:

Giọng hát sầu chi phần nữ ơi

Tùng canh trời điểm một sao rơi

Tà tà trăng lặn hiu hiu gió

ánh lụa chài xa thấp thoáng trôi...

Cuộc đàn hát quên thời gian cho đến lúc Tay nhấn tơ chùng đã ngấm sương.. Dòng Tiêu Kim Thủy gà xao xác... (Tiêu Kim Thủy là tên gọi khác của sông Hương). Tức là đàn hát cho đến khi trời sắp sáng, cho đến lúc Em cạn lời thôi anh dứt nhạc. Là người trong cuộc mới thốt lên một nhịp thơ lạ với câu thơ gọi hỏi hai lần;

Sao đàn u hoài gì mùa thu?

Sao đàn u hoài gì mùa thu?

ở đây chính tác giả đã nhận ra tiếng đàn của mình đã khác đi, mềm đi nhưng không lý giải được điều sâu kín gì đã biến tiếng đàn thành nỗi u hoài mùa thu day dứt!.

Khi lòng đã mềm đi, tiếng đàn đã mềm đi, khi hai tâm hồn đã tri âm, đồng vọng thì đêm vàng cũng trở nên lạc lõng. Để đến lúc chia tay, mới biết đau nhói nỗi biệt ly

Em cạn lời thôi anh dứt nhạc

Biệt ly đôi phách ngó đàn tranh

Một đêm đàn lạnh trên sông Huế

Ôi nhớ nhung hoài vạt áo xanh

Đây là cao trào của bài thơ. Thì ra bài thơ không chủ ý tả tiếng đàn, đêm đàn mà sâu xa hơn nói về một tình yêu ngấm sương với đủ các cung bậc

của nó, mà cuối cùng là nỗi nhớ mang theo suốt đời Ôi nhớ nhưng hoài vạt áo xanh.

Tại sao lại là một đêm đàn lạnh mà không phải là một đêm đàn trên sông Huế?. Chữ "lạnh" nói lên điều gì?. Chữ lạnh là tâm trạng của nhà thơ sau đêm đàn. Một đêm đàn đầy xúc động và giao cảm, đầy tri âm và đồng vọng. Đêm đàn đã thấm vào nhau. Nhưng rồi phải chia ly, mỗi người đều mang lạnh trong lòng. "Lạnh" đây là sự trống trải của nhớ nhưng cao độ, là cái lạnh của tình yêu nồng cháy. Đó cũng chính là cái tứ mạnh và bền vững của bài thơ. Văn Cao là người Hải phòng mới vào Huế lần đầu, nhưng thơ ông đã nồng nàn từ ngữ, âm điệu Huế, hồn Huế.

Đã gần 60 năm kể từ khi được viết ra, bài thơ "Một đêm đàn lạnh trên sông Huế" vẫn mang hơi ấm của cuộc sống hôm nay. Con đò Huế, cô gái Huế, ngón đàn ca Huế vẫn còn đó, đêm đêm lại cất lên bông bèo luyến láy làm say lòng du khách. Những đêm thắm đẫm văn hoá Huế ấy người yêu thơ lại nhớ đến nhà thơ tài, nhạc sĩ tài danh Văn Cao, trong hồn lại vang lên những câu thơ tha thiết:

Em cạ lời thôi anh dứt nhạc

Biệt ly đôi phách ngó đàn tranh

Một đêm đàn lạnh trên sông Huế

Ôi nhớ nhưng hoài vạt áo xanh....

(Ngô Minh)

Đêm nghe còi tàu

(Vũ Hữu Định)

Nhà anh ở gần ga

đêm thao thức nghe còi tàu giục giã

giữa đêm vắng chợt thấy lòng xa lạ

mấy năm không đi trời đất nhò dầm

ôi tiếng còi tàu như một nhát gươm

róm máu lòng khao khát

Bài thơ rất ngắn và giản dị. Nhưng bao năm rồi tôi luôn bị ám ảnh bởi nghĩ từ nhiều góc độ của bài thơ. Khi ở nhà lâu ngày, cái cảm giác, cái nỗi lo âu trước "Trời đất nhỏ dần" cứ khiến mình ở trong tâm trạng bất an. Thời gian trôi nhanh, trời đất xoay vần thiên hạ kẻ đi người ở mà sao mình mãi vẫn yên một chôn với cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.

Vũ Hữu Định với sự nhạy cảm thiên phú của một thi sĩ đã phát hiện ra sự độc đáo trong cái nhìn của một người bị tù túng. Anh cảm thấy không gian như tấm da lừa cứ mỗi ngày một chặt, bó sát lấy mình khi mình không chuyển động. Cảm giác đó chắc có ở nhiều người nhưng chỉ Vũ Hữu Định mới nói ra được bằng ngôn ngữ chính xác và độc đáo. Chắc anh đã từng đi, đi rất nhiều, chắc anh đã từng bị chôn chân một chỗ khá lâu và tâm hồn anh luôn xao động. Trong anh đã có nhiều cuộc đời, nhiều nỗi dằn vặt nên câu thơ bật ra hết sức tự nhiên và mẫn cảm.

Mấy năm không đi trời đất nhỏ dần—cái nhận xét chí lý chí tình ấy xuất phát từ sự tự phát hiện trong chính bản thân nhà thơ. Giữa đêm chợt thấy lòng xa lạ—Sự phát hiện ấy chỉ có khi nhà thơ rơi vào hoàn cảnh nặng nề nhưng không chấp nhận. Giữa đêm vắng mênh mông, sâu thẳm, mình được nghĩ về chính mình, nghĩ về thời gian và không gian. Sao tất cả đều chật hẹp đến kinh ngạc. Và nhà thơ cũng kinh ngạc với chính mình. Sao bấy lâu nay, tâm hồn mình tự chấp nhận một cuộc sống khác hẳn với mong muốn của mình. Khi con người tự phát hiện ra chính bản thân mình thì đó là một điều hạnh phúc lớn. Anh sẽ trưởng thành nhiều hơn, sâu hơn, cao lớn hơn. Thể xác và tâm hồn xung đột. Xuất hiện nhu cầu đổi mới, nhu cầu đi.

Vũ Hữu Định mở đầu bài thơ rất chân thành. Giới thiệu địa điểm nhà mình bằng lời tâm sự tin cậy, gần gũi bạn đọc. Tiếng còi tàu đã khiến anh được lời nh mở tấm lòng. Tiếng còi tàu ngỡ nh vô tình ấy nhưng đã vô tình chọn điểm rơi đúng lúc, đúng chỗ, thật chính xác đã có tác dụng lớn: thay đổi lối sống tẻ nhạt, đơn điệu, ngưng đọng của một người, của nhiều người.

Và cuối cùng, tiếng còi tàu từ xa, từ ngoài ga ấy đã vươn tới, đã bay vào trong nhà, bay vào trong lòng nhà thơ như một vật gần gũi, cụ thể. Nó thành một nhát gươm cứa vào lòng khao khát đến róm máu. Đó là hành động mạnh mẽ, dũng cảm của nhà thơ. Anh phải chịu đau đớn để giã từ những ngày tù

động. Phải sống khác. Máu của khát vọng sẽ lan hồng đến bình minh. Và anh
cất bước lên đường. Trở lại với lòng mình. Trở lại với đất trời bao la, rộng lớn.

Đoàn Tuấn

Mùa Xuân đọc "Đám cưới mùa Xuân" của Đoàn văn Cừ

Ngồi trên chiếc taxi sang trọng của đám cưới thời nay mà nhớ lại bài thơ của Đoàn văn Cừ, bỗng có hứng thú của người ngồi trong đám cưới hiện đại mà ngoái nhìn đám cưới cổ truyền. Bài thơ đã lùi vào thời gian 60 năm (1940–2000), chính khoảng cách ấy càng làm nó phát lộ sâu sắc hơn cảm hứng cội nguồn ở người đọc. Ta không chỉ nhớ về một đám cưới xa mà còn vọng nhớ một nền văn hoá xa, nền văn hoá của cha ông, tiên tổ, nền văn hoá Việt sâu rễ bền gốc trong tâm thức Việt, nhớ về một cái Đẹp trong bụi thời gian. Thơ Đoàn văn Cừ là bảo tàng của cái ngày xưa ấy. Thi sĩ như một nghệ nhân điêu khắc tài ba chạm trở cái ngày xưa vào thớ gỗ, thổi hồn vào đá, làm nó nổi hình khối, cựa quậy rất kỳ thú. Thơ Đoàn văn Cừ là thơ tạo hình, thơ thị giác.

Thơ thị giác cũng là thơ tạo sắc. Đám cưới mùa Xuân được nhìn như một bữa tiệc ngũ sắc. Đủ mọi gam màu, đối chọi mà hài hoà, màu nóng và màu lạnh, màu cơ bản và màu biến thể: xanh, đỏ, trắng, vàng, nâu, đen, lại còn nâu hồng, nâu sẫm, đỏ sẫm, hồng, tím, xám, nhung, lam, biếc.... Bài thơ có bốn mươi câu thì có khoảng ba mươi màu sắc được gọi tên, chưa kể những màu cha gọi tên như bóng nước long lanh, lấp lánh ánh sương ngân... Sự sặc sỡ của màu sắc khiến bức tranh của Đoàn văn Cừ rất gần với vẻ hồn nhiên của hội hoạ dân gian. Có những câu thơ chỉ óng lên một sắc:

Đàn cò trắng giăng hàng bay pháp phối

Có nhiều câu thơ óng ánh tới hai màu:

Nắng dát vàng trên bãi, co non xanh...

Đầu cạo nhẵn, áo vàng, quần nâu sẫm...

Hai má thắm, ngậy thơ nhìn trời biếc...

Nếp chùa trắng in hình trên trời biếc...

Trong bảng màu thơ mới, cuộc phiêu lưu do thám đầy cảm hứng vào những chân trời sáng tạo đẩy các thi sĩ tới ham muốn "vượt rào", phá vỡ những khung thước bình thường để đi tìm những màu sắc lạ. Sắc trắng trong tay Bích Khê hoá thành trắng thủy tinh (Chết giả nhưng cười trắng thủy tinh–Tân Hôn), trắng như tinh (Vội đôi *dòng suối sữa trắng nh tinh–Sắc đẹp*). Hàn Mặc Tử *đẩy sắc trắng lên cao độ chói gắt* (Dọc bờ sông trắng nắng chang chang–Mùa Xuân chín), sắc trắng làm người ta mất bình yên (Da thịt, trời ơi! trắng rộn mình–Nụ cười), sắc trắng làm nhòa cả thị giác (áo em trắng quá nhìn không ra–Đây thôn Vỹ Dạ)...

Bảng màu của Đoàn Văn Cừ không chuộng lạ mà chuộng quen. Bảng thực đơn màu sắc, ít tính phiêu lưu của ông gần với khẩu vị thôn dân hơn là thị dân. Cũng có cái hay của nó. Bảng màu sặc sỡ của Đoàn văn Cừ không lạ mắt mà vui mắt, không bất trắc mà yên bình. Đám cưới mà vui mắt, mà yên bình thì tạo cảm giác hạnh phúc. Cảm giác này là hằng số của khát vọng con người. Hình thức đám cưới có thể đổi thay, nhưng khát vọng hạnh phúc là muôn thuở. Đây là điểm đồng điệu của hôm nay và hôm qua, lý giải vì sao từ đám cưới hiện đại, người ta vẫn thích ngoạn về đám cưới cổ truyền trong thơ của thi sĩ họ Đoàn.

Bài thơ còn hấp dẫn người đọc bởi vẻ đẹp phong tục. Qua ngôn từ của thi sĩ, đám cưới hiện lên như một nghi lễ–thứ nghi lễ của hạnh phúc. Nghi lễ bắt đầu từ việc chọn ngày lành tháng tốt. Cái không gian đẹp như cổ tích sau đây thể hiện sự lựa chọn đó:

Ngày ung hồng sau màn sương gấm mong

Nắng dát vàng trên bãi cỏ xanh non

Dịp cầu xa lồng bóng nước long lanh

Đàn cò trắng giăng hàng bay phấp phới

Chỉ cần câu thơ thứ hai đủ thấy một không gian xuân đất trời ấm áp, âm phương giao hoà–thời điểm lý tưởng để tạo duyên đôi lứa. Nghi lễ thể hiện ở vật liệu: hương, mâm đồng che lụa đỏ, chẵn hồng, hòm da đen... Quan trọng hơn, nghi lễ thể hiện ở con người. Kỹ thuật hiện đại được vận dụng triệt để. Quay xa (viễn cảnh) làm hiện lên lí nhí một đám đông: Lũ người đi lí nhí một hàng đen. Quay gần (cận cảnh), thấy đông đúc mà không lộn xộn. Đủ cả nam phụ lão ấu, già trước, trẻ sau, thông thả, trang nghiêm mà vẫn vui vẻ. Từng người, hoặc nhóm người hiện lên, không ai trộn lẫn với ai. Một người già cả nhất được chọn đi đầu, được tả thật trịnh trọng:

Một cụ già râu tóc trắng như bông

Mặc áo đỏ, cầm hương đi trước đám

Tiếp theo là các cụ khác, chống gậy, cầm ô, con trai con gái... trang phục cũng được nghi lễ hoá, khác hẳn cái lam lũ đồng quê hàng ngày: các cụ áo mền bông đỏ sẫm, các bà hoặc nón nghệ, khăn mặt đỏ hoặc váy lĩnh, dép quai cong, nàng dâu đầu tắt mặt tối hôm qua bỗng như lột xác trong vẻ Vành khuyên vàng, áo mới, nón quai thao... Đặc tính của nghi lễ là sự vượt thoát khỏi cái thường nhật, ở đó, người ta được sống trong một thế giới khác–thế giới trang trọng hơn của lễ, thế giới vui vẻ hơn của hội. Đám cưới trở thành lạ trong quen, quen mà lạ. Sở trường đặc tả tài hoa của Đoàn Văn Cừ chop bắt rất tinh "cá tính" của đối tượng miêu tả. Lũ trai tơ thì hơn hử cứ làm như đám cưới của mình vậy. Các thôn nữ thì ngậy thơ nhìn trời biếc một cách thật mơ mộng. Rất thú vị là hình ảnh bà lão túi đựng tràu chăm chăm giữ trong tay–đúng là bà lão phương Đông, lão bà Việt Nam mà quả cau miếng tràu vừa là phương tiện giao tiếp, vừa là thú vui hưởng thụ con con mà đam mê đeo đẳng một đời. Thơ mà cứ miêu tả tràn lan thế này, rất dễ nhàm, mệt. Khả năng quan sát tinh vi đã giúp nhà thơ chạm khắc được những ấn tượng vào mặt bằng tế nhị ấy, khiến đối tượng miêu tả hiện lên như một sinh thể, một cá tính quyến rũ.

Bài thơ có cấu trúc tự sự, khiến đám cưới hiện lên dưới dạng một sự kiện. Nhà thơ kể lại theo trình tự diễn biến, mở, thân, kết. Tiếng chim được sử dụng nh một thủ pháp kết cấu đóng mở hai đầu đám cưới. Lối kể hoạt, hóm, mộng. Khi tiếng chim cất lên thì đám cưới khởi hành:

Trên cành cây bỗng một con chim gọi

Lũ người đi lí nhí một hàng đen

Khi cuộc diễu hành của hạnh phúc đã xa khuất, tiếng chim khép lại câu chuyện:

Chỉ còn nghe văng vẳng tiếng chim xuân***Ca ánh oi trên cành xanh tấm nắng***

Từ 1941, đọc những câu thơ kết của Đoàn văn Cừ, Hoài Thanh–Hoài Chân đã cảm thụ rất tinh: "Những câu ấy đều khép lại một thế giới và mở ra một thế giới: khép lại một thế giới thực, mở ra một thế giới mộng. Cảnh trước mắt vừa tan thì tình trong lòng cũng vừa nhóm. Mắt ta không thấy gì nữa nhưng lòng ta bỗng băng khuâng..." (Thi nhân VN–NXB Văn học 1998, trang 179)

Vâng, đúng thế! Hãy để đám cưới mùa Xuân của Đoàn văn Cừ mở một lối đi băng khuâng vào hồn ta, giữa tiết xuân này...

TS. Nguyễn Quang Trung

Xin đừng đi với một người khác em (Con đường –Phan thị Thanh Nhân)

Nếu anh đi với người yêu

Chỉ xin anh nhớ một điều nhỏ thôi

Con đường ta đã dạo chơi

Xin đừng đi với một người khác em

Hàng cây nay đã lớn lên

Von cành lá để êm đềm chạm nhau

Hai ta ai biết vì đâu

Hai con đường rẽ xa nhau xa hoài

Nếu cùng người mới dạo chơi

Xin anh tránh, neo đường vui ban đầu

Đã chia xa rồi, yêu ai, đi với ai là quyền của anh, em có quyền gì đâu mà đã can thiệp vào chuyện riêng tư của người khác. Chỉ xin anh nhớ cho một điều "một điều nhỏ thôi". Nhỏ mà không nhỏ một chút nào:

Con đường ta đã dạo chơi

Xin đừng đi với một người khác em

Đâu phải là sự ghen tuông đầy lệ lụy của thói đàn bà?. Sao người cũ lại nghiệt đến thế. Van xin mà còn hơn là cảm đoán. Con đường "ta đã dạo chơi" ấy là cội rễ của cuộc tình đã mất, là thánh địa tình yêu mà em là một tín đồ ngoan đạo. Anh không có quyền "đi với người khác em" để phá vỡ sự thiêng liêng em hằng cất giữ.

Con đường, hàng cây—chứng nhân của cuộc tình hai ta "nay đã lớn lên", đã "vơn cành lá để êm đềm chạm nhau". Thế nhưng hai con người "chân bên chân, hồn bên hồn" ấy lại "rẽ xa nhau, xa hoài". Thật buồn mà không biết vì đâu. Từ con đường ký ức, tác giả đã nâng lên thành con đường hình tượng của hai người bắt đầu từ ngã rẽ chia xa.

Lan man trong chiều sâu kỷ niệm song cô gái không quên quay về hiện thực với lời nhắn nhủ:

Nếu cùng người mới dạo chơi

Xin anh tránh, neo đường vui ban đầu

Vẫn là "neo đường vui" của mối tình đầu vụng dại dù neo đường ấy rồi cũng dẫn đến sự ly tan. Với em, neo đường xa ấy vô cùng quý giá. Xin anh đừng cùng với ai kia dẫm lên trái tim em.

Đó là hướng tiếp cận bài thơ "Con đường" lâu nay của bạn đọc. Người viết bài này lại nghĩ đến một hướng tiếp cận khác, cô gái nhỏ nhỏ "xin" người tình cũ đến những ba lần. Lần đầu "xin anh nhớ", lần thứ hai "xin đừng đi" và lần thứ ba "xin anh tránh". Quả có hơi lạ, những cuộc tình đã tan vỡ tránh gặp nhau hoặc gặp nhau là để mát mẻ, trách móc, chua chát với nhau chứ mấy ai lại hạ mình "xin" nhiều lần như vậy. Rõ ràng không phải "xin" cho mình, phẩm cách của người phụ nữ không cho phép cô gái làm thế. Lời xin lại có vẻ quyết liệt chứ không chịu nhân nhượng một tí nào?. Chỉ có một cách lý giải duy nhất là cô gái không "xin" cho mình mà cho tha nhân—một cô gái nào đó trong giả thiết là người mới của anh. Anh đã cùng em "dạo chơi" trên neo đường vui dẫn đến sự "xa nhau, xa hoài" lại còn muốn tái diễn bi kịch với một người con gái khác nữa sao? Con đường ấy chỉ vui ban đầu mà khổ về sau mà người nhận chịu nhiều nhất vẫn là người phụ nữ. Vì thế van xin anh đừng đi, van xin anh tránh nó để khỏi làm khổ cho người ta.

Bài thơ thấm đẫm một sự cảm thông "chút phận đàn bà" giữa hai người phụ nữ hoàn toàn xa lạ vì thế mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc.

Nguyễn Hàn Chung

Chiều ơi xin chớ đi mau

Mênh mông mặt nước hồ đầy
Gió vi vu gió-rừng cây xạc xào
Ráng chiều đỏ lựng trên cao
Mình tôi phòng vắng ra vào ngẩn ngơ
Chiều như thực-lại như mơ
Trên con đường nhỏ ai chờ đợi ai
Có cô gái tóc rẽ dài
Sánh vai cùng với bạn trai hẹn hò
Vui như con sóng vỗ bờ
Tuổi đôi mươi đến bao giờ hỏi em?
Tiếc mình đã bước qua thềm
Ngày xuân đã bỏ qua rèm từ lâu
Chiều ơi xin chớ đi mau
Để cho tóc mãi xanh màu thời gian
(Nguyễn Thị Hồng Ngát)

Bài thơ lục bát mở đầu bằng một bức tranh thiên nhiên đẹp và khoáng đạt. Trên cái nền bức tranh đó có con người xuất hiện là con người của tình yêu. Họ tự tìm đến với nhau. Sự xuất hiện của họ đã làm cho cảnh chiều vốn đã đẹp lại càng thêm tình tứ và lãng mạn:

Chiều như thực–lại như mơ

Trên con đường nhỏ ai chờ đợi ai

Người đọc tự hỏi, tại sao tác giả lại "Chiều như thực–lại như mơ?" Câu thơ có ẩn ý gì chăng?! Thưa, có đấy. Chiều nh thực mà cũng nh mơ đấy. Không sai. Cái dấu gạch ngang (–) rất có chủ định nhằm cho người đọc nhận biết, chính tác giả–thi sĩ Nguyễn thị Hồng Ngát cũng đang mơ đây. Và trong "giấc mơ" tình yêu lứa đôi–đối tượng được miêu tả–hiện lên thật mượt mà, đầy sức sống:

Có cô gái tóc rã dài

Sánh vai cùng với bạn trai hẹn hò

Vui như con sóng vỗ bờ

Tuổi đôi mươi đến bao giờ hỏi em?

Thiết nghĩ, con người và sự việc trong các câu thơ trên đúng là thực quá đi rồi. Cảnh đôi lứa yêu nhau, hẹn hò sánh vai bên nhau trên con đường nhỏ thân thuộc quả là hạnh phúc. Cô gái rất vui "Vui nh con sóng vỗ bờ". Hình ảnh "con sóng vỗ bờ" *diễn tả niềm vui trào dâng mãnh liệt của hạnh phúc tình yêu. Thật khó có niềm vui nào hơn thế, có lời thơ nào mô tả đặc địa hơn thế. Tác giả như mừng theo niềm vui cùng hạnh phúc của họ. Trái tim nhạy cảm của người phụ nữ đã mách bảo chị, chỉ có tuổi đôi mươi mới có những biểu hiện tình yêu như thế, như... chị "ngày xưa". Chị hỏi cô gái "Tuổi đôi mươi đến bao giờ hỏi em?" nhưng chị có tiếp cận cô gái đâu. Thành thử, câu hỏi đó đích thị là dành cho chị rồi. Chị hỏi chính mình, hỏi bằng sự trải qua của mình cốt là để mừng cho cô gái kia đã đến cái tuổi của tình yêu, tuổi đẹp nhất đời người. Ngẫm thêm nữa, đó cũng chính là câu hỏi đánh thức hồi ức, kỷ niệm của chị. Chị cũng đã từng có một thời "hoàng kim" của tình yêu. Cái "ngày xưa"... cũng khá lâu rồi, chị cũng là một cô gái trẻ đẹp, cũng có mái tóc rã dài, cũng sánh vai cùng bạn trai, cùng hẹn hò tình yêu như cô gái kia. Chị đâu có vương vấn ý*

ngĩ ghen ty, ích kỷ, trái lại chị thậm cảm ơn cô gái kia, cảm ơn tình yêu của họ đã làm mình được nhớ lại, được vui sướng, được hạnh phúc như họ bây giờ.

Ngĩ mà... "thèm" cái "ngày xa" ấy. Cái thuở "Lần đầu khi mới làm quen/ Anh khen cái nhìn em đẹp" (*Lâm thị Mỹ Dạ*). Cái thuở "Ngắt một chùm hoa giấu trong chiếc khăn tay/ Cô bé thẹn thùng bước sang nhà hàng xóm" (*Phan thị Thanh Nhàn*). Ôi cái "ngày xưa".. cảnh thực và mơ, cứ thế đan xen, lan toả vào nhau, quấn quýt tâm trí chị.

Đúng là "cái tuổi nó đuổi xuân đi" (Tục ngữ). Phần cuối bài thơ là niềm vui tiếc khôn nguôi của chị về cái thời xuân sắc của mình đã đi vào dĩ vãng. Chị "*Tiếc mình đã bước qua thềm*". Ba từ "*đã bước qua*" đọc lên nghe thật mũi lòng, xa xót. Chị nghĩ, giá nh mình "cha bước qua" hoặc "không bước qua" được, hoá ra mình vẫn còn trẻ con hay vì một lý do nào khác. Từ "thềm" mà Nguyễn thị Hồng Ngát nói ra ở đây, đó chính là thời xuân sắc của tuổi trẻ và tình yêu trong đời chị nay đã trở thành kỷ niệm mất rồi. Kỷ niệm đó, theo chị có vui, có buồn, có hạnh phúc, khổ đau, thậm chí có khi bất hạnh nữa. Nhưng trên hết vẫn là vui sướng hạnh phúc. Đến bây giờ đã ngoài ngũ tuần rồi, chị "ngày xuân đã bỏ sau rèm từ lâu" rồi. *Hẳn nhiên trái tim yêu không phải không còn rung động*, nhưng độ rung động đó đã chuyển sang một "kênh" khác lắng dịu hơn, đầm sâu hơn đâu còn thích hợp với tuổi đôi mươi vô tư hồn nhiên nữa. Cái "rèm" thời gian đã khép lại "ngày xuân" của chị rồi, muốn mở ra, muốn níu kéo lại chậm hơn cũng không được—quy luật mà—chị chỉ còn thốt lên một lời nguyện cầu nghe thật diết da, đau đáu:

Chiều ơi xin chớ đi mau

Để cho tóc mãi xanh màu thời gian

Hai câu kết này của bài thơ đọc lên thấy nao nao. Chiều là khoảng cuối thời gian của một ngày. Theo ngành thiên văn, con số cơ học, được tính là 24 giờ cho một ngày một đêm. Điều đó là bất di bất dịch, không thể thay đổi. Biết thế mà thi sĩ vẫn muốn "Chiều ơi xin chớ đi mau". Thật là một lời xin mang tính nhân văn rất cao. Hoá ra chị có xin cho riêng mình chị đâu. Biết bao người phụ nữ của bao nhiêu thế hệ khắp địa cầu này ai ai không muốn có lời nguyện cầu như thế. Điều đó có nghĩa là phái đẹp sẽ rất yêu mến đồng cảm sâu sắc với chị, "*Để cho tóc mãi xanh màu thời gian*" cho cuộc sống thêm phần ý nghĩa.

Đọc chị, gặp được Chiều ơi xin chớ đi mau tôi rất thích, khỏi uổng công cho lòng ái mộ. Mừng, thấy nghiệp thơ chị vẫn chung thủy và tỏ ra sung sức dẫu "làng điện ảnh" luôn "quấy rầy" chị.

Minh Quang

Đọc lại bài thơ "Cảnh rừng Việt Bắc" của Bác Hồ

*Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay
Vượn hót chim kêu suốt cả ngày
Khách đến thì mời ngô nếp nướng
Sẵn về thường chén thịt rừng quay
Non xanh nước biếc tha hồ dạo
Rượu ngọt chè tươi mặc sức say
Kháng chiến thành công ta trở lại
Trăng xa, hạt cũ với xuân này*
(1947)

Có những bài thơ hay, chúng ta đọc đi đọc lại nhiều lần vẫn thấy tươi mới, vẫn thấy cảm hứng nh mới đọc lần đầu. "Cảnh rừng Việt Bắc" là một bài nh vậy.

Bác Hồ viết bài này vào năm 1947, năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Dầu bận trăm công nghìn việc trong lúc toàn tâm toàn ý lãnh đạo kháng chiến, Bác vẫn giữ vững tư thế ung dung thư thái của một nhà thơ hiền triết, có phảng phất như phong thái của những nhà thơ Việt Nam xa: Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Trần Nhân Tông...

Ung dung thư thái, hồn thơ hoà hợp với thiên nhiên, nghe âm thanh thiên nhiên qua tiếng "vượn hót chim kêu".

Cuộc sống bình dị, thưởng thức những món ăn quê hương, rừng núi "ngô nếp nóng, thịt rừng quay"

Trong câu thơ thứ tư, Bác dùng chữ "chén" thay cho chữ "ăn". Nghe thân mật mà có thoáng nét cười. Chúng ta mỗi khi vui bạn thường rủ bạn đi "chén" một chút gì cho thêm vui.

Câu thơ thứ năm càng thể hiện rõ sự ung dung, thư thái dạo gót ngắm cảnh thiên nhiên: non xanh nước biếc. Chính những lúc dạo gót như vậy, đầu óc rất thanh thản minh mẫn, có thể nảy ra những ý nghĩ hay, đẹp.

Tiếp theo tứ thơ đó là một tứ thơ tuyệt vời thoải mái:

Rượu ngọt chè tươi mặc sức say

Chè tươi có thể say đã đành, đến rượu ngọt là Bác nói vui thể thôi, chứ trong thực tế Bác không phải là người hay rượu. Trong thơ Bác, đôi khi có thoáng chữ "rượu" nhưng cũng chỉ là biểu tượng để nói về men thơ, chứ không phải là "rượu" thực thể.

Kết thúc bài thơ, thi tứ lại càng tươi vui và bay bổng. Nghĩ đến ngày kháng chiến thành công, Bác dự cảm trở lại "Cảnh rừng Việt Bắc", sẽ gặp lại trắng rừng núi, xuân rừng núi như những cố nhân, và gặp lại chim hạc, loài chim huyền ảo gọi cảnh thần tiên.

Thế là bài thơ có thể ví như một cuộc "du sơn", nhà thơ lên núi, lên cao dần, càng lên càng "say" và lên đến đỉnh thì đã tiếp cận với một cõi siêu phàm.

Trần Lê Văn

Bềnh bồng cho tới mai sau" – Bài thơ tình rất lạ của Hoàng Phủ Ngọc Tường

Có con thuyền trong sương trắng
Bềnh bồng như một cánh chim
Có em chèo thuyền áo trắng
Xôn xao như trốn như tìm
Có vàng mặt trời rưng sáng
Bồi hồi như một trái tim
Em chèo thuyền về phía hừng đông
Húng chút phấn mặt trời trên má
Bụi mặt trời vương đầy gót chân
In những dấu hoa hài trên sóng
Anh mãi nghe từ đáy màu sương mong
Bài hát tình yêu dậy một phương hồng
Từ thủa nào vũ trụ đã sinh ra
Mà sao mặt trời mỗi ngày vẫn ửng
Mà sao anh đã từ vạn kỷ

Bên sông này anh đứng hát mặt trời lên
Vẫn đi hoài trong cõi vô biên
Mặt trăng là mảnh gương riêng soi trái đất
Trái đất trôi như một cánh bèo dâu
Mặt trời nhiều khi phập phồng hơi thơ
Mê man nhớ những tình cầu
Những hành tinh ngấm rồi thấy lạ
Bềnh bồng mà vẫn theo nhau
Anh với em, ừ thì cũng lạ
Bềnh bồng cho tới mai sau.

Hoàng Phủ Ngọc Tường là một trong số ít nhà văn viết bút ký nổi tiếng ở nước ta vài chục năm nay. Bút ký của Hoàng Phủ Ngọc Tường hấp dẫn người đọc ở tính nhân văn sâu sắc, những chiều kích khác nhau của trí tuệ uyên bác và chất Huế huyền hoặc, quyến rũ. Đó là những trang viết tài hoa, tài tử, tài tình. Thực ra, bút ký Hoàng Phủ Ngọc Tường chính là áng thơ văn xuôi cuốn hút người đọc. Có độc giả ở Hà Nội đã công phu cắt từng câu trong bút ký nổi tiếng "Ai đã đặt tên cho dòng sông" của anh xếp lại thành một bài thơ rất lý thú. Ngoài bút ký, anh có nhiều bài thơ hay được rất nhiều độc giả thuộc như "Địa chỉ buồn", "Dù năm dù tháng", "Dòng sông đòi mẹ", "Đêm qua", "Bềnh bồng cho tới mai sau"... "Bềnh bồng cho tới mai sau" là bài thơ tình hay và rất lạ trong mạch "thơ buồn nh viết ra từ máu" (chữ dùng của Nguyễn Trọng Tạo) của Hoàng Phủ Ngọc Tường trong vài chục năm nay!.

Mùa hạ năm ấy, Hoàng Phủ Ngọc Tường về thăm Lệ Thủy quê vợ. Đêm anh ngủ lại với mảnh đất đã cho mình tình yêu cuộc đời. Rạng sáng, tiếng hát từ những con đò trên dòng sông Kiên Giang làm anh choàng giấc. Anh chạy ra Mũi Viết nơi ngã ba sông, và bàng hoàng trước cảnh tượng thơ mộng đẹp như tranh thủy mặc của Tàu:

Có con thuyền trong sương trắng...

Có em chèo thuyền áo trắng...

Có vàng mặt trời rưng sáng...

Đó là những hình ảnh thực, rất thực diễn ra trong mỗi buổi sáng mùa hạ ở trên sông Kiến Giang mà bất cứ ai cũng có thể kể lại được. Bất gặp những cảnh tượng bình minh nh trong cổ tích đó, Hoàng Phủ Ngọc Tường bị hớp hồn vía. Những hình ảnh đẹp đó đi vào tâm hồn thơ của anh trở nên vô cùng xao động và ấn tượng hơn nhờ những cặp liên tưởng bất ngờ và thú vị:

Có con thuyền trong sương trắng***Bềnh bồng như một cánh chim******Có em chèo thuyền áo trắng******Xôn xao như trốn tìm******Có vàng mặt trời rưng sáng******Bồi hồi nh một trái tim.***

"Mặt trời" bồi hồi như "một trái tim" là một hình tượng lạ, một sự so sánh bất ngờ mang lại hiệu quả thẩm mỹ cao!.

Nhờ thủ thuật so sánh, liên tưởng điều luyện những cảnh thực và thơ đã thành ảo, thành mộng, cái tả đã biến thành cái cảm, cái say dẫn người đọc đến một trạng thái tình cảm mới: tình yêu!. Cô gái chèo thuyền trên sông phút chốc biến thành nàng tiên nữ giữa chốn bồng lai tiên cảnh với những nét đẹp vàng son lấp lánh và cực kỳ sang trọng "phấn mặt trời trên má", "bụi mặt trời vương gót chân", "dấu chân thành hoa hài trên sóng"...

Em chèo thuyền về phía hừng đông***Húng chút phấn mặt trời trên má******Bụi mặt trời vương đầy gót chân******In những dấu hoa hài trên sóng***

Trước hình tượng Nàng Thơ lộng lẫy sinh ra từ trái tim mặt trời ấy, nhà thơ của chúng ta không thể không thổ lộ rằng mình đã yêu, rằng từ đáy lòng mình "Bài hát tình yêu dậy một phương hồng"! ấy là logic tình cảm, logic của thơ!

Hết khổ thơ thứ 2, coi như "tiếng sét tình yêu" đã thể hiện quyền lực của mình: Tình yêu đã được bày tỏ một cách nồng nàn. Nhưng Hoàng Phủ Ngọc Tường không dừng lại ở đó. Những hình ảnh thơ được tả rất cận cảnh từ gần đến xa rồi từ xa nói gần. Từ những hình tượng bất gặp ngẫu hứng, bằng cấp độ liên tưởng cao hơn, anh đã phát hiện ra tính âm phương của vũ trụ và đã đẩy bài đến một tứ lớn hơn, đột ngột hơn: Tình yêu của con người rất vĩnh cửu bởi tình yêu mang bản chất của vũ trụ

Từ thươ nào vũ trụ đã sinh ra

Mà sao mặt trời mỗi ngày vẫn tre

Mà sao anh như từ vạn ky

Bên dòng sông này đứng hát mặt trời lên..

Quan hệ "có đôi" ấy được biểu cảm trong từng chi tiết:

Vẫn đi hoài trong cõi vô biên

Mặt trăng là manh gương riêng soi trái đất

Trái đất trôi như một cánh bè dâu

Mặt trời nhiều khi phập phồng hơi thơ

Mê man nhớ những tinh cầu...

Thì ra mặt trời, mặt trăng, trái đất và những tinh cầu trong cõi vô biên vũ trụ từ vạn kỷ nay vẫn hướng vào nhau, vì nhau, ôm ấp nhau, nhớ nhau... như con người, như anh và em, như âm và dương. Vâng, vũ trụ là một tình trường vĩnh cửu. Tình yêu của "anh và em" cũng bền vững nh tình yêu giữa các hành tinh. Bài thơ kết lại bằng khổ thơ rất hay, với những câu thơ sống động rất đời mà nặng triết lý nhân sinh, những câu thơ có thể tách ra để biến thành ngôn ngữ tình yêu:

Những hành tinh ngẫm rồi thấy lạ

Bềnh bồng mà vẫn theo nhau

Anh với em, ừ thì cũng lạ

Bềnh bồng cho tới mai sau

Nhà thơ Nguyễn Trọng Tạo cho rằng thơ Hoàng Phủ Ngọc Tường "... thâm đẫm triết học về cái chết... thơ anh buồn mỗi nỗi buồn đứt ruột... Đây là thơ của cõi âm"... Đó là một nhận xét đúng và tinh tế. Nhưng trong nguồn thơ như từ đất *vọng lên của Tường lại có một bài thơ khác lạ, bài thơ như từ trời vang xuống, đầy chứa chan, khoái cảm và trí tuệ. Đó chính là bài thơ Bềnh bồng cho tới mai sau, bài thơ về trái tim tình yêu, trái tim mặt trời vĩnh cửu, một bài thơ tình hay và mới.*

Ngô Minh

Ngây thơ – Bài thơ trẻ trung của một nhà thơ già

ú tim

Em đi tìm

Tôi đi nấp

Chân lý bên này, bên kia trái đất

Ta yêu con người ta mãi tìm nhau

Sân gạch: đại phương

xếp đá

làm cầu.

ú òa!

Tôi đi ra

Em vào bóng tối

Mười ngón tay mảnh mảnh đan vội

Em nhìn thấy tôi em mãi đi tìm

Tôi biết em mơ mắt mà tôi không nói

Trò chơi ngây thơ nh một cuối sân đuổi

Mặt trời ở trên**Ta đi ở dưới.**

Hà Nội 1985, Lê Đại Thanh

Bài thơ như chỉ nói về một trò chơi của các em nhỏ: trò chơi bịt mắt bắt dê hay có nơi còn gọi là chơi ú tim thì cách chơi cũng na ná giống nhau. Một đám trẻ nhỏ chia làm hai tốp và cả hai đều bịt mắt bằng một mảnh vải, rồi cùng đi trốn trong một cái sân hẹp. Bên nọ săn đuổi bên kia nội trong cái sân và nếu ai bắt được người kia trước thì người đó thắng cuộc.

Ngày xưa không mấy trẻ nhỏ không ham chơi trò này vì nó vừa đông vui, sôi nổi lại vừa luyện trí thông minh, nhanh nhẹn. Nhưng trò chơi ú tim của nhà thơ Lê Đại Thanh trong bài "Ngây thơ" lại không hoàn toàn giống như trò chơi của đám trẻ. Ở "Ngây thơ" trò chơi chỉ có hai người (tôi – tác giả và em – một nhân vật chung nhất). Nhưng vẫn cứ chơi trò bịt mắt bắt dê (ú tim) với tất cả diễn biến của trò chơi lý thú này:

ú tim**Tôi đi tìm****Em đi nấp**

Ba câu thơ mới dừng lại ở lời viết có "nhập đề" nói rõ về cách chơi trò ú tim em thì đi tìm, còn tôi thì nấp vào một chỗ nào đó. Nhưng đến câu thứ tư thì đã hé ra cái ý nghĩa triết lý của trò chơi rất ngây thơ này:

"Chân lý bên này bên kia trái đất"Đúng rồi, ai bắt được người đi nấp thì người đó thắng cuộc và thắng cuộc cũng có nghĩa đã nắm được chân lý trong tay rồi. Nhưng thắng cuộc đâu có dễ, vì người đi trốn nấp là lần trốn ở một chỗ nào đó trong sân, còn người đi tìm thì đã bị bịt kín mắt nên nhìn và cả chạy đuổi nữa, trong sân chỉ biết nó rộng và tối mênh mông như ở một "bên kia trái đất" vậy. Dầu thế, họ vẫn cứ tìm nhau, quờ quạng trong màn tối của mảnh vải bịt mắt mà tìm nhau bằng được. Bởi họ đã yêu nhau rồi thì không thể không tìm nhau. Đến đây, câu thơ bỗng như bay lên một tầm cao triết lý về tình yêu thương đồng loại:

"Ta yêu con người và mãi mãi tìm nhau"

Câu thơ nói về cái trò chơi "rất trẻ con" của hai người nam và nữ mà lại nói được cái cốt lõi của quan hệ người với người vì yêu nhau nên đầu khó mấy cũng phải tìm đến với nhau. Thế nên, cách xưng hô của tác giả ở câu thơ này cũng khác hẳn cách xưng hô ở câu trước đó. Trên thì tác giả tự xưng "tôi đi nấp"; nhưng cách đó một câu, tác giả đổi giọng xưng hô để tạo sự hòa đồng, giao cảm giữa người đọc và tác giả "ta yêu con người ta mãi tìm nhau". Chỉ với hai từ "tôi" chuyển sang "ta" thôi, nhà thơ đã kéo bạn đọc lại với mình và nhập cuộc vào trò chơi lý thú, tinh nghịch đầy triết lý nhân văn với tác giả.

Và nh thế, trò chơi càng sinh động hơn. Một cái sân gạch bé tẹo cũng biến thành "đại phương" và để qua cái "đại phương" ấy, sang được với người bên kia thì người bên này phải mất bao công sức xếp gạch, xếp đá thành cầu mà qua. Quả là "yêu nhau tìm đến với nhau" cũng không dễ chút nào. Đến đây, giọng thơ bỗng trở nên trẻ trung hơn, tinh nghịch hơn so với lúc bắt đầu cuộc chơi:

ú òa

Tôi đi ra

Em vào bóng tối

Mười ngón tay mảnh mảnh đan vội"

Cuộc săn đuổi thật là vòng vo nhưng cuối cùng thì anh cũng nắm bắt được tay em rồi. Hai bàn tay đã đặt vào nhau thế mà rồi anh (hoặc em) lại giật tay ra. Cô em thật là nũng nịu hay lại kiêu kỳ mà đã nhìn thấy người ta rồi lại không để cho người ta nắm tay vẫn cứ muốn kéo dài cái trò lẩn trốn "Em nhìn thấy tôi em mãi đi tìm". Đã thế, anh biết tổng rằng em đang "ti hí mắt lon" he hé mảnh vải che mắt rồi, nhưng anh cũng không lên tiếng, cứ để cho mà tìm "Tôi biết em mở mắt mà tôi không nói". Quả là một trò chơi "ú tim" của hai người yêu nhau say đắm và cũng rất hồn nhiên, thơ ngây. Nhưng dù trò vui nào, yêu nhau đến mấy thì họ vẫn không quên họ đang ở đâu "Mặt trời ở trên; ta đi ở dưới". Đây là hai câu kết của bài thơ "Ngây thơ" tưởng nh không nói gì, nhưng thật ra đã nói được nhiều điều sâu xa. kết mà như vẫn mở để người đọc tự ngẫm theo năng lực cảm thụ của mình.

Bài thơ được viết năm 1985, lúc đó nhà thơ Lê Đại Thanh đã 73 tuổi (ông mất 17/7/1996, khi vào tuổi 90). Với lối thơ tự do, rất khoáng đạt, hồn

nhiên và trẻ trung làm người đọc dễ bị cuốn hút vào cuộc chơi "ú tim" vui nhộn mà đầy ý nghĩa triết lý về tình yêu thương con người.

Và đây là chỗ thành công của Lê Đại Thanh trong bài "Ngây thơ".

Mong chờ

Khi lấy anh, chị mười tám tuổi

Hai mươi năm cài then cửa chờ chồng

Hai mươi năm nước mắt đầm áo gối

Đêm mùa nào với chị cũng mùa đông

Mỗi ngày nhớ moi mòn đôi mắt chị

Hai mươi năm mong một lá th về

Hai mươi năm chờ tay anh gõ cửa

Ngọn đèn lùa lùa chị những canh khuya

Người vợ xa chờ chồng hoá đá

Nước mắt rơi núi trắng sương mù

Chị chờ anh buồn đau hơn kiếp đá

Ôi cuộc đời đâu cần lắm Vọng Phu

(Tô Hoàn-1989)

Nhiều người không thật sự cảm thông được với nỗi đau xa cách giữa người vợ và người chồng dù người chồng ấy đang làm nghĩa vụ thiêng liêng là cầm súng bảo vệ Tổ quốc. Có người xa cách một số năm rồi sum họp đầm ấm, còn người vợ trẻ trong bài thơ "Mong chờ" này thì không có hạnh phúc ấy.

Tác giả bài thơ – nhà thơ Tô Hoàn là một sĩ quan cấp tá về hưu ở Bắc Giang. Là người lính đi hết chiến trường này đến chiến trường khác, xa nhà xa vợ con đằng đẵng năm này qua năm khác, anh hiểu lắm nỗi "mong chờ", anh biết cái giá của xa cách:

Khi lấy anh, chị mười tám tuổi***Hai mươi năm cài then, cửa chờ chồng***

Câu thứ nhất chỉ mới làm nhiệm vụ thông báo, đến câu thứ hai thì đầy ắp nỗi niềm, tâm trạng của hai câu hoà vào nhau tạo nên một sự cộng hưởng đau đớn. Cô gái lấy chồng năm mười tám tuổi, cha bèn hơi chồng, chồng đi chiến tranh, đằng đằng chờ chồng hai mươi năm. Nỗi nhớ thương mới da diết làm sao:

Hai mươi năm nước mắt đầm áo gối***Đêm mùa nào với chị cũng mùa đông***

Khổ thơ chắc, không câu nào lép, vì nó thật nên cảm động. Cũng phải nói ngay rằng thời điểm sáng tác (1989 sau công cuộc đổi mới ba năm) đã cho tác giả viết thật và đau như thế. Những năm còn chiến tranh và thời bao cấp sau chiến tranh, những câu thơ này không thể nào in được. Người vợ liệt sĩ này cha có con với chồng nên sự cô đơn đã lên đến đỉnh điểm. Có một đứa con thì còn khuây khoả, người ngoài được đôi phần

Thời gian xa cách thật khốc liệt:

Hai mươi năm cài then, cửa chờ chồng***Hai mươi năm nước mắt đầm áo gối***

Chị đã chờ chồng đằng đằng 7300 đêm, "goá chồng" 7300 đêm! Trong chiến tranh thiếu gì các cô gái không lấy được chồng đành ở vậy làm bà cô, nhưng những người nh vậy còn đỡ khổ hơn cô gái "mười tám tuổi" biết mùi chồng để rồi đằng đằng chờ chồng 20 năm

Khổ thơ thứ hai đầy thông cảm:

Mỗi ngày nhớ moi mòn đôi mắt chị***Hai mươi năm mong một lá thư về******Hai mươi năm chờ tay anh gõ cửa******Ngon dền dưa lùa chị những canh khuya***

Oái ăm là thế: không được gặp người còn được gặp qua th, đăng này th cũng không có (có thể chồng chị đã hy sinh lâu rồi nhưng vì thiếu lý do, người ta cha báo tử!). Cái điệp khúc tê tái "hai mươi năm/ hai mươi năm" ở khổ thơ thứ hai, lại cũng được sử dụng như ở khổ thơ thứ nhất:

Hai mươi năm mong một lá thư về

Hai mươi năm chờ tay anh gõ cửa

Người vợ liệt sĩ vẫn gắng nuôi một chút hy vọng:

Ngọn đèn đùa lừa chị những canh khuya

Có đêm chị thấy hoa đèn. ở nông thôn người ta tin có hoa đèn là nhà sắp có tin vui (có thể có th hoặc chồng về) nhưng ở đây cái hoa đèn cũng lừa chị nốt!

Bài thơ dùng ở đây là trọn vẹn rồi. Khổ cuối cùng chỉ là lời bình là sự suy diễn của tác giả. Theo tôi không cần thiết phải áp đặt nhận thức như thế, cứ thể cho những câu thơ trên va đập vào tâm hồn người đọc, để từng người tự nhận thức.

Nguyễn Bùi Vợi

Bài thơ tình rất lạ của Hoàng Phủ Ngọc Tường

Có con thuyền trong sương trắng
Bềnh bồng như một cánh chim
Có em chèo thuyền áo trắng
Xôn xao như trốn như tìm
Có vầng mặt trời rưng sáng
Bồi hồi như một trái tim
Em chèo thuyền về phía hừng đông
Húng chút phấn mặt trời trên má
Bụi mặt trời vương đầy gót chân
In những dấu hoa hài trên sóng
Anh mãi nghe từ đáy màu sương mong
Bài hát tình yêu dậy một phương hồng
Từ thươ nào vũ trụ đã sinh ra
Mà sao mặt trời mỗi ngày vẫn ửng
Mà sao anh đã từ vạn kỷ
Bên sông này anh đứng hát mặt trời lên
Vẫn đi hoài trong cõi vô biên
Mặt trăng là mảnh gương riêng soi trái đất

Trái đất trôi như một cánh bèo dâu
Mặt trời nhiều khi phập phồng hơi thơ
Mê man nhớ những tình cầu
Những hành tinh ngấm rồi thấy lạ
Bệnh bông mà vẫn theo nhau
Anh với em, ừ thì cũng lạ
Bệnh bông cho tới mai sau.

Hoàng Phủ Ngọc Tường là một trong số ít nhà văn viết bút ký nổi tiếng ở nước ta vài chục năm nay. Bút ký của Hoàng Phủ Ngọc Tường hấp dẫn người đọc ở tính nhân văn sâu sắc, những chiều kích khác nhau của trí tuệ uyên bác và chất Huế huyền hoặc, quyến rũ. Đó là những trang viết tài hoa, tài tử, tài tình. Thực ra, bút ký Hoàng Phủ Ngọc Tường chính là áng thơ văn xuôi cuốn hút người đọc. Có độc giả ở Hà Nội đã công phu cắt từng câu trong bút ký nổi tiếng "Ai đã đặt tên cho dòng sông" của anh xếp lại thành một bài thơ rất lý thú. Ngoài bút ký, anh có nhiều bài thơ hay được rất nhiều độc giả thuộc như "Địa chỉ buồn", "Dù năm dù tháng", "Dòng sông đời mẹ", "Đêm qua", "Bệnh bông cho tới mai sau"... "Bệnh bông cho tới mai sau" là bài thơ tình hay và rất lạ trong mạch "thơ buồn nh viết ra từ máu" (chữ dùng của Nguyễn Trọng Tạo) của Hoàng Phủ Ngọc Tường trong vài chục năm nay!

Mùa hạ năm ấy, Hoàng Phủ Ngọc Tường về thăm Lệ Thủy quê vợ. Đêm anh ngủ lại với mảnh đất đã cho mình tình yêu cuộc đời. Rạng sáng, tiếng hát từ những con đò trên dòng sông Kiên Giang làm anh choàng giấc. Anh chạy ra Mũi Viết nơi ngã ba sông, và bàng hoàng trước cảnh tượng thơ mộng đẹp như tranh thủy mặc của Tàu:

Có con thuyền trong sương trắng...

Có em chèo thuyền áo trắng...

Có vàng mặt trời rưng sáng...

Đó là những hình ảnh thực, rất thực diễn ra trong mỗi buổi sáng mùa hạ ở trên sông Kiên Giang mà bất cứ ai cũng có thể kể lại được. Bắt gặp những

cảnh tượng bình minh như trong cổ tích đó, Hoàng Phủ Ngọc Tường bị hấp hồn vía. Những hình ảnh đẹp đó đi vào tâm hồn thơ của anh trở nên vô cùng xao động và ấn tượng hơn nhờ những cặp liên tưởng bất ngờ và thú vị:

Có con thuyền trong sương trắng

Bềnh bồng như một cánh chim

Có em chèo thuyền áo trắng

Xôn xao như trốn tìm

Có vàng mặt trời rưng sáng

Bồi hồi như một trái tim.

"Mặt trời" bồi hồi nh "một trái tim" là một hình tượng lạ, một sự so sánh bất ngờ mang lại hiệu quả thẩm mỹ cao!.

Nhờ thủ thuật so sánh, liên tưởng điêu luyện những cảnh thực và thơ đã thành ảo, thành mộng, cái tả đã biến thành cái cảm, cái say dẫn người đọc đến một trạng thái tình cảm mới: tình yêu!. Cô gái chèo thuyền trên sông phút chốc biến thành nàng tiên nữ giữa chốn bồng lai tiên cảnh với những nét đẹp vàng son lấp lánh và cực kỳ sang trọng "phấn mặt trời trên má", "bụi mặt trời vương gót chân", "dấu chân thành hoa hài trên sóng"...

Em chèo thuyền về phía hừng đông

Húng chút phấn mặt trời trên má

Bụi mặt trời vương đầy gót chân

In những dấu hoa hài trên sóng

Trước hình tượng Nàng Thơ lộng lẫy sinh ra từ trái tim mặt trời ấy, nhà thơ của chúng ta không thể không thổ lộ rằng mình đã yêu, rằng từ đáy lòng mình "Bài hát tình yêu dậy một phương hồng"! ấy là logic tình cảm, logic của thơ!

Hết khổ thơ thứ 2, coi như "tiếng sét tình yêu" đã thể hiện quyền lực của mình: Tình yêu đã được bày tỏ một cách nồng nàn. Nhưng Hoàng Phủ Ngọc Tường không dừng lại ở đó. Những hình ảnh thơ được tả rất cận cảnh từ

gần đến xa rồi từ xa nói gần. Từ những hình tượng bất gặp ngẫu hứng, bằng cấp độ liên tưởng cao hơn, anh đã phát hiện ra tính âm phương của vũ trụ và đã đẩy bài đến một tứ lớn hơn, đột ngột hơn: Tình yêu của con người rất vĩnh cửu bởi tình yêu mang bản chất của vũ trụ

Từ thươ nào vũ trụ đã sinh ra

Mà sao mặt trời mỗi ngày vẫn tre

Mà sao anh nh từ vạn ky

Bên dòng sông này đứng hát mặt trời lên..

Quan hệ "có đôi" ấy được biểu cảm trong từng chi tiết:

Vẫn đi hoài trong cõi vô biên

Mặt trăng là manh gương riêng soi trái đất

Trái đất trôi như một cánh bèo dâu

Mặt trời nhiều khi phập phồng hơi thơ

Mê man nhớ những tinh cầu...

Thì ra mặt trời, mặt trăng, trái đất và những tinh cầu trong cõi vô biên vũ trụ từ vạn kỷ nay vẫn hướng vào nhau, vì nhau, ôm ấp nhau, nhớ nhau... như con người, như anh và em, nh âm và phương. Vâng, vũ trụ là một tình trường vĩnh cửu. Tình yêu của "anh và em" cũng bền vững như tình yêu giữa các hành tinh. Bài thơ kết lại bằng khổ thơ rất hay, với những câu thơ sống động rất đời mà nặng triết lý nhân sinh, những câu thơ có thể tách ra để biến thành ngôn ngữ tình yêu:

Những hành tinh ngẫm rồi thấy lạ

Bềnh bồng mà vẫn theo nhau

Anh với em, ừ thì cũng lạ

Bềnh bồng cho tới mai sau

Nhà thơ Nguyễn Trọng Tạo cho rằng thơ Hoàng Phủ Ngọc Tường "... thấm đẫm triết học về cái chết... thơ anh buồn mỗi nỗi buồn đứt

ruột... Đây là thơ của cõi âm"... Đó là một nhận xét đúng và tinh tế. Nhưng trong nguồn thơ nh từ đất vọng lên của Tường lại có một bài thơ khác lạ, bài thơ nh từ trời vang xuống, đầy chứa chan, khoái cảm và trí tuệ. Đó chính là bài thơ Bềnh bồng cho tới mai sau, bài thơ về trái tim tình yêu, trái tim mặt trời vĩnh cửu, một bài thơ tình hay và mới.

Ngô Minh

Mong chờ

*Khi lấy anh, chị mười tám tuổi
Hai mươi năm cài then cửa chờ chồng
Hai mươi năm nước mắt đầm áo gối
Đêm mùa nào với chị cũng mùa đông
Mỗi ngày nhớ moi mòn đôi mắt chị
Hai mươi năm mong một lá thư về
Hai mươi năm chờ tay anh gõ cửa
Ngọn đèn lùa lùa chị những canh khuya
Người vợ xa chờ chồng hoá đá
Nước mắt rơi núi trắng sương mù
Chị chờ anh buồn đau hơn kiếp đá
Ôi cuộc đời đâu cần lắm Vọng Phu*

(Tô Hoàn-1989)

Nhiều người không thật sự cảm thông được với nỗi đau xa cách giữa người vợ và người chồng dù người chồng ấy đang làm nghĩa vụ thiêng liêng là cầm súng bảo vệ Tổ quốc. Có người xa cách một số năm rồi sum họp

đầm ám, còn người vợ trẻ trong bài thơ "Mong chờ" này thì không có hạnh phúc ấy.

Tác giả bài thơ— nhà thơ Tô Hoàn là một sĩ quan cấp tá về hưu ở Bắc Giang. Là người lính đi hết chiến trường này đến chiến trường khác, xa nhà xa vợ con đằng đằng năm này qua năm khác, anh hiểu lắm nỗi "mong chờ", anh biết cái giá của xa cách:

Khi lấy anh, chị mười tám tuổi

Hai mươi năm cài then, cửa chờ chồng

Câu thứ nhất chỉ mới làm nhiệm vụ thông báo, đến câu thứ hai thì đầy ắp nỗi niềm, tâm trạng của hai câu hoà vào nhau tạo nên một sự cộng hưởng đau đớn. Cô gái lấy chồng năm mười tám tuổi, chưa bén hơi chồng, chồng đi chiến tranh, đằng đằng chờ chồng hai mươi năm. Nỗi nhớ thương mới da diết làm sao:

Hai mươi năm nước mắt đầm áo gối

Đêm mùa nào với chị cũng mùa đông

Khổ thơ chắc, không câu nào lép, vì nó thật nên cảm động. Cũng phải nói ngay rằng thời điểm sáng tác (1989 sau công cuộc đổi mới ba năm) đã cho tác giả viết thật và đau như thế. Những năm còn chiến tranh và thời bao cấp sau chiến tranh, những câu thơ này không thể nào in được. Người vợ liệt sĩ này cha có con với chồng nên sự cô đơn đã lên đến đỉnh điểm. Có một đứa con thì còn khuây khoả, nguôi ngoai được đôi phần

Thời gian xa cách thật khốc liệt:

Hai mươi năm cài then, cửa chờ chồng

Hai mươi năm nước mắt đầm áo gối

Chị đã chờ chồng đằng đằng 7300 đêm, "goá chồng" 7300 đêm! Trong chiến tranh thiếu gì các cô gái không lấy được chồng đành ở vậy làm bà cô, nhưng những người như vậy còn đỡ khổ hơn cô gái "mười tám tuổi" biết mùi chồng để rồi đằng đằng chờ chồng 20 năm

Khổ thơ thứ hai đầy thông cảm:

Mỗi ngày nhớ moi mòn đôi mắt chị

Hai mươi năm mong một lá thư về

Hai mươi năm chờ tay anh gõ cửa

Ngọn đèn đùa lừa chị những canh khuya

Oái ăm là thế: không được gặp người còn được gặp qua thư, đăng này th cũng không có (có thể chồng chị đã hy sinh lâu rồi nhưng vì thiếu lý do, người ta chưa báo tử!). Cái điệp khúc tê tái "hai mươi năm/ hai mươi năm" ở khổ thơ thứ hai, lại cũng được sử dụng như ở khổ thơ thứ nhất:

Hai mươi năm mong một lá thư về

Hai mươi năm chờ tay anh gõ cửa

Người vợ liệt sĩ vẫn gắng nuôi một chút hy vọng:

Ngọn đèn đùa lừa chị những canh khuya

Có đêm chị thấy hoa đèn. ở nông thôn người ta tin có hoa đèn là nhà sắp có tin vui (có thể có thư hoặc chồng về) nhưng ở đây cái hoa đèn cũng lừa chị nốt!

Bài thơ dùng ở đây là trọn vẹn rồi. Khổ cuối cùng chỉ là lời bình là sự suy diễn của tác giả. Theo tôi không cần thiết phải áp đặt nhận thức nh thế, cứ thể cho những câu thơ trên va đập vào tâm hồn người đọc, để từng người tự nhận thức.

Nguyễn Bùi Vợi

Thanh Tịnh – Trăm năm nhớ một chuyến đò

Nhớ một tối giữa rừng Việt Bắc
Được xuống đò theo Bác sang ngang
Núi xa viên ánh trăng vàng
Có đôi mắt sáng điểm màn trời sao
Đó là Bác mà nào biết trước
Tượng cụ già miền ngược sang sông
Dao rừng cài gọn bên hông
Gậy song cấp nách, túi vòng qua vai
Gần cập bến, nước lay sóng dựng
Đò tròn tránh tôi đứng nghiêng nghiêng
Cụ già dáng rất dịu hiền
Đa tay tôi vịn, tôi vịn vững dần
Khi biết Bác, Bác lần đi khuất
Phía mé rừng phang phát mưa bay
Tần ngần nhìn vọng hàng cây
Ấm ran da thịt hơi tay, của Người

Chuyện cũ đã hai mươi năm trước**Còn dạt dào sóng nước sông Lô****Trăm năm nhớ một chuyến đò****Chênh vênh lại được Bác Hồ cầm tay**

(Tháng 9 năm 1969)

Người được ca ngợi trong bài thơ "Trăm năm nhớ một chuyến đò" đã đi vào cõi vĩnh hằng 31 năm và tác giả bài thơ—nhà thơ Thanh Tịnh—cũng đã vĩnh biệt chúng ta tròn một giáp (1988) nhưng chuyện kể về Bác, bài thơ về Bác thì còn.

Đây là một bài thơ có sự tích. Cái tích ấy được kiểm chứng qua lời kể của nhà thơ Tố Hữu " Những năm ở Việt Bắc, Bác không đến những nơi người ta bố trí trước. *Bác cải trang và đi. Khi thì là một ông già Tày râu đen, mặc áo chàm ngồi trên mình ngựa; khi thì là một ông già Mèo đầu đội nón giang, dao rừng tra vào vỏ, cài bên hông*". Có đơn vị bộ đội đóng trại ở lưng chừng núi, Bác lên, đứng sững trước mặt các chiến sĩ, chỉ huy vẫn chưa biết. Khi biết là Bác, bộ đội đồng thanh hô "Bác Hồ muôn năm!" thì Bác cười hiền: "Leo núi mỗi chân lấm; các cháu cho Bác nằm vồng nghỉ một lát rồi Bác nói chuyện thời sự cho mà nghe!"

Cho nên cái việc nhà thơ Thanh Tịnh được đi cùng Bác trong một chuyến đò qua sông Lô là rất dễ hiểu. Không ai nghĩ ông già "dao rừng cài gọn bên hông/ gậy song *cấp nách, túi vòng qua vai*" là Bác Hồ. Nhưng đến lúc "*Gần cập bến, nước lay sóng dựng/ Đò tròn thành tôi đứng nghiêng nghiêng/ Cụ già dáng rất dịu hiền/ Đa tay tôi vịn, tôi vịn vũng dầm*" thì sự ân cần đó đã mách bảo nhà thơ rằng cụ già tốt bụng và chu đáo với mọi người đây là Bác Hồ.

Khi nhà thơ nhận ra thì "Bác dần đi khuất/ Phía mé rừng phẳng phất ma bay"... Cái kỷ niệm đẹp đẽ ấy đã đọng mật trong tâm hồn Thanh Tịnh:

Chuyện cũ đã hai mươi năm trước***Còn dạt dào sóng nước sông Lô******Trăm năm nhớ một chuyến đò***

Chênh vênh lại đợc Bác Hồ cầm tay

Bài thơ đợc viết theo thể song thất lục bát với âm điệu ngọt ngào mang phong vị dân gian. Dù là chuyện thật 100% hay là chuyện nhà thơ "bịa như thật" thì cái cốt lõi của bài thơ vẫn là 100% vì cách sống của Bác, sự quan tâm của Bác đối với mọi người là như thế.

Nguyễn Bùi Vợi

Thơ chúc Tết của Bác Hồ

Chúc tết mừng xuân mới—là truyền thống của nhiều dân tộc—Một truyền thống rất hay, rất đẹp xuất phát từ lòng yêu đời, lòng thương nhau, mong muốn cho nhau mọi sự tốt lành.

Theo Giáo sư Hoàng Như Mai: Trong thời phong kiến, bầy tôi chúc tết vua, dân chúc tết quan. Chế độ tư bản người làm công chúc tết chủ, người bán hàng chúc tết người mua hàng. Từ Cách mạng tháng Tám năm 1945, Bác Hồ chúc Tết đồng bào, chiến sĩ. Không phải là lời chúc tết thông thường mà lời chúc tết bằng thơ. "Trong lời chúc, chúng ta thấy cả tấm lòng của lãnh tụ đối với dân, với nước", cầu mong cho nước nhà hoàn toàn độc lập, dân ta hoàn toàn tự do, ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành, hạnh phúc và thịnh vượng.

Trong bài thơ chúc Tết đầu tiên năm 1942, Bác kêu gọi, tuyên truyền, giải thích tình hình cách mạng, dự đoán sự chuyển biến tình hình của nước ta và thế giới:

"Tháng ngày thắm thoát chóng như thời

Năm cũ qua rồi, chúc năm mới

Chúc phe xâm lược sớm diệt vong

Chúc phe dân chủ sẽ thắng lợi

Chúc đồng bào ta đoàn kết mau

Chúc Việt Nam ta càng tiến tới

Chúc toàn quốc ta trong năm nay

Cờ, đờ sao vàng bay phấp phới

Năm nay là năm tết, ve vang

Cách mạng thành công khắp thế giới"

Bài thơ xuân cuối cùng của Người, không chỉ là bài "Mừng xuân 1968" mà còn một bài thơ gửi bằng điện tín từ Tổ quốc đánh sang Paris cho phái đoàn của Chính phủ ta đang trên bàn hội nghị Paris:

"Xuân gà túc tác đến nơi

Goi người thân thiết mấy lời thơ xuân

Gà xuân túc tác rạng đông

Đa tin thắng lợi cờ hồng bay cao"

Từ 1946 đến 1969, với cương vị Chủ tịch nước, Bác Hồ liên tục có lời thơ chúc Tết, cứ mỗi độ xuân về. Thơ xuân Bính Tuất-1946 của Người tặng báo Quốc Gia-cơ quan ngôn luận của một nhóm nhân sĩ yêu nước tại Hà Nội, cũng là món quà rất quý đầu xuân, Chủ tịch Hồ Chí Minh chúc tết đồng bào, chiến sĩ. Âm hưởng bài thơ sáng khoái, reo vui đến mọi nhà:

"Muôn nhà chào đón dân chu

Ca nước vui chung phúc Cộng hoà"

Và, mới là thắng lợi đầu, không được quên nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc quan tâm "những người chiến sĩ ở phương xa"

Chưa đầy 2 năm bảo vệ và xây dựng nhà nước Cách mạng, bài thơ xuân Đinh Hợi-1947 của Người xôn xao, rung động lòng người với màu cờ đỏ tươi, tiếng kèn thắng trận vang núi sông, vững tin vào sự thắng lợi của cuộc kháng chiến trường kỳ vô cùng gian lao và anh dũng của đồng bào, chiến sĩ khắp mọi miền đất nước.

Sau 8, 9 năm ròng rã bèn gan kháng chiến, với Điện Biên Phủ "chấn động địa cầu", thơ xuân Giáp Ngọ-1954 của Hồ Chủ tịch báo trước

khẳng định thắng lợi vẻ vang của công cuộc kháng chiến trường kỳ chống xâm lược, củng cố ý chí quyết tâm "Đẩy mạnh kháng chiến để giành độc lập, tự do, quân và dân quyết chí kết đoàn để "kháng chiến, kiến quốc nhất định hoàn toàn thành công"

Năm 1960, Đảng ta tròn 30 tuổi, kỷ niệm 15 năm thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Thơ mừng xuân mới của Hồ Chủ tịch đúc kết cô đọng thành tựu vẻ vang của Đảng, Nhà nước và đồng bào, chiến sĩ không sợ hy sinh, phấn đấu cho lý tưởng cao cả "Thống nhất nước nhà Bắc Nam vui vẻ".

Từ 1961 trở đi, Cách mạng Việt Nam trải qua những chặng đường đầy gian nan thử thách, nhưng trong thế đi lên, miền Bắc thể hiện tính ưu việt của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn. Cả nước một lòng chiến công dồn dập chiến công. Năm 1967, đế quốc và bè lũ tay sai đẩy mạnh cuộc chiến tranh, đã chiến tranh ra miền Bắc, nhưng chiến sĩ đồng bào không hề nao núng, càng bốc cao ngọn lửa căm thù giặc Mỹ. Thơ xuân của Hồ Chủ tịch thấm đượm khí thế hào hùng của toàn dân tộc và niềm lạc quan tin tưởng:

"Xuân về xin có một bài ca

Gửi chúc đồng bào, ca nước ta

Chống Mỹ hai miền đều đánh giời

Tin mừng thắng trận, nơ như hoa"

Cách mạng nước ta dù có khó khăn chông chắt, dù có trải qua gian lao thử thách, hy sinh, thắng lợi hoàn toàn là tất yếu. Nhưng không thể đốt cháy giai đoạn, không thể nóng vội. Thơ xuân 1969 của lãnh tụ tối cao dân tộc đã chỉ ra các mục tiêu:

"Vì độc lập, vì tự do

Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào

Tiến lên chiến sĩ, đồng bào

Bắc Nam sum họp, xuân nào vui hơn"

24 năm, Chủ tịch Hồ Chí Minh liên tục làm thơ xuân. Đó cũng là một truyền thống lâu đời, một hình thức quen thuộc của nhân dân ta. "Non một

phần tư thế kỷ, một thế kỷ già trẻ, gái trai chúng ta được nuôi dưỡng bằng thơ Bác, bằng ánh sáng và yêu thương" (Hoài Thanh). "Phải chăng đây là quà tặng của Bác cho nhân dân mỗi khi xuân về, xuân sau hơn xuân trước và cứ như vậy mãi mãi về sau" (Lữ Huy Nguyên)

Tết đến, xuân về nhớ Bác biết bao nhiêu!

TS Nguyễn Xuân Lạn

”Tự hát” của Xuân Quỳnh

Chẳng dại gì em ước nó bằng vàng
Trái tim em anh đã từng biết đó
Anh là người coi thường, của, cai
Nên nếu cần anh bán nó đi ngay.
Em cũng không mong nó giống mặt trời
Vì sẽ tắt khi bóng chiều đổ xuống
Lại mình anh với đêm dài câm lặng
Mà lòng anh xa cách với lòng em
Em trợ về đúng nghĩa trái tim
Biết làm sống những hồng cầu đã chết
Biết lấy lại những gì đã mất
Biết rút gần khoảng cách, của yêu tin
Em trợ về đúng nghĩa trái tim em
Biết khao khát những điều anh mơ ước
Biết xúc động qua nhiều nhận thức
Biết yêu anh và biết được anh yêu

Mùa thu năm nay sao bão mưa nhiều
Những cửa sổ con tàu chẳng đóng
Đại đồng hoang và đại ngàn tối sẫm
Em lạc loài giữa sâu thẳm rừng anh
Em lo âu trước xa tấp đường tình
Trái tim đập những điều không thể nói
Trái tim đập còn cào cơn đói
Ngọn lửa nào le lói giữa cô đơn
Em trở về đúng nghĩa trái tim em
Là máu thịt, đời thường ai cũng có
Cũng ngừng đập lúc cuộc đời không còn nữa
Nhưng biết yêu anh, cả khi chết đi rồi.

Tôi nhớ, có lần Viên Mai nói: "Nhà thơ có thân phận của mình".
Và điều ấy thật đúng với Xuân Quỳnh.

Tâm hồn "đời thường" của Xuân Quỳnh quán quện vào tâm hồn thơ làm một, như được in ấn rành rẽ trên trang sách. Chẳng có gì của đời mình mà không được Xuân Quỳnh đưa vào thơ với lòng yêu thương tha thiết: hát ru cho con ngủ, hát về tình yêu, về nỗi nhớ, rồi về cả bàn tay thô ráp của mình. Đã có lúc tôi gọi chị là "Người đàn bà hát" bởi đơn giản một điều, thơ chị, dù đời thường đến "cái xô nhựa chậu men" cũng được ấp ủ thành vần, thành điệu, mà lạ kỳ thay, vẫn cứ réo rắt, ngân vang, chứa chan cảm xúc. Xuân Quỳnh yêu đời, trọn vẹn với đời.

Thế nhưng, Xuân Quỳnh lại đầy bất ổn, chị đã từng đi với người yêu

"Qua nắng sớm mưa chiều
Qua chặng đường tàn phá
Qua rất nhiều nỗi khổ

Qua rất nhiều niềm vui"

mà bất chợt dừng lại, đầy băn khoăn, day dứt:

"Đốt lòng em câu hỏi

Yêu em nhiều không anh"

(Mùa hoa đôi)

"Tự hát" dường như là một bài thơ "điển hình" cho chất phụ nữ trong thơ Xuân Quỳnh: "Dữ dội mà dịu êm – ồn ào mà lặng lẽ" – một Xuân Quỳnh sôi nổi, hồn hên nhựa sống, cũng là một Xuân Quỳnh âu lo, bất thường. Chỉ có điều chị bao giờ cũng hát, như tiếng của đại phương.

Nổi bật lên trong bài thơ là một Xuân Quỳnh đầy thách thức, đầy tự tin:

Chẳng dại gì em ước nó bằng vàng

Em cũng không mong nó giống mặt trời

Em phủ định cả giá trị bạc vàng, cả cái vĩnh cửu của mặt trời, để cuối cùng trở về với cái riêng Em:

Em trở về đúng nghĩa trái tim em

Là máu thịt, đời thường ai cũng có

Cũng ngừng đập lúc cuộc đời không còn nữa

Nhưng biết yêu anh cả khi chết đi rồi

Đọc bài thơ, người ta bắt gặp ở đó một sự đánh đổi, phủ nhận cái vĩnh cửu của vũ trụ để khẳng định cái Vĩnh cửu của tình yêu. Tình yêu chân chính là mãi mãi. Đó là cái Xuân Quỳnh khác với truyền thống. Xuân Quỳnh không von lên tới vũ trụ để chế ngự tình yêu, Xuân Quỳnh "chế ngự" tình yêu bằng chính sự tận tụy của mình. Bởi với chị, tình yêu phải là sự thấu hiểu:

Em trở về đúng nghĩa trái tim em

Biết làm sống những hồng cầu đã chết

Biết xúc động qua nhiều nhận thức

Biết yêu anh và biết được anh yêu

Bao giờ em cũng lặng lẽ đi sâu vào tâm hồn anh để nhận thức, để "biết làm sống", "biết xúc động", "biết yêu anh". Đó là một người thơ luôn vận động, luôn đắm say; đó là một trái tim không ngừng nghỉ với tình yêu để mãi được hoà nhập trong anh. Xuân Quỳnh chính là như thế, lúc nào cũng dịu dàng, lặng lẽ mà không hề bé nhỏ, mà tự tin vì đã dâng trọn tình yêu và biết "được anh yêu". Một sự hy sinh không bao giờ oán trách và tuyệt vọng.

Không phải không có lúc Xuân Quỳnh rơi vào hoảng loạn:

Em lạc giữa sâu thẳm rừng anh...

Em lo âu trước xa tắp đường anh...

bởi vì tâm hồn con người là một bí ẩn, nhưng chị vẫn hát. Tôi cho rằng, bài thơ chính là cuộc tìm đường đi đến tình yêu đích thực. Xuân Quỳnh so sánh với vũ trụ, rồi Xuân Quỳnh lại rơi trong những bất ổn của tâm hồn, để trở về với mình trong nóng hổi một niềm tin, một sự sống, một tin tưởng, ý thức vào sự bất diệt của tình yêu.

"Tự hát" là hát về mình nhưng thực chất là hát về tình yêu của muôn người trong cuộc đời. ấy là lời của trái tim, lời của nồng say. Đọc một bài thơ, ta gặp một con người. Đó là một Xuân Quỳnh suốt đời tìm kiếm, nó thể hiện trong sự vận động của từ ngữ, của cấu tứ. Bài thơ sử dụng rất nhiều động từ chỉ sự nhận thức, cấu tứ vận động theo bước chân kiếm tìm chân lý của người thơ, đi từ mê mông cuộc đời, từ giá trị của vũ trụ, đến cái tôi- giá trị của chính mình.

Bài thơ triết lý mà không khô khan, mạnh mẽ mà không xơ cứng bởi vì trong đó còn chứa rất nhiều tình, rất nhiều chất nữ tính. Bằng nét riêng của mình, Xuân Quỳnh đã lặng lẽ làm một cuộc biến đổi cuộc sống, biến đổi nhận thức trong tình yêu. Thơ ấy làm cho người ta tin hơn cuộc sống.

Trịnh Cẩm Hằng

Trẻ con trong thơ Xuân Quỳnh

Theo tôi nghĩ, phẩm chất cơ bản làm nên đặc trưng của trẻ –đó là sự tò mò, là câu hỏi vì sao, là đòi hỏi cắt nghĩa về thế giới chung quanh. Theo năm tháng, thế giới này càng mở rộng dần biên độ từ nhỏ đến lớn, từ gần đến xa, từ cụ thể đến trừu tượng.

Thơ Xuân Quỳnh có nhiều bài viết theo hướng này: Vì sao?, Mùa đông nắng ở đâu?, Tại sao gà con sinh ra?, rồi *Chuyện cổ tích về loài người*, *Chuyện về những dòng nước...*

Vì sao? là dồn dập các câu hỏi, trong vô vàn câu hỏi:

Vì sao con cóc

Nó hay nghiền răng

Vì sao con còng

Nó không nhắm mắt

Không có chân có cánh

Mà lại gọi con sông

Không có lá có cành

Mà gọi là ngọn gió

Cái quạt bé như thế

Thì gió ở vào đâu

Biển ngày đêm thét gào

Sao lại không khản cổ?

Bài thơ cứ như thế mà kéo dài, bởi thế giới tự nhiên là vô tận. Cả nhà thơ và người lớn đều biết thế. Còn các em là người đọc – lại không thể và không nên kéo dài. Bài thơ phải đến lúc dừng.

Con vịt con bé tí

Không mẹ, nó không buồn

Mà mẹ mới ra đường

Vì sao con đã nhớ.

Từ thế giới tự nhiên, Xuân Quỳnh đã hướng các em trở về với thế giới con người. Từ câu hỏi đã chuyển sang câu xác định. Lại vẫn là sự xác định một lần nữa: tình mẹ con.

Giải thích tự nhiên, qua cách nhìn trẻ thơ, rồi từ thế giới tự nhiên mà chuyển sang thế giới con người, mà trở về đời sống xã hội, tôi ít thấy có ai thành công nh Xuân Quỳnh. Bằng xét đoán thông minh và trí tượng tượng phong phú, chị làm vui cho trẻ và làm kinh ngạc cả người lớn chúng ta:

Mí biết làm ra gió

Chỉ bằng một chiếc quạt con

Mí còn làm ra, ca đêm

Chỉ cần nhắm hai con mắt

Đó quả là logic ngược – đảo nhân thành quả, nhưng lại không có chút nào phi lý.

Cái logic ngược này đã được Xuân Quỳnh thực hiện một cách xuất sắc trong bài *Chuyện cổ tích về loài người*. *Chuyện bắt đầu bằng hai câu:*

Trời sinh ra trước nhất

Chỉ toàn là trẻ con

Trong tư duy dân gian: trời sinh ra muôn loài. Còn với Xuân Quỳnh, sau trời là trẻ con. Trẻ con được sinh ra như là khởi nguyên của tất cả. Sau chúng, mới là sự sinh thành của tất cả những gì làm nên thế giới.

Và thế giới, trong cách dẫn dắt của người kể cổ tích Xuân Quỳnh là gồm một trật tự các sự vật xuất hiện theo một logic chặt chẽ bên trong: do nhu cầu của trẻ mà có, gồm mặt trời, rồi cây cỏ, chim muông, sông ngòi, biển mây, đường sá...

Rồi mới đến mẹ, vì trẻ con cần tình yêu và lời ru. Rồi đến bà, vì trẻ cần nghe chuyện. Sau bà mới đến bố, vì trẻ cần hiểu biết. Do nhu cầu hiểu biết mà sinh ra chữ, bàn ghế, thầy giáo, phấn bảng. Từ bảng mà có lớp học. Bà ở buổi học đầu tiên:

Thầy viết chữ thật to

Chuyện loài người trước hết.

Bài thơ đến đây là kết thúc; có thể nói là kết thúc trong một trật tự ngược.

Thế nhưng người đọc là tất cả chúng ta và các em lại không ai bất ngờ, hoặc bất bình trước sự vô lý đó. Chỉ biết thích thú về sự có lý của một chuỗi những điều phi lý. Và sự chấp nhận đó là đi ra ngoài những logic thông thường.

Ngộ nghĩnh, hồn nhiên, thơ Xuân Quỳnh nói chính lời trẻ thơ, nghĩ cách nghĩ trẻ thơ. Rồi lại có thể tách ra khỏi trẻ thơ, để ngụ vào đây một triết lý hồn nhiên của sự sống, thứ triết lý mà ở mỗi lứa tuổi có thể hấp thụ một cách riêng. ở đây, không có sự cao đạo, lên giọng, truyền giảng đã đành, mà cũng không phải là lời nhại mượn, bắt chước, ca sùng làm nhé, khoác áo hoặc đeo băng trẻ con.

Đọc Xuân Quỳnh, thấy chị làm thơ thật dễ dàng. Cứ như là nước ngọt tuôn ra từ một mạch nguồn trong trẻo.

Hãy xem chị làm lời Mí thích:

Cha già mà đã có râu

Cái con đế suốt đêm thâu hát gì

Không chân con rắn vẫn đi

Con sên thích múa con ve thích gào

Con chim thích đậu cành cao

Con tàu biết gọi khi vào sân ga

Mạch thơ cứ trôi chảy như thế cho đến Con tàu biết gọi... Từ câu thơ này, thế giới tự nhiên với dế, rắn, chim muông... đã chuyển sang thế giới người:

Con tàu biết gọi khi vào sân ga

Con đường thì lại thích xa

Con sông thích chảy, con phà thích sang

Đây là thế giới người, vì sự xuất hiện những mối quan hệ mới – quan hệ tình cảm giữa con người; vì sự xuất hiện những băng khuâng và lưu luyến chỉ có trong thế giới người. Bài thơ ầm dần lên trong khí hậu mới đó; và với người lớn chúng ta, chúng ta còn tiếp tục sự tham gia để mở rộng thêm các biên độ cho không gian và thời gian của thế giới đó. Con đường gắn với xa: "Hai vai gánh nặng con đường thời xa", "Đường xa nghĩ nỗi sau này mà kinh". Sông với chảy – Chảy đi, sông ơi! Và phà sang – Phà là gắn nối với phía bên kia. Phà không bao giờ là của một bên.

Bài thơ kết thúc ở hai câu:

Mí thì mí thích yêu thương

Con chim, con dế, con đường, con sông.

Lưu luyến và nhân rộng là dành cho người lớn, còn con trẻ chỉ có yêu thương. Từ con dế, con chim... đến con sông, con đường. Trong mỗi bài thơ Xuân Quỳnh viết cho các em, dường như đều có một khu vực cho nhận thức người lớn.

Trong đời thơ không dài, nếu không nói là còn ngắn, Xuân Quỳnh vẫn để lại một gia tài thơ cho thiếu nhi nh là sự kết tinh mọi trải nghiệm của đời mình. Nếu mảng thơ về tình yêu là lời nói của trái tim: "Em trở về đúng nghĩa trái tim em" thì trong thơ viết cho thiếu nhi Xuân Quỳnh đã, một lần nữa, từ tuổi thơ của chính mình mà đến với tuổi thơ của các em, như chị đã từng viết:

"Là một người làm thơ cho các em, qua những đau khổ và khao khát thuở nhỏ, qua những lầm lỗi của tôi khi cư xử với các con tôi, tôi luôn luôn tự nhủ: Muốn viết cho các em, điều đầu tiên là sự cảm thông với các em chứ không phải là sự áp đặt. Đừng bắt các em sống và nghĩ theo cách của mình. Nếu muốn giáo dục các em thì phải nhìn bằng con mắt của các em mà nhận xét đánh giá mọi việc. Cách giải quyết bắt đầu từ đây".

Vân Thanh

"Với anh" của Phạm Thu Yến

Dẫu biết rằng anh rất yêu em
Vẫn có lúc lòng em trống trải
Yêu em đầy nhưng lòng anh e ngại
Trái tim đa cảm nơi em
Biết làm sao em vẫn dễ vui buồn
Rng rng mãi trước một bài hát cũ
Một câu thơ hay trái tim nức nở
Khát khao nhiều trước một mối bình minh
Em sẽ ra sao nếu chẳng là mình
Quên lãng hết ước mơ thời thiếu nữ
Nếu chỉ làm ăn, nuôi con, giặt giũ
Chắc chẳng còn đáng được anh yêu
Nếu cho em làm lại từ đầu
Người em chọn vẫn chỉ là anh đấy
Anh là cuộc đời em, gian đơn sâu sắc vậy
Đừng ghen hờn với trái tim em

Bài thơ mà ta chọn bình ở đây nếu kỹ tính chắc cha thể ng ý để gọi là một bài thơ hay theo nghĩa toàn bích. Tôi cũng nghĩ thế. Bài thơ còn ở dạng khá đơn giản (không phải là giản dị), các ý tưởng được trình bày trực tiếp bằng ngôn ngữ của tác giả nhưng chủ yếu chỉ là thứ ngôn ngữ khái niệm, ít hình tượng và các thủ pháp nghệ thuật. Với loại thơ không thông qua hình tượng và tứ thơ mà giải bày trực tiếp như thế muốn thành công và tạo được ấn tượng mạnh thì phải được bảo lãnh hoặc là bằng dòng cảm xúc rất dào dạt đủ sức lôi cuốn người đọc, hoặc trình bày được những ý tưởng sâu sắc, có giá trị khám phá. Bài thơ "Vội anh" của Phạm Thu Yến không tràn ngập cảm xúc, cũng không nói điều gì thật mới mẻ – điều chi đề cập đến ở đây thẳng hoặc cũng đã có người nói tới, chẳng hạn Xuân Quỳnh.

Tuy nhiên, phải công nhận rằng đây là một ý tưởng hay, lý thú và bổ ích nhân tiên trong đời sống tình cảm gia đình, và vội vẻ thành thực, dịu dàng rất phụ nữ, bài thơ đã đặt ra và giải quyết được một trong những tình huống, hay đúng hơn một tâm thế rất thường gặp trong quan hệ vợ chồng, người yêu đã từng làm đau đầu và thậm chí sức mẻ hạnh phúc của bao người mà không dễ gì giải quyết. Xét về phương diện ấy, có thể nói tác giả đã thành công, và như thế cũng đã là đủ cho một bài thơ.

Mở đầu bài thơ, tác giả nêu vấn đề:

Dẫu biết rằng anh rất yêu em

Vẫn có lúc lòng em trống trải

Yêu em đấy nhưng lòng anh e ngại

Trái tim đa cảm nơi em

"Trái tim đa cảm" – đúng thế. Ai đó đã nói: Phụ nữ là một sinh linh phức tạp. Nếu nh điều đó góp phần làm nên sức cuốn hút của phụ nữ thì nó cũng kéo theo rất nhiều phiền phức, cho những người yêu họ và cho chính họ – anh thì "e ngại" khắc khoải, còn em thì "trống trải" và cô đơn. Điều khó khăn thường là ở chỗ: những người đang yêu, tức người trong cuộc thường không có được sự tỉnh táo – thì tình yêu vốn "như trái phá, con tim mù loà" mà lại. Họ có thể lú lẫn không nhìn ra cả những sự thật đơn giản mà nếu khi ở ngoài cuộc họ sẽ nhận ra ngay – chẳng hạn ở đây là cái tâm hồn giàu có dễ thương của người phụ nữ:

Biết làm sao em vẫn dễ vui buồn
Rung rung mãi trước một bài hát cũ
Một câu thơ hay trái tim nức nở
Khát khao nhiều trước mỗi bình minh

Thế đấy, nghịch lý là ở chỗ, hẳn chính vì là những nét đáng yêu ấy mà chàng trai đã đến với người con gái, nhưng khi có tình yêu rồi thì những phẩm chất ấy phải lùi lại, phải nhường bước cho những đòi hỏi không ngừng cao lên mãi. Nhưng thực ra chàng đã nhầm. Đi qua không có nghĩa là phủ nhận. Tất cả những biểu tượng tinh vi của tình yêu từ thuở ban đầu đều còn nguyên vẹn đấy, chẳng có gì mất đi hết. Đừng nghĩ đơn giản rằng một khi tình yêu đã lên đến tận đỉnh cao nhất của sự xẻ chia toàn bộ cuộc đời, từ hồn đến xác, thì những cung bậc của tình yêu nguyên sơ sẽ không còn đất sống để nhường bước cho những quan tâm tối giản và thường nhật. Ở đây, người phụ nữ làm thơ đã tỉnh táo hơn người yêu, để nhắc cho chàng hay về sự nhầm lẫn nguy hiểm ấy:

Em sẽ ra sao nếu chẳng là mình
Quên lãng hết ước mơ thời thiếu nữ
Nếu chỉ làm ăn, nuôi con, giặt giũ
Chắc chẳng còn đáng được anh yêu

Một chân lý quá giản dị và hiển nhiên! Câu thơ với những lời lẽ đơn giản ấy đã làm ta giật mình rằng sự thật thì không hề đơn giản chút nào và nếu ta đơn giản hoá sự thật thì nhất định sẽ phải trả giá. Vậy sự thật mà bài thơ nhắc nhở ta là gì vậy? Đó là những gì thuộc về bản chất của tình yêu muôn thuở. Xuân diệu từng viết: "Dầu tin tưởng một đời một mộng / Em là em, anh vẫn cứ là anh", Ta với tuy một mà hai". Đúng là hoà nhập nhưng không hoà tan! Dầu cho khi yêu nhau say đắm những người yêu những tưởng có thể trộn chung hai cuộc đời làm một, hoặc ra ít ra họ cũng vô hạn khát khao làm việc đó. Nhưng đó là một bi hài kịch, và nếu như họ được làm được việc đó thật thì tình yêu cũng đã bị thủ tiêu rồi, tình yêu chỉ còn đơn giản là sự xâm lược và chiếm đoạt toàn diện kiểu thú vật hay sự vị kỷ không cùng chẳng hứa hẹn một chân trời nào sáng sủa.

Cao hơn sự chiếm đoạt và vị kỷ, hạnh phúc của tình yêu còn là sự đem cho, sự che chở và quyền tồn tại của những thế giới riêng. Tất cả những hành vi ấy làm cho tình yêu con người mang một phẩm chất cao thượng không gì sánh nổi, mở ra cho cuộc chung sống một sự hoà hợp thiêng liêng, vừa thực tế vừa thơ mộng, vừa sáng rõ vừa hư ảo như sức cuốn rũ của thứ rượu mạnh cất nhiều năm dưới đất có thể làm ta say ngất ngư từ cái nhìn thứ nhất cho đến tận lúc bạc đầu.

Với thông điệp ấy, bài thơ không những nhắc ta phải biết quý mến và trân trọng thế giới riêng cũng như bản sắc tâm hồn của người mình yêu mà còn phải khuyến cáo ta phải giữ lấy những nét riêng và bản sắc ấy cho mình trong suốt cả cuộc sống chung đôi, vì một trong những bản chất làm nên sức huyền diệu không cùng của tình yêu chính là sự bí ẩn của cả thể xác và tâm hồn, nhất là tâm hồn. Đánh mất sự bí ẩn ấy, tình yêu và cuộc sống lứa đôi chỉ còn là một hành vi nhàm chán và lẩn đi như một thói quen nữa mà thôi.

Anh Ngọc

Hoa cỏ may

Cát vắng, sông đầy, cây ngẩn ngơ
Không gian xao xuyến chuyển sang mùa
Bên mình ai gọi sau vòm lá
Lối cũ em về nay đã thu.
Mây trắng bay đi cùng với gió
Lòng như trời biếc lúc nguyên sơ
Đắng cay gửi lại bao mùa cũ
Thơ viết đôi dòng theo gió xa
Khắp nẻo dâng đầy hoa cỏ may
áo em sơ ý cỏ găm đầy
Lời yêu mỏng mảnh như màu khói
Ai biết lòng anh có đổi thay?

(Xuân Quỳnh)

Bài thơ có nắng, có gió, có tất cả không gian khoáng đạt của khung cảnh thiên nhiên lúc sang mùa. Trong lúc suy tư, nữ thi sĩ đã để cho tất

cả vẻ đẹp xao huyền của đất trời ùa vào trang viết, cho nên từng từng hình ảnh cứ chập chờn, như thực, như mơ.

Có gì mà thi sĩ phải thảng thốt trước sự giao mùa của đất trời đến thế? Một chiếc lá rơi cho cây ngơ ngẩn, một bờ cát vắng quanh hiu đợi những chuyến đò, một dòng sông xanh ấp đầy con nước, và cái giật mình khi tác giả nhận ra "lối cũ" đường xa hằng in những dấu chân kỷ niệm. Thế là đã đủ cho sự tiếc nuối, suy tư...

Trên nền bức tranh mơ hồ, sương khói và đẹp đến nao lòng ấy, có một âm thanh da diết, sâu lắng, thiết tha mà Xuân Quỳnh đã cảm nhận được cho riêng mình: Tiếng gọi của mùa thu

"Lối cũ em về nay đã thu"

Câu thơ ấp đầy quá khứ, kỷ niệm và những sợi tơ lòng giăng mắc, mênh mang. Nhịp điệu và nốt nhấn thời gian được Xuân Quỳnh thể hiện trong từ "lối cũ" và "đã". Nhận ra "lối cũ" để niềm thương nỗi nhớ sống dậy, "đã" là nhịp điệu lặp lại của thời gian trong tính quy luật muôn đời. Xa và nay, không ít thi nhân đã đón đầu, rơi lệ khi chợt nhận ra "lối cũ" trong sự u hoài và nỗi trắc ẩn về nhân tình thế thái.

Xuân Quỳnh đã nâng niu trái hạnh phúc trên tay sau bao giông bão cuộc đời. Những con sóng dữ dội, những đám mây vần vũ, cả những chiếc lá vật vờ rơi và tiếng xìch xịch trong đêm của đoàn tàu... đều là miền tâm tưởng và sự thao thức trong thơ của chị.

Nhưng khoảnh khắc giao mùa khi ánh hè rơi rớt lại chút ít nhỏ nhoi còn lại dành cho làn gió heo may đã ám ảnh, thao thức trong Xuân Quỳnh. Nếu như ở "Thơ tình cuối mùa Thu" chị ngẩn ngơ nhìn *"cuối trời mây trắng bay"* và *những chiếc lá vàng rơi rụng, để rồi thoáng thốt nhận ra*

"Mùa thu ra biển, ca

Theo dòng nước mênh mông"

thì ở bài thơ này, cái man mác trước cảnh "mây trắng bay đi cùng với gió", Xuân Quỳnh không chỉ ghi nhớ "Chỉ còn anh và em/ là của mùa thu cũ..." mà còn tâm niệm ***"Lòng nh trời biếc lúc nguyên sơ"***.

Chính cái nguyên sơ, thủy chung nồng hậu của một con tim đa cảm, nhân hậu, tinh tế đã giúp cho thơ của chị lấp lánh, sống mãi cùng thời gian.

Khấp, neo dăng đầy hoa, co may

áo em sơ ý, co găm đầy

Lời yêu mong manh như màu khói

Ai biết lòng anh có đổi thay?

Từ sự tí tấp, trải rộng của không gian, Xuân Quỳnh đã thu bức tranh gần tầm nhìn của mình, nhận ra bốn bề chỉ có hoa cỏ may. Đó là sự hiện hữu và là cái nền cảm xúc của bài thơ. Thì ra cái níu giữ, gìm lại là những chùm hoa li ti ngút ngát tới chân trời. Màu hoa ảo ảnh, sương khói chập chờn này đã gieo vào tâm thức nhà thơ sự mong manh và nỗi buồn man mác. Chắc gì thi sĩ đã "vô ý" để cho áo mình hoa cỏ may găm đầy?. Một chút "vô ý" để cho nỗi nhớ giăng mắc và nỗi buồn man mác trong thơ, mỗi khi có đợt gió heo may lại về...

Xuân Quỳnh có những mối giao cảm với thời gian, không gian và đặc biệt nhạy cảm với những khoảnh khắc đổi thay trong lúc giao mùa. Ta nghe thấy tiếng lòng và sự thổn thức trong thơ chị.

Người phụ nữ đã có một thời đau đớn trong nỗi buồn riêng luôn linh cảm, lo âu "trước xa tấp đường mình" (Tự hát) thì ở đâu chị cũng mong tìm ra ngọn lửa tình yêu và luôn khắc khoải, ước ao "Ngọn lửa nào le lói xoá cô đơn?". *Ta cũng phần nào cảm thông với chị khi nghe tiếng chị rơi giữa không gian trong tiếng heo may:*

Lời yêu mong manh như màu khói

Ai biết lòng anh có đổi thay?

Thế là đã rõ. Cái mệnh mang, man mác, mờ ảo, sương khói của bức tranh thu được phác họa trên cái nền của một tâm trạng khát khao tình Đời, tình Người phải trải qua không ít đớn đau bất hạnh, thì chị mới có thể nói được cái điều gần như là chân lý, là sự chiêm nghiệm của cuộc đời mình: "Lời yêu mỏng mảnh như màu khói" và "những cánh chuồn mỏng manh như tình yêu"

(Chuôn chuôn báo bão). Vì vậy, câu hỏi của chị, ít ra là trong cái khắc khoải, âu lo trong nỗi buồn man mác... cần phải có ở mỗi con người, mỗi cuộc đời.

Chu Thị Thơm

Hai bà vợ trong thơ Nôm

Cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, trong thời điểm kết thúc văn – thơ Nôm để chuyển sang văn học quốc ngữ đã xuất hiện hai gương mặt thơ tiêu biểu là Nguyễn Khuyến và Tú Xương. Nguyễn Khuyến đến sớm hơn Tú Xương 35 tuổi và đi muộn hơn Tú Xương 2 tuổi, nhưng trong tiếp nhận của bạn đọc, hai người cứ như là cùng thời. Họ còn là người đồng hương. Cùng thời và đồng hương nhưng thế giới các cảnh quan và tâm trạng trong thơ họ rất khác nhau. Nguyễn Khuyến, đó là sự tĩnh lặng làng quê; còn Tú Xương trong huyền não kẻ chợ. Kể cũng hơi lạ. Bình Lục của Nguyễn Khuyến chỉ cách Nam Định nơi có phố hàng Nâu của Tú Xương vài mươi cây số, thế mà thế giới thơ của ông sao hiu hắt thế:

Sóng nước theo làn hơi gợn tí

Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo

Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt

Ngõ trúc quanh co khách vắng teo

Vắng teo hiu hắt đến có thể nghe rõ tiếng cá động bờ ao:

Cá đâu đớp động dưới chân bèo

Còn thế giới thơ Tú Xương thì đầy ồn náo và sắc màu:

Chí cha chí chất khua giày dép

Đen thui đen thui cũng lột là

Một thằng trọc téch ngòi khua mõ

Hại a tròn xoe đúng múa bông

Khác nhau là thế nhưng hai nhà thơ kiệt xuất cuối cùng của nền thơ Nôm dân tộc lại để cho hậu thế hình ảnh hai bà vợ rất ấn tượng, hai bà vợ như là sự kết tinh hình ảnh những người phụ nữ trong ca dao, trong truyện Nôm, chuẩn bị bước vào văn thơ hiện đại. Nguyễn Khuyến trong đôi câu đối khóc vợ: "Nhà chửi rất nghèo thay, nhờ được bà hay lam hay làm, thất lung bó que, xắn váy quai cồng, tất tả chân nam chân chiêu vì tở đờ đàn trong mọi việc – Bà đi đâu vội mấy, để cho lão vất va vất vướng, búi tóc củ hành, buông quần lá toạ, gật gù tay đũa tay chén, cùng ai kể lẽ truyện trăm năm".

Bà vợ của bậc đại khoa, ba lần thủ khoa Tam Nguyên, bà vợ của bậc đại quan Tổng đốc ba tỉnh Sơn – Hưng – Tuyên mà tuyệt không có chút đài các ra kiểu mệnh phụ. ấy quả là hiện tượng hiếm hoi trong giới quyền quý nhưng lại là dễ hiểu đối với vị quan từ tuổi 50 đã sớm lui về với vườn Bù. Và quả là lạ khi đối sánh phu nhân nâu sòng này với những bà huyện, bà phủ, bà án, bà tuần nơi văn chương quốc ngữ của Tự lực Văn đoàn 30 năm sau. Là vợ của một đại khoa, một tổng đốc mà bà cứ là người chân đất lam lũ như tất cả những người phụ nữ chân quê của đồng quê nội cỏ Việt Nam.

Tú Xương cha phải làm câu đối khóc vợ như Nguyễn Khuyến, nhưng lại đã có lúc làm thơ "tế sớng vợ":

Mặt nhẵn nhụi chân tay trắng treo, ai dám chê rằng béo rằng lùn

Người ung dung tính hạnh khoan hoà, chỉ một nỗi hay gàn hay dở

Thế mà

Mình bo mình đi mình không chịu ơ

Khác với bà Yên Đổ ở vùng sâu vùng trũng, bà vợ Tú Xương ở phố hàng Nâu thành phố Nam Định nên đã có dáng vẻ một cư dân thành thị, theo lối chạy chợ:

Quanh năm buôn bán ở mom sông

Nuôi đu năm con với một chồng

Lặn lội thân cò khi quãng vắng

Eo sèo mặt nước buổi đò đông...

Tú Xương trào phúng tất cả, kể cả tự trào. Nhưng riêng ở bài thơ này, sao mà xót xa, tha thiết, thương cảm, một tình yêu, một tâm sự biết ơn và đọng lại rất sâu ở mom sông, ở lặn lội thân cò, ở eo sèo mặt nước...

Tất cả những gì mà nền thơ Nôm trung đại đã đạt được nơi hai người có sứ mệnh kết thúc là Yên Đỗ và Tú Xương rất ấn tượng, rất sáng giá trong đời sống văn thơ và trong sinh hoạt tinh thần của dân tộc.

Giáo sư Phong Lê

"Đôi mắt" trong thơ Nguyễn Đình Thi

Trong hơn 100 bài thơ của Nguyễn Đình Thi in trong các tập "Người chiến sỹ", "bài thơ Hắc hải", "Dòng sông trong xanh", "Tia nắng và thơ Nguyễn Đình Thi có tới hơn 40 bài có hình ảnh đôi mắt.

Người ta thường nói: "Đôi mắt là cửa sổ của tâm hồn". Tâm hồn con người thì lại vô cùng phong phú và đa dạng. Bởi vậy cái "cửa sổ" đó— như một lẽ tự nhiên— cũng kỳ ảo lạ lùng. Đây là cái "cửa sổ tâm hồn" trong thơ không phải ai cũng tạo dựng được một cách mãi nguyện.

Nổi bật trước hết trong thơ Nguyễn Đình Thi là đôi mắt đau thương. Đó là "đôi mắt đục ngơ ngác nhìn" của em bé gái tóc dài bết máu, trần truồng ở Vân Đình sau trận giặc nhảy dù tàn phá quê hương (1948). Đó là giọt nước mắt tủi nhục của em bé phải di ở cho nhà địa chủ:

"Đêm khuya giã gạo rời tay

Một mình mình khóc mình hay một mình"

Đó là những giọt "nước mắt như mưa", nước mắt "chan hoà" và những "mắt hóc", "mắt mờ nửa chết nửa mê" của những bà mẹ bị thực dân phong kiến vùi dập tưởng không còn đường sống nếu không có cách mạng về (Mẹ con đồng chí Chanh)

Diễn tả nội tâm đau thương, Nguyễn Đình Thi thường nói nhiều đến nước mắt là điều dễ hiểu. Anh cán bộ, bộ đội cứng rắn là vậy khi về qua nhà cũng không khỏi xót xa "Thương vợ suốt đời khổ—Hai hàng nước mắt đào" (Về nhà). Nước mắt thường lẫn với mồ hôi và máu: "nước mắt mồ hôi" (Buổi chiều Vàm Cỏ), "mắt nhoà mồ hôi" (ánh biếc)"đầm ìa nhoà mắt" (Trong đêm), "nước mắt

máu chúng ta còn đọng" (Bài thơ Hắc hải)... Giọt nước mắt đau thương tận cùng được tác giả nhân lên một kích thước có tầm cỡ: "Giọt nước mắt thành giọt mặt trời" (Trên con đường nhỏ).

Từ trong vất vả đau thương đã ánh lên đôi mắt căm thù. Nguyễn Đình Thi đặc tả đôi mắt "người tù mở mắt—giữa bốn bức tường đen" và "mắt chớp nhanh –Nghiến răng anh ngồi dậy" để trả lời đồng đội "vẫn sống và giữ vững khí tiết cách mạng" (Lòng Hà Nội). Cũng trong đêm Hà Nội tạm bị chiếm, có bao đôi mắt căm thù và chờ đợi một ngày ta giải phóng:

"Những mắt người nh những thanh gươm

Lấp loá trong đêm chờ đợi"

(Hà Nội đêm nay)

Trước sự tàn bạo của quân thù, có biết bao ánh mắt đầy căm giận. Đó là cái "lừ lừ trừng mắt" của mấy người thợ chúng kiến cảnh lũ giặc hành hình các chiến sỹ yêu nước(Ai biết tên các anh).

Chiếm số lượng nhiều nhất và cao nhất trong thơ Nguyễn Đình Thi viết về mắt là "đôi mắt tình thương". Có thể nói có biết bao trạng thái thương yêu của tâm hồn con người thì như cũng được dồn cả vào đôi mắt.

Đôi mắt đó có sắc màu: "Em đây mắt biếc hồng" (Núi và biển), "Mắt biếc màu xanh biếc xa khơi", "Hỡi cô gái mắt nàng như lửa", "Mắt đen cô gái long lanh" (Bài thơ Hắc Hải)

Đôi mắt đó biểu hiện tâm trạng của con người. Có khi biểu hiện sự khổ đau "lã chã vui đầy". Có khi biểu sự "bồi hồi" xúc động "mắt bồi hồi em đi bên anh". Có khi biểu hiện nỗi nhớ nhung "đăm đăm đôi mắt trông vời quê hương" và "nh mắt người chinh phụ héo hon". Có khi biểu hiện nỗi lo âu hoặc đón đợi tin chiến thắng "mắt chị bỗng rung rung" và "xóm làng bao nhiêu con mắt trông theo"... đoàn máy bay ta xung trận.

Đôi mắt đó có khi được cảm nhận cụ thể nhưng cũng có khi rất khó diễn tả. Đó là "đôi mắt xa xăm", đôi mắt "bùi ngùi", "mắt nao nao"...Cũng có đôi mắt nói được rất nhiều điều: "Mắt em nhìn dịu dàng không nói—mà nói với anh nhiều biết bao nhiêu". Có đôi mắt hành động và có đôi mắt nghĩ ngợi. Có đôi mắt biểu hiện sự trưởng thành của con người: "Ta đi đôi mắt sáng dần". Có giọt

nước mắt làm nên sức mạnh. Đó là giọt "nước mắt người mẹ—làm đứng dậy người con" hoặc "Hỡi cô gái mắt nàng như lửa—Đốt lòng ta nhớ tới quê hương" (Bài thơ Hắc Hải).

Thơ Nguyễn Đình Thi trong sáng, giản dị, gần với tiếng nói quần chúng. Hình ảnh đôi mắt xuyên suốt chặng đường thơ ông. Những năm gần đây nhà thơ vẫn tiếp tục viết về đôi mắt. Đó là đôi mắt "dõi xa", đôi mắt "đăm đăm mãi" nhưng vẫn là đôi mắt của đời tình nguyện qua trải nghiệm.

Nhà thơ cảm nhận được "sự sống luôn tự mở đường" và tự khuyên mình "Biết nhìn nơi xa—Và thấy mỗi vật từ sát gần". Để từ đó, tôn vinh giá trị của đôi mắt bằng triết lý: "Cái không mất thường ở trong mắt" (Nhìn xem).

Nguyễn Long

Chiều chiều – một bài thơ hay trước 1945 của Chế Lan Viên.

Trong tuyển tập thơ "Bài thơ Thôn Vỹ–Thơ viết về Huế trước 1945" do Tạp chí sông Hương xuất bản năm 1987, bài thơ "Chiều Chiều" của Chế Lan Viên có thể xem là một đặc trưng tiêu biểu của dòng văn học lãng mạn trước 1945, là một biểu hiện của nhân sinh quan trữ tình, có tính hiện thực. Quả đúng như lời bày tỏ của Chế Lan Viên trong bài tựa của chính tuyển tập:

Tôi như con sông Hương

Chạy lòng mình thương nhớ

Đánh đắm ca thuyền mình

Trong cuộc đời tại chỗ...

Vấn chỉ là "Trong cuộc đời tại chỗ". Và, sông Thương hay sông Hương cũng vậy (cách nói của Chế Lan Viên) thì "Chiều Chiều" của ông cũng đã, đang và sẽ như trăm sông đều đổ về biển cả... chảy lòng mình thương nhớ!

Bài thơ "Chiều Chiều" đã gợi lên cho người đọc nỗi u hoài sẵn có, dấu ấn thời gian và cả thực tại "Tôi như... " nữa. Khởi đi như một ám ảnh mơ hồ, qua 6 câu thơ mở đầu, người đọc đã có thể cảm nhận được một số hình ảnh trực cảm vừa mênh mông, vừa thân thiết của một tâm trạng:

Trăng tắt lâu rồi

Mà sao cánh gió

Cành cao chưa rồi?

– Mà sao thương nhớ

Vẫn còn trong tôi

Xa nhau lâu rồi.

Lâu rồi –mà sao: một nỗi niềm "đã tắt" nhưng lại "chưa rời" và "vẫn còn"? TỰ HỎI và cũng tự giải bày, ngôn ngữ độc thoại nội tâm và những hình ảnh "sóng" trong "*Chiều Chiều*" được vẽ phác một cách chân tình giàu khả năng cảm thụ đã lôi cuốn, dẫn dắt người đọc đến với một nhận thức về tiếng màu khá kỳ lạ: màu đã "tắt" ? Không, mà là tiếng nói:

Chiều xưa đã tắt

Chiều nay chuông chùa

Vẫn còn tiền đưa

– ***Chiều nay tôi nhắc***

Một lời chiều xưa

Tự chiều xưa tắt...

Bài thơ như một bức tranh với những gam màu nhạt nhoà, khi ảm hôn, khi hiện tình, khi vang vọng, khi sâu lắng... đã tạo ấn tượng rõ nét đối với người đọc. Khó ai khác ngoài Chế Lan Viên trong thơ lại cấu tứ thành công bằng những liên tưởng đối lập và bất ngờ như thế. Chiều xưa rồi chiều nay. Chiều nay rồi lại chiều xưa. Một sự đối lập, bất ngờ không những chỉ là sự chỉ dẫn của sáng tạo mà còn hấp dẫn bởi tính chất "gây mê"

Đường như thơ của Chế Lan Viên vẫn luôn "gây mê" người đọc như thế thì phải?. Bởi đâu phải "Chiều xưa đã tắt" mà chính "Một lời chiều xưa... Tự chiều xưa tắt". Thơ như một lời tâm tình dịu dàng, thanh thản nhưng cũng rất... đa năng. Và "Chiều Chiều" đã không dừng lại với "người trong cuộc":

Chừ trai phương nao

Những chiều năm ngoái

Những chiều chưa tới

Bây giờ đợi đâu?

– *Hồn tôi lạc lối*

Ơ trong chiều nào?

Lời thơ hay chính tâm hồn người nghệ sĩ cũng vậy, cứ bỗng giật mình, cứ bỗng như thì thầm. Chiều... những chiều... nơi đều đều lặng lẽ một nỗi buồn không nguôi. Chiều ... ở trong chiều nào... rải dài nỗi băng khuâng xao xuyến như dấu ấn của một thời lãng mạn.

Hình như ở đây có cái gì đó rất gần với "Những giọt lệ" của Hàn Mặc Tử thì phải:

Người đi một nửa hồn tôi mất

Một nửa hồn tôi bỗng dại khờ

Và cũng rất... mênh mông như Bích Khê trong "Tỳ Bà":

Ô hay! buồn vương cây ngô đồng

Vàng rơi! Vàng rơi! Thu mênh mông

Thế nhưng suy cho cùng, dấu là lãng mạn, thơ Chế Lan Viên vẫn mang sắc thái độc đáo của thơ ca trước 1945. "Chiều Chiều" của ông không những hay mà lại "chín", không những "trong trẻo hay không câu thơ ở bên ngoài nhưng trong trẻo hay không còn do lòng ta nữa" – như cách nói của chính Chế Lan Viên – mà hơn thế nữa còn làm xúc động người đọc:

Gần như một chiều

Xa nhau trọn kiếp

Mà lòng còn yêu

Và còn gì nữa? Biết đâu cứ vẫn còn:

Mà còn ngỡ hẹn

Gặp nhau một chiều

– *Trăm chiều lạnh lẽo*

Nghìn chiều quạnh hiu...

Có thể một chiều rồi ra sẽ ra đi. Thế nhưng trăm chiều, nghìn chiều vẫn là một thực tại của cuộc đời. Bởi đã không là Chiều, mà lại là "Chiều Chiều". Bởi đã không là ngày tháng mà là Tình Yêu. Sau "Điều tàn" (1937), trước 1945 "Chiều Chiều" của Chế Lan Viên vẫn luôn tồn tại giữa cuộc đời và giữa chúng ta như là một bài thơ không thể nào quên bên cạnh những bài thơ nổi tiếng khác đương thời.

Và Chế Lan Viên mãi mãi là nhà thơ lớn, nhà văn hoá của dân tộc vậy.

(Trần Viết Tuấn – Nhân kỷ niệm 11 năm ngày mất của nhà thơ Chế Lan Viên (19/6/1989–19/6/2000))

Nguyễn Duy và “Vàng trắng tri kỷ”

Từ cổ chí kim, các thi nhân đều lấy trăng để làm người bạn, người tình; kẻ thì tri âm, người thì tri kỷ. Trăng là người độc hành vĩnh hằng của trái đất, là người bạn thơ bất diệt của các thi sĩ.

Nguyễn Duy không nằm ngoài quỹ đạo đó. Anh cũng thừa nhận người bạn của cổ nhân, bạn của hậu thế đồng thời cũng là bạn của mình.

Trần trụi với thiên nhiên

Hồn nhiên nh cây cỏ

Ngỡ không bao giờ quên

Cái vàng trắng tình nghĩa.

Người ta từng gọi trăng là Liêu Trai, trăng là Chị Hằng... Nhưng ở đây lại thấy trăng là điều có thật, trần trụi hiển nhiên như sự tồn tại của con người. "Cái vàng trắng tình nghĩa" hồn nhiên ấy khiến cho người thi sĩ không thể quên. Đôi khi người ấy tưởng rằng quên, nhưng không phải thế, người ấy đã sống cùng trăng, bầu bạn cùng trăng trong suốt một chặng đời dài:

Hồi nhỏ sống với đồng

Với sông rồi với bể

Hồi chiến tranh ở rừng

Vàng trắng thành tri kỷ

Giữa cái tĩnh lặng của rừng đêm, nhà thơ—chiến sĩ nhận ra sự vĩnh hằng của tự nhiên mới là tri kỷ. Một bài thơ không mơ mộng, không lãng mạn; một vầng trăng không tô điểm bằng cách khoác lên mình thứ ngôn ngữ váy áo xênh xang. Đó là trăng của Nguyễn Duy.

Cũng trăng ấy, nhưng cảnh khác Hàn Mặc Tử lại viết:

Trăng nằm sóng soai trên cành liễu

Đợi gió đông về để la loi

Vậy là đã có một vầng trăng trang trọng và một vầng trăng lúng liếng... hay không? Điều ấy chỉ có nhà thơ mới biết, mới cảm nhận được. Hãy nghe Nguyễn Duy tâm sự:

Từ hồi về thành phố

Quen ánh điện, cửa gương

Vầng trăng đi qua ngõ

Nh người dung qua đường.

Thơ nh không thơ. Đó là phong cách của Nguyễn. Chuyển sang khổ thơ này, thì lại có một biến động khác. Từ ánh le lói bàng bạc của trăng rừng đến sức cuốn hút phi thường của những "ánh điện cửa gương" đối với những con người còn lạ lẫm với cuộc sống hiện đại. Những người tri kỷ lặng lẽ đi qua nhau hờ hững và vô tình. Tưởng thế là chấm dứt, nhưng lại có những cơn va quệt khác trong tư tưởng:

Thình lình đèn điện tắt

Phòng Buyndình tối om

Vội lật tung cửa sổ

Đột ngột vầng trăng tròn

Bằng một hình ảnh xuất hiện đột ngột khi mọi thứ đã tắt lịm. Vầng trăng hiện ra như một người bạn biết ta đang cần đến họ. Lặng lẽ và chân tình. Quá khứ đã đi qua, gian lao đã lắng xuống, cuộc chiến không còn những tiếng gầm

rú đạn bom; cuộc chiến hôm nay diễn ra ngay trong lòng người với những thèm khát dung tục và những lãng quên quá khứ

Ngua mặt lên nhìn mặt

Có cái gì rung rung

Như là đồng là bể

Như là sông là rừng

Như chợt nhận ra nhau, người nhìn trăng, trăng nhìn người. Bạn cũ gặp lại, nhận ra còn có tình với nhau nên rung rung bất chợt. Thương lắm tuổi thơ và những năm tháng đã qua, thương lắm những khi trong đêm tối chỉ còn bạn là trăng. Tự nhiên đến thế, hồn hậu đến thế; trăng như ruộng đồng, sông suối, như rừng sâu biển rộng. Trăng không biết giận chỉ biết bao dung, khoan nhộng

Trăng cứ tròn vành vạnh

Kẻ chi người vô tình

ánh trăng im phăng phắc

Đu cho ta giạt mình

Trong đêm tối, trong im lặng. Hai người bạn đứng nhìn nhau, trăng vẫn tròn đầy bất kể ai đó vô tình lãng quên. Trăng gọi lại cho nhà thơ những kỷ niệm cũ bị vùi lấp trong ký ức mới. Trăng độ lượng và con người đủ hiểu được cái bao dung ấy để giạt mình.

Cả bài thơ như một hồi chuông ngân nhẹ trong không gian, đánh thức những ký ức của những tháng năm gian lao nhưng hào hùng của người chiến sĩ đã gắn bó với thiên nhiên, với đất nước bằng tấm lòng chân thật, bằng lý tưởng cao đẹp còn mang mãi trong tâm hồn.

Kỳ Anh

Chiều ơi xin chớ đi mau

Mênh mông mặt nước hồ đầy
Gió vi vu gió-rừng cây xạc xào
Ráng chiều đỏ lựng trên cao
Mình tôi phòng vắng ra vào ngẩn ngơ
Chiều như thực-lại như mơ
Trên con đường nhỏ ai chờ đợi ai
Có cô gái tóc rẽ dài
Sánh vai cùng với bạn trai hẹn hò
Vui như con sóng vỗ bờ
Tuổi đôi mươi đến bao giờ hỏi em?
Tiếc mình đã bước qua thềm
Ngày xuân đã bỏ qua rèm từ lâu
Chiều ơi xin chớ đi mau
Để cho tóc mãi xanh màu thời gian
(Nguyễn Thị Hồng Ngát)

Bài thơ lục bát mở đầu bằng một bức tranh thiên nhiên đẹp và khoáng đạt. Trên cái nền bức tranh đó có con người xuất hiện là con người của tình yêu. Họ tự tìm đến với nhau. Sự xuất hiện của họ đã làm cho cảnh chiều vốn đã đẹp lại càng thêm tình tứ và lãng mạn:

Chiều như thực–lại như mơ

Trên con đường nhỏ ai chờ đợi ai

Người đọc tự hỏi, tại sao tác giả lại "Chiều như thực–lại như mơ?" Câu thơ có ẩn ý gì chăng?! Thưa, có đấy. Chiều như thực mà cũng như mơ đấy. Không sai. Cái dấu gạch ngang (–) rất có chủ định nhằm cho người đọc nhận biết, chính tác giả–thi sĩ Nguyễn thị Hồng Ngát cũng đang mơ đấy. Và trong "giấc mơ" tình yêu lứa đôi–đối tượng được miêu tả–hiện lên thật mượt mà, đầy sức sống:

Có cô gái tóc rẽ dài

Sánh vai cùng với bạn trai hẹn hò

Vui nh con sóng vỗ bờ

Tuổi đôi mươi đến bao giờ hỏi em?

Thiết nghĩ, con người và sự việc trong các câu thơ trên đúng là thực quá đi rồi. Cảnh đôi lứa yêu nhau, hẹn hò sánh vai bên nhau trên con đường nhỏ thân thuộc quả là hạnh phúc. Cô gái rất vui "Vui như con sóng vỗ bờ". Hình ảnh "con sóng vỗ bờ" *diễn tả niềm vui trào dâng mãnh liệt của hạnh phúc tình yêu. Thật khó có niềm vui nào hơn thế, có lời thơ nào mô tả đặc địa hơn thế. Tác giả như mừng theo niềm vui cùng hạnh phúc của họ. Trái tim nhạy cảm của người phụ nữ đã mách bảo chị, chỉ có tuổi đôi mươi mới có những biểu hiện tình yêu như thế, như... chị "ngày xưa". Chị hỏi cô gái "Tuổi đôi mươi đến bao giờ hỏi em?" nhưng chị có tiếp cận cô gái đâu. Thành thử, câu hỏi đó đích thị là dành cho chị rồi. Chị hỏi chính mình, hỏi bằng sự trải qua của mình cốt là để mừng cho cô gái kia đã đến cái tuổi của tình yêu, tuổi đẹp nhất đời người.*

Ngẫm thêm nữa, đó cũng chính là câu hỏi đánh thức hồi ức, kỷ niệm của chị. Chị cũng đã từng có một thời "hoàng kim" của tình yêu. Cái "ngày xa"... cũng khá lâu rồi, chị cũng là một cô gái trẻ đẹp, cũng có mái tóc rẽ dài, cũng sánh vai cùng bạn trai, cùng hẹn hò tình yêu như cô gái kia. Chị đâu có vương

vấn ý nghĩ ghen ty, ích kỷ, trái lại chị thắm cảm ơn cô gái kia, cảm ơn tình yêu của họ đã làm mình được nhớ lại, được vui sướng, được hạnh phúc như họ bây giờ. Nghĩ mà... "thèm" cái "ngày xưa" ấy. Cái thuở "Lần đầu khi mới làm quen/ Anh khen cái nhìn em đẹp" (*Lâm thị Mỹ Dạ*). Cái thuở "Ngắt một chùm hoa giấu trong chiếc khăn tay/ Cô bé thẹn thùng bước sang nhà hàng xóm" (*Phan thị Thanh Nhiên*). Ôi cái "ngày xưa".. cảnh thực và mơ, cứ thế đan xen, lan toả vào nhau, quấn quýt tâm trí chị.

Đúng là "cái tuổi nó đuổi xuân đi" (Tục ngữ). Phần cuối bài thơ là niềm nuối tiếc khôn nguôi của chị về cái thời xuân sắc của mình đã đi vào dĩ vãng. Chị "*Tiếc mình đã bước qua thềm*". *Ba từ "đã bước qua" đọc lên nghe thật mũi lòng*, xa xót. Chị nghĩ, giá như mình "chưa bước qua" hoặc "không bước qua" được, hoá ra mình vẫn còn trẻ con hay vì một lý do nào khác. Từ "thèm" mà Nguyễn Thị Hồng Ngát nói ra ở đây, đó chính là thời xuân sắc của tuổi trẻ và tình yêu trong đời chị nay đã trở thành kỷ niệm mất rồi. Kỷ niệm đó, theo chị có vui, có buồn, có hạnh phúc, khổ đau, thậm chí có khi bất hạnh nữa. Nhưng trên hết vẫn là vui sướng hạnh phúc. Đến bây giờ đã ngoài ngũ tuần rồi, chị "ngày xuân đã bỏ sau rèm từ lâu" rồi. *Hẳn nhiên trái tim yêu không phải không còn rung động*, nhưng độ rung động đó đã chuyển sang một "kênh" khác lắng dịu hơn, đầm sâu hơn đâu còn thích hợp với tuổi đôi mươi vô tư hồn nhiên nữa. Cái "rèm" thời gian đã khép lại "ngày xuân" của chị rồi, muốn mở ra, muốn níu kéo lại chậm hơn cũng không được—quy luật mà—chị chỉ còn thốt lên một lời nguyện cầu nghe thật diết da, đau đáu:

Chiều ơi xin chớ đi mau

Để cho tóc mãi xanh màu thời gian

Hai câu kết này của bài thơ đọc lên thấy nao nao. Chiều là khoảng cuối thời gian của một ngày. Theo ngành thiên văn, con số cơ học, được tính là 24 giờ cho một ngày một đêm. Điều đó là bất di bất dịch, không thể thay đổi. Biết thế mà thi sĩ vẫn muốn "Chiều ơi xin chớ đi mau". Thật là một lời xin mang tính nhân văn rất cao. Hoá ra chị có xin cho riêng mình chị đâu. Biết bao người phụ nữ của bao nhiêu thế hệ khắp địa cầu này ai ai không muốn có lời nguyện cầu nh thế. Điều đó có nghĩa là phái đẹp sẽ rất yêu mến đồng cảm sâu sắc với chị, "*Để cho tóc mãi xanh màu thời gian*" cho cuộc sống thêm phần ý nghĩa.

Đọc chị, gặp được Chiều ơi xin chớ đi mau tôi rất thích, khởi uổng công cho lòng ái mộ. Mừng, thấy nghiệp thơ chị vẫn chung thủy và tỏ ra sung sức dẫu "làng điện ảnh" luôn "quấy rầy" chị.

Minh Quang

Ba bài thơ của Văn Cao viết về Huế

Văn Cao sống với Huế không nhiều. Nhưng chỉ vài ba lần đến Huế trong cả cuộc đời, Văn Cao đã để lại ba bài thơ thấm thía viết về Huế, trong đó có hai bài trực tiếp Huế, và một bài (Đêm phá Tam Giang) "cạnh Huế".

Văn Cao mất đã bốn năm rồi, ông không được biết trận lũ lụt kinh hoàng vừa xảy ra tại Huế và suốt dải miền Trung. Ông không biết nơi ông yêu thương giờ đây phải gánh chịu thảm họa, đang vật vã từng ngày để khôi phục, hồi sinh, vươn dậy. Văn Cao là nhà thơ có trực giác mạnh, cái đầu tiên ông "bắt" được ở Huế là nét buồn. Huế như một gương mặt đẹp nhưng buồn. Nỗi buồn ấy có tự bao giờ, và sẽ còn đến bao giờ, không ai biết.

"Sao đàn u hoài gì mùa thu?"

Sao đàn u hoài gì mùa thu?"

Câu thơ là câu hỏi lặp lại hai lần nhưng không có câu trả lời. Phải vì mùa Thu thuộc hành kim, mà kim sinh thủy. Huế và miền Trung lại nằm ở phía Tây trực tiếp của những vùng áp thấp, những cơn bão hình thành từ biển Đông, nên mùa Thu đầy cảm giác, đầy rung động với thơ ca lại là mùa tai họa với Huế, với miền Trung. Trực giác được điều oái ăm đó "Một đêm đàn lạnh trên sông Huế" chột nghẹn nghẹn một nỗi gì:

Giọng hát sầu chi phấn nữ ơi

Tùng canh trời điểm một sao rơi

Tà tà trắng lặn hiu hiu gió***ánh lụa chài xa thấp thoáng trôi.***

Trong vẻ bình lặng ấy như ẩn giấu một nỗi lo sợ, như linh cảm một bão tố, tựa vẻ bình lặng của một cái ráng đỏ báo hiệu một cơn bão, một trận lụt.

Kể từ bài thơ "Một đêm đàn lạnh trên sông Huế", phải 45 năm sau Văn Cao mới có dịp về lại Huế để cây đàn thơ trong ông ngân lên giai điệu "Huế xa":

Về Huế xa***Đường phố mưa dài******Về phố xa******Nhìn phố mưa buồn***

Âm nhạc đã song hành với từng câu thơ, mới nghe như có sự khơi gợi nào từ những bài hát về Huế đã nổi tiếng mà Văn Cao lọc được, nhưng nghe kỹ, đó vẫn là âm nhạc Văn Cao tiếp nối một dòng chảy từ những "Suối mơ" và "Làng tôi" nhưng nhịp đã rải hơn, từng giọt đàn từng âm thanh rơi chậm chậm như nhịp mưa buồn xứ Huế.

Đó là thể mạnh của một nhạc sĩ khi làm thơ, hay ngược lại, là thể mạnh của nhà thơ khi chạm tới âm nhạc. Văn Cao đã nghe được từng câu thơ mình sắp viết, và gương mặt Huế chợt hiện đầy một ám ảnh đau xót:

Tùng mặt gương đau***Tùng mảnh gương tan***

Tùng giọt từng giọt như nước mắt lăn dài trên lòng phố, như nỗi đau nào tích tụ đã trăm năm, nghìn năm. Sao lại thế, khi Văn Cao cha phải đã sống nhiều với Huế?. Câu trả lời: nhưng ông cảm nhận ngay được Huế, ông đã đi được vào lòng ruột Huế, sâu thẳm và khuất khúc:

Giọt người chia ly***Giọt người yêu thương***

Giọt nào không vương

Giọt người bơ vơ

Giọt người theo mưa về phố.

Khi thơ song hành cùng âm nhạc, sức gợi của nó tăng lên rất nhiều. Cái "tiếng mưa đang đổ" trong bài thơ chọt nghe như trong bài hát, và bài thơ bỗng chơi vui. Chơi vui, đó là thần thái của bài Huế xưa, và biết đâu, cũng là thần thái của Huế.

Như muốn thoát khỏi một ám ảnh nặng nề, Văn Cao về phá Tam Giang và ở đó ông viết bài thơ Đêm phá Tam giang, một trong những bài thơ hồn hậu nhất của ông.

Tôi ngu trên manh lối

Bên các anh thụ thụ

Gió gió gió biển vào

Mơ giấc mơ lạ.

Thanh Thảo.

Âm vang bài thơ Xuân cuối cùng của Bác

Mùng Xuân 1969

Năm qua thắng lợi, ve vang

Năm nay tiên tuyến chắc càng thắng to

Vì độc lập, vì tự do

Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào

Tiến lên!

Chiến sĩ, đồng bào!

Bắc Nam sum họp, xuân nào vui hơn.

(Hồ Chí Minh – thơ, NXB Văn học 1975)

Sau khi Bác qua đời, nhà thơ Vũ Cao có một Niềm riêng thật chân thành và xúc động:

Cho con ước tự bây giờ

– Mỗi năm vào buổi giao thừa, mỗi năm

Bác về cùng với nhân dân

Đọc thơ Tết lấy một lần, hãy đi!

(13/9/1969)

Đó cũng là nguyện vọng tha thiết của nhân dân ta khi Tết đến Xuân về được nghe giọng thơ ân tình sâu lắng của Người Cha–Lãnh tụ kính yêu. Ba mươi năm Bác đi xa, ba mươi năm vắng tiếng Bác đọc thơ Xuân trên đài. Nhưng cứ mỗi lần giao thừa đến, đâu đây lại âm vang những vần thơ chúc Tết của Người như lời Tổ quốc non sông vọng về sâu thẳm, bởi tất cả chúng ta "vẫn đón nghe thơ Bác" mọi lần như Tố Hữu nói trong trường ca "Theo chân Bác". 19 bài thơ Xuân của Bác từ 1942 đến 1969 đã làm nên giai điệu Mùa Xuân của Đất nước trong thời đại mới mà âm vang của nó như còn đọng lại trầm hùng tha thiết trong bài thơ Xuân cuối cùng và ngân nga mãi trong lòng chúng ta: Mừng Xuân 1969.

Bài thơ dân gian như con người Bác: Điệu lục bát, khúc dân ca–Việt Nam là Bác, Bác là Việt Nam (*Lê Anh Xuân*). *Dân gian từ giọng thơ lục bát, cho đến cách kể, cách nói giản dị, ai nghe cũng hiểu được ngay và thấm mãi vào lòng:*

Năm qua thắng lợi, ve vang

Năm nay tiền tuyến chắc càng thắng to

Cả khi tổng kết đường lối kháng chiến chính nghĩa của dân tộc với biết bao nội dung phong phú, khái niệm trừu tượng, Người cũng dùng lối nói dân gian như cách nói của người dân quê:

Vì độc lập, vì tự do

Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào

Câu dưới là nhiệm vụ kháng chiến nhằm vào hai đối tượng: Mỹ và ngụy. Bác dùng khẩu ngữ dân gian để diễn đạt hai mức độ "đánh" khác nhau: Mỹ thì phải cút (quét sạch, không còn nữa); ngụy thì phải nhào (đổ xuống). Chính trị mà dễ hiểu, hiền triết mà dân gian, ngôn ngữ đời thường thành ngôn ngữ văn học–đó là vẻ đẹp riêng của thơ Xuân Bác Hồ.

Chất dân gian thấm sâu vào lời kêu gọi và lời chúc mừng năm mới của lãnh tụ:

Tiến lên!

Chiến sĩ, đồng bào!

Bắc Nam sum họp, xuân nào vui hơn.

Lời giục giã "Tiến lên!" mạnh mẽ như một khẩu lệnh xuất quân đầu năm nhưng vẫn thân thương trong hai tiếng "đồng bào" mà Người đã thốt ra từ trái tim yêu thương khi đọc lời Tuyên ngôn mở nước năm nào. Còn lời chúc năm mới thì mở ra hình ảnh một mùa Xuân thống nhất cụ thể, gần gũi đến nức lòng người: "*Bắc Nam sum họp, xuân nào vui hơn*".

Cuộc sum họp lớn của cả nước sau bao nhiêu năm tháng cách chia ấy đã đem đến một niềm vui lớn: "*Xuân nào vui hơn*" – Câu thơ cứ ngân nga mãi trong lòng ta một niềm tin bất tận và ta bỗng hiểu ra đó là âm vang sâu lắng, thiết tha của giai điệu mùa Xuân đất nước mà Bác đã truyền cho ta từ chính cuộc đời, con người và hồn thơ kỳ diệu của Bác.

TS. Nguyễn Xuân Lạc

"Ví dầu..." của Phạm Đức

Ví dầu ngọn lửa hắt hiu
Thì anh nhen nhúm, lửa chiều gió mưa
Thì anh đóm mong, cui khô
Thì anh gượng nhẹ đợi chờ lửa lan
Ví dầu ngọn lửa lụi tàn
Thì anh gom góp chút than cuối cùng
Thì anh chiu chất đóm hồng
Tìm trang viết, nhóm bập bùng si mê
Ví dầu than lụi, trời khuya
Nhặt thên tro bụi, nỡ nên nhân duyên
Thì anh nhạt giữa lãng quên
Những than đen, của lửa thiêng năm nào
Ví dầu thế nào thế nào
Vấn tin còn lửa rì rào trong than

Bài thơ bắt đầu từ hình tượng ngọn lửa. Nhưng ngọn lửa xuất hiện ở tình trạng hắt hiu. Nghĩa là vừa mở đầu, tác giả đã tung ra một tình huống khó

khăn. Vì thế mới đặt vấn đề bằng câu "Ví dầu" và năm lần "Ví dầu" sẽ là năm tình huống xảy ra cho đến cuối.

Bài thơ kín ở phần "sự vụ" (không ai biết chuyện gì mà có nhiều tình huống đặt ra đến thế) nhưng "lộ" ở các "phương án giải quyết sự vụ". Ấn tượng để lại cho người đọc là hình tượng ngọn lửa. Ngọn lửa—đó là ánh sáng, là ấm nóng nhưng sâu xa hơn cũng là tình yêu, là công danh, sự nghiệp, là hạnh phúc, đời người...

Tuy nhiên, điều người đọc cảm xúc nhất trong bài thơ lại là cách ứng xử của tác giả với từng cấp độ của ngọn lửa.

"Ví dầu ngọn lửa hắt hiu

Thì anh nhen nhúm, lửa chiều gió mưa

Thì anh đóm mong, củi khô

Thì anh gọng nhẹ đợi chờ lửa lan..."

"Thì anh", tính quyết đoán, tự tin của người đàn ông xuất hiện cùng với hàng loạt các phương cách xử sự tung ra để bủa vây giữ gìn ngọn lửa như: nhen nhúm, lửa chiều, đóm mong, củi khô, gọng nhẹ, đợi chờ. Sáu động từ liên nhau (kể cả đóm mong, củi khô cũng được chuyển hoá từ danh từ sang động từ) liên tiếp là những hành vi được thực hiện ở cấp độ "ngọn lửa hắt hiu". Với cách xử sự thông minh, khôn khéo như thế làm sao ngọn lửa có thể lụi tàn?

Nhưng với tác giả—một người chín chắn, từng trải thì mọi điều vẫn có thể xảy ra, nên anh nhìn xa hơn:

Ví dầu ngọn lửa lụi tàn

Cùng với cấp độ xấu hơn thì lại có hàng loạt các hành vi ở mức độ khôn khéo hơn, tinh tế hơn: "Thì anh gom góp chút than cuối cùng", "Thì anh chiu chất đóm hồng". Ghê hơn "Tìm trang viết, nhóm bập bùng". A, vậy thì cái "ngọn lửa" kia thiêng liêng và quý trọng lắm. Có thể tác giả mới dám đánh đổi cả trang viết mà giữ gìn.

Nhưng đã chín chắn, từng trải thì bao giờ cũng lòng hết được mọi sự. ấy là một khi đã cố gắng hết sức, đã đánh đổi tất cả mà vẫn không cứu vãn nổi tình

thế thì cũng đừng buồn bởi dù lửa vẫn tàn, than vẫn lụi thì cũng vẫn còn giải pháp:

Thì anh nhật giữa lãg quên

Những than đen của lửa thiêng năm nào

Khiếp chưa! Cái bắt lực của bàn tay đã chuyển sang sự chiến thắng của tinh thần chứ không chịu lùi. Giải pháp tinh thần là giải pháp giữ gìn được ngọn lửa mãi mãi.

Hai câu kết nêu cấp độ xấu nhất của tình huống và cũng là lời tuyên ngôn lạc quan nhất của tác giả làm sáng loà cả bài thơ:

Ví dẫu thế nào thế nào

Vẫn tin còn lửa rì rào trong than

Niềm tin! Vâng, đó là vấn đề máu chốt nhất tác giả muốn gửi gắm tới người đọc. Mong sao mỗi người hãy có niềm tin vững vàng như thế với cuộc đời này.

Bởi cuộc đời này không có gì mất đi tất cả. Dù thế nào trong cái mất vẫn có cái còn mà là cái còn tốt đẹp. Vấn đề là ở tự lòng ta, tự tài ta.

Tính nhân bản của bài thơ là ở tấm lòng nhân hậu, bao dung của tác giả với cuộc đời. Riêng tôi còn thích tính quả quyết, mạnh mẽ, đến cùng... của chủ nhân bài thơ và tôi tin cuộc đời sẽ tốt đẹp lên rất nhiều nếu như ai cũng có niềm tin son sắt như anh.

Nguyễn Thị Mai

Trời hành –Bùi Hoàng Tám

Một thời so xúi vì yêu
Trái tim cứ đập với điều vu vơ
Ban ngày mộng mộng, mơ mơ
Suốt đêm đợi đợi, chờ chờ, mong mong
Nhìn đâu cũng thấy hoa hồng
Phố phường đông thế ngỡ không có người
Đã đi qua nửa cuộc đời
Trái tim vẫn đập như thời trẻ con
Tự dung giận, tự dung hờn
Đang vui vô cớ, lại buồn vô duyên
Thường chờ đợi cái không tên
Thường mơ mộng đến những miền không đâu
Vẫn nhìn huyễn hoặc về nhau
Vẫn vô tâm với những câu vô tình
Tình yêu là thứ trời hành

Bắt người bạc tóc hoá thành trẻ con.

Đã có ti tở định nghĩa về tình yêu của con người cổ kim đông tây. Trong số đó riêng Bùi Hoàng Tám cho rằng "Tình yêu là thứ trời hành". Cái định nghĩa nghe quen quen mà cũng lạ lùng làm sao! Quen quen bởi ta đã nghe rồi, ấy là khi ai đó bị bệnh tâm thần không đến bác sĩ khám mà đến xem thầy bói cô đồng thể nào cũng được nghe câu phán: bị trời hành! Còn lạ lùng vì kẻ đang định nghĩa về tình yêu kia chẳng chính là kẻ đang yêu đấy? Biết mình, biết người lắm chứ, tự mình làm cho mình khổ đấy chứ, biết bị hành mà cứ lao vào nh con thiêu thân. Có sao lại đổ cho trời hành? Thế nên tình yêu cũng nh trái đất chẳng ai khám phá được hết. Suốt đời tình yêu là thứ bùa mê, huyền bí, thôi miên người ta, làm biến dạng người ta.

Vâng, đúng thế, đọc bài Trời hành của Bùi Hoàng Tám mới thấy kẻ yêu tội tình làm sao!

Hình hài thì "So xúi vì yêu"

Trái tim thì loạn nhịp "Đập với điều vu vơ", "Đập như thời trẻ con"

Hồn phách thì xiêu lạc "Ban ngày mộng mộng mơ mơ/ Suốt đêm đợi đợi, chờ chờ, mong *mong*"

Mắt mũi thì "quáng gà" "Nhìn đâu cũng thấy hoa hồng/ Phở phờng đồng thể ngỡ không *có người*"

Tính tình thì thất thường: "Tự dung giận, tự dung hờn/ Đang vui vô cớ lại buồn vô duyên"

Hoài bão thì vu vơ: "Thường chờ đợi cái không tên/ Thường mơ mộng đến những miền *không đâu*"

Nói năng thì cũng chẳng ý tứ gì: "Vẫn vô tâm với những câu vô tình"

Và tuổi tác cũng kỳ lạ chưa: "Bắt người bạc tóc hoá thành trẻ con"

Với cách sử dụng liên tiếp những từ láy, từ lặp láy (ở đoạn đầu) và cách chơi chữ tài tình (vô cớ, vô duyên, vô tâm, vô tình), Bùi Hoàng Tám đã dựng được chân dung kẻ yêu đúng với mọi mẫu hình trên thế gian. Cha đọc bài thơ, tưởng mỗi mình là yêu quái biệt, lạ lùng, có khi ngỡ mình bị bệnh hoạn. Đọc xong bài thơ mới thở phào nhẹ nhõm. Yên tâm đi! Trên con đường tình

yêu đang đông đúc nườm nượp kia, ngàn vạn kẻ yêu đều có chung tâm trạng bị trời hành như ta cả.

Trời hành của tác giả Bùi Hoàng Tám là một bài thơ tình hay. Nhưng chỉ hay với những ai đã yêu, đang yêu và chỉ đúng với một tình yêu đích thực. Người chưa yêu đọc sẽ thấy nghi ngờ và hoang mang. Kẻ yêu toan tính thì từ hình hài đến tâm hồn, từ trái tim đến con mắt, từ nói năng đến tính tình đều lạnh lùng tỉnh táo chứ đâu có ngẩn ngơ như thế. Nhưng người ta lại sợ cái lạnh lùng tỉnh táo ấy mà quý trọng cái ngẩn ngơ khờ dại trong tình yêu bởi nó mới vô tư, đích thực.

Đọc bài thơ thấy thực. Ngẫm bài thơ thấy thương. Thương những kẻ yêu ấy (trong đó có mình). Yêu đến biến dạng cả thể xác, tâm hồn. Yêu đến tan cả mình, yêu như bị trời hành. Thế nhưng những người đang yêu và được yêu có biết cho đâu!....

Trần Mạnh Hùng